ĐẠI HỌC HUẾ
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐH, CĐ

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NGUYỆN VỌNG 2 NĂM 2012

(Tính đến ngày: 06/09/12)

KHOA DU LỊCH

(DHD.D310101) - Ngành: Kinh tế — Chỉ tiêu: 53

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Lê Thị Anh	Đào	08/05/94	26159	A	2	7.25	7.25	6.00	21.00	534		
2	Lê Thành	Đạt	13/01/94	1017	D1	2	6.25	5.75	7.75	20.50	3398		
3	Hồ Văn Quốc	Huy	01/11/94	27130	A	2NT	5.50	6.00	7.25	20.00	2806		
4	Nguyễn Thuỳ Thục	Nhiên	30/07/94	9752	D1	2	7.00	5.75	5.50	19.00	904		
5	Lê Thị Hoàng	Anh	21/08/93	10241	A	2	6.00	5.50	6.25	18.50	1873		
6	Lê Mỹ	Huyền	13/06/94	39107	D1	1	6.00	6.75	4.00	18.50	8229		
7	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/03/94	376	D3	1	5.50	6.75	4.75	18.50	8072		
8	Nguyễn Nam	Sơn	03/09/94	69	D4	1	5.50	5.75	5.50	18.50	9252		
9	Hoàng Thị Hà	Thu	22/12/94	10471	D1	2	6.50	6.50	4.50	18.00	1296		
10	Nguyễn Quang	Huy	09/01/94	32	D4	1	5.50	5.50	5.25	18.00	9298		
11	Nguyễn Thanh	Hoài	12/05/93	23349	A	2	6.50	5.75	4.50	17.50	513		
12	Hồ Thị Mỹ	Na	16/11/93	7954	A	2	6.50	5.25	5.25	17.50	734		
13	Đỗ Hoàng	Nguyên	06/05/94	1506	A	3	7.00	6.25	4.25	17.50	9324		
14	Nguyễn Thị	Ngân	19/01/94	1350	D1	2NT	7.75	5.00	3.50	17.50	9157		
15	Thân Trọng	Quỳnh	08/07/94	23157	A	2	5.00	5.00	6.25	17.00	457		
16	Lê Ngọc Phương	Nguyên	31/10/94	6035	D1	3	5.75	4.25	6.75	17.00	8068		
17	Đỗ Thị Thu	Thảo	05/01/93	13975	D1	3	6.00	5.00	5.75	17.00	8972		
18	Lê Phúc Tân	Phong	15/07/94	763	A	2	6.00	4.50	5.50	16.50	148		
19	Võ Văn	Thuận	20/04/94	47458	A	2NT	4.25	5.50	5.75	16.50	948		
20	Hồ Thị	Ty	30/03/94	48961	A	2NT	3.50	5.50	6.25	16.50	1950		
21	Trần Phương	Thi	03/03/93	27019	A	2	5.75	5.25	4.75	16.50	2682		
22	Trần Thanh	Phương	13/03/94	45803	A	2	7.00	5.50	3.50	16.50	3042		

(DHD.D310101) - Ngành: Kinh tế **Chỉ tiêu: 53**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
23	Nguyễn Thị	Tiệp	20/02/94	47932	A	2	5.25	4.75	6.00	16.50	8448		
24	Hồ Văn	Cảm	19/09/93	40437	A	2	5.25	6.00	4.50	16.50	8977		
25	Nguyễn Phương	Linh	24/03/94	2139	A	2	8.00	4.50	3.25	16.50	9199		
26	Nguyễn Thị	Hường	10/11/94	43082	A	2NT	6.00	5.00	4.50	16.50	9301		
27	Mai Thị Tố	Vi	17/06/93	49222	A	1	5.50	4.75	4.50	16.50	9331		
28	Mai Đức Nữ	Hoàng	06/04/94	50543	A1	2NT	4.00	4.50	7.00	16.50	13075		
29	Huỳnh	Kim	10/03/94	2567	D1	2	6.50	5.50	3.75	16.50	139		
30	Nguyễn Đại	Nhân	19/02/94	54888	D1	2	6.00	5.50	4.50	16.50	1711		
31	Phạm Ngân	Hạnh	27/05/94	53806	D1	1	6.00	5.75	3.00	16.50	2680		
32	Nguyễn Thị Huyền	Trang	10/08/94	55826	D1	2NT	5.75	6.00	3.75	16.50	8019		
33	Nguyễn Sương	Trang	13/06/94	55881	D1	2NT	4.75	3.50	7.00	16.50	9338		
34	Trương Thị	Phê	01/01/93	55033	D1	2	4.75	7.50	3.50	16.50	9547		
35	Nguyễn Thị Thanh	Nga	11/07/94	2429	D1	3	5.75	6.50	4.00	16.50	13010		
36	Nguyễn Lâm Phương	Trúc	21/01/94	15600	D3	1	5.75	2.50	6.50	16.50	8287		
37	Dương Kế	Châu	17/08/93	26156	A	2	4.50	5.50	5.50	16.00	266		
38	Nguyễn Văn	Quang	21/01/94	15656	A	2	6.75	5.00	3.50	16.00	504		
39	Phan Thị Tuyết	Nhi	21/06/94	22043	A	2NT	5.00	5.00	5.00	16.00	617		
40	Võ Thị Hoàng	Yến	16/04/94	23294	A	1	5.00	4.25	5.25	16.00	1301		
41	Lê Thị Bích	Hạnh	20/04/94	22185	A	2NT	7.00	3.00	4.75	16.00	1564		
42	Trần Thị Nhật	Thuỷ	14/04/93	16416	A	2	5.00	5.00	5.50	16.00	2779		
43	Trần Minh	Chung	10/09/94	219	A	2NT	5.25	5.00	4.50	16.00	2997		
44	Nguyễn Thị	Hợp	04/11/94	1153	A	2NT	4.75	5.25	4.75	16.00	13093		
45	Nguyễn Ngọc	Thành	13/07/94	52106	A1	3	5.50	5.50	5.00	16.00	1911		
46	Trần Thị Thu	Hiền	16/07/94	1227	D1	2	5.00	5.00	5.50	16.00	498		
47	Huỳnh Thị Hoàng	Thư	20/05/94	55702	D1	2	6.00	4.75	4.75	16.00	868		

(DHD.D310101) - Ngành: Kinh tế — Chỉ tiêu: 53

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
48	Nguyễn Bảo	Ngọc	22/11/94	78173	D1	2	7.00	4.00	4.50	16.00	1029		
49	Võ Thị Mỹ	Linh	25/09/94	78054	D1	2NT	5.50	4.75	4.50	16.00	1749		
50	Lê Minh	Trang	16/12/94	15497	D1	2	6.00	1.75	7.50	16.00	2168		
51	Hoàng Thanh	Hải	31/10/93	53785	D1	2	4.50	6.25	4.50	16.00	2500		
52	Hoàng Thị Lệ	Mỹ	17/04/94	9421	D1	1	7.50	2.75	4.00	16.00	2839		
53	Nguyễn Trung	Hiếu	14/02/94	53917	D1	2NT	5.00	7.50	2.50	16.00	2851		
54	Lê Văn	Huy	06/09/94	54131	D1	2NT	6.25	5.25	3.50	16.00	3043		
55	Nguyễn Đắc	Phong	28/07/94	55041	D1	2NT	5.75	4.75	4.50	16.00	8070		
56	Nguyễn Thị Xuân	Hiền	01/02/94	32028	D1	2NT	6.50	4.00	4.50	16.00	8155		
57	Đinh Thị Mỹ	Linh	05/09/94	54445	D1	2NT	5.50	5.50	4.00	16.00	8248		
58	Hồ Văn	Phú	07/02/94	3156	D1	3	5.25	6.50	4.00	16.00	9122		
59	Nguyễn Văn	Phong	22/01/93	21130	A	2	5.00	4.75	5.25	15.50	186		
60	Nguyễn Thị	Hà	28/07/94	16179	A	2NT	5.25	4.50	4.50	15.50	221		
61	Lê Minh	Quý	21/06/94	22582	A	2	3.75	5.25	6.00	15.50	316		
62	Nguyễn Ngọc	Long	13/10/94	17280	A	2	5.00	4.25	5.50	15.50	333		
63	Tôn Thất Minh	Nhật	11/02/94	20538	A	2	6.25	3.50	5.25	15.50	634		
64	Nguyễn Thị Thuý	Hiền	23/11/94	1426	A	2NT	4.50	4.75	5.25	15.50	804		
65	Trần Bảo	Thi	01/10/94	17207	A	2	6.50	2.75	5.75	15.50	1152		
66	Trần Thị ánh	Nguyệt	29/03/94	16364	A	2	5.75	4.25	4.75	15.50	1551		
67	Hồ Thị Đoan	Trang	12/12/93	48177	A	2NT	4.50	6.00	4.00	15.50	1740		
68	Nguyễn Mạnh	Hùng	11/04/94	15345	A	2	3.25	5.00	6.50	15.50	1748		
69	Trần Bảo	My	15/07/94	15688	A	2NT	6.00	4.25	4.25	15.50	1832		
70	Nguyễn Xuân	Dũng	12/04/93	378	A	2	5.00	7.50	2.50	15.50	1841		
71	Trần Kim	Thịnh	25/02/94	15744	A	2	6.00	5.50	3.25	15.50	1923		
72	Nguyễn Trà	My	17/07/94	23108	A	2	6.00	3.00	6.00	15.50	1970		

(DHD.D310101) - Ngành: Kinh tế — Chỉ tiêu: 53

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
73	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	10/06/94	41037	A	2	4.75	5.25	5.00	15.50	2073		
74	Đỗ Văn	Anh	28/05/94	10387	A	2NT	6.00	4.75	3.50	15.50	2389		
75	Lê Công Anh	Thư	09/03/94	23333	A	2	5.50	4.00	5.50	15.50	3153		
76	Nguyễn Hữu	Long	02/12/94	13945	A	2NT	4.75	4.75	4.75	15.50	8756		
77	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	15/10/94	44733	A	2	5.50	4.50	5.00	15.50	8857		
78	Văn Thị Diệu	Thi	05/12/94	24935	A	3	6.75	4.25	4.50	15.50	9105		
79	Phạm Thị Kim	Oanh	23/10/94	20862	A	3	5.25	4.75	5.25	15.50	9216		
80	Nguyễn Thị Thu	Thắm	26/11/94	5016	A	1	5.00	4.25	4.50	15.50	9787		
81	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	03/10/94	48375	A	2NT	5.50	4.50	4.25	15.50	13058		
82	Diêm Thanh	Hương	19/04/94	50704	A1	2NT	3.75	3.50	7.00	15.50	8545		
83	Phan Thị Lệ	Quyên	06/04/93	51888	A1	2	5.00	5.00	5.00	15.50	9070		
84	Trần Thị Cẩm	Nhung	20/02/93	79111	D1	2	6.25	5.50	3.00	15.50	88		
85	Đỗ Thị Thanh	Nhàn	27/08/94	79298	D1	2	6.50	4.25	4.25	15.50	750		
86	Trương Thị Nguyệt	Nga	06/06/94	78692	D1	2	6.50	5.75	2.50	15.50	768		
87	Nguyễn Thị Kim	Anh	20/09/94	77851	D1	2NT	6.25	5.00	3.25	15.50	852		
88	Trần Thị Hồng	Mến	14/07/94	78953	D1	2NT	6.50	3.75	4.00	15.50	1046		
89	Lê Nữ Nhật	Liên	01/10/94	79443	D1	2NT	4.75	5.50	4.25	15.50	1930		
90	Trần Thị	Xuân	07/05/94	5482	D1	2NT 06	6.50	2.50	4.25	15.50	2287		
91	Phạm Thị Bảo	Ngân	11/02/94	77796	D1	2	6.25	4.00	4.75	15.50	2573		
92	Tống Phước Mai Nhật	Trinh	04/04/94	55981	D1	2NT	4.50	5.25	4.50	15.50	2802		
93	Lê Thị	Síu	15/01/94	55272	D1	2NT	5.25	4.50	4.50	15.50	2912		
94	Trương Thị	Thư	12/04/94	79161	D1	1	5.25	6.50	2.00	15.50	3261		
95	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	09/06/94	79474	D1	2NT	5.00	6.25	3.00	15.50	3332		
96	Nguyễn Thị Minh	Thư	25/08/94	15493	D1	2NT	6.75	4.75	3.00	15.50	8272		
97	Lương Thị Xuân	Nương	22/03/93	55004	D1	2NT	5.25	4.25	4.75	15.50	8654		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
98	Nguyễn Đình	Luân	15/05/94	2118	D1	1	3.00	6.25	4.50	15.50	9193		
99	Võ Thị Hồng	Hạnh	17/05/94	12412	D1	2NT	5.00	4.75	4.75	15.50	9316		
100	Lê Thị Huyền	Trang	12/10/94	15500	D1	2NT	6.50	3.50	4.50	15.50	9464		
101	Nguyễn Minh	Hoàng	19/02/92	6572	A	2NT	4.25	5.00	4.50	15.00	93		
102	Nguyễn Hửu	Long	30/11/93	17196	A	2	4.25	4.25	5.75	15.00	190		
103	Hoàng Thị Khánh	Vân	22/10/94	15663	A	2	4.00	4.50	6.00	15.00	200		
104	Trần Thị Thủy	Tiên	24/03/94	14288	A	2	4.00	4.75	5.50	15.00	215		
105	Lê Thị Huyền	Trâm	15/11/94	23539	A	2	4.50	4.50	5.50	15.00	254		
106	Lê Thị Minh	Tú	19/06/94	15081	A	2NT	3.25	4.50	6.25	15.00	284		
107	Lê Thị Cẩm	Tiên	11/07/93	14020	A	2	4.75	5.50	4.25	15.00	491		
108	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/03/94	24493	A	2NT	4.25	5.50	4.00	15.00	722		
109	Trương Thị Diệu	Hoà	13/02/93	15114	A	2	4.75	5.50	4.25	15.00	788		
110	Trương Thị Hoài	Nga	20/10/91	10568	A	2NT	5.75	2.75	5.25	15.00	1013		
111	Hồ Thị Thanh	Thúy	16/08/94	16708	A	2NT	6.25	4.25	3.50	15.00	1051		
112	Thân Trọng Bảo	Huyền	01/06/94	16479	A	2	3.75	5.00	5.50	15.00	1401		
113	Lê Thị Minh	Tâm	20/06/94	15741	A	2NT	5.25	4.75	4.00	15.00	1455		
114	Lê Thị	Nhung	20/04/93	10445	A	2NT	4.50	5.50	3.75	15.00	1548		
115	Hoàng Nam	Sơn	28/07/94	23197	A	1	3.25	5.25	5.00	15.00	1646		
116	Tôn Thất	Huy	01/01/94	15974	A	2	6.00	4.25	4.00	15.00	1754		
117	Vũ Thị Mỹ	Linh	25/04/94	1553	A	2	6.75	3.50	4.25	15.00	1878		
118	Lê Khánh Hoàng	An	16/08/93	13345	A	2	6.00	4.75	3.75	15.00	2042		
119	Hồ Văn	Thức	24/08/94	25996	A	1	3.50	5.75	4.00	15.00	2321		
120	Dương Thị Hồng	Nga	19/07/92	44512	A	2NT	5.25	4.75	3.75	15.00	2322		
121	Tôn Nữ Quỳnh	Trang	02/09/94	26795	A	2	4.25	4.50	5.50	15.00	2564		
122	Nguyễn	Sang	01/11/94	13595	A	2	5.00	4.75	4.50	15.00	2944		

(DHD.D310101) - Ngành: Kinh tế — Chỉ tiêu: 53

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
123	Ngô Thị	Tuyến	20/01/94	13886	A	2NT	6.50	3.50	3.75	15.00	3121		
124	Trần Quang Minh	Đức	06/02/93	26841	A	2	4.25	5.75	4.50	15.00	3265		
125	Trần Văn	Long	12/02/94	14384	A	2	4.50	5.00	4.75	15.00	3287		
126	Dương Thị Mỹ	Duyên	07/12/94	41039	A	2NT	4.00	5.50	4.50	15.00	8082		
127	Nguyễn Minh	Vũ	14/12/94	14784	A	2	4.50	5.00	5.00	15.00	8388		
128	Trần Văn	Dung	23/07/93	12053	A	1	4.50	4.75	4.00	15.00	8549		
129	Hồ Thị	Yến	02/12/93	8840	A	2NT	4.75	5.50	3.50	15.00	8643		
130	Nguyễn Thị	Hạnh	03/03/94	16180	A	2NT	5.25	4.25	4.50	15.00	8772		
131	Hoàng Thị Thu	Hiền	12/07/93	16977	A	2	5.50	4.50	4.50	15.00	8878		
132	Nguyễn Thị Kim	Oanh	07/08/94	45430	A	3	4.00	5.50	5.25	15.00	9169		
133	Đậu Thị	Lý	18/01/94	10732	A	2NT	4.75	5.25	4.00	15.00	9463		
134	Lê Quang	Hoàng	10/05/94	15388	A	2NT	5.00	4.25	4.50	15.00	9557		
135	Lê Thị Hải	Yến	03/09/94	2816	A	2NT	3.75	4.50	5.50	15.00	9700		
136	Nguyễn Thị Hoài	Phương	10/03/93	45816	A	1	5.00	4.00	4.50	15.00	9716		
137	Nguyễn Thị Thanh	Hiển	05/07/94	50435	A1	2	6.00	3.50	4.75	15.00	8313		
138	Võ Thị Thuỳ	Dung	31/03/94	50023	A1	2NT	5.25	2.75	5.75	15.00	9832		
139	Võ Thị Minh	Phương	15/06/93	79115	D1	2	5.00	5.75	3.75	15.00	20		
140	Lê Thị Thủy	Tiên	30/11/94	79534	D1	2	5.50	5.50	3.50	15.00	147		
141	Châu Quang	Vũ	30/03/94	72558	D1	2	4.00	7.00	3.25	15.00	150		
142	Nguyễn Tuyết Mai	Linh	03/01/94	79519	D1	2	7.50	4.25	2.50	15.00	278		
143	Võ Thị Thu	Hiền	20/08/93	78870	D1	2NT	5.50	6.50	2.00	15.00	535		
144	Hoàng Thị Quỳnh	Nhi	19/03/94	77682	D1	2	5.75	5.00	3.75	15.00	733		
145	Ngô Thị	Thanh	18/07/94	79454	D1	1	5.75	5.25	2.50	15.00	756		
146	Nguyễn Thị Thanh	Thuỷ	09/03/94	79008	D1	2NT	5.00	4.50	4.50	15.00	937		
147	Phạm Thị	Diễm	28/03/94	78827	D1	2NT	7.25	3.75	3.00	15.00	1502		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
148	Phạm Thị	Huyền	24/02/94	79592	D1	2NT	4.00	7.25	2.50	15.00	1527		
149	Thân Trọng Trúc	Giang	12/02/94	8484	D1	2NT	7.00	3.75	3.00	15.00	1554		
150	Nguyễn Thị Tuyết	Thi	14/03/93	77388	D1	2	5.25	5.75	3.50	15.00	1755		
151	Trần Thái	Hoàng	17/03/94	77822	D1	2	6.50	3.50	4.50	15.00	1870		
152	Lê Văn	Thạnh	08/09/93	77994	D1	2	3.50	8.00	3.00	15.00	1982		
153	Dương Quang	Minh	06/12/94	77526	D1	2NT	6.00	4.75	3.00	15.00	2084		
154	Phạm Thị Anh	Trà	26/08/94	55912	D1	2NT	5.50	4.50	4.00	15.00	2683		
155	Nguyễn Văn	Quyền	22/07/93	72587	D1	2	6.50	3.75	4.00	15.00	2859		
156	Trần Thị Mỹ	Lệ	31/08/94	77675	D1	2	3.75	7.00	3.50	15.00	2945		
157	Đặng Thị Hoa	Hồng	12/06/94	72572	D1	1	6.00	3.25	4.00	15.00	8217		
158	Nguyễn Đức	Vũ	21/06/94	77809	D1	2NT	3.25	4.00	6.50	15.00	8237		
159	Huỳnh Lê Anh	Phương	02/08/94	3299	D1	2NT	2.50	6.25	5.00	15.00	9060		
160	Thái Lê Khánh	Dương	24/02/93	53611	D1	2	4.25	6.50	3.50	15.00	9155		
161	Hồ Thị Tuyết	Hạnh	10/09/94	12405	D1	1	4.50	5.25	3.75	15.00	9332		
162	Nguyễn Minh Huệ	Phương	05/02/94	55139	D1	2	5.50	5.25	3.50	15.00	9682		
163	Phan Công	Đạt	18/12/94	12896	A	2	7.50	2.50	3.75	14.50	663		
164	Đỗ Thị Bích	Ngọc	08/01/94	17158	A	2	4.00	5.50	4.25	14.50	752		
165	Nguyễn Thị Thu	Hương	13/05/94	14880	A	2NT	5.00	4.50	3.75	14.50	911		
166	Đào Thuỷ	Tiên	24/10/94	16460	A	2NT	4.00	4.25	5.00	14.50	1043		
167	Huỳnh Thị Ngọc	Linh	20/08/93	15265	A	2NT	4.75	5.00	3.50	14.50	1111		
168	Trần Thị	Phượng	20/02/94	14540	A	2NT	4.00	4.75	4.50	14.50	1264		
169	Bùi Ngọc Tường	Vy	16/02/94	26376	A	2	6.50	2.75	4.75	14.50	1275		
170	Nguyễn Thành	Chung	17/07/94	14636	A	2NT	3.50	4.50	5.50	14.50	1284		
171	Hồ Hữu	Đức	03/06/94	17183	A	2	7.00	3.50	3.50	14.50	1460		
172	Đặng Thị	Hạnh	10/06/94	16556	A	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	1918		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
173	Nguyễn Đăng	Mỹ	12/02/93	13374	A	2NT	5.75	4.00	3.50	14.50	1978		
174	Đoàn Chiến	Thắng	23/11/94	24858	A	2	6.00	4.25	3.75	14.50	2070		
175	Trần Thị Thu	Hương	19/02/94	13914	A	2	4.75	3.75	5.25	14.50	2221		
176	Hoàng Khánh	Giang	10/01/93	41365	A	2NT	4.50	4.75	4.00	14.50	2229		
177	Bùi Nguyễn Như	Nguyện	10/05/94	15012	A	2	4.75	5.25	4.00	14.50	2331		
178	Trương Thị	Việt	05/10/94	14980	A	2NT	3.25	4.75	5.25	14.50	2517		
179	Lê Thị Mỹ	Lệ	12/11/93	17752	A	2NT	5.25	4.00	4.25	14.50	2540		
180	Trần Thị Thanh	Hồng	14/11/94	14642	A	2	6.00	4.25	3.75	14.50	2635		
181	Lê Thị Lệ	Thuỷ	29/04/94	25762	A	2NT	4.25	3.50	5.50	14.50	2650		
182	Hoàng Ngọc	Thái	06/07/94	24078	A	1	3.00	4.50	5.25	14.50	2660		
183	Lê Cảnh Thảo	Diệp	23/10/94	14237	A	2NT	3.50	5.50	4.50	14.50	3120		
184	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	16/09/94	42290	A	1	4.00	3.75	5.25	14.50	8153		
185	Lê Thị Quỳnh	Dương	26/07/94	41112	A	2NT	4.25	5.25	3.75	14.50	8481		
186	Nguyễn Thị	Lam	09/07/94	5982	A	2NT	4.25	4.50	4.50	14.50	9471		
187	Nguyễn Thị	Hương	08/02/94	11625	A	2NT	3.50	4.50	5.50	14.50	9588		
188	Võ Nguyên	Vũ	24/02/94	29418	A	3	5.75	4.25	4.25	14.50	13035		
189	Đặng Phan Tiểu	Ly	21/03/94	51090	A1	2NT	5.25	2.75	5.50	14.50	8330		
190	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	28/04/93	79643	D1	2NT	5.50	4.75	3.25	14.50	23		
191	Nguyễn Văn	Minh	25/01/94	77866	D1	2NT	5.50	3.25	4.50	14.50	270		
192	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	26/09/93	79001	D1	2	4.50	7.00	2.50	14.50	307		
193	Nguyễn Thị Minh	Oanh	08/06/94	77418	D1	2	6.50	3.50	3.75	14.50	383		
194	Hoàng Thị Quỳnh	Nhi	14/05/93	77719	D1	2	5.50	3.00	5.25	14.50	391		
195	Nguyễn Hồng	Ngọc	27/02/94	79373	D1	2	5.25	5.75	3.00	14.50	427		
196	Hoàng Đức	Sơn	15/10/94	362	D1	2	5.00	7.00	1.75	14.50	683		
197	Trương Văn	Hiếu	20/02/94	77290	D1	2NT	5.50	3.25	4.50	14.50	793		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
198	Doãn Như	Quỳnh	19/05/94	55229	D1	2NT	4.75	4.75	4.00	14.50	869		
199	Trần Thị Cẩm	Phô	12/07/94	78885	D1	2NT	6.75	2.75	4.00	14.50	910		
200	Nguyễn Thị Thanh	Hà	12/09/94	78981	D1	2NT	6.50	3.00	3.75	14.50	963		
201	Nguyễn Cửu	Bi	26/07/94	53371	D1	2NT	4.75	4.25	4.50	14.50	1343		
202	Lê Thị Việt	Hà	01/01/94	72529	D1	2NT	6.50	3.00	4.00	14.50	1356		
203	Võ Dương	Đạt	02/04/94	53645	D1	2NT	4.75	5.75	3.00	14.50	1511		
204	Nguyễn Hạnh	Nhân	08/12/94	72658	D1	2	5.00	3.75	5.00	14.50	1567		
205	Nguyễn Thị	Huyền	24/03/94	78245	D1	2NT	6.00	4.00	3.50	14.50	1690		
206	Nguyễn Lê Nhật	Quang	28/07/94	77918	D1	2	6.00	4.25	3.75	14.50	1710		
207	Nguyễn Tung	Thiện	05/02/94	77463	D1	2NT	5.25	5.25	3.00	14.50	2033		
208	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	10/08/93	79516	D1	2NT	5.00	5.00	3.50	14.50	2239		
209	Lê Hoàng Khánh	Hòa	16/06/94	72609	D1	1	6.00	3.00	4.00	14.50	2419		
210	Hoàng Thị	Lành	14/02/94	78013	D1	2NT	6.50	4.00	3.00	14.50	2828		
211	Trương Thị Thanh	Hà	25/03/94	78084	D1	2	4.25	4.00	5.50	14.50	2951		
212	Trần Thị Trà	My	16/03/94	77374	D1	2	6.25	3.25	4.50	14.50	3045		
213	Trương Thị Anh	Minh	04/11/93	54664	D1	2	6.50	2.75	4.50	14.50	3222		
214	Võ Thị	Liễu	30/03/94	54402	D1	1	6.75	2.50	3.50	14.50	3285		
215	Lê Thị	Cẩm	21/07/93	288	D1	2NT	4.00	6.50	3.00	14.50	8210		
216	Nguyễn Khoa Anh	Tuấn	01/03/94	72728	D1	2NT	4.00	6.75	2.75	14.50	8949		
217	Trần Lê Thị Hoài	Thương	06/03/94	55729	D1	2	4.00	4.25	5.75	14.50	8969		
218	Đặng Thị Thùy	Kim	06/10/94	54311	D1	2NT	5.75	5.00	2.50	14.50	9290		
219	Nguyễn Thị Tâm	Thư	10/07/94	79684	D1	1	7.25	2.25	3.50	14.50	9713		
220	Nguyễn Thị	Mỹ	15/05/94	12214	D1	2NT	7.50	2.50	3.50	14.50	9802		
221	Nguyễn Thị Kim	Thương	20/06/94	10757	D1	2NT	5.00	5.50	3.00	14.50	9895		
222	Ngô Thị Xuân	Sang	02/01/94	37888	D1	3	5.75	5.50	3.00	14.50	13021		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
223	Nguyễn Thị Hồng	Trang	28/08/93	16546	A	1	3.25	5.25	4.00	14.00	450		
224	Nguyễn Đăng	Bảo	05/05/94	13441	A	2	4.25	4.75	4.50	14.00	559		
225	Nguyễn Thị	Hiền	30/10/94	21730	A	2NT	5.50	3.75	3.75	14.00	567		
226	Nguyễn Thị	Phượng	26/10/94	16242	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	654		
227	Lê Đức Quang	Thành	27/09/93	26409	A	2NT	5.50	3.50	3.75	14.00	673		
228	Võ Thị	Thảo	26/01/94	24504	A	2NT	3.25	4.75	5.00	14.00	717		
229	Đỗ Thành Cao	Thái	01/04/94	24082	A	2	3.00	4.75	5.75	14.00	719		
230	Phan Thị Tú	Trang	22/12/94	14858	A	2	5.75	3.75	4.00	14.00	814		
231	Nguyễn Thị	Mỵ	01/12/94	21813	A	1	3.75	3.75	4.75	14.00	846		
232	Lê Ngọc	Quý	04/11/94	14890	A	1	4.25	4.25	4.00	14.00	850		
233	Lê Thị Mỹ	Huyền	06/09/93	16519	A	1	3.75	5.00	3.75	14.00	871		
234	Lê Thị Bảo	Hân	13/03/94	27085	A	2	1.50	5.50	6.25	14.00	941		
235	Lê Thị	Liên	18/03/94	23476	A	2NT	3.25	4.50	5.00	14.00	1123		
236	Phan Thị Dịu	Hiền	01/03/94	15931	A	2	5.00	4.00	4.25	14.00	1166		
237	Nguyễn Tân	Vũ	19/04/94	4061	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	1239		
238	Huỳnh Nam	Phước	12/02/94	21732	A	3	5.50	3.75	4.50	14.00	1248		
239	Võ Đại	Tú	20/07/94	28365	A	1	3.50	3.75	5.25	14.00	1413		
240	Bùi Đặng Thống	Nhất	01/01/94	14275	A	2	5.50	4.50	3.50	14.00	1882		
241	Nguyễn Quốc	Thiện	08/04/94	13975	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	1999		
242	Trần Thị Hoài	Quyên	10/08/94	46127	A	1	3.25	4.50	4.50	14.00	2035		
243	Trần Xuân	Huy	10/08/94	13954	A	2NT	3.25	4.25	5.50	14.00	2296		
244	Trần Đình	Vĩnh	09/07/94	14556	A	2NT	3.75	4.25	4.75	14.00	2368		
245	Lê Thị Phương	Hiền	16/08/94	14974	A	2	2.50	5.00	5.75	14.00	2414		
246	Nguyễn Nữ Tố	Uyên	10/08/94	28752	A	2	5.25	4.50	3.75	14.00	2507		
247	Đỗ Hồng	Hà	03/07/93	14336	A	1	3.00	4.50	4.75	14.00	2550		

(DHD.D310101) - Ngành: Kinh tế — Chỉ tiêu: 53

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
248	Tôn Thất	Sinh	10/12/92	14054	A	2NT 06	3.75	4.50	3.50	14.00	2731		
249	Võ Đức	Ngọc	28/02/94	14536	A	2NT	4.25	4.75	4.00	14.00	2796		
250	Dư Thành	Long	16/10/94	1506	A	2	5.50	3.75	4.25	14.00	2877		
251	Đặng Thị	Thảo	09/09/94	14358	A	2NT	3.50	4.50	5.00	14.00	3263		
252	Hồ Thị	Hoài	09/03/94	736	A	2NT	5.50	4.00	3.50	14.00	3292		
253	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	05/02/94	45270	A	2NT	4.00	4.75	4.25	14.00	8023		
254	Trương Thị Kim	ánh	06/01/94	10552	A	2NT	3.75	5.50	3.50	14.00	8076		
255	Trương Thị ánh	Nguyệt	28/05/94	16153	A	2	4.50	4.25	4.50	14.00	8140		
256	Đỗ Thị Thu	Hiền	17/01/94	16434	A	2NT	4.75	3.75	4.50	14.00	8614		
257	Bùi Thị	Hiền	14/04/94	4768	A	1	3.75	4.00	4.50	14.00	9026		
258	Võ Thị	Anh	25/05/94	10297	A	2NT	3.50	4.50	4.75	14.00	9528		
259	Phạm Văn	Phúc	12/10/93	26020	A	1	3.00	4.75	4.50	14.00	9614		
260	Đặng Hồng	Phúc	26/09/94	61494	A	3	4.75	3.50	5.75	14.00	13032		
261	Ngô Đình	Minh	19/05/93	44198	A	2NT	5.25	4.25	3.50	14.00	13066		
262	Hoàng Thị Minh	Tân	01/07/93	29293	A1	2	3.50	4.50	5.50	14.00	40		
263	Đoàn Như	Nguyện	17/11/94	21712	A1	2NT	3.25	4.00	5.50	14.00	13072		
264	Nguyễn Duy	Định	26/09/93	77513	D1	2	3.75	4.50	5.00	14.00	34		
265	Lê Thị Phương	Thảo	24/05/94	77196	D1	2	3.75	5.00	4.75	14.00	41		
266	Nguyễn Thị Thanh	Hương	14/11/94	79442	D1	2	4.75	5.00	3.50	14.00	52		
267	Đoàn Thị Như	ý	24/10/93	79315	D1	2	5.00	4.25	4.00	14.00	71		
268	Đỗ Trần Uyên	Thi	20/05/93	78930	D1	2	6.50	3.50	3.50	14.00	74		
269	Phan Thị Thu	Hiền	14/11/93	75015	D1	1	5.50	3.50	3.50	14.00	126		
270	Nguyễn Thị Hương	Thảo	11/01/94	75537	D1	2NT	5.25	4.00	3.50	14.00	161		
271	Phan Thị Ngọc	Nử	05/09/94	75122	D1	2	6.75	1.25	5.50	14.00	173		
272	Ngô Thị Thuý	Hằng	18/02/92	75332	D1	2	4.50	4.00	5.00	14.00	276		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
273	Nguyễn Phan Thanh	Hương	06/05/94	75240	D1	2	5.00	3.75	4.50	14.00	312		
274	Lê Thị Thu	Hà	01/10/93	74886	D1	2NT	6.00	3.25	3.75	14.00	330		
275	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	04/02/94	75282	D1	2	7.50	1.50	4.50	14.00	368		
276	Dương Thị Minh	Nguyệt	24/08/94	78768	D1	2NT	5.50	3.75	3.50	14.00	414		
277	Tôn Nữ Nhật	Phương	27/10/94	79039	D1	2	3.75	6.25	3.50	14.00	526		
278	Lê Thị	Thảo	25/05/93	74185	D1	2	6.00	4.00	3.50	14.00	557		
279	Lê Thị Thuỳ	Trang	31/01/94	79388	D1	2NT	6.25	3.25	3.50	14.00	572		
280	Phạm Thị Thu	Thảo	17/06/94	74870	D1	2NT	6.25	2.50	4.00	14.00	790		
281	Trần Thị	Cương	13/01/93	77662	D1	1	5.00	4.50	2.75	14.00	824		
282	Lê Xuân Diệu	Nhân	16/03/94	75184	D1	2	5.00	3.75	4.50	14.00	935		
283	Huỳnh Thế	Mỹ	12/08/93	75405	D1	2NT	5.00	3.25	4.50	14.00	998		
284	Mai Thị Nhật	Linh	05/02/94	74247	D1	1	4.75	4.00	3.50	14.00	1155		
285	Lương Nguyễn Nguyệt	Loan	14/11/94	78913	D1	1	5.25	3.00	4.00	14.00	1158		
286	Trần Thị	Bé	04/06/94	74805	D1	1	6.00	2.00	4.25	14.00	1233		
287	Phan Thị Mai	Anh	21/09/94	74575	D1	2	3.50	6.50	3.50	14.00	1243		
288	Thân Thị Thuỷ	Tiên	10/12/94	79648	D1	2	4.25	4.50	4.50	14.00	1291		
289	Lê Nguyễn Phương	Linh	26/04/94	78988	D1	2NT	6.25	3.25	3.50	14.00	1363		
290	Nguyễn Thị Thông	Tin	14/05/94	79311	D1	2NT	4.00	4.50	4.25	14.00	1400		
291	Lê Thị Kim	Hoa	19/11/94	78012	D1	1	6.00	3.25	3.25	14.00	1453		
292	Lê Văn	Nam	20/11/94	73947	D1	2NT	4.50	3.75	4.50	14.00	1586		
293	Nguyễn Thị	Mến	27/03/94	73945	D1	2NT	5.50	1.25	6.00	14.00	1652		
294	Hồ Thị Bích	Ngọc	02/09/94	79259	D1	1	6.50	2.75	3.25	14.00	1668		
295	Dư Nữ Huệ	Trang	20/01/93	77466	D1	2	6.25	4.00	3.00	14.00	1705		
296	Lê Chí	Hiếu	18/02/93	77216	D1	2	5.50	4.25	3.50	14.00	1719		
297	Nguyễn Đinh Cát	Tùng	24/03/94	56097	D1	3	4.50	5.50	4.00	14.00	1776		

(DHD.D310101) - Ngành: Kinh tế — Chỉ tiêu: 53

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
298	Lâm Thị	Hoa	24/01/94	75493	D1	2	4.50	4.50	4.25	14.00	1801		
299	Hồ Thị Bảo	Phương	25/09/94	77648	D1	1	4.75	5.25	2.50	14.00	1952		
300	Hoàng Thị Khánh	Linh	01/04/94	73905	D1	2NT	5.00	4.50	3.50	14.00	2332		
301	Trần Thị Kim	Huệ	01/03/93	1484	D1	2NT	5.00	3.25	4.50	14.00	2360		
302	Bùi Thị	Miền	11/10/93	72577	D1	2	7.00	3.75	2.50	14.00	2743		
303	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	01/01/94	78775	D1	1	5.50	3.50	3.25	14.00	3249		
304	Dương Thị	Hằng	05/06/93	78123	D1	2NT	6.25	2.00	4.50	14.00	3341		
305	Phạm Thị Huyền	Trang	07/04/94	4629	D1	1	4.50	4.50	3.50	14.00	8254		
306	Nguyễn Hồng	Diễm	18/05/94	12118	D1	2NT	5.50	4.75	2.50	14.00	8382		
307	Đỗ Kiều	Duyên	18/08/94	634	D1	2NT	3.75	5.75	3.50	14.00	8544		
308	Nguyễn Thị Thái	Thanh	23/07/93	75062	D1	2NT	7.00	2.75	3.00	14.00	8578		
309	Võ	Phụng	02/12/94	77571	D1	1	5.00	3.75	3.50	14.00	8700		
310	Trần Thị Kim	Anh	02/06/94	78117	D1	2	6.50	3.50	3.50	14.00	8705		
311	Tôn Nữ Quỳnh	Nhi	16/10/91	74329	D1	2	6.00	3.25	4.00	14.00	8903		
312	Hoàng Thị Thanh	Trang	28/11/93	77504	D1	1	6.50	2.50	3.50	14.00	8948		
313	Phạm Thị	Phương	30/11/94	78810	D1	1	5.25	4.25	3.00	14.00	9731		
314	Cao Thị	Lan	20/10/94	77256	D1	2NT	6.50	4.75	1.50	14.00	9880		
315	Đặng Thị Mộng	Nhàn	16/06/93	15231	A	2NT	5.50	3.50	3.50	13.50	60		
316	Mai Thị Minh	Huyền	30/08/94	14265	A	2	4.50	3.50	4.75	13.50	81		
317	Nguyễn Lê Trí	Cường	12/01/94	15336	A	2	3.25	4.00	5.50	13.50	119		
318	Hồ Thị Thu	Liên	21/07/94	16817	A	2	4.75	4.75	3.50	13.50	472		
319	Hoàng	Vũ	05/07/94	29531	A	2	4.25	4.50	4.25	13.50	505		
320	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	10/02/94	14770	A	2	4.25	2.75	6.00	13.50	525		
321	Hoàng Thị	Thảo	13/12/94	23161	A	2NT	4.00	3.50	5.00	13.50	1025		
322	Hồ Thị	Dung	25/04/94	23467	A	2NT	4.00	3.50	4.75	13.50	1075		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
323	Nguyễn Công	Kỳ	06/08/93	14419	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	1101		
324	Đinh Thị Thùy	Trang	10/06/94	23456	A	1	3.00	4.25	4.75	13.50	1212		
325	Trần Thị	Thuận	06/10/94	47452	A	3	4.00	5.00	4.50	13.50	1265		
326	Trần Thị Thái	Bình	30/10/94	15965	A	1	3.50	4.50	4.00	13.50	1348		
327	Lê Thị Minh	Tuyền	13/06/94	28296	A	1	4.75	3.50	3.75	13.50	1380		
328	Trương Thị Thuỳ	Dương	25/04/93	21838	A	2NT	4.25	4.25	3.75	13.50	1542		
329	Nguyễn Phương	Thảo	15/03/94	11296	A	2	5.25	3.50	4.25	13.50	1644		
330	Trần Thảo Uyên	Ly	13/11/94	3992	A	2	3.25	4.25	5.25	13.50	1893		
331	Nguyễn Đức	Tín	18/09/93	15065	A	2NT	4.75	4.25	3.50	13.50	1924		
332	Nguyễn Thị Hồng	Trang	11/06/91	21945	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	1926		
333	Phan	Hợp	08/06/93	15769	A	2	4.50	4.75	3.75	13.50	2113		
334	Phan Như	Huyền	16/07/94	42808	A	2NT	5.25	3.50	3.50	13.50	2141		
335	Lê Văn	Thích	12/05/94	25164	A	2NT	3.50	4.00	4.75	13.50	2455		
336	Trương Nữ Lan	Anh	17/02/94	40051	A	3 06	3.25	4.50	4.50	13.50	2610		
337	Bạch Thị Kim	Anh	13/04/94	22485	A	1	4.25	3.25	4.50	13.50	2665		
338	Đỗ Thị	Ninh	05/08/94	22660	A	2NT	4.75	4.75	2.75	13.50	2766		
339	Trần Thị	Lanh	18/03/94	17501	A	1	2.00	4.25	5.50	13.50	3198		
340	Lê Thị Thuỳ	Nhiên	08/12/94	11286	A	2NT	2.50	5.25	4.50	13.50	3199		
341	Nguyễn Thị	Hồng	18/10/94	42512	A	2NT	3.00	4.75	4.50	13.50	8058		
342	Lê Thị Ngọc	Minh	08/02/94	10106	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	8267		
343	Nguyễn Đắc	Phương	13/04/94	12014	A	2NT	4.00	4.25	4.00	13.50	8626		
344	Hà Văn	Thắng	18/01/93	24796	A	2	6.25	4.00	2.75	13.50	8742		
345	Nguyễn Thị ái	My	19/05/93	44295	A	2NT	4.50	4.50	3.25	13.50	8749		
346	Trương Nữ Lan	Anh	17/02/94	40051	A	3 06	3.25	4.50	4.50	13.50	8904		
347	Nguyễn Thị Ngọc	Tâm	15/08/93	46505	A	3	5.00	5.00	3.25	13.50	9103		

(DHD.D310101) - Ngành: Kinh tế — Chỉ tiêu: 53

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
348	Đậu Nhật	Tuấn	04/07/94	48742	A	2	3.75	5.75	3.25	13.50	9801		
349	Cao Xuân Nhật	Quang	08/01/94	27656	A1	2	3.75	4.00	5.00	13.50	211		
350	Trần Thị Thùy	Trang	09/01/94	27855	A1	1	2.25	4.50	5.00	13.50	1743		
351	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/08/94	29569	A1	2NT	3.25	4.50	4.50	13.50	2075		
352	Võ Thị Như	Ngọc	08/04/94	29705	A1	2	4.50	2.75	5.50	13.50	2409		
353	Phạm Thị Khánh	Chi	02/08/94	7170	A1	1	1.75	3.25	6.75	13.50	3060		
354	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	15/09/94	29731	A1	2	4.25	4.00	4.50	13.50	3065		
355	Phạm Thị Thùy	Trang	20/08/94	6408	A1	2	4.75	3.50	4.50	13.50	8449		
356	La Dương	Hà	03/02/94	74734	D1	2	4.00	5.50	3.50	13.50	31		
357	Hoàng Thị Thu	Thảo	11/01/93	73921	D1	2	5.00	4.00	4.00	13.50	59		
358	Văn	Lộc	10/12/91	73641	D1	1	5.00	3.75	3.00	13.50	96		
359	Lê Thị Ngân	Hà	18/12/94	74772	D1	2	5.00	4.25	3.50	13.50	175		
360	Huỳnh Thị Thùy	Nhi	03/08/94	79600	D1	2	3.25	7.00	2.50	13.50	255		
361	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	28/10/94	75289	D1	2	5.25	2.75	4.75	13.50	259		
362	Huỳnh Thị Kim	Phượng	23/05/94	79379	D1	1	5.75	3.25	3.00	13.50	291		
363	Lê Nguyễn Phúc	Vinh	24/06/94	73545	D1	2	7.00	2.25	3.50	13.50	297		
364	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	24/08/94	73914	D1	2	4.00	4.75	4.25	13.50	401		
365	Nguyễn Thị Thanh	Vy	10/08/94	74305	D1	2NT	2.75	5.75	4.00	13.50	419		
366	Phan Thị	Thuỷ	29/01/94	75034	D1	2	4.75	3.25	5.00	13.50	468		
367	Võ Thị	Hạnh	19/03/93	75014	D1	2	5.50	2.75	4.50	13.50	509		
368	Nguyễn Thị Nhã	Uyên	07/02/93	73962	D1	1	3.00	6.25	2.50	13.50	596		
369	Trần Ngọc	Anh	25/02/94	75551	D1	2	2.50	3.00	7.25	13.50	618		
370	Lê Thị Minh	Huệ	01/08/93	74317	D1	2NT	6.25	2.50	3.50	13.50	696		
371	Lê Thị Kim	Thoa	03/07/94	79158	D1	2	7.00	1.75	4.25	13.50	772		
372	Lê Thị Diệu	Linh	08/06/94	74094	D1	2NT	3.50	5.50	3.25	13.50	922		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
373	Lê Thị Như	Thuý	28/02/94	79159	D1	2	7.00	3.75	2.25	13.50	959		
374	Lê Thị	Cúc	12/09/93	74424	D1	2NT	5.50	2.50	4.25	13.50	975		
375	Lê Doãn	Huy	12/12/94	75207	D1	2	5.50	2.00	5.25	13.50	1149		
376	Kim Thị Lan	Phương	18/09/94	74218	D1	2NT	4.50	3.75	4.00	13.50	1250		
377	Phan Thị Hoàng	Yến	24/10/93	74078	D1	2NT	4.00	4.50	4.00	13.50	1355		
378	Trần Thị	Bé	01/04/94	78825	D1	2NT	5.00	3.75	3.50	13.50	1372		
379	Nguyễn Bích	Ngọc	18/02/94	72428	D1	2	6.25	2.25	4.50	13.50	1414		
380	Đoàn Nữ Quỳnh	My	17/03/94	78295	D1	2	5.00	2.50	5.25	13.50	1462		
381	Lê Thị Ngọc	Hoá	01/05/94	79136	D1	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	1471		
382	Nguyễn Thị	Ly	04/07/94	73982	D1	1	5.50	3.50	3.00	13.50	1592		
383	Nguyễn Đình Phương	Vũ	15/10/93	79695	D1	2	4.25	4.50	4.25	13.50	1857		
384	Đặng Thị	Nở	23/07/94	72546	D1	2NT	6.00	3.50	2.75	13.50	1888		
385	Nguyễn Thị Kim	Cương	11/06/94	75456	D1	2NT	7.50	2.00	3.00	13.50	2006		
386	Nguyễn Văn	Nhơn	12/01/93	74404	D1	1	3.50	5.00	3.50	13.50	2197		
387	Bùi Thị Lan	Anh	08/08/94	136	D1	2NT	6.25	2.50	3.50	13.50	2317		
388	Nguyễn Đình	Đức	11/05/85	77174	D1	2NT	3.50	5.50	3.50	13.50	2690		
389	Hoàng Thị Ngọc	ánh	26/04/94	73511	D1	2NT	5.75	4.75	2.00	13.50	2713		
390	Phan Thị Thu	Thảo	25/09/94	78815	D1	2NT	5.25	3.00	4.00	13.50	2772		
391	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	13/08/94	78851	D1	2NT	4.75	4.50	3.00	13.50	2893		
392	Trần Thị	Tâm	09/03/94	78965	D1	2NT	5.50	3.00	3.75	13.50	3239		
393	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	03/08/94	78693	D1	2NT	4.00	5.25	3.00	13.50	3296		
394	Phạm Thị	Trang	04/06/94	4642	D1	2NT	7.50	0.75	4.00	13.50	8017		
395	Trương Thị Thùy	Trang	17/05/93	55819	D1	2	5.75	5.25	2.00	13.50	8133		
396	Nguyễn Thị	Diệu	20/07/94	52875	D1	2NT	6.50	2.75	3.00	13.50	8499		
397	Trần	Sỹ	02/02/94	72700	D1	1	6.00	3.00	3.00	13.50	8867		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
398	Trần Nhật Diệu	Linh	16/06/94	21456	D1	2NT	5.75	2.75	4.00	13.50	8889		
399	Trần Thị Anh	Đào	10/09/94	78980	D1	2NT	6.25	2.75	3.50	13.50	9396		
400	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	16/10/94	79213	D1	1	4.75	4.50	2.50	13.50	9694		
401	Lê Bá Giáng	Tiên	04/04/94	21868	A	2	5.25	3.50	3.75	13.00	84		
402	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	28/02/94	13162	A	2	3.25	4.75	4.25	13.00	156		
403	Trần Thị Thảo	Nguyên	17/02/94	15733	A	2NT	4.00	3.75	4.00	13.00	357		
404	Lê Ngô Đức	Hiếu	18/10/94	12635	A	2	4.75	4.00	3.75	13.00	379		
405	Lê Thị Mỹ	Dung	27/02/94	690	A	2NT	2.25	4.00	5.50	13.00	411		
406	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	30/11/94	22528	A	2	4.75	3.00	4.50	13.00	443		
407	Phan Anh	Khoa	05/01/85	21770	A	2NT	5.25	3.00	3.50	13.00	449		
408	Nguyễn Đức Anh	Tuấn	03/10/94	22913	A	2	5.50	4.50	2.50	13.00	482		
409	Phạm Thị Mỹ	Anh	01/11/94	13145	A	2	4.25	4.50	3.50	13.00	522		
410	Lê Thị Ngọc	Trâm	30/06/94	14779	A	2	5.50	3.50	3.50	13.00	647		
411	Hoàng Thị Ngọc	Vân	25/02/93	28797	A	2NT	3.25	5.25	3.50	13.00	710		
412	Đặng Thị Anh	Phương	20/02/93	12025	A	2	4.00	4.75	3.50	13.00	725		
413	Hồ Khánh	Ngọc	02/08/94	13628	A	2	3.50	3.75	5.00	13.00	1063		
414	Lê Thị Hồng	Nhung	15/04/94	12733	A	2	4.00	4.50	4.00	13.00	1068		
415	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	08/02/94	11831	A	2	4.50	4.75	3.00	13.00	1087		
416	Lê Hoài Thương	Phúc	11/01/94	10490	A	1	4.50	3.50	3.50	13.00	1391		
417	Trần Văn	Quỳnh	20/07/94	14806	A	2NT	3.50	5.00	3.50	13.00	1634		
418	Nguyễn Hữu	Tuệ	16/02/94	14948	A	2	3.00	4.50	4.75	13.00	1759		
419	Hồ Thị ý	Nhi	04/02/94	13378	A	2	4.75	4.00	3.50	13.00	2015		
420	Vũ Thị Như	ý	25/04/94	15456	A	2	5.00	3.75	3.75	13.00	2032		
421	Nguyễn Mạnh	Cường	13/03/94	11183	A	2	5.00	3.25	4.25	13.00	2038		
422	Nguyễn Hữu	Thọ	03/04/93	14659	A	2	4.50	3.50	4.50	13.00	2055		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
423	Lê Thị	Nga	22/08/93	12284	A	1	2.50	5.25	3.75	13.00	2653		
424	Đặng Thị	Phú	20/02/94	23240	A	2	3.50	3.75	5.25	13.00	2657		
425	Nguyễn Thị Cát	Thảo	29/10/94	14771	A	2NT	3.00	4.50	4.50	13.00	2662		
426	Đinh Nhật Hương	Giang	03/11/94	13699	A	2	4.25	4.25	3.75	13.00	2685		
427	Nguyễn Thị Thuỳ	Như	19/02/94	20754	A	2NT	3.00	4.75	4.00	13.00	2983		
428	Nguyễn Thị Thảo	Nhung	08/08/94	14804	A	2NT	3.25	4.25	4.50	13.00	3055		
429	Lê Thị Hồng	Thê	15/08/93	12741	A	2NT	5.25	3.50	3.00	13.00	3128		
430	Trương Văn	Đông	20/05/94	21613	A	2NT	3.50	4.50	3.75	13.00	3335		
431	Lê Thị Thanh	Nhàn	10/09/94	22893	A	2NT	2.75	5.00	4.00	13.00	3361		
432	Phan Thị Hoài	Phương	14/10/94	2454	A	1	3.50	4.50	3.50	13.00	8036		
433	Trần Thị	Lợi	26/04/93	16064	A	2NT	4.00	4.25	3.50	13.00	8105		
434	Võ Thị Khánh	Hoà	06/06/94	14793	A	2NT	4.75	3.50	3.75	13.00	8714		
435	Tôn Nữ Hương	Nguyên	08/05/94	20076	A	3	5.75	4.50	2.75	13.00	8746		
436	Hoàng Thị Như	Ngọc	28/03/94	16321	A	2NT	2.50	4.50	5.00	13.00	8768		
437	Trần Ngọc	Minh	20/02/94	1368	A	2NT	1.25	5.25	5.50	13.00	9582		
438	Thái Thị	Thuỳ	07/08/94	47339	A	1	4.50	3.50	3.25	13.00	9651		
439	Nguyễn Thị	Hồng	05/05/93	12596	A	2NT	4.50	3.50	4.00	13.00	9876		
440	Trần Thế	Duy	04/02/94	47758	A	2NT	3.50	3.50	4.75	13.00	13033		
441	Lê Bình	Phương	27/09/94	28413	A1	2	3.00	3.25	6.00	13.00	69		
442	Nguyễn Văn	Đức	11/08/94	28093	A1	2	5.00	3.25	4.00	13.00	479		
443	Đỗ Thị Thu	Thanh	10/10/94	28416	A1	2NT	2.75	5.00	4.00	13.00	629		
444	Trần Vũ	Anh	10/09/94	29378	A1	2NT	4.00	3.75	4.00	13.00	942		
445	Trần Đức	Linh	23/06/94	50977	A1	2NT	1.75	5.00	5.25	13.00	1001		
446	Trần Thị Kiều	Oanh	15/02/94	28186	A1	2	3.75	3.50	5.00	13.00	1533		
447	Lê Thị	Lân	30/04/94	28213	A1	2NT	3.50	4.50	4.00	13.00	2181		

(DHD.D310101) - Ngành: Kinh tế **Chỉ tiêu: 53**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
448	Lê Thị	Huệ	30/09/94	29349	A1	1	3.50	2.50	5.50	13.00	2195		
449	Lê Thị Quỳnh	Như	28/10/94	29364	A1	2NT	3.50	2.50	6.00	13.00	2274		
450	Trần Thị Kim	Ty	20/08/94	29434	A1	2NT	3.75	3.50	4.50	13.00	2711		
451	Nguyễn Thị Ly	Ly	03/04/94	51086	A1	1	3.25	3.50	4.50	13.00	2954		
452	Lê Thị Hoài	Vi	10/05/93	28310	A1	2	3.75	4.00	4.50	13.00	9119		

(DHD.D340101) - Ngành: Quản trị kinh doanh **Chỉ tiêu: 201**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Lê Yến	Thư	09/10/94	47729	A	2NT	7.00	3.50	5.00	16.50	9551		
2	Phạm Trúc	Quỳnh	17/11/94	46201	A	3	6.50	5.25	4.50	16.50	13088		
3	Nguyễn Thị Trà	My	26/01/94	6760	A	2	4.25	5.50	4.50	15.00	2093		
4	Đinh Quốc	Bảo	16/12/94	40336	A	1	4.50	4.25	4.50	15.00	8215		
5	Phạm Thị	Loan	20/02/94	15351	A	2NT	5.50	3.75	4.50	15.00	9529		
6	Phan Thị Thùy	Linh	05/10/94	43603	A	2NT	6.25	4.50	3.00	15.00	13016		
7	Hồ Hữu	Đức	03/06/94	17183	A	2	7.00	3.50	3.50	14.50	1317		
8	Nguyễn Thị Hoài	Ngân	01/01/94	74476	D1	2NT	6.50	3.50	3.00	14.00	2024		
9	Phan Phước	Tuyên	17/08/94	75644	D1	2	3.00	5.50	5.00	14.00	2821		
10	Hồ Thị	Dung	25/04/94	23467	A	2NT	4.00	3.50	4.75	13.50	1072		
11	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	09/02/94	75268	D1	2NT	5.00	2.25	5.00	13.50	2133		
12	Hồ Thị	Thu	08/06/94	72666	D1	1	6.00	3.50	2.25	13.50	13079		
13	Phan Thanh Đông	Nguyên	09/04/94	44849	A	2	4.75	2.75	4.75	13.00	727		
14	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	08/02/94	11831	A	2	4.50	4.75	3.00	13.00	1089		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

(DHF.D140233) - Ngành: Sư phạm Tiếng Pháp

Chỉ tiêu: 20

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Phi	Yến	20/03/94	4798	D3	2	6.50	4.00	7.00	18.00	8941		
2	Nguyễn Lâm Phương	Trúc	21/01/94	15600	D3	1	5.75	2.50	6.50	16.50	8288		

(DHF.D140234) - Ngành: Sư phạm Tiếng Trung Quốc

Chỉ tiêu: 31

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trần Thanh	Huyền	05/12/94	39110	D1	2NT	8.00	5.75	3.00	18.00	8053		
2	Đinh Thị	Hảo	30/03/94	15441	D1	2NT	6.00	4.50	5.75	17.50	8054		
3	Trương Thị Thuỳ	Trang	24/08/93	50323	D1	2NT	5.00	5.00	5.75	17.00	9279		
4	Trần Thị Thiên	Lý	05/06/94	5570	D1	2	4.50	6.00	5.50	16.50	1299		
5	Nguyễn Thị Hà	Thanh	01/05/94	3748	D1	2NT	5.75	4.25	4.75	16.00	2946		
6	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	09/06/94	79474	D1	2NT	5.00	6.25	3.00	15.50	1398		
7	Lê Nữ Nhật	Liên	01/10/94	79443	D1	2NT	4.75	5.50	4.25	15.50	1928		
8	Ngô Thị	Tuyến	20/01/94	4988	D1	2NT	4.25	7.50	2.75	15.50	2016		
9	Nguyễn Thị Thanh	Thừa	22/10/91	79423	D1	2NT	5.25	6.00	3.00	15.50	3182		
10	Nguyễn Thị Nụ	Thảo	28/02/92	6666	D3	2NT	6.50	1.00	6.75	15.50	9450		
11	Trần Thị Thuỳ	Linh	30/11/92	78724	D1	2NT	5.25	4.25	4.25	15.00	1037		
12	Nguyễn Duy Diễm	Thy	29/02/92	79460	D1	2	5.00	4.50	4.75	15.00	1559		
13	Ngô Thị	Thanh	18/07/94	79454	D1	1	5.75	5.25	2.50	15.00	3149		
14	Phạm Thị	Thành	15/01/94	3783	D1	1	5.75	3.25	4.50	15.00	9615		
15	Lê Thị Hồng	Uyên	20/03/94	78741	D1	2NT	5.50	4.75	3.00	14.50	1418		
16	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	02/12/94	6571	D1	1	4.75	5.25	3.00	14.50	2897		
17	Lương Thị Mỹ	Hạnh	10/09/94	1051	D1	3	4.50	7.25	2.50	14.50	3207		
18	Lê Lê	Na	20/05/94	2397	D1	2	4.50	4.75	4.50	14.50	8184		
19	Lê Thị	Cẩm	21/07/93	288	D1	2NT	4.00	6.50	3.00	14.50	8212		
20	Bùi Quỳnh	Trâm	22/09/94	4762	D1	2	4.50	4.00	5.50	14.50	8350		

(DHF.D140234) - Ngành: Sư phạm Tiếng Trung Quốc **Chỉ tiêu: 31**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
21	Hoàng Thị Thanh	Huyền	03/11/94	1545	D1	2NT	5.75	3.50	4.00	14.50	8785		
22	Hoàng Hà	Vy	13/11/94	5413	D1	3	4.50	5.75	4.00	14.50	9110		
23	Trương Thị Thùy	Dương	11/06/93	75042	D1	2	5.00	4.50	3.75	14.00	583		
24	Phan Thị	Nga	18/06/94	79598	D1	1	6.75	2.50	3.00	14.00	887		
25	Nguyễn Thị	Lành	24/04/93	74131	D1	2NT	6.50	2.50	4.00	14.00	1097		
26	Lương Nguyễn Nguyệt	Loan	14/11/94	78913	D1	1	5.25	3.00	4.00	14.00	1157		
27	Nguyễn Thị Thông	Tin	14/05/94	79311	D1	2NT	4.00	4.50	4.25	14.00	1399		
28	Nguyễn Thị Thu	Hoài	24/09/93	74581	D1	2	5.50	3.75	4.00	14.00	1530		
29	Trần Thị Bích	Ngọc	02/02/94	74439	D1	2NT	4.50	5.75	2.50	14.00	1851		
30	Võ Thị Đức	Trang	20/08/94	79689	D1	2NT	6.00	4.00	3.00	14.00	3021		
31	Lê Thị Ngọc	Tiệp	23/03/94	79275	D1	2NT	7.00	3.00	2.75	14.00	3312		
32	Đỗ Kiều	Duyên	18/08/94	634	D1	2NT	3.75	5.75	3.50	14.00	8541		
33	Nguyễn Thị Thanh	Pha	03/08/94	73763	D1	2	5.00	4.00	4.00	13.50	26		
34	Nguyễn Thị Thu	Hà	08/01/94	79132	D1	2NT	5.50	4.00	3.00	13.50	1148		
35	Nguyễn Thị Hồng	Đào	12/10/94	74047	D1	2NT	5.00	2.75	4.50	13.50	1199		
36	Phan Thị Ly	Ly	10/08/93	78763	D1	2	5.50	3.00	4.50	13.50	1762		
37	Võ Thị Hồng	Loan	12/01/93	79180	D1	2NT	4.50	4.75	3.00	13.50	2162		
38	Nguyễn Thị Thanh	Lan	01/11/94	73904	D1	2NT	5.75	3.25	3.50	13.50	2463		
39	Lê Thị	Lai	20/08/93	1764	D1	2NT	4.50	4.75	3.00	13.50	8075		
40	Huỳnh Lê Thùy	Trang	05/04/93	4700	D1	2NT	5.50	3.75	3.00	13.50	8692		
41	Nguyễn Thị ái	Quỳnh	30/12/94	75284	D1	1	4.25	1.00	6.75	13.50	9430		

(DHF.D220113) - Ngành: Việt Nam học **Chỉ tiêu: 21**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trương Thị	Dung	13/01/94	595	C	2NT	7.50	6.50	4.75	20.00	8314		

(DHF.D220113) - Ngành: Việt Nam học **Chỉ tiêu: 21**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
2	Nguyễn Thị	Ly	16/12/94	1415	C	1	5.75	5.25	7.00	19.50	9241		
3	Nguyễn Đình	Khiêm	15/08/93	1378	C	1	5.00	4.25	6.75	17.50	9207		
4	Hoàng Vũ Kim	Ngọc	23/10/94	5464	D1	2	5.75	7.00	3.00	16.50	9131		
5	Cao Văn	Khánh	02/11/94	66568	C	1	3.00	4.75	6.75	16.00	1134		
6	Lê Văn	Huy	06/09/94	54131	D1	2NT	6.25	5.25	3.50	16.00	3030		
7	Thái Thị Quỳnh	Ngân	07/07/94	68914	C	2	5.25	3.75	6.00	15.50	15		
8	Võ Văn Nguyên	Sơn	01/01/93	67227	C	2NT	3.25	5.50	5.50	15.50	247		
9	Hồ Thị Ngọc	Thiện	04/04/94	70366	C	2NT	4.50	3.25	6.50	15.50	1127		
10	Nguyễn Thị	Tuyết	16/05/94	70461	C	1	4.75	4.25	5.00	15.50	2088		
11	Nguyễn Thị Minh	Hữu	07/11/93	67861	C	2NT	4.50	4.00	6.00	15.50	2751		
12	Cao Thị Diệu	Hiền	02/11/94	67553	C	2	5.75	2.75	6.25	15.50	2901		
13	Mai Thị Hoài	Thu	26/08/94	67042	C	2NT	4.75	3.75	5.75	15.50	9476		
14	Nguyễn Chân	Lý	23/02/94	66953	C	2 06	5.50	3.50	5.00	15.50	13070		
15	Lê Nữ Nhật	Liên	01/10/94	79443	D1	2NT	4.75	5.50	4.25	15.50	3094		
16	Đặng Thị	Trang	01/01/94	6688	D3	2NT	8.00	2.75	3.50	15.50	9951		
17	Đặng Thị	Nở	08/03/93	356	C	1	5.50	3.00	4.75	15.00	1514		
18	Trần Thị Tuyết	Nhung	03/10/94	68807	C	2NT	5.50	4.50	4.00	15.00	2126		
19	Nguyễn Thị Trung	Thu	19/09/94	12643	C	2	4.00	5.50	5.00	15.00	8306		
20	Phạm Thị	Diễm	28/03/94	78827	D1	2NT	7.25	3.75	3.00	15.00	1503		
21	Trương Thị Thùy	Linh	23/10/93	77941	D1	2NT	6.25	2.50	5.00	15.00	2784		
22	Nguyễn Thị	Dung	19/09/93	12158	D1	2NT	5.75	4.75	3.50	15.00	9007		
23	Nguyễn Văn	Anh	10/02/94	66213	C	1	4.50	4.25	4.00	14.50	1171		
24	Nguyễn	Đấu	06/02/93	66713	C	2NT	3.50	3.25	6.50	14.50	1186		
25	Trần Hữu	Nhanh	02/06/94	65589	C	2NT	3.50	3.50	6.25	14.50	1410		
26	Lê Thị Diệu	My	17/01/94	67755	C	1	4.50	2.00	6.25	14.50	1422		

(DHF.D220113) - Ngành: Việt Nam học **Chỉ tiêu: 21**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
27	Trần Thị Khánh	Linh	29/10/94	66228	C	2NT	3.00	4.50	6.00	14.50	1487		
28	Trần Ninh	Thịnh	21/10/93	67416	C	2	3.75	4.00	6.00	14.50	1706		
29	Hồ Thị Thuỳ	Chung	08/11/94	70047	C	2NT	4.25	3.25	5.75	14.50	2852		
30	Phạm Văn	Duệ	20/03/93	66862	C	1	4.25	3.75	5.00	14.50	8230		
31	Lê Thị Kiều	Loan	15/01/94	66952	C	2	5.75	3.50	4.50	14.50	8861		
32	Hồ Đình	Sơn	09/11/89	6251	C	1	3.75	4.00	5.25	14.50	9127		
33	Võ Huỳnh Thùy	Dương	22/07/94	67091	C	1	5.50	3.25	4.25	14.50	9206		
34	Nguyễn Văn	Minh	25/01/94	77866	D1	2NT	5.50	3.25	4.50	14.50	269		
35	Nguyễn Hồng	Ngọc	27/02/94	79373	D1	2	5.25	5.75	3.00	14.50	428		
36	Hoàng Đức	Sơn	15/10/94	362	D1	2	5.00	7.00	1.75	14.50	678		
37	Nguyễn Thị Phương	Anh	01/06/94	5745	D1	2	6.75	4.00	3.25	14.50	1054		
38	Lê Hoàng Khánh	Hòa	16/06/94	72609	D1	1	6.00	3.00	4.00	14.50	2421		
39	Trần Thị Cẩm	Phô	12/07/94	78885	D1	2NT	6.75	2.75	4.00	14.50	2527		
40	Lê Thị Mỹ	Linh	22/12/94	9168	D1	1	5.50	3.25	4.00	14.50	3154		
41	Đặng Thị Trâm	ánh	25/09/94	74234	D1	2	6.25	2.50	4.50	14.00	181		
42	Trương Thị Thùy	Dương	11/06/93	75042	D1	2	5.00	4.50	3.75	14.00	581		
43	Trần Thị Thuỳ	Linh	30/04/94	73981	D1	2NT	5.25	5.25	2.50	14.00	1270		
44	Hồ Thị Bích	Ngọc	02/09/94	79259	D1	1	6.50	2.75	3.25	14.00	1700		
45	Lê Chí	Hiếu	18/02/93	77216	D1	2	5.50	4.25	3.50	14.00	1720		
46	Võ Thị Đức	Trang	20/08/94	79689	D1	2NT	6.00	4.00	3.00	14.00	3026		
47	Phan Thị Ly	Ly	10/08/93	78763	D1	2	5.50	3.00	4.50	13.50	209		
48	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	15/09/94	74564	D1	2	4.50	6.00	2.25	13.50	242		
49	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	28/10/94	75289	D1	2	5.25	2.75	4.75	13.50	260		
50	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/94	72708	D1	2	6.00	4.00	3.00	13.50	348		
51	Nguyễn Thị Thanh	Vy	10/08/94	74305	D1	2NT	2.75	5.75	4.00	13.50	420		

(DHF.D220113) - Ngành: Việt Nam học — **Chỉ tiêu: 21**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
52	Lê Thị Minh	Huệ	01/08/93	74317	D1	2NT	6.25	2.50	3.50	13.50	694		
53	Lê Thị Kim	Thoa	03/07/94	79158	D1	2	7.00	1.75	4.25	13.50	771		
54	Nguyễn Thị Thanh	Lan	01/11/94	73904	D1	2NT	5.75	3.25	3.50	13.50	2466		
55	Vũ Thế	Oanh	08/01/93	13213	D1	2NT	5.00	4.00	3.25	13.50	8993		
56	Lê Thị	Thuỷ	08/03/94	74834	D1	1	7.50	1.00	3.50	13.50	9908		

(DHF.D220201) - Ngành: Ngôn ngữ Anh — **Chỉ tiêu: 9**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Đoàn Thị Kỷ	Thảo	12/04/94	10143	D1	1	7.50	6.25	4.25	19.50	8020		
2	Phan Thị Như	Phương	28/11/94	5534	D1	1	5.50	6.75	5.50	19.50	8406		
3	Lê Thị Như	Quỳnh	22/10/94	13128	D1	2NT	6.50	5.75	4.75	18.00	9823		
4	Nguyễn Phương	Chi	28/07/94	30539	D1	2NT	7.00	3.00	5.75	17.00	8533		
5	Nguyễn Thị	Yến	16/08/94	5523	D1	1 06	6.00	5.00	3.00	16.50	8571		
6	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	10/02/94	2929	D1	2	5.50	4.75	5.25	16.00	8773		
7	Trần Thị Huyền	Trang	20/02/93	4641	D1	1	4.25	4.50	5.00	15.50	9585		

(DHF.D220202) - Ngành: Ngôn ngữ Nga — **Chỉ tiêu: 21**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	14/12/94	9718	D2	2	8.00	1.75	9.00	19.50	9950		
2	Hồ Minh	Chí	07/08/94	5663	D1	2	6.00	5.50	5.50	17.50	2003		
3	Lê Thị Hồng	Tươi	10/03/93	5082	D1	2NT	5.00	6.00	5.50	17.50	8320		
4	Trần Thị Thu	Trà	25/12/94	4708	D1	2	5.00	5.75	5.50	17.00	1281		
5	Hồ Văn	Phú	07/02/94	3156	D1	3	5.25	6.50	4.00	16.00	9124		
6	Nguyễn Thị	Hằng	29/03/94	75204	D1	2NT	7.50	2.50	3.00	14.00	134		

(DHF.D220202) - Ngành: Ngôn ngữ Nga

Chỉ tiêu: 21

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
7	Ngô Thị Thuý	Hằng	18/02/92	75332	D1	2	4.50	4.00	5.00	14.00	277		
8	Nguyễn Thị Thanh	Loan	30/08/94	75624	D1	1	6.00	3.25	3.25	14.00	816		
9	Phạm Thị Thu	Thảo	29/01/94	3932	D1	2NT	6.75	2.75	3.50	14.00	8094		
10	Nguyễn Thị	Thu	22/07/94	5743	D1	2NT	5.50	3.75	3.50	14.00	8650		
11	Châu Thị Mỹ	Lệ	28/02/93	74246	D1	2NT	5.25	4.00	3.00	13.50	178		
12	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/94	72708	D1	2	6.00	4.00	3.00	13.50	347		
13	Võ Thị Đoan	Trang	17/01/94	72720	D1	2NT	5.25	3.50	3.50	13.50	1377		
14	Bùi Thị Lan	Anh	08/08/94	136	D1	2NT	6.25	2.50	3.50	13.50	2314		
15	Nguyễn Thị Thanh	Lan	01/11/94	73904	D1	2NT	5.75	3.25	3.50	13.50	2465		
16	Lê Hồng	Ngọc	23/10/94	8766	D1	2	6.50	2.00	4.50	13.50	8932		

(DHF.D220203) - Ngành: Ngôn ngữ Pháp

Chỉ tiêu: 25

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Bùi Thị Thúy	Hằng	30/04/94	7379	D3	2	7.00	2.25	8.50	18.50	8351		
2	Lê Thị	Lý	07/01/94	12208	D1	1	7.00	4.25	5.00	18.00	8946		
3	Vũ Thị Thu	Uyên	08/11/94	8520	D1	2NT	6.00	5.75	5.25	18.00	9677		
4	Hồ Minh	Chí	07/08/94	5663	D1	2	6.00	5.50	5.50	17.50	2028		
5	Trần Thị Thu	Trà	25/12/94	4708	D1	2	5.00	5.75	5.50	17.00	1279		
6	Trương Thị Thuỳ	Trang	24/08/93	50323	D1	2NT	5.00	5.00	5.75	17.00	8377		
7	Hoàng Thị Lệ	Mỹ	17/04/94	9421	D1	1	7.50	2.75	4.00	16.00	2838		
8	Hồ Văn	Phú	07/02/94	3156	D1	3	5.25	6.50	4.00	16.00	9121		
9	Nguyễn Thị Kim	Anh	20/09/94	77851	D1	2NT	6.25	5.00	3.25	15.50	851		
10	Trần Thị	Xuân	07/05/94	5482	D1	2NT 06	6.50	2.50	4.25	15.50	2286		
11	Lê Nữ Nhật	Liên	01/10/94	79443	D1	2NT	4.75	5.50	4.25	15.50	3093		
12	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	03/10/94	78028	D1	2	6.75	4.75	3.00	15.00	409		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
13	Lê Đoan	Trang	18/10/94	4672	D1	2NT	5.25	4.75	3.75	15.00	1799		
14	Trương Thị Bích	Ngọc	10/02/93	9579	D1	2	3.50	6.50	4.50	15.00	2098		
15	Trần Thị Thuỳ	Linh	30/11/92	78724	D1	2NT	5.25	4.25	4.25	15.00	2434		
16	Phạm Thị Anh	Trà	26/08/94	55912	D1	2NT	5.50	4.50	4.00	15.00	2684		
17	Nguyễn Văn	Quyền	22/07/93	72587	D1	2	6.50	3.75	4.00	15.00	2857		
18	Đỗ Thị Diệu	Trúc	20/05/94	56027	D1	2	5.25	5.00	4.00	15.00	8975		
19	Hồ Thị Tuyết	Hạnh	10/09/94	12405	D1	1	4.50	5.25	3.75	15.00	9333		
20	Bùi Thị Cẩm	Hường	10/09/94	80034	D3	1	5.75	3.75	4.00	15.00	610		
21	Nguyễn Thị Thanh	Hà	12/09/94	78981	D1	2NT	6.50	3.00	3.75	14.50	966		
22	Nguyễn Cửu	Bi	26/07/94	53371	D1	2NT	4.75	4.25	4.50	14.50	1342		
23	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	04/07/94	5675	D1	2	6.00	3.25	4.75	14.50	8909		
24	Hoàng Thị Trúc	Nhả	17/08/94	2760	D1	2NT	4.75	4.75	4.00	14.50	9308		
25	Phan Thị Thu	Hiền	14/11/93	75015	D1	1	5.50	3.50	3.50	14.00	127		
26	Lê Thị Hồng	Ly	25/12/92	75276	D1	1	6.00	1.75	4.75	14.00	128		
27	Ngô Thị Thuý	Hằng	18/02/92	75332	D1	2	4.50	4.00	5.00	14.00	275		
28	Dương Thị Minh	Nguyệt	24/08/94	78768	D1	2NT	5.50	3.75	3.50	14.00	413		
29	Trương Thị Thùy	Dương	11/06/93	75042	D1	2	5.00	4.50	3.75	14.00	579		
30	Nguyễn Thị Thanh	Loan	30/08/94	75624	D1	1	6.00	3.25	3.25	14.00	817		
31	Võ Thị Mỹ	Linh	10/04/93	78762	D1	2NT	7.50	2.00	3.25	14.00	1180		
32	Trần Thị Diễm	Trinh	05/12/93	74609	D1	1	5.75	3.50	3.25	14.00	1338		
33	Hoàng Thị Kim	Xoa	08/10/94	74761	D1	2NT	5.50	2.75	4.50	14.00	1443		
34	Nguyễn Thị Thu	Hoài	24/09/93	74581	D1	2	5.50	3.75	4.00	14.00	1531		
35	Thân Thị Thuỷ	Tiên	10/12/94	79648	D1	2	4.25	4.50	4.50	14.00	1768		
36	Lâm Thị	Hoa	24/01/94	75493	D1	2	4.50	4.50	4.25	14.00	1802		
37	Trần Thị Bích	Ngọc	02/02/94	74439	D1	2NT	4.50	5.75	2.50	14.00	1850		

(DHF.D220203) - Ngành: Ngôn ngữ Pháp **Chỉ tiêu: 25**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
38	Phạm Thị	Trang	26/04/94	74530	D1	2NT	4.50	5.75	2.75	14.00	2277		
39	Lê Nguyễn Phương	Linh	26/04/94	78988	D1	2NT	6.25	3.25	3.50	14.00	2817		
40	Nguyễn Thị Ly	Ly	03/04/94	2189	D1	1	6.00	2.75	3.50	14.00	2955		
41	Phạm Thị	Mận	15/07/94	74989	D1	2NT	6.25	3.50	3.00	14.00	3107		
42	Lê Trần Hồng	Ngọc	16/10/94	2623	D1	2	4.50	4.25	4.50	14.00	8188		
43	Đỗ Kiều	Duyên	18/08/94	634	D1	2NT	3.75	5.75	3.50	14.00	8543		
44	Võ Thị Thu	Trang	28/05/94	4619	D1	2	5.75	4.25	3.50	14.00	8976		
45	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	28/10/94	75289	D1	2	5.25	2.75	4.75	13.50	262		
46	Huỳnh Thị Kim	Phượng	23/05/94	79379	D1	1	5.75	3.25	3.00	13.50	292		
47	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/94	72708	D1	2	6.00	4.00	3.00	13.50	351		
48	Phan Thị	Thuỷ	29/01/94	75034	D1	2	4.75	3.25	5.00	13.50	469		
49	Võ Thị	Hạnh	19/03/93	75014	D1	2	5.50	2.75	4.50	13.50	507		
50	Lê Thị Như	Thuý	28/02/94	79159	D1	2	7.00	3.75	2.25	13.50	958		
51	Hồ Khánh	Ngọc	02/08/94	73492	D1	2	4.50	5.00	3.50	13.50	1064		
52	Kim Thị Lan	Phương	18/09/94	74218	D1	2NT	4.50	3.75	4.00	13.50	1252		
53	Đoàn Nữ Quỳnh	My	17/03/94	78295	D1	2	5.00	2.50	5.25	13.50	1464		
54	Trịnh Ngô Thuyết	Ngân	09/11/94	74589	D1	2	5.50	2.00	5.50	13.50	2408		
55	Nguyễn Thị Thanh	Lan	01/11/94	73904	D1	2NT	5.75	3.25	3.50	13.50	2467		
56	Lê Thị	Xinh	12/02/94	74723	D1	2NT	5.25	3.50	3.50	13.50	2968		
57	Hoàng Khắc	Chính	06/02/94	75104	D1	1	5.00	3.00	3.75	13.50	8179		
58	Tôn Thị Thanh	Danh	02/04/94	406	D1	2NT	5.25	4.50	2.50	13.50	9313		
59	Hoàng Thị Thanh	Phương	26/08/93	3255	D1	2	4.25	3.75	5.00	13.50	13014		

(DHF.D220204) - Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc **Chỉ tiêu: 26**

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ

(DHF.D220204) - Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc **Chỉ tiêu: 26**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Thị Khánh	Ly	14/02/94	2080	D1	2	6.25	6.50	7.00	20.50	8718		
2	Trần Văn	Xuân	12/12/94	8786	D1	2NT	7.00	7.50	4.00	19.50	8518		
3	Hà Thị ánh	Vy	08/04/94	11928	D1	1	6.00	6.25	5.50	19.50	8995		
4	Phan Thị Như	Phương	28/11/94	5534	D1	1	5.50	6.75	5.50	19.50	9774		
5	Vũ Thị	Quế	17/11/94	4431	D1	2NT	6.50	5.75	5.75	19.00	8324		
6	Vũ Thị	Quế	17/11/94	4431	D1	2NT	6.50	5.75	5.75	19.00	9952		
7	Nguyễn Thị	Hạnh	22/12/94	1443	D1	2NT	8.00	4.00	4.75	18.00	8354		
8	Hoàng Thị Bích	Loan	20/03/93	3106	D1	2	5.00	5.75	6.75	18.00	8725		
9	Lê Thị Ngọc	ánh	21/08/94	4503	D1	2NT	6.50	5.75	4.00	17.50	328		
10	Phạm Thị Diệp	Linh	12/03/94	12196	D1	2	5.00	4.75	7.00	17.50	8025		
11	Hoàng Thị	Diệu	29/12/94	5821	D1	2NT	7.25	5.75	3.50	17.50	8375		
12	Trần Thị Thu	Trà	25/12/94	4708	D1	2	5.00	5.75	5.50	17.00	1280		
13	Trần Thị	Hương	20/04/94	15453	D1	2NT	5.00	6.00	5.00	17.00	8206		
14	Trần Thị	Hương	20/04/94	15453	D1	2NT	5.00	6.00	5.00	17.00	8420		
15	Lê Ngọc Phương	Nguyên	31/10/94	6035	D1	3	5.75	4.25	6.75	17.00	9189		
16	Trần Văn	Tư	20/11/94	5533	D1	1	6.50	2.50	6.50	17.00	9843		
17	Phạm Ngân	Hạnh	27/05/94	53806	D1	1	6.00	5.75	3.00	16.50	2679		
18	Phan Phước	Duy	22/05/94	14367	D1	3	5.75	4.75	5.75	16.50	2936		
19	Lưu Thị Hồng	Ly	10/02/94	2181	D1	2NT	5.50	6.25	3.50	16.50	9081		
20	Nguyễn Thị Thanh	Hương	19/07/94	54227	D1	1	4.25	6.50	4.00	16.50	9253		
21	Nguyễn Thị Phương	Uyên	30/12/94	77996	D1	2NT	6.00	4.75	4.00	16.00	1623		
22	Trần Thị Thu	Hằng	16/05/93	39075	D1	2NT	5.00	5.50	4.50	16.00	2829		
23	Nguyễn Thị Hà	Thanh	01/05/94	3748	D1	2NT	5.75	4.25	4.75	16.00	2947		
24	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	01/08/94	5749	D1	2NT	6.75	4.00	4.25	16.00	8038		
25	Lê Thái	Ngân	10/05/94	2490	D1	2NT	4.00	7.25	3.50	16.00	8148		

(DHF.D220204) - Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc **Chỉ tiêu: 26**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
26	Đặng Phan Tiểu	Ly	21/03/94	15162	D1	2NT	4.75	5.25	5.00	16.00	8958		
27	Hồ Văn	Phú	07/02/94	3156	D1	3	5.25	6.50	4.00	16.00	9120		
28	Nguyễn Thị	Nhàn	01/03/94	3888	D1	2NT	7.00	3.50	4.25	16.00	9191		
29	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	01/08/94	5749	D1	2NT	6.75	4.00	4.25	16.00	9965		
30	Ngô Thị	Tuyến	20/01/94	4988	D1	2NT	4.25	7.50	2.75	15.50	2008		
31	Hoàng Thị Quỳnh	Thi	01/01/94	79644	D1	2NT	7.00	4.25	3.00	15.50	2700		
32	Nguyễn Thị Anh	Đào	05/01/94	740	D1	1	5.00	4.75	4.00	15.50	2870		
33	Nguyễn Đình	Luân	15/05/94	2118	D1	1	3.00	6.25	4.50	15.50	8086		
34	Nguyễn Thị	Hường	03/08/93	54249	D1	2NT	5.50	4.75	4.00	15.50	8211		
35	Lê Thị Lan	Chi	15/10/94	349	D1	2NT	4.75	5.50	4.00	15.50	8402		
36	Võ Thị	Hiền	20/06/94	53945	D1	2NT	5.25	6.25	3.00	15.50	8777		
37	Lê Thị	Tâm	19/05/92	6569	D1	2NT	5.00	2.50	6.75	15.50	9256		
38	Lê Thị Hồng	Nhạn	06/12/94	2765	D1	2NT	7.00	3.00	4.50	15.50	9466		
39	Vũ Thị	Thanh	11/06/94	10775	D1	2NT 06	4.00	6.50	3.00	15.50	9869		
40	Nguyễn Thị	Thơ	12/12/93	4123	D1	2NT	5.50	4.50	4.50	15.50	13006		
41	Phan Thị ánh	Hoa	28/08/93	1325	D1	2NT	6.50	3.25	4.50	15.50	13042		
42	Đặng Thị	Trang	01/01/94	6688	D3	2NT	8.00	2.75	3.50	15.50	8207		
43	Lê Thị Hồng	Lễ	13/01/94	79254	D1	1	5.75	4.00	3.50	15.00	625		
44	Lê Đoan	Trang	18/10/94	4672	D1	2NT	5.25	4.75	3.75	15.00	1800		
45	Trương Thị Thùy	Linh	23/10/93	77941	D1	2NT	6.25	2.50	5.00	15.00	2786		
46	Lê Thị Thanh	Hương	05/02/94	1631	D1	1	6.00	4.25	3.00	15.00	8088		
47	Trần Thị Vân	Anh	19/03/94	53313	D1	2NT	4.75	4.50	4.50	15.00	8512		
48	Đặng Thị	Liên	20/02/94	1897	D1	2	3.25	6.25	5.00	15.00	8559		
49	Trần Thị	Hoàng	01/06/94	4533	D1	2NT	8.00	2.75	3.25	15.00	9041		
50	Trần Thị	Thuỳ	01/05/94	55632	D1	1	6.75	3.00	3.75	15.00	9969		

(DHF.D220204) - Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc **Chỉ tiêu: 26**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
51	Trần Thị Như	Ngọc	01/02/94	79485	D1	2NT	5.00	4.75	3.50	14.50	593		
52	Nguyễn Thị Minh	Oanh	08/06/94	77418	D1	2	6.50	3.50	3.75	14.50	848		
53	Lê Thị Hồng	Uyên	20/03/94	78741	D1	2NT	5.50	4.75	3.00	14.50	1419		
54	Hoàng Thị Thanh	Truyền	23/04/94	79701	D1	2NT	5.00	5.50	3.00	14.50	1818		
55	Trần Thị	Hằng	13/07/94	72532	D1	2NT	5.75	4.25	3.50	14.50	2289		
56	Lê Hoàng Khánh	Hòa	16/06/94	72609	D1	1	6.00	3.00	4.00	14.50	2420		
57	Trần Thị Như	ý	25/09/94	79277	D1	2	5.50	3.75	4.50	14.50	2729		
58	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	02/12/94	6571	D1	1	4.75	5.25	3.00	14.50	2898		
59	Lê Thị	Nguyên	21/07/94	72543	D1	1	4.00	4.75	4.00	14.50	3167		
60	Trần Thị Thanh	Nhuân	10/04/94	2907	D1	1	3.50	5.50	3.75	14.50	3179		
61	Lương Thị Mỹ	Hạnh	10/09/94	1051	D1	3	4.50	7.25	2.50	14.50	3208		
62	Nguyễn Thị	Uyên	02/08/93	5133	D1	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	8035		
63	Lê Thị	Vân	15/02/94	5223	D1	2NT	6.75	3.50	3.00	14.50	8049		
64	Phạm Thị Hoài	Linh	20/09/94	1961	D1	2	5.00	4.75	4.00	14.50	8100		
65	Lê Lê	Na	20/05/94	2397	D1	2	4.50	4.75	4.50	14.50	8134		
66	Nguyễn Thị Mỹ	Phi	23/01/94	3142	D1	2	6.00	4.75	3.00	14.50	8269		
67	Nguyễn Thị Anh	Đào	15/01/94	736	D1	2NT	5.00	5.75	2.50	14.50	8421		
68	Huỳnh Quang	Phú	01/02/94	3155	D1	2NT	5.00	3.25	5.00	14.50	8484		
69	Phan Thị Lệ	Quyên	06/04/93	3436	D1	2	7.00	3.25	3.50	14.50	9069		
70	Hoàng Hà	Vy	13/11/94	5413	D1	3	4.50	5.75	4.00	14.50	9109		
71	Phạm Thị Kim	Ngọc	16/09/94	2648	D1	2NT	5.00	3.25	5.00	14.50	9318		
72	Lê Thục Uyên	Phương	12/11/93	3303	D1	3	6.75	2.25	5.25	14.50	13051		
73	Nguyễn Duy Phương	Thanh	30/05/94	135	D4	2	5.50	3.75	4.50	14.50	9487		
74	Nguyễn Thị Hương	Thảo	11/01/94	75537	D1	2NT	5.25	4.00	3.50	14.00	163		
75	Ngô Thị Thuý	Hằng	18/02/92	75332	D1	2	4.50	4.00	5.00	14.00	274		

(DHF.D220204) - Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc **Chỉ tiêu: 26**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
76	Lê Thị Thu	Hà	01/10/93	74886	D1	2NT	6.00	3.25	3.75	14.00	329		
77	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	12/02/94	77590	D1	2NT	4.75	5.75	2.50	14.00	461		
78	Trương Thị Thùy	Dương	11/06/93	75042	D1	2	5.00	4.50	3.75	14.00	585		
79	Phan Thị Lệ	Duyên	16/12/93	75584	D1	2NT	6.00	2.75	4.00	14.00	738		
80	Nguyễn Thị Thanh	Loan	30/08/94	75624	D1	1	6.00	3.25	3.25	14.00	818		
81	Nguyễn Thị Thảo	Yến	18/03/93	74040	D1	2	6.50	3.25	3.50	14.00	909		
82	Trần Thị	Bé	04/06/94	74805	D1	1	6.00	2.00	4.25	14.00	1232		
83	Thân Thị Thuỷ	Tiên	10/12/94	79648	D1	2	4.25	4.50	4.50	14.00	1238		
84	Nguyễn Thị Thu	Hoài	24/09/93	74581	D1	2	5.50	3.75	4.00	14.00	1528		
85	Dư Nữ Huệ	Trang	20/01/93	77466	D1	2	6.25	4.00	3.00	14.00	1703		
86	Lê Thị Ngọc	Tiệp	23/03/94	79275	D1	2NT	7.00	3.00	2.75	14.00	1794		
87	Lương Thị	Hương	04/12/94	74130	D1	1	6.50	4.50	1.50	14.00	2130		
88	Huỳnh Thế	Mỹ	12/08/93	75405	D1	2NT	5.00	3.25	4.50	14.00	2138		
89	Trần Thị	Thành	08/08/94	75157	D1	2NT	5.75	2.25	5.00	14.00	2232		
90	Phạm Thị	Trang	26/04/94	74530	D1	2NT	4.50	5.75	2.75	14.00	2278		
91	Hoàng Thị Khánh	Linh	01/04/94	73905	D1	2NT	5.00	4.50	3.50	14.00	2334		
92	Trần Thị	Thiện	02/01/94	73923	D1	1	5.00	2.75	4.50	14.00	2490		
93	Lương Thị Quang	Ly	23/08/93	2206	D1	1	5.75	2.00	4.50	14.00	2570		
94	Nguyễn Thị Ly	Ly	03/04/94	2189	D1	1	6.00	2.75	3.50	14.00	2953		
95	Phạm Thị Kim	Anh	11/04/94	11833	D1	1	5.25	2.75	4.50	14.00	3295		
96	Phan Thị	Hoa	20/04/94	1311	D1	2NT	4.75	4.50	3.50	14.00	8199		
97	Đỗ Kiều	Duyên	18/08/94	634	D1	2NT	3.75	5.75	3.50	14.00	8542		
98	Nguyễn Thị Thái	Thanh	23/07/93	75062	D1	2NT	7.00	2.75	3.00	14.00	8577		
99	Trần Thị	Toàn	08/11/94	4516	D1	2NT	4.50	5.50	3.00	14.00	8795		
100	Võ Thị Thu	Trang	28/05/94	4619	D1	2	5.75	4.25	3.50	14.00	8971		

(DHF.D220204) - Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc **Chỉ tiêu: 26**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
101	Hồ Thị Mai	Trang	24/07/93	75226	D1	2	7.50	1.25	4.50	14.00	9017		
102	Đoàn Thị Hà	Doan	22/07/94	74979	D1	2NT	4.25	4.50	4.00	14.00	9062		
103	Trần Thị	Phương	16/03/94	3272	D1	2	5.50	4.25	3.50	14.00	9278		
104	Nguyễn Thị	Diễm	15/04/93	411	D1	2NT	5.50	3.50	4.00	14.00	9339		
105	Nguyễn Gia	Công	18/06/94	75424	D1	2NT	4.75	3.25	5.00	14.00	9460		
106	Ngô Thị	Tâm	09/08/94	10644	D1	2NT	4.50	3.75	4.75	14.00	9496		
107	Đậu Thị	Trang	12/12/94	75515	D1	2NT	4.50	5.75	2.50	14.00	9827		
108	Mai Thị	Lý	02/02/93	74249	D1	1	4.50	4.00	3.50	13.50	16		
109	Phạm Thị Như	Hảo	10/04/94	74735	D1	2NT	5.00	4.25	3.00	13.50	157		
110	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	28/10/94	75289	D1	2	5.25	2.75	4.75	13.50	261		
111	Huỳnh Thị Kim	Phượng	23/05/94	79379	D1	1	5.75	3.25	3.00	13.50	293		
112	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/94	72708	D1	2	6.00	4.00	3.00	13.50	349		
113	Phan Thị Thu	Thảo	25/09/94	78815	D1	2NT	5.25	3.00	4.00	13.50	352		
114	Lê Doãn	Huy	12/12/94	75207	D1	2	5.50	2.00	5.25	13.50	602		
115	Lê Thị Diệu	Linh	08/06/94	74094	D1	2NT	3.50	5.50	3.25	13.50	923		
116	Lê Thị	Nhịn	02/01/94	74366	D1	1	4.00	3.50	4.50	13.50	1119		
117	Cái Vũ Mỹ	Quyên	16/06/94	77459	D1	2NT	6.00	2.75	3.50	13.50	1308		
118	Võ Thị Đoan	Trang	17/01/94	72720	D1	2NT	5.25	3.50	3.50	13.50	1376		
119	Nguyễn Thị Kim	Cương	11/06/94	75456	D1	2NT	7.50	2.00	3.00	13.50	1803		
120	Phạm Thị	Vấn	09/06/94	5245	D1	3	5.25	5.25	3.00	13.50	2329		
121	Nguyễn Thị Thanh	Lan	01/11/94	73904	D1	2NT	5.75	3.25	3.50	13.50	2462		
122	Nguyễn Thị Kim	Oanh	02/03/94	74962	D1	1	5.00	3.75	3.25	13.50	2692		
123	Cao Xuân	Đức	28/03/92	75521	D1	2NT	6.00	2.75	3.75	13.50	2938		
124	Trần Thị	Tâm	09/03/94	78965	D1	2NT	5.50	3.00	3.75	13.50	3229		
125	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	03/08/94	78693	D1	2NT	4.00	5.25	3.00	13.50	3297		

(DHF.D220204) - Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc **Chỉ tiêu: 26**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
126	Phạm Thị	Trang	04/06/94	4642	D1	2NT	7.50	0.75	4.00	13.50	8016		
127	Nguyễn Thị Thanh	Trinh	15/08/94	4847	D1	2NT	4.00	4.75	3.50	13.50	8158		
128	Dương Thị	Oanh	18/09/93	77188	D1	2NT	6.00	3.00	3.50	13.50	8195		
129	Trần Thị Thanh	Hồng	08/11/93	1442	D1	2NT	6.50	2.25	3.50	13.50	8223		
130	Phan Thị	Liên	20/01/94	1889	D1	2NT	4.50	3.75	4.00	13.50	8624		
131	Trần Thị Hoài	Thương	04/08/94	74227	D1	2NT	5.00	3.50	3.75	13.50	8683		
132	Nguyễn Thị	Dung	28/11/93	515	D1	1	4.00	3.50	4.25	13.50	8991		
133	Trần Thị	Phố	14/04/94	3154	D1	2NT	3.75	2.75	6.00	13.50	9294		
134	Nguyễn Thị	Dung	28/12/94	75297	D1	1	5.75	1.75	4.50	13.50	9380		
135	Dương Thị	Tuyết	24/05/94	41654	D1	3	6.00	2.00	5.25	13.50	13024		

(DHF.D220209) - Ngành: Ngôn ngữ Nhật **Chỉ tiêu: 13**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Thái Thị	Thành	25/11/94	75125	D1	2NT	7.00	1.50	4.25	14.00	9465		
2	Võ Thị	Hoa	10/02/93	734	D1	2NT	4.50	5.75	2.25	13.50	9394		

(DHF.D220212) - Ngành: Quốc tế học **Chỉ tiêu: 38**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Lê Thành	Đạt	13/01/94	1017	D1	2	6.25	5.75	7.75	20.50	3071		
2	Nguyễn Thuỳ Thục	Nhiên	30/07/94	9752	D1	2	7.00	5.75	5.50	19.00	906		
3	Phan Thị Ngọc	Oanh	18/11/94	5381	D1	2NT	6.00	6.00	5.75	19.00	2883		
4	Phạm Thị Thu	Ngà	24/02/94	39184	D1	1	7.00	4.50	6.00	19.00	9309		
5	Nguyễn Thị	Phương	16/06/94	6121	D1	2NT	6.50	5.75	5.75	19.00	9886		
6	Trần Lâm Ngọc	Trâm	10/12/93	2896	D1	2NT	5.25	4.50	7.00	18.00	3246		

(DHF.D220212) - Ngành: Quốc tế học — Chỉ tiêu: 38

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
7	Lê Thị	Lý	07/01/94	12208	D1	1	7.00	4.25	5.00	18.00	8945		
8	Lê Thị Hồng	Tươi	10/03/93	5082	D1	2NT	5.00	6.00	5.50	17.50	8378		
9	Nguyễn Thị	Hương	01/09/94	32992	D1	2NT	6.25	4.00	5.50	17.00	8060		
10	Nguyễn Thị Bích	Phượng	28/04/94	3359	D1	2	6.25	7.25	3.00	17.00	8485		
11	Nguyễn Thị Linh	Nhi	17/10/94	13645	D1	2	7.00	5.25	3.75	16.50	8535		
12	Trần Thị Thu	Hằng	20/06/94	1162	D1	2	5.25	6.50	4.00	16.50	8613		
13	Trần Thị Hoài	Thanh	17/07/94	3732	D1	1	6.50	5.00	3.50	16.50	8678		
14	Hoàng Vũ Kim	Ngọc	23/10/94	5464	D1	2	5.75	7.00	3.00	16.50	9128		
15	Nguyễn Hồ Khánh	Linh	07/09/94	1985	D1	2NT	4.50	5.50	5.50	16.50	9504		
16	Nguyễn Thị Phương	Uyên	30/12/94	77996	D1	2NT	6.00	4.75	4.00	16.00	1624		
17	Hoàng Thanh	Hải	31/10/93	53785	D1	2	4.50	6.25	4.50	16.00	2502		
18	Nguyễn Thị Thuý	Hoan	28/12/94	11618	D1	1	4.50	6.75	3.00	16.00	8582		
19	Nguyễn Thị Nguyên	Tâm	28/09/93	3650	D1	3	6.50	6.00	3.50	16.00	9104		
20	Hồ Văn	Phú	07/02/94	3156	D1	3	5.25	6.50	4.00	16.00	9123		
21	Mai Thị Ngọc	Diệp	02/11/94	78865	D1	2	5.25	3.25	6.25	15.50	182		
22	Hồ Thị Mỹ	Na	16/11/93	77794	D1	2	4.50	6.25	4.00	15.50	736		
23	Nguyễn Thị	Truyền	04/09/94	4940	D1	2NT	4.75	4.75	5.00	15.50	8447		
24	Lương Thị Xuân	Nương	22/03/93	55004	D1	2NT	5.25	4.25	4.75	15.50	8655		
25	Nguyễn Thị Trúc	Anh	02/02/94	78041	D1	1	5.25	4.25	4.25	15.50	9910		
26	Lê Thị Thùy	Trang	02/11/94	79425	D1	2	5.25	6.25	3.00	15.00	99		
27	Dương Quang	Minh	06/12/94	77526	D1	2NT	6.00	4.75	3.00	15.00	2083		
28	Lê Thị Quỳnh	Như	28/10/94	79338	D1	2NT	5.75	3.00	5.00	15.00	2273		
29	Trần Thị Mỹ	Linh	30/12/93	78015	D1	2	6.50	5.25	2.75	15.00	2494		
30	Trương Thị Thùy	Linh	23/10/93	77941	D1	2NT	6.25	2.50	5.00	15.00	2787		
31	Nguyễn Văn	Quyền	22/07/93	72587	D1	2	6.50	3.75	4.00	15.00	2858		

(DHF.D220212) - Ngành: Quốc tế học **Chỉ tiêu: 38**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
32	Hồ Thị Kim	Oanh	20/09/94	3109	D1	2	5.25	4.50	4.50	15.00	3375		
33	Lê Thị Anh	Nhân	04/06/94	9686	D1	2NT	6.75	2.25	5.00	15.00	8125		
34	Quách Thị Hiếu	Thảo	14/11/94	22798	D1	1 01	7.50	0.75	3.00	15.00	8457		
35	Nguyễn Thị Thu	Hà	14/02/94	39056	D1	2	6.50	5.25	2.50	15.00	9038		
36	Nguyễn Hoàng	Yến	27/06/93	5533	D1	3	4.50	5.25	5.00	15.00	9144		
37	Bùi Hồ Xuân	Trinh	05/07/93	14477	D1	2	5.50	4.75	4.00	15.00	9300		
38	Nguyễn Tuyết	Thùy	15/12/94	1765	D1	2NT	6.75	3.75	3.50	15.00	9438		
39	Nguyễn Minh Huệ	Phương	05/02/94	55139	D1	2	5.50	5.25	3.50	15.00	9683		
40	Nguyễn Văn	Minh	25/01/94	77866	D1	2NT	5.50	3.25	4.50	14.50	271		
41	Nguyễn Thị Minh	Oanh	08/06/94	77418	D1	2	6.50	3.50	3.75	14.50	381		
42	Hoàng Đức	Sơn	15/10/94	362	D1	2	5.00	7.00	1.75	14.50	681		
43	Nguyễn Thị Phương	Anh	01/06/94	5745	D1	2	6.75	4.00	3.25	14.50	1055		
44	Trương Thị Thanh	Hà	25/03/94	78084	D1	2	4.25	4.00	5.50	14.50	2952		
45	Trương Thị Anh	Minh	04/11/93	54664	D1	2	6.50	2.75	4.50	14.50	3221		
46	Hoàng Văn	Quý	15/02/93	4561	D1	2NT	7.75	3.00	2.75	14.50	8395		
47	Hà Phạm Khánh	Huyền	08/03/94	54178	D1	2	5.75	5.00	3.00	14.50	8611		
48	Lê Thị Phương	Thảo	10/08/94	3950	D1	1	6.00	2.75	4.25	14.50	9426		
49	Nguyễn Thị Kim	Thương	20/06/94	10757	D1	2NT	5.00	5.50	3.00	14.50	9885		
50	Lê Thị Phương	Thảo	24/05/94	77196	D1	2	3.75	5.00	4.75	14.00	42		
51	Nguyễn Thị Thanh	Hương	14/11/94	79442	D1	2	4.75	5.00	3.50	14.00	50		
52	Đoàn Thị Như	ý	24/10/93	79315	D1	2	5.00	4.25	4.00	14.00	72		
53	Đỗ Trần Uyên	Thi	20/05/93	78930	D1	2	6.50	3.50	3.50	14.00	73		
54	Đặng Thị ánh	Nguyệt	26/03/94	74992	D1	2NT	5.75	2.00	5.25	14.00	89		
55	Nguyễn Thị	Hằng	29/03/94	75204	D1	2NT	7.50	2.50	3.00	14.00	135		
56	Nguyễn Thị Hương	Thảo	11/01/94	75537	D1	2NT	5.25	4.00	3.50	14.00	162		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
57	Phan Thị Ngọc	Nử	05/09/94	75122	D1	2	6.75	1.25	5.50	14.00	172		
58	Đặng Thị Trâm	ánh	25/09/94	74234	D1	2	6.25	2.50	4.50	14.00	180		
59	Huỳnh Thị Anh	Thư	15/09/94	75634	D1	2	4.00	5.00	4.50	14.00	311		
60	Nguyễn Phan Thanh	Hương	06/05/94	75240	D1	2	5.00	3.75	4.50	14.00	313		
61	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	04/02/94	75282	D1	2	7.50	1.50	4.50	14.00	371		
62	Lê Xuân Diệu	Nhân	16/03/94	75184	D1	2	5.00	3.75	4.50	14.00	500		
63	Phạm Thị Thu	Thảo	17/06/94	74870	D1	2NT	6.25	2.50	4.00	14.00	795		
64	Nguyễn Thị	Lành	24/04/93	74131	D1	2NT	6.50	2.50	4.00	14.00	1096		
65	Phan Thị Mai	Anh	21/09/94	74575	D1	2	3.50	6.50	3.50	14.00	1244		
66	Trần Đình Nhật	Hạ	22/07/94	74811	D1	2	4.50	2.25	6.75	14.00	1298		
67	Hoàng Thị Ngọc	Diễm	29/08/94	74693	D1	2	5.50	3.25	4.50	14.00	1319		
68	Trần Thị Diễm	Trinh	05/12/93	74609	D1	1	5.75	3.50	3.25	14.00	1339		
69	Nguyễn Thị Thu	Hoài	24/09/93	74581	D1	2	5.50	3.75	4.00	14.00	1417		
70	Lê Văn	Nam	20/11/94	73947	D1	2NT	4.50	3.75	4.50	14.00	1588		
71	Lê Chí	Hiếu	18/02/93	77216	D1	2	5.50	4.25	3.50	14.00	1721		
72	Hoàng Thị Kim	Tuyến	19/09/94	79711	D1	2NT	5.75	2.00	5.00	14.00	1886		
73	Nguyễn Thị Hoài	Ngân	01/01/94	74476	D1	2NT	6.50	3.50	3.00	14.00	2025		
74	Lê Thị	Hiểu	20/08/94	1209	D1	2NT	4.50	3.75	4.75	14.00	2505		
75	Võ Thị Đức	Trang	20/08/94	79689	D1	2NT	6.00	4.00	3.00	14.00	3024		
76	Hoàng Thị Hạnh	Tiên	18/10/94	77727	D1	2	7.00	3.75	2.50	14.00	3152		
77	Phan Thị Hương	Dung	21/10/94	74122	D1	1	4.75	3.00	4.75	14.00	3159		
78	Trần Thị Hoài	Linh	26/01/94	1983	D1	2	4.25	5.50	3.50	14.00	8071		
79	Phạm Thị	Na	20/11/94	77913	D1	2NT	5.75	4.25	3.00	14.00	8226		
80	Lê Thị	Mận	16/08/94	15169	D1	2NT	6.25	2.75	4.00	14.00	8238		
81	Phạm Thị Huyền	Trang	07/04/94	4629	D1	1	4.50	4.50	3.50	14.00	8252		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
82	Nguyễn Hồng	Diễm	18/05/94	12118	D1	2NT	5.50	4.75	2.50	14.00	8381		
83	Nguyễn Thị Thùy	Trang	04/08/94	15355	D1	1	4.00	5.50	3.00	14.00	9341		
84	Nguyễn Thị Thanh	Pha	03/08/94	73763	D1	2	5.00	4.00	4.00	13.50	25		
85	Hoàng Thị Thu	Thảo	11/01/93	73921	D1	2	5.00	4.00	4.00	13.50	58		
86	Lê Thị Ngân	Hà	18/12/94	74772	D1	2	5.00	4.25	3.50	13.50	174		
87	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	15/09/94	74564	D1	2	4.50	6.00	2.25	13.50	243		
88	Lê Nguyễn Phúc	Vinh	24/06/94	73545	D1	2	7.00	2.25	3.50	13.50	298		
89	Võ Thị Hoài	Thanh	10/12/93	74521	D1	2	6.00	1.75	5.00	13.50	326		
90	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/94	72708	D1	2	6.00	4.00	3.00	13.50	346		
91	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	24/08/94	73914	D1	2	4.00	4.75	4.25	13.50	402		
92	Võ Thị	Hạnh	19/03/93	75014	D1	2	5.50	2.75	4.50	13.50	508		
93	Lê Doãn	Huy	12/12/94	75207	D1	2	5.50	2.00	5.25	13.50	601		
94	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	28/10/94	75289	D1	2	5.25	2.75	4.75	13.50	660		
95	Lê Thị	Cúc	12/09/93	74424	D1	2NT	5.50	2.50	4.25	13.50	977		
96	Lê Thị	Nhịn	02/01/94	74366	D1	1	4.00	3.50	4.50	13.50	1118		
97	Nguyễn Bích	Ngọc	18/02/94	72428	D1	2	6.25	2.25	4.50	13.50	1415		
98	Đoàn Nữ Quỳnh	My	17/03/94	78295	D1	2	5.00	2.50	5.25	13.50	1463		
99	Lê Thị Ngọc	Hoá	01/05/94	79136	D1	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	1472		
100	Hà Thị	Đầm	20/12/94	74350	D1	2NT	6.25	3.00	3.25	13.50	1898		
101	Hồ Thị	Búp	29/03/94	79433	D1	2NT	5.00	5.00	2.50	13.50	2104		
102	Cao Xuân	Đức	28/03/92	75521	D1	2NT	6.00	2.75	3.75	13.50	2253		
103	Nguyễn Thị Thanh	Lan	01/11/94	73904	D1	2NT	5.75	3.25	3.50	13.50	2464		
104	Hoàng Thị Thuý	Nhi	04/01/93	79486	D1	2NT	6.25	4.75	1.50	13.50	2704		
105	Trần Thị Phương	Nhi	26/12/94	79299	D1	2	5.25	4.00	3.50	13.50	2714		
106	Trần Thị Giang	Nga	02/08/94	75310	D1	2NT	4.25	2.50	5.75	13.50	2728		

(DHF.D220212) - Ngành: Quốc tế học **Chỉ tiêu: 38**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
107	La Dương	Hà	03/02/94	74734	D1	2	4.00	5.50	3.50	13.50	2932		
108	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	09/02/94	75268	D1	2NT	5.00	2.25	5.00	13.50	3256		
109	Trần Thị Sương	Sương	03/11/94	3599	D1	2	5.00	2.50	5.50	13.50	3374		
110	Trần Thị Hoài	Thương	04/08/94	74227	D1	2NT	5.00	3.50	3.75	13.50	8684		
111	Trần Thanh	Mai	20/03/94	2236	D1	1	6.00	2.75	3.00	13.50	8752		
112	Nguyễn Thị	Hương	08/06/94	75464	D1	2	4.75	5.50	2.75	13.50	9305		
113	Trần Thị Anh	Đào	10/09/94	78980	D1	2NT	6.25	2.75	3.50	13.50	9402		
114	Trần	Sỹ	02/02/94	72700	D1	1	6.00	3.00	3.00	13.50	9688		
115	Đoàn Thị Hà	Duyên	17/01/93	75616	D1	1	5.75	1.50	4.50	13.50	9894		
116	Nguyễn Thị	Mai	29/05/94	54624	D1	2NT	6.50	1.75	4.00	13.50	13091		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

(DHK.D310101) - Ngành: Kinh tế **Chỉ tiêu: 75**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Thị Trà	Linh	17/07/93	43594	A	2NT 06	5.00	4.00	5.50	16.50	8526		
2	Nguyễn Lê Yến	Thư	09/10/94	47729	A	2NT	7.00	3.50	5.00	16.50	9545		
3	Nguyễn Văn Tiến	Rôn	22/10/94	9457	A	2NT	4.25	5.50	5.00	16.00	437		
4	Nguyễn Thị Thuý	Hoan	28/12/94	4100	A	1	3.25	5.25	6.00	16.00	13084		
5	Thái Thị Thanh	Thuỷ	07/11/94	78149	D1	2NT	6.75	4.50	3.50	16.00	9877		
6	Đặng Hoài	Linh	20/12/94	5394	A	2NT	5.75	5.50	3.00	15.50	9928		
7	Phạm Anh	Như	20/06/94	77897	D1	2	6.00	5.00	3.50	15.00	8118		
8	Nguyễn Thị	Vân	05/03/93	56176	D1	2NT	6.00	4.00	4.00	15.00	8435		
9	Lê Vũ Thế	Phong	13/05/93	55044	D1	1	6.25	4.75	2.25	15.00	9586		
10	Hoàng Thị Hồng	Diệu	02/04/94	40802	A	1	3.50	4.50	5.00	14.50	9454		
11	Nguyễn Hồng	Ngọc	27/02/94	79373	D1	2	5.25	5.75	3.00	14.50	429		

(DHK.D310101) - Ngành: Kinh tế **Chỉ tiêu: 75**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
12	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	02/12/94	6571	D1	1	4.75	5.25	3.00	14.50	2899		
13	Nguyễn Thị	Phượng	26/10/94	16242	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	657		
14	Lê Thị	Truyền	13/01/94	11053	A	2NT	5.50	3.50	3.75	14.00	8911		
15	Trần Thị Bích	Ngọc	18/12/94	48185	A	1	4.75	4.50	3.25	14.00	8938		
16	Phan Thanh	Giang	02/07/93	4119	A	2	6.50	4.50	2.50	14.00	9335		
17	Phan Như	Ngọc	06/10/94	14161	A	2	3.75	5.00	4.25	13.50	29		
18	Mai Thị	Bình	22/09/94	60102	A	1	2.00	5.25	4.50	13.50	8091		
19	Hồ Thị	Nhàn	24/11/93	13672	A	2NT	4.25	3.75	4.50	13.50	8251		
20	Phan Trần Minh	Diễm	10/05/94	1065	A	2NT	3.75	4.25	4.25	13.50	8331		
21	Trần Thị Thùy	Trang	09/01/94	27855	A1	1	2.25	4.50	5.00	13.50	1744		
22	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	28/10/94	75289	D1	2	5.25	2.75	4.75	13.50	659		
23	Bùi Thị	Hoài	20/01/94	77479	D1	1 06	7.25	1.25	2.50	13.50	9031		
24	Đinh Bình Quốc	Tây	08/02/94	46248	D1	1	6.25	2.25	3.50	13.50	9777		

(DHK.D340405) - Ngành: Hệ thống thông tin quản lý **Chỉ tiêu: 76**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Hà Thị ánh	Vy	08/04/94	11928	D1	1	6.00	6.25	5.50	19.50	8994		
2	Nguyễn Thuỳ Thục	Nhiên	30/07/94	9752	D1	2	7.00	5.75	5.50	19.00	905		
3	Lê Mỹ	Huyền	13/06/94	39107	D1	1	6.00	6.75	4.00	18.50	8228		
4	Nguyễn Nam	Sơn	03/09/94	69	D4	1	5.50	5.75	5.50	18.50	9269		
5	Lê Thị Như	ý	06/07/94	23378	A	2	5.75	6.25	5.50	18.00	595		
6	Nguyễn Xuân	Tân	11/02/94	8765	A	2NT	5.25	7.50	4.00	18.00	2480		
7	Nguyễn Quang	Huy	09/01/94	32	D4	1	5.50	5.50	5.25	18.00	9299		
8	Nguyễn Thanh	Hoài	12/05/93	23349	A	2	6.50	5.75	4.50	17.50	516		
9	Hồ Thị Mỹ	Na	16/11/93	7954	A	2	6.50	5.25	5.25	17.50	735		

(DHK.D340405) - Ngành: Hệ thống thông tin quản lý — Chỉ tiêu: 76

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
10	Phạm Thị Diệp	Linh	12/03/94	12196	D1	2	5.00	4.75	7.00	17.50	8024		
11	Bùi Trần Việt	Tuấn	19/05/94	12044	D1	2	3.00	6.75	7.00	17.50	8751		
12	Lê Thị Thanh	Tuyền	08/09/94	23585	A	2NT	4.75	5.00	6.25	17.00	407		
13	Trần Thị Minh	Lương	16/12/94	6475	A1	2NT	6.75	3.50	5.50	17.00	9874		
14	Lê Ngọc Phương	Nguyên	31/10/94	6035	D1	3	5.75	4.25	6.75	17.00	8695		
15	Trương Thị Thuỳ	Trang	24/08/93	50323	D1	2NT	5.00	5.00	5.75	17.00	9297		
16	Phạm Nguyên Thảo	My	23/01/94	5841	A	2	6.75	4.50	4.50	16.50	285		
17	Lê Văn	Bình	04/02/94	23299	A	2NT	5.50	4.25	5.50	16.50	889		
18	Đoàn Tiến	Luật	06/07/94	43925	A	2	4.25	6.00	5.50	16.50	1217		
19	Phan Hoàng Linh	Trang	01/02/94	2391	A	2	4.75	6.50	4.50	16.50	1985		
20	Phạm	Minh	11/06/94	6610	A	2	5.75	5.25	4.75	16.50	2441		
21	Võ Văn	Thuận	20/04/94	47458	A	2NT	4.25	5.50	5.75	16.50	2473		
22	Trần Phương	Thi	03/03/93	27019	A	2	5.75	5.25	4.75	16.50	2681		
23	Nguyễn Thị Trà	Linh	17/07/93	43594	A	2NT 06	5.00	4.00	5.50	16.50	8208		
24	Phan Thị Ngọc	Diễm	26/03/94	41228	A	2 06	4.00	3.75	7.00	16.50	8466		
25	Hồ Thị Hồng	Nhung	22/08/94	45253	A	2 06	5.50	4.25	5.25	16.50	8719		
26	Nguyễn Đức	Lai	10/07/91	43286	A	2NT	6.50	4.50	4.50	16.50	9084		
27	Nguyễn Thu	Hoài	15/10/94	6561	A	3	6.75	4.00	5.50	16.50	9483		
28	Trương Thị Kim	Chi	15/02/94	40509	A	2NT	4.50	6.00	4.75	16.50	9553		
29	Phan Đức	Anh	15/07/94	28	A	2NT	5.50	3.50	6.50	16.50	9669		
30	Nguyễn Hữu	Thắng	21/10/94	6626	A	1	5.75	4.50	4.50	16.50	9741		
31	Tống Phước Mai Nhật	Trinh	04/04/94	52812	A1	2NT	5.25	5.00	5.00	16.50	2801		
32	Huỳnh	Kim	10/03/94	2567	D1	2	6.50	5.50	3.75	16.50	138		
33	Nguyễn Đại	Nhân	19/02/94	54888	D1	2	6.00	5.50	4.50	16.50	1712		
34	Nguyễn Thị Thanh	Hương	19/07/94	54227	D1	1	4.25	6.50	4.00	16.50	8530		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
35	Trần Thị Thu	Hằng	20/06/94	1162	D1	2	5.25	6.50	4.00	16.50	8618		
36	Phan Võ Tố	Uyên	23/06/94	56139	D1	2	5.25	6.50	4.00	16.50	13031		
37	Ngô Đình	Hoài	22/10/93	26731	A	2	4.50	7.25	3.50	16.00	65		
38	Lê Thị Thùy	Trang	02/11/94	23497	A	2	5.75	5.25	4.50	16.00	100		
39	Lê Thị Mỹ	Nhật	26/02/94	15567	A	2	4.50	6.00	4.75	16.00	338		
40	Lê Thị	Bé	07/04/94	15713	A	1	4.75	4.50	5.00	16.00	466		
41	Nguyễn Văn	Quang	21/01/94	15656	A	2	6.75	5.00	3.50	16.00	502		
42	Phan Thị Tuyết	Nhi	21/06/94	22043	A	2NT	5.00	5.00	5.00	16.00	614		
43	Phạm Thị	Nhung	08/03/93	16366	A	2NT	6.25	6.25	2.50	16.00	743		
44	Trần Nguyễn Đức	Nam	20/09/94	23191	A	2	5.75	5.25	4.25	16.00	747		
45	Ngô Ngọc	Tú	10/05/92	48856	A	3	5.25	5.00	5.75	16.00	1396		
46	Lê Thị Bích	Hạnh	20/04/94	22185	A	2NT	7.00	3.00	4.75	16.00	1565		
47	Nguyễn Thị	Hồng	12/07/93	23350	A	2NT	5.00	4.75	5.25	16.00	1819		
48	Chế Thị	Lý	07/06/94	17113	A	2NT	6.00	4.50	4.25	16.00	1904		
49	Hoàng Thị	Lý	21/02/94	44076	A	2NT	7.50	3.50	4.00	16.00	2058		
50	Trần Thị Nhật	Thuỷ	14/04/93	16416	A	2	5.00	5.00	5.50	16.00	2834		
51	Trần Thị Kim	Ngân	05/02/94	16110	A	2	5.75	5.00	4.50	16.00	3100		
52	Nguyễn Thị Hồng	Lý	15/12/94	44080	A	2NT	5.00	5.00	4.75	16.00	8218		
53	Trương Thị Ngọc	Thúy	04/02/94	47598	A	2NT	6.00	5.25	3.75	16.00	8222		
54	Hoàng Thị Minh	Hòa	06/01/93	14762	A	2NT	4.50	5.50	5.00	16.00	8781		
55	Võ Thị Thanh	Huyền	16/04/94	16898	A	2NT	5.00	5.00	4.75	16.00	9233		
56	Phạm Minh	Sơn	20/11/91	16244	A	2NT	5.00	5.50	4.50	16.00	9389		
57	Trần Thị Viết	Tâm	03/06/87	26709	A	2NT	6.25	5.25	3.50	16.00	9495		
58	Nguyễn Thị Kim	Phụng	24/10/94	29589	A1	2	7.75	3.75	4.00	16.00	1106		
59	Nguyễn Ngọc	Thành	13/07/94	52106	A1	3	5.50	5.50	5.00	16.00	1912		

(DHK.D340405) - Ngành: Hệ thống thông tin quản lý — Chỉ tiêu: 76

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
60	Bùi Phước Bảo	Quốc	08/01/93	51880	A1	2	6.25	6.25	3.00	16.00	9665		
61	Trần Thị Thu	Hiền	16/07/94	1227	D1	2	5.00	5.00	5.50	16.00	499		
62	Nguyễn Bảo	Ngọc	22/11/94	78173	D1	2	7.00	4.00	4.50	16.00	1030		
63	Hoàng Thanh	Hải	31/10/93	53785	D1	2	4.50	6.25	4.50	16.00	1200		
64	Võ Thị Mỹ	Linh	25/09/94	78054	D1	2NT	5.50	4.75	4.50	16.00	1750		
65	Võ Sỹ	Hoàng	30/09/93	78089	D1	2	6.75	4.25	4.50	16.00	1833		
66	Lê Minh	Trang	16/12/94	15497	D1	2	6.00	1.75	7.50	16.00	2169		
67	Hoàng Thị Lệ	Mỹ	17/04/94	9421	D1	1	7.50	2.75	4.00	16.00	2837		
68	Hoàng Châu	Giang	15/04/94	77933	D1	2	6.50	4.75	4.25	16.00	3009		
69	Đinh Thị Mỹ	Linh	05/09/94	54445	D1	2NT	5.50	5.50	4.00	16.00	8203		
70	Nguyễn Trọng	Nghĩa	01/01/92	54771	D1	3	4.00	5.25	6.50	16.00	8615		
71	Nguyễn Thế	Tài	29/10/93	55319	D1	2	5.50	6.50	3.50	16.00	9138		
72	Trương Thái	Vượng	01/09/92	78151	D1	2NT	4.00	4.50	6.50	16.00	9503		
73	Thái Thị Thanh	Thuỷ	07/11/94	78149	D1	2NT	6.75	4.50	3.50	16.00	9916		
74	Phan Văn	Tâm	17/02/93	1366	D1	1	5.00	7.25	2.25	16.00	13054		
75	Lê Huỳnh Phương	Thảo	20/04/93	21826	A	2	5.50	5.75	3.50	15.50	123		
76	Nguyễn Văn	Phong	22/01/93	21130	A	2	5.00	4.75	5.25	15.50	185		
77	Nguyễn Thị	Hà	28/07/94	16179	A	2NT	5.25	4.50	4.50	15.50	222		
78	Lê Minh	Quý	21/06/94	22582	A	2	3.75	5.25	6.00	15.50	314		
79	Nguyễn Ngọc	Long	13/10/94	17280	A	2	5.00	4.25	5.50	15.50	332		
80	Nguyễn Thị Bích	Thảo	28/06/94	17081	A	2	7.00	4.75	3.00	15.50	530		
81	Nguyễn Ngọc Thành	Nhân	14/04/94	8112	A	2	5.25	5.50	4.25	15.50	628		
82	Trần Kim	Thịnh	25/02/94	15744	A	2	6.00	5.50	3.25	15.50	712		
83	Phan Thị Phương	Nhi	03/01/94	16449	A	2	5.75	4.50	4.50	15.50	801		
84	Hoàng Phi	Hùng	26/08/94	16372	A	2NT	6.25	4.50	3.75	15.50	938		

(DHK.D340405) - Ngành: Hệ thống thông tin quản lý — Chỉ tiêu: 76

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
85	Trần Bảo	Thi	01/10/94	17207	A	2	6.50	2.75	5.75	15.50	1150		
86	Huỳnh Kim	Hùng	22/12/94	16345	A	2	5.25	4.75	4.75	15.50	1178		
87	Phan Thị Phương	Nhi	03/01/94	16449	A	2	5.75	4.50	4.50	15.50	1215		
88	Trần Thị Lệ	Thuỷ	05/01/94	7002	A	1	3.25	5.00	5.50	15.50	1583		
89	Võ Văn Minh	Quân	21/06/94	21671	A	2	6.75	3.50	4.50	15.50	1621		
90	Hồ Đắc	Huy	03/06/94	15966	A	2NT	4.00	4.75	5.50	15.50	1728		
91	Nguyễn Mạnh	Hùng	11/04/94	15345	A	2	3.25	5.00	6.50	15.50	1747		
92	Trần Bảo	My	15/07/94	15688	A	2NT	6.00	4.25	4.25	15.50	1831		
93	Nguyễn Xuân	Dũng	12/04/93	378	A	2	5.00	7.50	2.50	15.50	1845		
94	Đỗ Văn	Anh	28/05/94	10387	A	2NT	6.00	4.75	3.50	15.50	1914		
95	Nguyễn Trà	My	17/07/94	23108	A	2	6.00	3.00	6.00	15.50	1967		
96	Trần Công	Tiễn	25/01/94	26270	A	2NT	3.75	6.00	4.75	15.50	1979		
97	Phạm Thị Thu	Hà	26/10/93	23262	A	1	4.00	4.25	5.50	15.50	2049		
98	Hoàng Thị Vân	Anh	16/10/94	10385	A	2NT	5.75	5.00	3.75	15.50	2116		
99	Phạm Anh	Tú	30/11/94	28343	A	2NT	5.50	4.50	4.25	15.50	2165		
100	Trần Công	Cường	26/10/94	3683	A	2NT	3.75	5.00	5.50	15.50	2174		
101	Nguyễn Văn	Tuấn	24/11/94	27785	A	3	5.75	4.25	5.50	15.50	2432		
102	Trần Thị Thúy	Anh	08/05/94	46	A	2NT	5.25	4.00	5.00	15.50	2646		
103	Phan Xuân	Nghĩa	22/06/94	19783	A	2NT	6.50	4.00	4.00	15.50	2706		
104	Phạm Sinh	Hoàng	06/10/93	707	A	2NT	5.75	3.75	5.00	15.50	2981		
105	Nguyễn Đình Nhật	Tân	30/12/93	23786	A	2	5.50	5.00	4.50	15.50	2992		
106	Nguyễn Trần	Văn	29/06/93	28848	A	1	4.25	5.25	4.50	15.50	3280		
107	Nguyễn Thị Phương	Lan	28/09/94	15809	A	2	3.75	5.25	5.75	15.50	3321		
108	Đặng Thái	Đạt	04/05/94	12814	A	1	6.00	3.00	4.75	15.50	8227		
109	Võ Thị	Mơ	05/08/93	17031	A	2NT	7.00	4.75	2.75	15.50	8282		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
110	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	08/09/94	14480	A	2	3.75	4.50	6.50	15.50	8472		
111	Quách Thị Mỹ	Linh	09/02/94	17962	A	2NT	4.50	5.50	4.25	15.50	8488		
112	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	15/10/94	44733	A	2	5.50	4.50	5.00	15.50	8859		
113	Nguyễn Thị	Đào	17/05/94	41164	A	2	5.50	3.50	5.75	15.50	9092		
114	Bùi Huy	Phi	20/11/94	15569	A	1	5.25	4.50	4.00	15.50	9964		
115	Nguyễn Văn	Tuấn	24/11/94	27785	A	3	5.75	4.25	5.50	15.50	13038		
116	Trần Thị Cẩm	Nhung	20/02/93	79111	D1	2	6.25	5.50	3.00	15.50	87		
117	Hà Thị	Lanh	08/12/94	77975	D1	2	5.25	7.00	2.50	15.50	441		
118	Đỗ Thị Thanh	Nhàn	27/08/94	79298	D1	2	6.50	4.25	4.25	15.50	751		
119	Trương Thị Nguyệt	Nga	06/06/94	78692	D1	2	6.50	5.75	2.50	15.50	767		
120	Nguyễn Thị Kim	Anh	20/09/94	77851	D1	2NT	6.25	5.00	3.25	15.50	854		
121	Trần Thị Hồng	Mến	14/07/94	78953	D1	2NT	6.50	3.75	4.00	15.50	1045		
122	Nguyễn Thị Thanh	Thừa	22/10/91	79423	D1	2NT	5.25	6.00	3.00	15.50	1892		
123	Lê Nữ Nhật	Liên	01/10/94	79443	D1	2NT	4.75	5.50	4.25	15.50	1929		
124	Phạm Thị Bảo	Ngân	11/02/94	77796	D1	2	6.25	4.00	4.75	15.50	2572		
125	Nguyễn Đình	Luân	15/05/94	2118	D1	1	3.00	6.25	4.50	15.50	8087		
126	Lương Thị Xuân	Nương	22/03/93	55004	D1	2NT	5.25	4.25	4.75	15.50	8656		
127	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	16/01/92	77971	D1	1	5.00	6.50	2.50	15.50	13082		
128	Nguyễn Hửu	Long	30/11/93	17196	A	2	4.25	4.25	5.75	15.00	189		
129	Hoàng Thị Khánh	Vân	22/10/94	15663	A	2	4.00	4.50	6.00	15.00	201		
130	Trần Thị Thủy	Tiên	24/03/94	14288	A	2	4.00	4.75	5.50	15.00	216		
131	Lê Thị Huyền	Trâm	15/11/94	23539	A	2	4.50	4.50	5.50	15.00	252		
132	Lê Thị Minh	Tú	19/06/94	15081	A	2NT	3.25	4.50	6.25	15.00	403		
133	Lê Thị Cẩm	Tiên	11/07/93	14020	A	2	4.75	5.50	4.25	15.00	492		
134	Nguyễn Thanh Nhật	Thảo	11/06/94	16872	A	2	4.75	4.00	5.50	15.00	528		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
135	Nguyễn Lê Linh	Châu	20/06/94	13736	A	2	5.75	3.50	5.25	15.00	742		
136	Trương Thị Diệu	Hoà	13/02/93	15114	A	2	4.75	5.50	4.25	15.00	786		
137	Thân Trọng Bảo	Huyền	01/06/94	16479	A	2	3.75	5.00	5.50	15.00	870		
138	Lê Văn	Vãng	05/03/94	28778	A	2NT	4.00	5.50	4.50	15.00	895		
139	Nguyễn Thị Hồng	Loan	10/02/94	13667	A	2NT	6.00	4.25	3.50	15.00	991		
140	Trương Thị Hoài	Nga	20/10/91	10568	A	2NT	5.75	2.75	5.25	15.00	1012		
141	Hồ Thị Thanh	Thúy	16/08/94	16708	A	2NT	6.25	4.25	3.50	15.00	1053		
142	Hoàng Văn	Trọng	18/03/90	48593	A	2NT	4.75	5.00	4.00	15.00	1164		
143	Nguyễn Hửu	Quang	01/03/93	13508	A	2NT	5.25	5.00	3.50	15.00	1184		
144	Phan Lương	Tâm	10/11/94	23658	A	2	4.00	6.00	4.25	15.00	1330		
145	Nguyễn Văn	Kiệt	10/02/94	17331	A	2NT	2.75	6.00	5.25	15.00	1353		
146	Lê Thị Minh	Tâm	20/06/94	15741	A	2NT	5.25	4.75	4.00	15.00	1454		
147	Võ Dương	Đạt	02/04/94	41202	A	2NT	3.00	5.50	5.25	15.00	1512		
148	Lê Thị	Nhung	20/04/93	10445	A	2NT	4.50	5.50	3.75	15.00	1549		
149	Trương Thị Vân	Trí	20/11/94	48572	A	2NT	5.25	5.25	3.50	15.00	1566		
150	Hoàng Nam	Sơn	28/07/94	23197	A	1	3.25	5.25	5.00	15.00	1645		
151	Nguyễn Thị	Linh	20/11/93	43701	A	1	3.00	5.50	4.75	15.00	1648		
152	Đặng Thị Mai	Duyên	30/11/94	15758	A	2NT	5.25	5.00	3.50	15.00	1655		
153	Lê Khánh Hoàng	An	16/08/93	13345	A	2	6.00	4.75	3.75	15.00	2043		
154	Trương Thị Bích	Ngọc	10/02/93	7479	A	2	3.50	5.50	5.50	15.00	2097		
155	Nguyễn Thị	Trang	01/07/93	17087	A	2	5.00	4.00	5.50	15.00	2119		
156	Trương Thị	Lệ	12/06/94	9097	A	2NT	5.00	4.50	4.50	15.00	2185		
157	Hồ Văn	Thức	24/08/94	25996	A	1	3.50	5.75	4.00	15.00	2318		
158	Ngô Quý	Ngừng	29/06/94	20226	A	1	4.00	4.75	4.50	15.00	2461		
159	Tôn Nữ Quỳnh	Trang	02/09/94	26795	A	2	4.25	4.50	5.50	15.00	2565		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
160	Nguyễn	Sang	01/11/94	13595	A	2	5.00	4.75	4.50	15.00	2943		
161	Ngô Thị Kim	Chi	05/10/93	40527	A	2NT	4.75	4.75	4.50	15.00	2978		
162	Võ Sĩ	Thành	07/05/93	46734	A	1	5.25	3.75	4.50	15.00	3170		
163	Trương Thị	Ny	02/01/94	23486	A	1	5.50	3.50	4.25	15.00	3267		
164	Trần Văn	Long	12/02/94	14384	A	2	4.50	5.00	4.75	15.00	3289		
165	Phan Thành	Nhân	20/02/94	15398	A	2NT	4.00	5.75	4.00	15.00	3337		
166	Nguyễn Thị	Lam	22/09/94	5386	A	2NT	5.00	4.50	4.25	15.00	8003		
167	Trần Văn	Dung	23/07/93	12053	A	1	4.50	4.75	4.00	15.00	8551		
168	Trần Thế Nhất	Việt	19/03/94	14213	A	3	3.75	5.75	5.25	15.00	8627		
169	Nguyễn Chánh	Tính	03/07/93	26431	A	2NT	5.00	4.25	4.75	15.00	8690		
170	Hoàng Thị Thu	Hiền	12/07/93	16977	A	2	5.50	4.50	4.50	15.00	8875		
171	Nguyễn Văn	Trình	21/10/94	26948	A	1	4.00	5.00	4.50	15.00	8965		
172	Nguyễn Văn	Chánh	10/01/94	11119	A	2	3.25	5.50	5.50	15.00	8986		
173	Lê Thị Uyên	Nhi	28/10/94	15986	A	2	3.50	5.50	5.50	15.00	9087		
174	Đặng Thị Ngọc	Linh	28/08/93	60993	A	2NT	4.50	6.00	3.50	15.00	9320		
175	Lê Thị Hải	Yến	03/09/94	2816	A	2NT	3.75	4.50	5.50	15.00	9773		
176	Bùi Ngọc	Hải	18/04/94	50297	A1	2NT	2.50	4.75	6.50	15.00	8452		
177	Đặng Thị Tây	Nguyên	14/04/94	5446	A1	1	4.50	3.75	5.25	15.00	9887		
178	Võ Thị Minh	Phương	15/06/93	79115	D1	2	5.00	5.75	3.75	15.00	19		
179	Trần Hữu	Phúc	02/06/93	77534	D1	2NT	3.25	6.75	3.75	15.00	78		
180	Lê Thị Thủy	Tiên	30/11/94	79534	D1	2	5.50	5.50	3.50	15.00	144		
181	Châu Quang	Vũ	30/03/94	72558	D1	2	4.00	7.00	3.25	15.00	151		
182	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	03/10/94	78028	D1	2	6.75	4.75	3.00	15.00	410		
183	Võ Thị Thu	Hiền	20/08/93	78870	D1	2NT	5.50	6.50	2.00	15.00	536		
184	Hoàng Thị Quỳnh	Nhi	19/03/94	77682	D1	2	5.75	5.00	3.75	15.00	732		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
185	Ngô Thị	Thanh	18/07/94	79454	D1	1	5.75	5.25	2.50	15.00	758		
186	Nguyễn Thị Thanh	Thuỷ	09/03/94	79008	D1	2NT	5.00	4.50	4.50	15.00	936		
187	Lê Thị	Phương	20/02/94	79114	D1	1	4.50	5.25	3.50	15.00	1383		
188	Thân Trọng Trúc	Giang	12/02/94	8484	D1	2NT	7.00	3.75	3.00	15.00	1555		
189	Trần Thái	Hoàng	17/03/94	77822	D1	2	6.50	3.50	4.50	15.00	1877		
190	Lê Văn	Thạnh	08/09/93	77994	D1	2	3.50	8.00	3.00	15.00	1981		
191	Dương Quang	Minh	06/12/94	77526	D1	2NT	6.00	4.75	3.00	15.00	2082		
192	Trần Thị Mỹ	Linh	30/12/93	78015	D1	2	6.50	5.25	2.75	15.00	2496		
193	Trương Thị Thùy	Linh	23/10/93	77941	D1	2NT	6.25	2.50	5.00	15.00	2785		
194	Phạm Thị	Diễm	28/03/94	78827	D1	2NT	7.25	3.75	3.00	15.00	2888		
195	Phan Văn	Hùng	01/05/93	7545	D1	2NT	4.00	6.50	3.50	15.00	2985		
196	Ngô Thanh	Sang	25/11/92	77233	D1	2	5.00	5.00	4.50	15.00	3079		
197	Mai Thị Thành	Vinh	04/04/93	77658	D1	2	7.00	3.25	4.00	15.00	8849		
198	Bùi Thị Cẩm	Hường	10/09/94	80034	D3	1	5.75	3.75	4.00	15.00	611		
199	Nguyễn Xuân	Phú	23/04/93	14390	A	2	4.50	3.50	5.75	14.50	43		
200	Ngô Văn	Quang	09/12/94	22039	A	2NT	5.25	4.25	3.75	14.50	245		
201	Nguyễn Văn	Thạnh	10/07/91	14892	A	2NT	4.00	4.25	5.25	14.50	561		
202	Nguyễn Ngọc Trang	Uyên	24/07/94	28764	A	2	5.75	4.00	4.25	14.50	575		
203	Phan Công	Đạt	18/12/94	12896	A	2	7.50	2.50	3.75	14.50	662		
204	Võ Công	Hải	16/02/90	10596	A	2	6.00	4.75	3.00	14.50	668		
205	Nguyễn Thị Thu	Hương	13/05/94	14880	A	2NT	5.00	4.50	3.75	14.50	912		
206	Đào Thuỷ	Tiên	24/10/94	16460	A	2NT	4.00	4.25	5.00	14.50	1044		
207	Lê Đình Quý	Thuấn	29/03/93	10581	A	2	5.50	5.50	2.75	14.50	1269		
208	Bùi Ngọc Tường	Vy	16/02/94	26376	A	2	6.50	2.75	4.75	14.50	1274		
209	Nguyễn Đức Anh	Kiệt	24/07/94	15433	A	2	4.50	4.50	4.75	14.50	1294		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
210	Hồ Hữu	Đức	03/06/94	17183	A	2	7.00	3.50	3.50	14.50	1316		
211	Bùi Nguyễn Như	Nguyện	10/05/94	15012	A	2	4.75	5.25	4.00	14.50	1889		
212	Phan Hoàng	Thiện	11/10/94	25091	A	2NT	5.00	3.50	5.00	14.50	2194		
213	Hoàng Khánh	Giang	10/01/93	41365	A	2NT	4.50	4.75	4.00	14.50	2228		
214	Trương Thị	Việt	05/10/94	14980	A	2NT	3.25	4.75	5.25	14.50	2516		
215	Lê Quang Ngọc	Đức	08/07/94	13412	A	1	4.25	4.50	4.25	14.50	2529		
216	Lê Thị Mỹ	Lệ	12/11/93	17752	A	2NT	5.25	4.00	4.25	14.50	2541		
217	Lê Thị Mỹ	Hạnh	26/11/94	13365	A	2	6.25	3.25	4.50	14.50	2634		
218	Trần Thị Thanh	Hồng	14/11/94	14642	A	2	6.00	4.25	3.75	14.50	2636		
219	Hoàng Ngọc	Thái	06/07/94	24078	A	1	3.00	4.50	5.25	14.50	2659		
220	Huỳnh Thị Ngọc	Linh	20/08/93	15265	A	2NT	4.75	5.00	3.50	14.50	3302		
221	Lê Văn	Toãn	23/10/94	26717	A	1 06	2.25	4.00	5.50	14.50	3365		
222	Phạm Minh	Tuấn	19/04/94	27944	A	2NT	4.50	5.25	3.50	14.50	8425		
223	Phạm Hồng	Sơn	17/06/94	3622	A	2NT	4.50	5.50	3.50	14.50	8912		
224	Lê Thị	Thuận	27/02/94	47463	A	2	3.50	5.75	4.50	14.50	9280		
225	Trần Thị Thu	Hà	16/06/94	41527	A	2NT	5.00	5.00	3.25	14.50	9436		
226	Nguyễn Thị Vân	Anh	11/05/93	5158	A	1	5.75	3.50	3.75	14.50	9444		
227	Hoàng Thị	Phương	20/10/93	45753	A	1	4.50	3.50	5.00	14.50	9841		
228	Phan Phụng	Hoàng	04/08/94	15279	A	3	3.75	5.50	5.25	14.50	13022		
229	Ngô Ngọc	Linh	17/06/94	28898	A1	1	4.25	3.00	5.50	14.50	3382		
230	Nguyễn Văn	Minh	25/01/94	77866	D1	2NT	5.50	3.25	4.50	14.50	268		
231	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	26/09/93	79001	D1	2	4.50	7.00	2.50	14.50	308		
232	Hoàng Đức	Sơn	15/10/94	362	D1	2	5.00	7.00	1.75	14.50	680		
233	Trương Văn	Hiếu	20/02/94	77290	D1	2NT	5.50	3.25	4.50	14.50	792		
234	Nguyễn Thị Thanh	Hà	12/09/94	78981	D1	2NT	6.50	3.00	3.75	14.50	964		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
235	Nguyễn Nữ Khánh	Ngọc	16/01/94	79410	D1	2NT	5.50	4.75	3.25	14.50	1434		
236	Nguyễn Hạnh	Nhân	08/12/94	72658	D1	2	5.00	3.75	5.00	14.50	1568		
237	Nguyễn Thị	Huyền	24/03/94	78245	D1	2NT	6.00	4.00	3.50	14.50	1689		
238	Nguyễn Lê Nhật	Quang	28/07/94	77918	D1	2	6.00	4.25	3.75	14.50	1709		
239	Hoàng Thị Thanh	Truyền	23/04/94	79701	D1	2NT	5.00	5.50	3.00	14.50	1817		
240	Hoàng Thị	Hiền	04/08/94	53952	D1	1	4.50	3.50	4.75	14.50	1848		
241	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	10/08/93	79516	D1	2NT	5.00	5.00	3.50	14.50	2237		
242	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	02/12/94	6571	D1	1	4.75	5.25	3.00	14.50	2357		
243	Lê Hoàng Khánh	Hòa	16/06/94	72609	D1	1	6.00	3.00	4.00	14.50	2418		
244	Trần Thị Trà	My	16/03/94	77374	D1	2	6.25	3.25	4.50	14.50	3044		
245	Nguyễn Thị Linh	Giang	16/08/93	14376	D1	2NT	6.50	1.75	5.00	14.50	3106		
246	Lê Thị	Nguyên	21/07/94	72543	D1	1	4.00	4.75	4.00	14.50	3166		
247	Nguyễn Phước Huyền	Trang	07/10/91	78270	D1	2	4.25	7.25	2.50	14.50	3216		
248	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	11/07/94	11636	D1	2	6.50	2.50	5.00	14.50	8026		
249	Nguyễn Trần Đăng	Nguyên	24/06/94	72694	D1	2NT	3.50	5.25	4.75	14.50	8348		
250	Trương Thị Anh	Minh	04/11/93	54664	D1	2	6.50	2.75	4.50	14.50	9217		
251	Nguyễn Duy Phương	Thanh	30/05/94	135	D4	2	5.50	3.75	4.50	14.50	9488		
252	Ngô Ngọc Hoài	Trâm	27/08/94	22177	A	2	5.75	4.25	3.50	14.00	300		
253	Trần Minh	Tú	03/12/94	15086	A	2	4.75	4.25	4.25	14.00	359		
254	Nguyễn Thị Hồng	Trang	28/08/93	16546	A	1	3.25	5.25	4.00	14.00	454		
255	Nguyễn Quang	Trung	23/04/94	12332	A	2	4.50	5.50	3.50	14.00	464		
256	Nguyễn Thị Quý	Trâm	02/12/94	23457	A	2	5.25	3.75	4.50	14.00	564		
257	Nguyễn Thị	Phượng	26/10/94	16242	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	658		
258	Lê Đức Quang	Thành	27/09/93	26409	A	2NT	5.50	3.50	3.75	14.00	674		
259	Đỗ Thành Cao	Thái	01/04/94	24082	A	2	3.00	4.75	5.75	14.00	721		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
260	Phan Thị Tú	Trang	22/12/94	14858	A	2	5.75	3.75	4.00	14.00	813		
261	Lê Ngọc	Quý	04/11/94	14890	A	1	4.25	4.25	4.00	14.00	849		
262	Lê Thị Mỹ	Huyền	06/09/93	16519	A	1	3.75	5.00	3.75	14.00	874		
263	Lê Thị Bảo	Hân	13/03/94	27085	A	2	1.50	5.50	6.25	14.00	940		
264	Phan Thị Dịu	Hiền	01/03/94	15931	A	2	5.00	4.00	4.25	14.00	1167		
265	Lê Thị Lan	Anh	15/08/94	40161	A	2NT	3.75	3.50	5.50	14.00	1388		
266	Dương Duy	Nhân	27/08/94	14007	A	2NT	4.50	4.25	4.00	14.00	1394		
267	Võ Đại	Tú	20/07/94	28365	A	1	3.50	3.75	5.25	14.00	1412		
268	Nguyễn Minh	Quân	18/09/93	13970	A	2	3.75	4.00	5.75	14.00	1446		
269	Phạm Phú	Khánh	10/12/94	13579	A	2NT	3.50	5.00	4.50	14.00	1468		
270	Phạm Thị	Huyền	24/02/94	14454	A	2NT	3.50	3.75	5.50	14.00	1525		
271	Nguyễn Đăng	Bảo	05/05/94	13441	A	2	4.25	4.75	4.50	14.00	1579		
272	Đỗ Thị Thương	Hà	26/08/94	41596	A	1	4.25	3.25	5.00	14.00	1581		
273	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	02/02/93	3631	A	1 06	3.25	4.50	3.75	14.00	1654		
274	Bùi Đặng Thống	Nhất	01/01/94	14275	A	2	5.50	4.50	3.50	14.00	1879		
275	Lê Thành	Quang	08/11/93	1783	A	2NT	3.25	5.25	4.25	14.00	1885		
276	Võ Thị ánh	Tuyết	31/01/94	22240	A	2	5.00	4.25	4.25	14.00	1943		
277	Hoàng Thị Ngọc	Hà	10/01/94	13448	A	2NT	4.50	3.75	4.50	14.00	1947		
278	Nguyễn Quốc	Thiện	08/04/94	13975	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	1998		
279	Trần Xuân	Huy	10/08/94	13954	A	2NT	3.25	4.25	5.50	14.00	2297		
280	Trần Đình	Vĩnh	09/07/94	14556	A	2NT	3.75	4.25	4.75	14.00	2371		
281	Lê Bá	Quý	10/11/94	16744	A	1	4.25	3.50	4.50	14.00	2512		
282	Nguyễn Viết Thành	Công	28/11/94	15211	A	1	4.00	4.25	4.00	14.00	2582		
283	Tôn Thất	Sinh	10/12/92	14054	A	2NT 06	3.75	4.50	3.50	14.00	2732		
284	Võ Đức	Ngọc	28/02/94	14536	A	2NT	4.25	4.75	4.00	14.00	2795		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
285	Dư Thành	Long	16/10/94	1506	A	2	5.50	3.75	4.25	14.00	2876		
286	Hồ Thị	Hoài	09/03/94	736	A	2NT	5.50	4.00	3.50	14.00	3294		
287	Phan Thùy	Trang	05/07/93	15820	A	2	5.25	2.25	5.75	14.00	8051		
288	Nguyễn Ngọc	Nhật	24/06/93	14575	A	2	4.75	4.75	4.00	14.00	8308		
289	Đỗ Thị Thu	Hiền	17/01/94	16434	A	2NT	4.75	3.75	4.50	14.00	8621		
290	Võ Quỳnh	Trang	01/08/94	17006	A	2	4.75	4.50	4.00	14.00	8877		
291	Lê Hồ ánh	Nguyệt	26/02/94	13377	A	2	4.25	5.25	3.75	14.00	9162		
292	Trần Thị Diễm	Vi	08/10/94	10628	A	2	5.25	3.50	4.50	14.00	9229		
293	Trần Đức	Huyến	03/09/92	14605	A	2NT	4.75	4.25	3.75	14.00	9527		
294	Nguyễn Quang	Hùng	10/06/93	16235	A	2NT	3.75	5.00	4.25	14.00	9567		
295	Đặng Thị	Thảo	09/09/94	14358	A	2NT	3.50	4.50	5.00	14.00	9569		
296	Đặng Lê Minh	Phương	13/05/94	11947	A	2	4.75	4.00	4.50	14.00	9856		
297	Đặng Thị	Thuỷ	06/10/94	4711	A	2	4.00	4.50	5.00	14.00	13019		
298	Hoàng Thị Minh	Tân	01/07/93	29293	A1	2	3.50	4.50	5.50	14.00	38		
299	Phan Văn	Hùng	01/05/93	11596	A1	2NT	3.75	4.50	4.50	14.00	1517		
300	Nguyễn Duy	Định	26/09/93	77513	D1	2	3.75	4.50	5.00	14.00	33		
301	Trần Thị Hoài	Phương	06/07/93	79000	D1	2NT	5.25	4.50	3.00	14.00	35		
302	Nguyễn Thị Thanh	Hương	14/11/94	79442	D1	2	4.75	5.00	3.50	14.00	51		
303	Phan Thị Thu	Hiền	14/11/93	75015	D1	1	5.50	3.50	3.50	14.00	125		
304	Cao Xuân Nhật	Quang	08/01/94	77191	D1	2	4.25	4.50	4.50	14.00	212		
305	Huỳnh Thị Anh	Thư	15/09/94	75634	D1	2	4.00	5.00	4.50	14.00	324		
306	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	04/02/94	75282	D1	2	7.50	1.50	4.50	14.00	370		
307	Dương Thị Minh	Nguyệt	24/08/94	78768	D1	2NT	5.50	3.75	3.50	14.00	415		
308	Tôn Nữ Nhật	Phương	27/10/94	79039	D1	2	3.75	6.25	3.50	14.00	527		
309	Trương Thị Thùy	Dương	11/06/93	75042	D1	2	5.00	4.50	3.75	14.00	584		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
310	Lê Chí	Hiếu	18/02/93	77216	D1	2	5.50	4.25	3.50	14.00	686		
311	Phạm Thị Thu	Thảo	17/06/94	74870	D1	2NT	6.25	2.50	4.00	14.00	791		
312	Nguyễn Thị Thanh	Loan	30/08/94	75624	D1	1	6.00	3.25	3.25	14.00	819		
313	Phan Thị	Nga	18/06/94	79598	D1	1	6.75	2.50	3.00	14.00	885		
314	Mai Thị Nhật	Linh	05/02/94	74247	D1	1	4.75	4.00	3.50	14.00	1154		
315	Thân Thị Thuỷ	Tiên	10/12/94	79648	D1	2	4.25	4.50	4.50	14.00	1237		
316	Phan Thị Mai	Anh	21/09/94	74575	D1	2	3.50	6.50	3.50	14.00	1242		
317	Hoàng Thị Ngọc	Diễm	29/08/94	74693	D1	2	5.50	3.25	4.50	14.00	1300		
318	Lê Nguyễn Phương	Linh	26/04/94	78988	D1	2NT	6.25	3.25	3.50	14.00	1362		
319	Lê Văn	Nam	20/11/94	73947	D1	2NT	4.50	3.75	4.50	14.00	1587		
320	Nguyễn Thị	Mến	27/03/94	73945	D1	2NT	5.50	1.25	6.00	14.00	1650		
321	Dư Nữ Huệ	Trang	20/01/93	77466	D1	2	6.25	4.00	3.00	14.00	1704		
322	Hoàng Thị Khánh	Linh	01/04/94	73905	D1	2NT	5.00	4.50	3.50	14.00	2333		
323	Bùi Thị	Miền	11/10/93	72577	D1	2	7.00	3.75	2.50	14.00	2744		
324	Võ Thị Đức	Trang	20/08/94	79689	D1	2NT	6.00	4.00	3.00	14.00	3027		
325	Phạm Thị Huyền	Trang	07/04/94	4629	D1	1	4.50	4.50	3.50	14.00	8253		
326	Nguyễn Hồng	Diễm	18/05/94	12118	D1	2NT	5.50	4.75	2.50	14.00	8383		
327	Võ	Phụng	02/12/94	77571	D1	1	5.00	3.75	3.50	14.00	8728		
328	Trương Minh	Vũ	17/04/93	72596	D1	2	4.50	4.00	5.00	14.00	8935		
329	Lê Thị Hoài	Vi	10/05/93	79505	D1	2	5.00	5.25	3.00	14.00	9118		
330	Lê Thị Minh	Ly	06/05/94	73869	D1	1	6.50	2.50	3.25	14.00	9489		
331	Nguyễn Thị	Dương	06/12/94	53609	D1	1 06	5.50	3.25	2.75	14.00	9627		
332	Phạm Thị	Na	20/11/94	77913	D1	2NT	5.75	4.25	3.00	14.00	9763		
333	Đặng Thị Mộng	Nhàn	16/06/93	15231	A	2NT	5.50	3.50	3.50	13.50	61		
334	Nguyễn Lê Trí	Cường	12/01/94	15336	A	2	3.25	4.00	5.50	13.50	118		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
335	Trần Minh	Lâm	23/10/94	23312	A	2	4.50	3.50	5.00	13.50	208		
336	Lê Văn	Cường	08/09/94	11709	A	2	4.00	4.75	4.00	13.50	520		
337	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	10/02/94	14770	A	2	4.25	2.75	6.00	13.50	524		
338	Lê Viết	Cầu	08/09/94	22412	A	2NT	5.00	3.50	3.75	13.50	777		
339	Nguyễn Lương	Tài	13/10/93	13512	A	2NT	3.25	3.25	6.00	13.50	779		
340	Nguyễn Thị Kim	Sen	24/04/93	16035	A	1	5.00	2.75	4.00	13.50	815		
341	Nguyễn Công	Kỳ	06/08/93	14419	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	1070		
342	Nguyễn Tăng	Vinh	18/10/91	14327	A	2	4.75	2.75	5.50	13.50	1361		
343	Lê Thị Minh	Tuyền	13/06/94	28296	A	1	4.75	3.50	3.75	13.50	1379		
344	Trần Đình Quốc	Bảo	04/08/93	10707	A	2	3.75	4.50	4.50	13.50	1519		
345	Nguyễn Đinh Cát	Tùng	24/03/94	48916	A	3	3.50	4.25	5.75	13.50	1775		
346	Trần Thảo Uyên	Ly	13/11/94	3992	A	2	3.25	4.25	5.25	13.50	1909		
347	Nguyễn Hồng	Đức	08/09/94	13464	A	2NT	5.00	3.75	3.75	13.50	1983		
348	Hà Huy	Hoàng	16/08/94	10057	A	2NT	4.00	3.75	4.50	13.50	2030		
349	Phan	Hợp	08/06/93	15769	A	2	4.50	4.75	3.75	13.50	2114		
350	Trương Thị Hồng	Thư	15/12/94	14586	A	2	5.75	4.75	2.50	13.50	2135		
351	Phan Như	Huyền	16/07/94	42808	A	2NT	5.25	3.50	3.50	13.50	2140		
352	Hoàng Hoài	Nhi	18/11/94	45130	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	2240		
353	Phùng Gia	Bảo	20/02/92	10719	A	2	5.50	4.50	3.00	13.50	2396		
354	Lê Văn	Thích	12/05/94	25164	A	2NT	3.50	4.00	4.75	13.50	2453		
355	Hồ Thị Thu	Liên	21/07/94	16817	A	2	4.75	4.75	3.50	13.50	2608		
356	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	23/04/94	10027	A	1	4.25	3.50	4.00	13.50	2641		
357	Đỗ Thị	Ninh	05/08/94	22660	A	2NT	4.75	4.75	2.75	13.50	2767		
358	Trần Thị Đài	Trang	10/10/94	14403	A	2NT	4.50	3.50	4.50	13.50	2815		
359	Lê Thị Ngọc	Minh	08/02/94	10106	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	2962		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
360	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	25/08/93	1092	A	2NT	1.50	5.50	5.50	13.50	3112		
361	Nguyễn Trung	Hiếu	21/03/94	14647	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	3214		
362	Nguyễn Trùng	Dương	17/04/94	12593	A	2	3.00	5.50	4.50	13.50	3271		
363	Nguyễn Thị	Hiền	10/01/94	15002	A	2NT	3.50	4.50	4.25	13.50	8193		
364	Lê Thị Diệu	Anh	13/08/94	16131	A	2 06	4.75	3.75	3.25	13.50	8392		
365	Nguyễn Ngọc	Vũ	02/07/94	29481	A	2	5.50	3.25	4.00	13.50	8707		
366	Nguyễn Thị	Hồng	18/10/94	42512	A	2NT	3.00	4.75	4.50	13.50	8983		
367	Nguyễn Ngọc	Thịnh	07/06/94	4434	A	1	1.25	5.50	5.00	13.50	9077		
368	Hà Văn	Thắng	18/01/93	24796	A	2	6.25	4.00	2.75	13.50	9166		
369	Đoàn Trung	Đức	02/09/94	12762	A	1	3.75	3.50	4.75	13.50	9209		
370	Phan Cao	Danh	15/10/91	13348	A	1	2.75	5.00	4.25	13.50	9524		
371	Nguyễn Thị Hương	Ly	26/10/94	16820	A	1	4.75	3.75	3.25	13.50	9531		
372	Đậu Nhật	Tuấn	04/07/94	48742	A	2	3.75	5.75	3.25	13.50	9795		
373	Võ Minh	Đức	20/09/94	28699	A1	2	4.00	3.75	5.00	13.50	800		
374	Trần Thị Thùy	Trang	09/01/94	27855	A1	1	2.25	4.50	5.00	13.50	866		
375	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/08/94	29569	A1	2NT	3.25	4.50	4.50	13.50	2077		
376	Huỳnh Thị Bảo	Thành	10/06/94	29180	A1	2NT	4.00	3.25	5.00	13.50	2591		
377	Vũ Thị Phương	Anh	13/06/94	14182	A1	2NT	4.75	3.50	4.00	13.50	9458		
378	La Dương	Hà	03/02/94	74734	D1	2	4.00	5.50	3.50	13.50	32		
379	Hoàng Thị Thu	Thảo	11/01/93	73921	D1	2	5.00	4.00	4.00	13.50	57		
380	Võ Thị Hoài	Thanh	10/12/93	74521	D1	2	6.00	1.75	5.00	13.50	325		
381	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/94	72708	D1	2	6.00	4.00	3.00	13.50	350		
382	Nguyễn Thị Thanh	Vy	10/08/94	74305	D1	2NT	2.75	5.75	4.00	13.50	421		
383	Phan Thị	Thuỷ	29/01/94	75034	D1	2	4.75	3.25	5.00	13.50	467		
384	Lê Thị Minh	Huệ	01/08/93	74317	D1	2NT	6.25	2.50	3.50	13.50	693		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
385	Nguyễn Thị Minh	Vương	10/02/93	74191	D1	2NT	5.50	3.75	3.25	13.50	737		
386	Lê Thị Kim	Thoa	03/07/94	79158	D1	2	7.00	1.75	4.25	13.50	773		
387	Lê Thị Diệu	Linh	08/06/94	74094	D1	2NT	3.50	5.50	3.25	13.50	924		
388	Lê Thị Như	Thuý	28/02/94	79159	D1	2	7.00	3.75	2.25	13.50	957		
389	Lê Thị	Cúc	12/09/93	74424	D1	2NT	5.50	2.50	4.25	13.50	976		
390	Hồ Khánh	Ngọc	02/08/94	73492	D1	2	4.50	5.00	3.50	13.50	1065		
391	Lê Thị Hồng	Nhung	15/04/94	79676	D1	2	4.25	6.50	2.25	13.50	1067		
392	Kim Thị Lan	Phương	18/09/94	74218	D1	2NT	4.50	3.75	4.00	13.50	1249		
393	Cái Vũ Mỹ	Quyên	16/06/94	77459	D1	2NT	6.00	2.75	3.50	13.50	1307		
394	Nguyễn Bích	Ngọc	18/02/94	72428	D1	2	6.25	2.25	4.50	13.50	1416		
395	Đoàn Nữ Quỳnh	My	17/03/94	78295	D1	2	5.00	2.50	5.25	13.50	1461		
396	Nguyễn Thị	Ly	04/07/94	73982	D1	1	5.50	3.50	3.00	13.50	1591		
397	Nguyễn Đình Phương	Vũ	15/10/93	79695	D1	2	4.25	4.50	4.25	13.50	1854		
398	Nguyễn Thị Kim	Cương	11/06/94	75456	D1	2NT	7.50	2.00	3.00	13.50	2004		
399	Võ Thị Hồng	Loan	12/01/93	79180	D1	2NT	4.50	4.75	3.00	13.50	2163		
400	Bùi Thị Lan	Anh	08/08/94	136	D1	2NT	6.25	2.50	3.50	13.50	2315		
401	Trần Văn	Lực	03/09/94	77525	D1	1	3.50	5.50	2.75	13.50	2401		
402	Nguyễn Đình	Đức	11/05/85	77174	D1	2NT	3.50	5.50	3.50	13.50	2689		
403	Trương Thị Thùy	Trang	17/05/93	55819	D1	2	5.75	5.25	2.00	13.50	8132		
404	Trần Thị Anh	Đào	10/09/94	78980	D1	2NT	6.25	2.75	3.50	13.50	8410		
405	Trần Minh	Tuấn	16/05/94	21038	D1	1	6.50	2.00	3.25	13.50	9078		
406	Trần Thị Anh	Đào	10/09/94	78980	D1	2NT	6.25	2.75	3.50	13.50	9401		
407	Nguyễn Đình	Phương	23/09/94	14445	D1	2NT	7.00	2.25	3.00	13.50	9878		
408	Lê Phước Thanh	Tín	01/01/94	12866	A	2	4.25	4.75	3.25	13.00	288		
409	Trần Thị Thảo	Nguyên	17/02/94	15733	A	2NT	4.00	3.75	4.00	13.00	356		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
410	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	28/02/94	13162	A	2	3.25	4.75	4.25	13.00	375		
411	Lê Ngô Đức	Hiếu	18/10/94	12635	A	2	4.75	4.00	3.75	13.00	377		
412	Đào Hữu	Tài	20/02/94	13638	A	2NT	3.00	4.50	4.25	13.00	440		
413	Phan Anh	Khoa	05/01/85	21770	A	2NT	5.25	3.00	3.50	13.00	448		
414	Phan ánh	Phúc	27/07/94	16032	A	2	4.75	3.00	4.75	13.00	494		
415	Nguyễn Hưng	Đạt	15/11/94	13190	A	2	4.25	4.50	3.50	13.00	542		
416	Nguyễn Bình	An	27/07/94	11767	A	2	3.25	5.25	3.75	13.00	558		
417	Lê Thị Ngọc	Trâm	30/06/94	14779	A	2	5.50	3.50	3.50	13.00	648		
418	Hoàng Thị Ngọc	Vân	25/02/93	28797	A	2NT	3.25	5.25	3.50	13.00	709		
419	Đặng Thị Anh	Phương	20/02/93	12025	A	2	4.00	4.75	3.50	13.00	724		
420	Phan Thanh Đông	Nguyên	09/04/94	44849	A	2	4.75	2.75	4.75	13.00	728		
421	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	08/02/94	11831	A	2	4.50	4.75	3.00	13.00	1088		
422	Nguyễn Thị Phương	Kiều	07/10/94	16060	A	2NT	3.50	4.50	3.75	13.00	1229		
423	Trần Văn	Trung	27/12/94	23543	A	1	2.50	5.25	3.50	13.00	1692		
424	Nguyễn Hữu	Tuệ	16/02/94	14948	A	2	3.00	4.50	4.75	13.00	1758		
425	Trần Phúc	Đồng	19/06/94	13232	A	2NT	3.00	4.50	4.50	13.00	1807		
426	Hồ Thị ý	Nhi	04/02/94	13378	A	2	4.75	4.00	3.50	13.00	2012		
427	Nguyễn Mạnh	Cường	13/03/94	11183	A	2	5.00	3.25	4.25	13.00	2041		
428	Nguyễn Hữu	Thọ	03/04/93	14659	A	2	4.50	3.50	4.50	13.00	2054		
429	Nguyễn Thành	Tâm	01/05/93	23719	A	2NT	5.00	4.50	2.50	13.00	2223		
430	Đỗ Thành	Ninh	04/12/94	20822	A	2NT	4.25	4.25	3.50	13.00	2245		
431	Trần Thị Anh	Thư	12/02/94	16501	A	1	3.75	4.25	3.50	13.00	2442		
432	Lê Thị Anh	Đào	07/04/94	21876	A	2NT	4.00	3.75	4.25	13.00	2479		
433	Vũ Thị Như	ý	25/04/94	15456	A	2	5.00	3.75	3.75	13.00	2561		
434	Nguyễn Thị Thuý	Nga	19/03/93	16780	A	2	3.00	3.75	5.50	13.00	2687		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
435	Nguyễn Thị Thảo	Nhung	08/08/94	14804	A	2NT	3.25	4.25	4.50	13.00	3056		
436	Đinh Nhật Hương	Giang	03/11/94	13699	A	2	4.25	4.25	3.75	13.00	3142		
437	Dương Thanh	Tùng	26/07/92	13326	A	2	6.00	4.50	1.75	13.00	3163		
438	Phạm Thị Mỹ	Anh	01/11/94	13145	A	2	4.25	4.50	3.50	13.00	3187		
439	Nguyễn Thị Cát	Thảo	29/10/94	14771	A	2NT	3.00	4.50	4.50	13.00	3318		
440	Đặng Thị	Phú	20/02/94	23240	A	2	3.50	3.75	5.25	13.00	3319		
441	Trương Thị Hoài	Thu	16/07/94	47397	A	2	2.00	3.75	6.50	13.00	3339		
442	Hoàng Thị Như	Ngọc	28/03/94	16321	A	2NT	2.50	4.50	5.00	13.00	8275		
443	Thái Thị Mỹ	Ngọc	02/09/94	12399	A	2NT 06	2.75	3.50	4.75	13.00	8368		
444	Lê Thị	Phú	25/11/93	14165	A	2NT	4.00	3.25	4.50	13.00	8579		
445	Nguyễn Bá	Sang	30/08/94	11873	A	2	4.50	4.50	3.25	13.00	8874		
446	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	26/01/94	5451	A	2	3.25	4.50	4.50	13.00	8926		
447	Đặng Hoàng	Lan	06/05/94	12127	A	2	5.25	3.75	3.25	13.00	9099		
448	Phạm Thị	Hà	19/11/93	13753	A	1	3.50	4.50	3.25	13.00	9224		
449	Trần Ngọc	Minh	20/02/94	1368	A	2NT	1.25	5.25	5.50	13.00	9584		
450	Nguyễn Thị	Huyền	20/03/94	16603	A	2NT	4.25	3.50	4.25	13.00	9918		
451	Lê Bình	Phương	27/09/94	28413	A1	2	3.00	3.25	6.00	13.00	70		
452	Nguyễn Văn	Đức	11/08/94	28093	A1	2	5.00	3.25	4.00	13.00	476		
453	Trần Vũ	Anh	10/09/94	29378	A1	2NT	4.00	3.75	4.00	13.00	945		
454	Trần Đức	Linh	23/06/94	50977	A1	2NT	1.75	5.00	5.25	13.00	1000		
455	Lê Thị	Huệ	30/09/94	29349	A1	1	3.50	2.50	5.50	13.00	2407		
456	Hồ Thị Thảo	My	04/07/94	29319	A1	2	4.00	3.50	5.00	13.00	2820		
457	Đỗ Kiều	Duyên	18/08/94	50092	A1	2NT	2.75	4.75	4.25	13.00	8539		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

(DHL.C510210) - Ngành: Công thôn (hệ Cao đẳng) **Chỉ tiêu: 59**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trần Thị	Lợi	26/04/93	16064	A	2NT	4.00	4.25	3.50	13.00	8101		
2	Hoàng Đức	Hải	22/10/92	41671	A	1	3.00	3.25	4.50	12.50	3003		
3	Nguyễn Trần Linh	Phương	28/10/94	10780	A	2	5.00	3.00	4.00	12.50	3197		
4	Hồ Thị	Lý	16/09/93	12243	A	1	3.25	3.50	3.50	12.00	703		
5	Đặng Hoài	Khanh	04/04/91	25270	A	2	4.25	3.50	3.75	12.00	1992		
6	Hồ Thị Tiên	Nga	03/05/94	12208	A	2NT	3.50	3.75	3.25	11.50	2477		
7	Trương Công	Danh	20/10/92	20444	A	1	3.25	3.25	3.25	11.50	13099		
8	Nguyễn Viết	Công	27/04/93	25546	A	2NT	1.00	4.50	4.50	11.00	2384		
9	Trương Thị Kiều	Nga	25/05/94	22891	A	2	3.50	3.50	3.25	11.00	2615		
10	Lê Tường Thụy	Thụy	12/12/94	24807	A	2	3.75	2.50	3.50	10.50	9		
11	Bùi Văn	Quý	06/12/93	19300	A	2	1.00	3.50	5.25	10.50	762		
12	Trần Trung	Kiên	25/05/92	10562	A	2	2.75	3.50	3.50	10.50	2262		
13	Phan Quang	Giáp	16/09/94	11464	A	2	3.25	2.50	4.00	10.50	3317		
14	Nguyễn Đắc	Trí	24/11/92	17429	A	2	1.75	4.50	3.00	10.00	408		
15	Nguyễn Công	Thành	14/01/94	12934	A	2NT	2.00	3.50	3.25	10.00	1031		
16	Lê Thị Ngọc	Bích	15/11/94	12587	A	1	2.75	2.25	3.25	10.00	1563		
17	Trần Văn	Trí	14/02/94	18143	A	2NT	2.25	3.00	3.50	10.00	3278		
18	Đinh Vương	Nhân	19/02/94	20312	A	1	2.00	3.25	3.25	10.00	9354		

(DHL.C620105) - Ngành: Chăn nuôi (hệ Cao đẳng) **Chỉ tiêu: 84**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Lê Tiểu	Long	08/10/94	63644	B	2NT	3.75	3.50	5.75	14.00	3353		
2	Phan Bá	Sĩ	20/02/93	65263	B	2NT 06	5.25	2.50	4.00	14.00	8276		
3	Phan Bá	Sĩ	20/02/93	65263	B	2NT 06	5.25	2.50	4.00	14.00	9360		
4	Nguyễn Thanh	Ngoan	20/02/94	47098	B	1	3.75	3.25	5.00	13.50	690		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
5	Nguyễn Đăng	Hợp	07/10/94	46219	B	2NT	4.00	3.75	4.75	13.50	8413		
6	Lê Văn	Hùng	29/09/94	47362	B	2NT	3.50	4.25	4.50	13.50	9418		
7	PhanThị	Ngân	28/12/94	7978	A	1	4.25	3.00	4.00	13.00	9944		
8	Ngô Thị	Phước	10/11/94	49903	B	1	5.25	1.75	4.50	13.00	2748		
9	Đinh Văn	Phúc	25/08/94	47411	B	1	3.50	4.25	3.75	13.00	3004		
10	Nguyễn Đình	Hậu	03/05/94	46217	B	2NT	3.75	3.50	4.50	13.00	8434		
11	Trần Ngọc	Linh	15/10/93	47171	B	2NT	5.25	4.50	2.25	13.00	8765		
12	Đỗ Thị Giang	Nam	21/04/94	47293	B	2	4.25	3.75	4.25	13.00	9261		
13	Lê Thị Quỳnh	Như	11/07/94	44251	B	2NT	4.00	4.50	3.50	13.00	9379		
14	Hà Văn	Vũ	02/04/94	49005	B	2NT	4.00	3.75	4.00	13.00	9442		
15	Lê Thanh	Nguyên	10/08/94	47334	B	2NT	4.50	4.00	3.50	13.00	9955		
16	Lê Nguyễn Ngọc	Thảo	12/11/94	17541	A	2	4.25	4.00	3.50	12.50	1406		
17	Lê Hữu	Quảng	22/01/94	18255	A	2NT	5.25	2.50	3.75	12.50	2167		
18	Phạm	Sang	10/06/93	19266	A	2NT	3.50	4.50	3.25	12.50	2642		
19	Nguyễn Thị	Mẫn	06/10/93	19262	A	2NT	3.75	3.50	4.00	12.50	2678		
20	Nguyễn Văn	Phú	06/04/94	18374	A	2NT	3.25	2.75	5.50	12.50	3113		
21	Nguyễn Trần Linh	Phương	28/10/94	10780	A	2	5.00	3.00	4.00	12.50	3193		
22	Đỗ Thị Dung	Linh	28/07/94	19329	A	2NT	2.50	4.75	4.00	12.50	8365		
23	Đỗ Hồng	Quân	31/01/94	19299	A	2NT	3.25	3.50	4.75	12.50	9410		
24	Dương Thị	Thúy	08/09/94	47573	A	1	1.50	5.25	4.00	12.50	9697		
25	Bùi Vinh	Tân	20/04/93	10417	A	2NT	2.50	4.50	4.50	12.50	9873		
26	Lê Hồng	Sơn	26/11/94	43632	B	2NT	4.00	3.50	3.75	12.50	1590		
27	Mai Thành	Nam	03/02/94	47136	B	2NT	4.25	3.75	3.50	12.50	2110		
28	Lê Hữu	Quảng	22/01/94	47181	B	2NT	4.50	2.25	4.50	12.50	2166		
29	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	03/03/94	50703	B	2NT	5.50	2.25	3.50	12.50	2307		

(DHL.C620105) - Ngành: Chăn nuôi (hệ Cao đẳng) Chỉ tiêu: 84

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
30	Trần Thị Minh	Khai	20/11/93	45067	B	2NT	4.75	3.25	3.50	12.50	3200		
31	Từ Đình	Công	07/07/93	43579	B	1	5.50	2.75	2.75	12.50	3238		
32	Nguyễn Trần Mỹ	Phương	10/12/94	40398	B	1	3.00	3.50	4.25	12.50	3281		
33	Nguyễn	Vinh	25/05/93	47307	B	2NT	4.75	3.50	3.00	12.50	8595		
34	Hà Văn	Thắng	18/01/93	41704	B	2	4.25	4.25	3.25	12.50	8741		
35	Hồ Thị	Hương	09/09/94	47441	B	1	5.25	2.75	3.00	12.50	9011		
36	Đặng Văn	Đạt	07/09/93	11521	B	1	4.50	3.00	3.50	12.50	9474		
37	Nguyễn Văn	Lộc	11/07/93	14647	A	1	2.00	3.75	4.75	12.00	136		
38	Trần Quang	Hùng	14/07/94	4301	A	2	4.00	3.50	4.00	12.00	608		
39	Hồ Thị	Lý	16/09/93	12243	A	1	3.25	3.50	3.50	12.00	702		
40	Trần Văn	Hiếu	02/05/93	14667	A	2NT	3.25	3.50	4.00	12.00	1117		
41	Hoàng Quốc	Khánh	21/07/93	15682	A	2NT	3.00	3.50	4.25	12.00	1327		
42	Đặng Hoài	Khanh	04/04/91	25270	A	2	4.25	3.50	3.75	12.00	1995		
43	Trần Thị Lệ	Sương	08/11/94	19344	A	2NT	2.50	3.25	5.00	12.00	2201		
44	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	03/03/94	18747	A	2NT	3.50	4.75	2.75	12.00	2306		
45	Trần Thị Lệ	Thanh	12/11/93	19510	A	2NT	4.50	4.00	2.50	12.00	2716		
46	Huỳnh Thị Kim	Phượng	13/04/93	7721	A	1	3.25	3.50	3.50	12.00	8162		
47	Lê Thị	Thương	24/05/94	6833	A	2NT	4.25	3.25	3.50	12.00	8501		
48	Hồ Thị Thuỳ	Linh	04/05/94	22575	A	1	1.75	4.00	4.50	12.00	9359		
49	Trần An	Giang	21/03/94	1953	A	1	2.50	3.00	4.75	12.00	9788		
50	Nguyễn Công	Soạn	11/06/94	46054	B	2NT	4.50	2.00	4.25	12.00	1631		
51	Ngô Đình	Thục	06/09/94	43766	B	2NT 06	4.25	2.25	3.50	12.00	2131		
52	Trần	Bi	15/04/94	10409	B	2NT	4.50	1.00	5.50	12.00	2199		
53	Nguyễn Nam	Long	03/05/94	46573	B	2	3.25	4.75	3.50	12.00	2760		
54	Nguyễn Thị Kim	Phương	24/08/93	53098	B	2NT	5.50	1.50	4.00	12.00	3082		

(DHL.C620105) - Ngành: Chăn nuôi (hệ Cao đẳng) Chỉ tiêu: 84

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
55	Võ Văn	Hà	20/01/94	43648	B	1	4.25	2.50	3.75	12.00	3201		
56	Hoàng Phước	Phong	27/09/92	51471	B	1	4.25	2.75	3.50	12.00	3210		
57	Nguyễn Thị Thanh	Giang	12/10/94	43615	B	2NT	3.50	3.75	3.50	12.00	8172		
58	Nguyễn Thị	Nhung	12/04/94	7931	B	2NT	3.50	2.75	4.50	12.00	8409		
59	Hà Thị	Hiền	20/08/94	50022	B	1	3.50	3.75	3.00	12.00	9652		
60	Nguyễn Hữu	Quỳnh	20/05/94	60876	B	2NT 06	3.25	2.50	4.25	12.00	9762		
61	Hà Văn	Kiên	16/10/93	62021	B	2NT 06	4.00	2.25	3.50	12.00	9972		
62	Mai Văn	Tuyền	12/01/93	19387	A	2NT	3.00	3.75	3.50	11.50	108		
63	Văn Hữu	Sang	20/12/93	20152	A	1	4.00	3.25	2.75	11.50	1522		
64	Lê Thị Hà	Linh	12/02/94	43663	A	2NT	1.50	4.50	4.50	11.50	2175		
65	Trần Thị	Lý	20/12/94	20103	A	2NT	3.00	3.50	3.75	11.50	2215		
66	Phạm	Tranh	18/09/94	23074	A	2NT	1.50	4.75	4.00	11.50	2445		
67	Nguyễn Đình	Đạt	01/09/94	12469	A	2NT	2.25	3.50	4.50	11.50	9002		
68	Phùng Thế	Tuất	02/08/94	26951	A	2NT 06	1.75	3.50	4.25	11.50	9558		
69	Đoàn	Nghị	07/10/93	51722	B	2NT	3.50	2.25	4.50	11.50	306		
70	Trần Quang	Hùng	14/07/94	24900	B	2	3.75	3.25	4.00	11.50	609		
71	Văn Công	Lộc	09/08/94	45948	B	1	4.00	2.50	3.50	11.50	890		
72	Dương Ngọc	Huy	28/10/94	43820	B	1	4.00	2.75	3.25	11.50	1896		
73	Lê Thị	Sương	20/03/94	46580	B	2	3.00	4.75	3.25	11.50	1956		
74	Ngô Thị Hoài	Thu	06/09/94	46154	B	2	5.50	2.25	3.25	11.50	2485		
75	Lê Văn	Quyết	12/07/94	44680	B	2NT	3.50	2.25	4.75	11.50	2736		
76	Nguyễn Thị Thùy	An	05/04/94	61847	B	2NT	3.50	3.00	3.75	11.50	2768		
77	Trương	Mạnh	26/03/94	45950	B	1	4.50	1.25	4.00	11.50	2804		
78	Trương Duy	ý	09/03/92	43605	B	1	4.50	1.50	3.75	11.50	2825		
79	Trần Văn	Trí	14/02/94	54688	B	2NT	3.75	2.50	4.25	11.50	3279		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
80	Trần Thị Mỹ	Duyên	02/05/94	41872	B	2NT	4.50	2.50	3.50	11.50	8119		
81	Lê Tuấn	Anh	11/02/93	45839	B	2NT	6.00	1.75	2.50	11.50	8459		
82	Nguyễn Văn	Khôi	10/05/94	45542	B	2NT	5.50	1.25	3.50	11.50	8754		
83	Phạm Văn	Tiến	08/01/94	44804	B	1	4.00	2.50	3.25	11.50	8799		
84	Hoàng Thái	Nam	29/11/94	45822	B	1	5.25	1.00	3.75	11.50	9743		
85	Võ Văn	Duẩn	16/10/93	46640	B	2NT	3.75	4.00	2.50	11.50	9766		
86	Nguyễn Thị Thùy	Trang	28/02/93	43484	B	2	4.50	3.00	3.25	11.50	9857		
87	Lê Văn	Vấn	02/03/93	19268	A	2NT	4.00	3.75	2.25	11.00	109		
88	Hoàng Thị Tố	Nhi	24/10/94	10277	A	2NT	1.50	4.50	4.00	11.00	1108		
89	Nguyễn Thiệu	Trị	11/10/93	25510	A	2NT	3.00	4.25	2.75	11.00	1390		
90	Lê Bảo	Quang	17/07/94	18214	A	2	4.00	3.00	3.50	11.00	2440		
91	Trương Thị Kiều	Nga	25/05/94	22891	A	2	3.50	3.50	3.25	11.00	2614		
92	Lê Văn	Quyết	12/07/94	25283	A	2NT	1.00	3.50	5.25	11.00	2735		
93	Nguyễn Đại	Duy	05/06/94	23992	A	2NT	3.25	4.00	2.75	11.00	2832		
94	Đặng Bá	Tuyện	15/09/93	19388	A	2NT	3.75	3.50	2.50	11.00	3070		
95	Hoàng Thị Mỹ	Lan	20/06/93	24250	A	2NT	1.50	3.50	5.00	11.00	3169		
96	Nguyễn Thị Thu	Thảo	18/01/94	47062	A	2NT	2.75	3.50	3.50	11.00	8096		
97	Hoàng Thị	Lý	19/03/93	20522	A	1	2.00	3.50	4.00	11.00	8587		
98	Nguyễn Hữu	Đức	05/09/90	11787	A	1	3.25	4.00	2.25	11.00	9393		
99	Nguyễn Danh	Song	12/12/93	20532	A	1	3.00	3.50	2.75	11.00	9702		
100	Đặng Minh	Đông	20/12/94	43614	B	2NT	3.75	2.75	3.50	11.00	809		
101	Trần	Thắng	28/12/94	51856	B	2	2.50	1.25	6.75	11.00	829		
102	Nguyễn Minh	Toàn	01/08/93	46431	B	2	4.00	2.00	4.50	11.00	907		
103	Trần Văn	Kha	10/10/93	47012	B	1	5.25	1.50	2.50	11.00	1347		
104	Trần Xuân	Rin	20/01/93	45892	B	1	3.25	2.75	3.50	11.00	2439		

(DHL.C620105) - Ngành: Chăn nuôi (hệ Cao đẳng) Chỉ tiêu: 84

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
105	Lê Thị Thùy	Linh	22/03/94	14281	B	1	3.50	1.25	4.50	11.00	8126		
106	Nguyễn Xuân	Hưng	27/10/93	47286	B	2NT	2.75	4.50	2.50	11.00	8139		
107	Nguyễn Thị Hồng	Lương	05/08/94	44210	B	1	5.00	1.50	3.00	11.00	8225		
108	Lê Thị Hồng	Điệp	01/12/94	47043	B	2NT	1.75	4.50	3.50	11.00	8593		
109	Trương Công	Du	05/10/93	41755	B	2NT	2.50	3.25	4.25	11.00	8789		
110	Trần Lê	Văn	05/04/94	39028	B	2	4.50	2.75	3.25	11.00	9176		
111	Phan Quốc	Xuân	06/01/93	47073	B	2NT	4.75	2.00	3.00	11.00	9518		
112	Đào Xuân	Hiệu	26/04/94	47436	B	1	4.00	1.50	3.75	11.00	9637		
113	Phạm Danh	Quý	25/08/93	44026	B	2NT	3.00	3.75	3.25	11.00	9765		
114	Lê Thanh	Hải	10/06/93	47356	B	1	5.00	1.00	3.50	11.00	9804		
115	Nguyễn Cơ	Thạch	16/04/94	44181	B	1	4.50	1.25	3.50	11.00	9845		
116	Đinh Thị Thuỳ	Trang	16/04/94	47345	B	1	3.50	3.50	2.25	11.00	9902		
117	Tôn Thất Minh	Trí	24/08/94	19852	A	2	2.00	4.50	3.25	10.50	184		
118	Võ Hoàng	Lam	24/07/91	25233	A	2	3.50	3.50	2.75	10.50	280		
119	Vũ Tuấn	Anh	28/12/93	19313	A	2	5.00	2.25	2.50	10.50	363		
120	Hà Nhật	Tân	02/07/94	10115	A	2	3.00	4.00	3.00	10.50	623		
121	Trần Văn	Hùng	11/09/94	20552	A	2 06	1.50	4.50	2.75	10.50	627		
122	Hà Xuân	Lợi	17/01/94	20141	A	2NT	2.50	3.75	3.00	10.50	672		
123	Bùi Văn	Quý	06/12/93	19300	A	2	1.00	3.50	5.25	10.50	764		
124	Nguyễn Thị Kim	Phương	24/08/93	18500	A	2NT	2.00	3.00	4.50	10.50	863		
125	Nguyễn Xuân	Soanh	10/06/93	7365	A	2NT	2.50	3.75	3.00	10.50	1825		
126	Ngô Đức	Huỳnh	21/11/94	21085	A	1	2.50	3.25	3.00	10.50	2542		
127	Phan Văn	Hoàng	06/04/93	15443	A	2NT	1.50	4.00	3.75	10.50	2649		
128	Phan Thị	Thắm	12/02/94	18754	A	2NT	2.50	3.25	3.50	10.50	2993		
129	Nguyễn Trọng	Nghĩa	10/06/94	20455	A	3	3.00	3.50	4.00	10.50	3041		

(DHL.C620105) - Ngành: Chăn nuôi (hệ Cao đẳng) **Chỉ tiêu: 84**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
130	Hoàng Thị	Quê	13/06/93	10533	A	2NT	3.00	2.75	3.50	10.50	3123		
131	Nguyễn Mạnh	Hùng	04/11/93	21161	A	2NT	2.00	3.75	3.75	10.50	9423		
132	Phan Thị	Phương	17/09/93	20491	A	1 06	1.50	3.50	2.75	10.50	9769		
133	Nguyễn Văn	Nghĩa	25/05/93	22694	A	1	1.25	3.50	3.50	10.00	1838		
134	Nguyễn Thị	An	17/02/94	18227	A	2NT	3.50	2.75	2.50	10.00	2172		
135	Hoàng Phước	Phong	27/09/92	25563	A	1	2.75	3.25	2.50	10.00	3213		
136	Trần Đăng	Quốc	20/09/93	22303	A	2	2.75	4.00	2.50	10.00	8106		
137	Trương Thị	Lộc	10/05/94	5131	A	1	1.75	3.50	3.00	10.00	8181		
138	Nguyễn Xuân	Hưng	27/10/93	20553	A	2NT	2.75	3.25	3.00	10.00	8255		
139	Nguyễn Thanh	Nhâm	24/10/92	19334	A	2NT	2.50	3.25	3.00	10.00	8924		
140	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/02/94	15328	A	1	1.50	3.00	3.75	10.00	9024		
141	Phạm Văn	Thiện	26/07/92	19308	A	2	2.25	4.00	3.00	10.00	9045		
142	Phùng Văn	Việt	18/08/93	29010	A	2NT	3.00	3.00	2.75	10.00	9408		
143	Nguyễn Thị	Vân	20/04/94	20766	A	1	1.75	3.50	3.00	10.00	9738		
144	Trần Thị ánh	Nguyệt	18/03/92	7225	A	1	2.00	4.00	2.50	10.00	9816		
145	Bùi Văn	Hùng	04/05/93	5346	A	1	2.00	3.75	2.75	10.00	9911		

(DHL.C620110) - Ngành: Trồng trọt (hệ Cao đẳng) **Chỉ tiêu: 82**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Xuân	Thông	08/04/94	50414	B	1	3.25	4.50	4.50	14.00	1498		
2	Nguyễn Thị Pa	Ty	08/06/92	51224	B	1	4.25	3.25	5.00	14.00	2718		
3	Lê Ngọc	Hiệp	20/07/94	42075	A	2	3.50	5.00	4.25	13.50	9167		
4	Nguyễn Thị	Hạnh	06/11/94	14261	A	1	2.75	4.50	4.50	13.50	9840		
5	Dương Xuân Tuấn	Anh	08/09/94	44382	B	2NT	3.25	5.50	3.50	13.50	1437		
6	Đặng Văn	Lô	10/03/93	44246	B	1	3.50	3.25	5.00	13.50	1922		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
7	Phạm Văn	Kính	10/01/93	44707	B	1	5.25	3.25	3.50	13.50	9808		
8	Trần Đăng	Sâm	01/06/94	43435	B	1	4.50	3.50	3.25	13.00	2423		
9	Trần Văn	Sơn	10/08/93	44254	B	2NT	3.50	4.00	4.50	13.00	8360		
10	Lê Sơn	Vũ	25/03/94	44264	B	2NT	4.50	3.75	3.50	13.00	9296		
11	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/06/94	11971	A	1	2.50	4.25	4.25	12.50	1829		
12	Nguyễn Thị	Mẫn	06/10/93	19262	A	2NT	3.75	3.50	4.00	12.50	2677		
13	Nguyễn Trần Linh	Phương	28/10/94	10780	A	2	5.00	3.00	4.00	12.50	3195		
14	Nguyễn Trường	Phú	17/04/94	10405	A	2NT	3.50	3.50	4.25	12.50	3328		
15	Phạm Tuấn	Phương	09/09/93	21693	A	2NT	3.25	3.50	4.50	12.50	9302		
16	Đậu Tuấn	Vũ	19/05/93	44378	B	2NT	4.50	4.25	2.50	12.50	2595		
17	Lê Thị Như	Thuấn	08/02/94	51128	B	2NT 06	4.50	1.75	4.25	12.50	3231		
18	Nguyễn Đăng	Tuất	02/03/94	43492	B	2NT	3.75	4.25	3.50	12.50	8955		
19	Trần Hữu	Thành	29/11/93	43918	B	2NT	4.50	2.25	4.75	12.50	9419		
20	Lê Thị	Yến	08/01/93	43923	B	2NT	5.75	3.50	2.25	12.50	9752		
21	Hồ Thị	Lý	16/09/93	12243	A	1	3.25	3.50	3.50	12.00	704		
22	Nguyễn Tiến	Hùng	21/01/94	19523	A	2	5.00	2.50	3.75	12.00	860		
23	Đặng Hoài	Khanh	04/04/91	25270	A	2	4.25	3.50	3.75	12.00	1994		
24	Trần Thị Lệ	Thanh	12/11/93	19510	A	2NT	4.50	4.00	2.50	12.00	2715		
25	Trần Thị Thanh	Huyền	20/02/94	22076	A	2NT	4.50	3.25	3.00	12.00	8460		
26	Đỗ Nguyên	Bảo	19/03/94	19546	A	2NT	3.75	4.50	2.75	12.00	9009		
27	Cao Tiến	Hiệp	10/07/93	3791	A	1	3.25	4.25	2.75	12.00	9871		
28	Đặng Phước	Duy	12/03/92	44157	B	1	3.75	2.50	4.25	12.00	425		
29	Hồ Thị	Lệ	02/01/94	42481	B	2NT	6.25	1.25	3.25	12.00	1826		
30	Đoàn Công	Dương	10/08/94	44387	B	2NT	3.25	4.00	3.50	12.00	2111		
31	Lê Phan Thu	Hương	11/04/94	52927	B	2NT	4.00	2.50	4.25	12.00	2137		

(DHL.C620110) - Ngành: Trồng trọt (hệ Cao đẳng) Chỉ tiêu: 82

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
32	Nguyễn Nam	Long	03/05/94	46573	B	2	3.25	4.75	3.50	12.00	2762		
33	Nguyễn Thị Kim	Phương	24/08/93	53098	B	2NT	5.50	1.50	4.00	12.00	3083		
34	Hồ Đăng	Vũ	02/08/92	43921	B	2	4.75	4.00	2.75	12.00	3217		
35	Trần Sỹ	Diễn	20/03/92	30296	B	1	3.00	3.00	4.50	12.00	8355		
36	Trần Sỹ	Diễn	20/03/92	30296	B	1	3.00	3.00	4.50	12.00	8359		
37	Phạm	Dưỡng	05/07/93	44082	B	2NT	3.25	4.25	3.50	12.00	9437		
38	Võ Đức	Nguyên	03/02/94	44021	B	1	3.00	3.00	4.50	12.00	9806		
39	Đặng Phước	Duy	12/03/92	13147	A	1	2.25	3.75	3.75	11.50	424		
40	Phan Thị Như	An	25/06/93	20657	A	2NT	3.50	3.25	3.75	11.50	1614		
41	Phùng Thị Thanh	Thúy	24/04/94	12938	A	2NT	3.00	3.75	3.50	11.50	2849		
42	Hoàng Thị Thuỳ	Dương	15/11/94	41123	A	2NT	1.25	5.25	4.00	11.50	2872		
43	Lê Thị Như	Thuấn	08/02/94	24424	A	2NT 06	1.25	3.50	4.50	11.50	3226		
44	Nguyễn Bá	Hoàng	23/02/93	15409	A	1	2.00	4.50	3.25	11.50	3250		
45	Lê Viết	Trung	19/01/92	19381	A	1	2.50	4.25	3.00	11.50	9689		
46	Lê Thị Ngọc	Bích	15/11/94	48561	B	1	2.50	2.75	4.50	11.50	1597		
47	Huỳnh Thị Ngọc	Phương	01/12/94	54631	B	1	4.50	2.25	3.00	11.50	3078		
48	Võ Ngọc	Quyền	18/01/93	43950	B	2NT	5.25	1.50	3.50	11.50	9365		
49	Đỗ Nguyên	Bảo	19/03/94	12899	B	2NT	4.25	2.25	4.00	11.50	13000		
50	Võ Văn	Tân	15/09/93	24420	A	2NT	3.75	3.50	2.75	11.00	1447		
51	Nguyễn Thị	Len	10/07/94	18950	A	2NT	1.50	4.50	4.00	11.00	1751		
52	Trương Thị Kiều	Nga	25/05/94	22891	A	2	3.50	3.50	3.25	11.00	2613		
53	Dương Ngọc	Tứ	16/04/93	25207	A	2NT	2.25	3.75	3.75	11.00	3034		
54	Trần Thị	Thúy	16/12/94	14060	A	1	2.25	3.50	3.50	11.00	3283		
55	Nguyễn Khắc	Cảnh	20/06/94	19905	A	2NT	3.00	3.00	4.00	11.00	8759		
56	Đậu Tuấn	Vũ	19/05/93	19601	A	2NT	3.75	3.00	3.00	11.00	13077		

(DHL.C620110) - Ngành: Trồng trọt (hệ Cao đẳng) **Chỉ tiêu: 82**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
57	Nguyễn Khánh	Phương	23/01/94	47607	B	2NT	4.25	2.25	3.25	11.00	1033		
58	Võ Đình	Thịnh	22/05/94	53018	B	2NT	3.00	3.50	3.50	11.00	1694		
59	Võ Thanh	Sơn	15/10/94	44292	B	2NT	2.50	3.25	4.25	11.00	2250		
60	Nguyễn Văn	Cầu	02/06/93	45754	B	1	4.25	1.25	3.75	11.00	2720		
61	Bùi Thị	Thương	18/04/94	47071	B	2NT	3.25	3.00	3.50	11.00	2759		
62	Nguyễn Văn	Phương	15/03/94	44177	B	2NT	3.75	2.50	3.50	11.00	8797		
63	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	22/11/93	43161	B	2NT	3.50	3.00	3.50	11.00	9502		
64	Ngô	Quốc	03/08/94	31798	B	2NT	4.25	2.25	3.50	11.00	9596		
65	Phan Văn	Trí	18/04/94	37415	B	1	3.75	1.00	4.50	11.00	9715		
66	Bùi Văn	Quý	06/12/93	19300	A	2	1.00	3.50	5.25	10.50	763		
67	Nguyễn Thị Kim	Phương	24/08/93	18500	A	2NT	2.00	3.00	4.50	10.50	864		
68	Lương Thị Ngọc	Mi	24/07/94	19430	A	2NT	1.50	3.50	4.50	10.50	9102		
69	Nguyễn Văn	Ngọc	19/05/91	12246	A	1	2.50	3.50	3.00	10.50	9267		
70	Trần Phi	Hùng	02/01/94	16315	A	1	1.00	3.00	4.50	10.00	1702		
71	Phan Thị Mỹ	Diệu	24/03/94	12117	A	1	2.50	3.50	2.50	10.00	1763		
72	Lương Ngọc	Hảo	02/09/94	19392	A	2NT	1.75	4.25	3.00	10.00	8428		
73	Võ Thị	Huyền	08/03/94	16856	A	1	1.25	4.50	2.50	10.00	9351		
74	Đinh Thị	Huế	27/04/94	5361	A	2NT	2.00	3.50	3.50	10.00	9634		

(DHL.C620301) - Ngành: Nuôi trồng thủy sản (hệ Cao đẳng) **Chỉ tiêu: 79**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Mậu	Cường	04/07/94	62717	B	2NT	3.50	6.25	3.25	14.00	9390		
2	Nguyễn Văn	Quý	07/03/94	22594	A	1	3.00	4.25	4.50	13.50	2294		
3	Nguyễn Ngọc	Luân	26/09/93	47678	B	2	4.50	5.00	3.25	13.50	447		
4	Lê Văn	Duy	10/10/93	42801	B	2NT	5.00	4.75	2.75	13.50	2020		

(DHL.C620301) - Ngành: Nuôi trồng thủy sản (hệ Cao đẳng) Chỉ tiêu: 79

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
5	Đoàn Ngọc	Tuấn	12/01/93	46655	B	2NT	5.50	2.75	4.00	13.50	2206		
6	Trần Văn	Tàu	18/10/91	46118	B	1	4.00	1.75	6.00	13.50	2922		
7	Dương Quang	Thoại	03/04/93	46521	B	2NT	6.00	3.25	3.00	13.50	8062		
8	Phan Thị Ngọc	Anh	19/02/94	18559	B	2NT	4.50	2.50	5.25	13.50	8967		
9	Nguyễn	Quý	06/01/93	48070	B	2NT	4.25	4.25	3.50	13.00	304		
10	Lê Thị	Diệu	25/07/93	48115	B	2	4.25	3.75	4.50	13.00	974		
11	Nguyễn Văn	Thìn	18/06/88	43092	B	2NT	4.25	3.50	4.00	13.00	1113		
12	Hồ Tấn	Nhật	16/05/93	46577	B	1	4.25	2.75	4.25	13.00	1725		
13	Phan	Hưởng	27/08/94	46508	B	2NT	3.25	4.00	4.50	13.00	2023		
14	Nguyễn Đình	Phú	16/05/94	46421	B	1	4.75	3.00	3.50	13.00	2128		
15	Nguyễn Lê Ngọc	Tú	16/02/93	49267	B	2	4.25	2.50	5.75	13.00	2481		
16	Trần Thị Mộng	Thoa	21/11/93	63416	B	1	4.50	3.50	3.25	13.00	2721		
17	Hoàng Tấn	Kiệt	13/06/94	46414	B	2NT	5.50	3.00	3.50	13.00	9664		
18	Hồ Sỹ	Hồng	18/04/94	46832	B	1	5.75	3.25	2.50	13.00	13026		
19	Phạm Thành	Chí	04/04/94	12306	A	2NT	4.50	3.00	3.75	12.50	651		
20	Võ Công	Triều	06/12/92	13259	A	2	4.00	4.50	3.50	12.50	1456		
21	Nguyễn Công	Soạn	11/06/94	12179	A	2NT	4.00	3.25	4.25	12.50	1632		
22	Phan Văn	Hoàng	08/02/90	13953	A	2	2.75	5.25	4.00	12.50	1769		
23	Lâm Thị	Thu	20/06/94	18796	A	1	3.00	4.00	3.75	12.50	1822		
24	Nguyễn Văn	Tuân	08/03/94	20310	A	2NT	5.00	3.25	3.25	12.50	1823		
25	Lê Nguyễn Huyền	Châu	15/07/93	11926	A	2NT	4.00	3.75	3.50	12.50	1939		
26	Nguyễn Đăng Nhật	Long	17/12/92	25437	A	2	4.00	4.75	3.25	12.50	2123		
27	Nguyễn Thị	Mẫn	06/10/93	19262	A	2NT	3.75	3.50	4.00	12.50	2676		
28	Nguyễn Trần Linh	Phương	28/10/94	10780	A	2	5.00	3.00	4.00	12.50	3196		
29	Phạm Anh	Tuấn	06/11/94	11477	A	1	2.50	5.00	3.25	12.50	8531		

(DHL.C620301) - Ngành: Nuôi trồng thủy sản (hệ Cao đẳng) Chỉ tiêu: 79

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
30	Nguyễn Thị	Nga	25/12/94	46185	B	2NT	4.50	4.25	2.50	12.50	8442		
31	Đỗ Hồng	Quân	31/01/94	60240	B	2NT	3.50	3.00	4.75	12.50	9604		
32	Lê Văn	Hiền	03/06/94	18983	A	2NT	2.00	4.50	4.25	12.00	782		
33	Lê Tâm	Lanh	17/06/94	20139	A	2	3.50	3.75	4.00	12.00	888		
34	Đặng Phước	Nhân	02/09/93	25122	A	1	1.00	4.75	4.75	12.00	1050		
35	Lê Thừa	Cân	02/09/93	11088	A	1	1.75	4.50	4.00	12.00	1057		
36	Đặng Hoài	Khanh	04/04/91	25270	A	2	4.25	3.50	3.75	12.00	1993		
37	Lê Thị Diệu	Huyền	14/11/94	16478	A	2	1.75	5.50	4.00	12.00	2254		
38	Nguyễn Thị	Duyên	12/09/94	10048	A	2NT	3.75	3.25	4.00	12.00	8109		
39	Đỗ Nguyên	Bảo	19/03/94	19546	A	2NT	3.75	4.50	2.75	12.00	9010		
40	Nguyễn Nam	Long	03/05/94	46573	B	2	3.25	4.75	3.50	12.00	45		
41	Nguyễn Văn	Lộc	11/07/93	43623	B	1	4.75	2.00	3.50	12.00	137		
42	Cao Thanh	Bôn	20/10/93	48625	B	2NT	2.50	5.75	2.75	12.00	305		
43	Nguyễn Đăng Nhật	Long	17/12/92	48861	B	2	3.50	3.75	4.25	12.00	529		
44	Nguyễn	Hải	24/05/93	46068	B	2NT	3.50	3.00	4.50	12.00	862		
45	Nguyễn	Phước	05/06/94	46231	B	2NT	4.00	3.00	3.75	12.00	1056		
46	Nguyễn Xuân	Phong	02/03/94	46082	B	1	3.75	3.00	3.50	12.00	1582		
47	Hoàng Kim	Tuyên	17/05/92	45567	B	2NT	3.75	3.50	3.75	12.00	2132		
48	Hồ Văn	Minh	06/04/94	46078	B	1	4.50	0.75	5.25	12.00	2205		
49	Hồ Văn	Khanh	17/07/94	45880	B	2NT	5.25	2.25	3.25	12.00	2521		
50	Lê Thanh	Tâm	14/09/93	32871	B	2NT	4.00	2.75	4.25	12.00	3040		
51	Trần Văn	ánh	01/12/91	50812	B	2NT	4.25	3.00	3.50	12.00	3077		
52	Trần Văn	Nam	14/09/94	48192	B	1	3.75	2.25	4.25	12.00	3203		
53	Nguyễn Đình	Hùng	09/10/93	46475	B	2NT	4.50	2.00	4.25	12.00	8232		
54	Nguyễn Quang	Tuyến	10/02/94	46205	B	2NT 06	3.25	4.00	2.50	12.00	9357		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
55	Thái Thị	Trang	10/01/93	48556	B	2NT	4.75	3.00	3.00	12.00	9461		
56	Mai Văn	Diệu	24/06/93	45938	B	2NT	4.50	2.75	3.75	12.00	9733		
57	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	04/05/94	18810	A	2	3.00	3.50	4.25	11.50	122		
58	Nguyễn Thị Lệ	Trang	08/01/93	14514	A	2NT	2.75	3.75	4.00	11.50	258		
59	Hoàng Hoa	Thám	21/01/94	11838	A	1	1.25	4.00	4.50	11.50	637		
60	Ngô Thị	Thanh	18/07/94	20154	A	1	2.75	3.75	3.50	11.50	757		
61	Nguyễn Thị Hồng	Loan	08/02/94	20179	A	2NT	2.50	3.75	4.00	11.50	1305		
62	Hồ Thị Minh	Tuyết	27/04/94	17303	A	2	4.00	2.75	4.25	11.50	1677		
63	Nguyễn Văn	Biển	19/02/94	14067	A	2NT	2.25	4.50	3.50	11.50	3228		
64	Lê Thị Như	Thuấn	08/02/94	24424	A	2NT 06	1.25	3.50	4.50	11.50	3240		
65	Võ Hoàng	Lam	24/07/91	44090	B	2	3.50	4.00	3.25	11.50	279		
66	Phạm Thành	Chí	04/04/94	46171	B	2NT	3.50	3.50	3.50	11.50	652		
67	Văn Công	Lộc	09/08/94	45948	B	1	4.00	2.50	3.50	11.50	875		
68	Phạm Thị	Phượng	17/07/94	48100	B	2NT	4.25	3.25	2.75	11.50	1115		
69	Hồ Lê Trọng	Hữu	13/07/94	46603	B	2NT	3.00	4.00	3.50	11.50	1627		
70	Nguyễn Văn	Được	24/07/93	46439	B	1	3.00	2.25	4.50	11.50	2435		
71	Hồ Thị Mỹ	Tuyền	20/09/94	42677	B	1	4.75	2.00	3.00	11.50	2896		
72	Nguyễn Thanh	Tùng	20/05/94	42834	B	2NT	4.00	2.50	4.00	11.50	8317		
73	Thiều Thị Mỹ	Lan	25/02/94	52416	B	1	4.75	1.50	3.50	11.50	9350		
74	Phùng Thế	Tuất	02/08/94	43861	B	2NT 06	3.50	1.75	4.00	11.50	9559		
75	Phan Thị Kiều	Oanh	09/09/94	13548	A	2NT	4.00	3.50	2.50	11.00	669		
76	Nguyễn	Hải	24/05/93	25345	A	2NT	3.25	4.00	2.75	11.00	861		
77	Trương Quang	Chuyển	29/02/94	21324	A	2NT	2.25	5.00	2.75	11.00	896		
78	Phạm Thị	Phượng	17/07/94	12653	A	2NT	1.50	4.25	4.00	11.00	1116		
79	Lê	Phú	06/06/94	19923	A	2NT	1.75	4.50	3.50	11.00	1288		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
80	Nguyễn Thị	Len	10/07/94	18950	A	2NT	1.50	4.50	4.00	11.00	1752		
81	Trương Thị Kiều	Nga	25/05/94	22891	A	2	3.50	3.50	3.25	11.00	2612		
82	Trần Thị	Thúy	16/12/94	14060	A	1	2.25	3.50	3.50	11.00	3284		
83	Nguyễn Khắc	Cảnh	20/06/94	19905	A	2NT	3.00	3.00	4.00	11.00	8774		
84	Trần Thị	Thu	26/10/93	19130	A	2NT	2.50	4.25	3.25	11.00	9872		
85	Phan Hữu	Nghĩa	07/02/94	49111	B	2NT	2.50	3.75	3.75	11.00	739		
86	Trần	Thắng	28/12/94	51856	B	2	2.50	1.25	6.75	11.00	827		
87	Nguyễn Minh	Toàn	01/08/93	46431	B	2	4.00	2.00	4.50	11.00	908		
88	Nguyễn Công	Thành	14/01/94	40948	B	2NT	4.00	2.00	4.00	11.00	1032		
89	Nguyễn Văn	Hải	07/04/93	46248	B	2NT	3.50	3.00	3.25	11.00	1058		
90	Nguyễn Thanh	Hải	27/04/94	46174	B	2NT	3.25	2.00	4.50	11.00	1169		
91	Phan Thị Như	An	25/06/93	45807	B	2NT	3.50	3.25	3.25	11.00	1613		
92	Đinh Hữu Hồng	Nhi	04/03/93	44288	B	2NT	3.50	3.00	3.50	11.00	1756		
93	Trương Quang	Tịnh	22/03/93	46335	B	1	4.50	1.25	3.75	11.00	1765		
94	Nguyễn Thị Anh	Đào	07/06/94	42282	B	2NT	4.00	2.25	3.50	11.00	1973		
95	Võ Thị Thu	Thảo	15/06/94	49289	B	2	2.75	4.50	3.25	11.00	2115		
96	Phan Văn	Đức	10/06/93	44814	B	2NT	5.50	2.25	2.25	11.00	2427		
97	Nguyễn Văn	Thanh	01/11/93	45864	B	2	3.50	4.00	2.75	11.00	2596		
98	Phan	Mạnh	25/02/93	45069	B	1	3.75	1.50	4.00	11.00	2618		
99	Lê Thị ái	Vân	23/01/93	45963	B	2NT	4.50	2.00	3.50	11.00	2860		
100	Lê Thị Oanh	Kiều	19/12/93	40467	B	2NT	4.25	2.00	3.50	11.00	3074		
101	Lê Thị	Tuất	24/02/94	46728	B	2NT	3.75	3.25	3.00	11.00	8057		
102	Lê Thị Quỳnh	Như	06/04/94	46229	B	2NT 06	3.25	2.50	3.25	11.00	8061		
103	Lê Thị	Thịnh	29/07/94	46396	B	2NT	5.00	1.75	3.25	11.00	8804		
104	Lê Thị	Thủy	23/01/94	47851	B	2NT	5.00	1.75	3.25	11.00	8806		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
105	Phạm Thị Tuyết	Nhung	17/12/94	41149	B	1	3.25	2.25	3.75	11.00	9499		
106	Nguyễn Thị Trà	My	10/07/94	6826	B	2NT	4.50	1.25	4.25	11.00	9898		
107	Hồ Văn	Doan	22/10/93	20166	A	1	2.50	4.00	2.50	10.50	607		
108	Trần Văn	Hùng	11/09/94	20552	A	2 06	1.50	4.50	2.75	10.50	626		
109	Bùi Văn	Quý	06/12/93	19300	A	2	1.00	3.50	5.25	10.50	765		
110	Trần Thị Thuỳ	Linh	30/11/92	21089	A	2NT	4.00	2.50	2.75	10.50	1038		
111	Lê Văn	Dũng	21/01/94	20317	A	1	2.00	3.25	3.50	10.50	1364		
112	Hà Xuân	Lợi	17/01/94	20141	A	2NT	2.50	3.75	3.00	10.50	1897		
113	Đặng Nam Quốc	Bảo	20/04/92	671	A	2	3.00	3.25	3.50	10.50	1934		
114	Châu Thị Ngọc	Quý	07/03/93	22897	A	2	4.00	2.50	3.50	10.50	2079		
115	Nguyễn Thị Thuý	Nhàn	18/04/93	20412	A	1	2.25	3.25	3.50	10.50	2392		
116	Phạm Văn	Lộc	14/11/93	14723	A	2NT	2.50	4.25	2.50	10.50	2426		
117	Hồ Thị	Nhi	26/12/94	19165	A	2NT	2.50	3.50	3.50	10.50	2520		
118	Hoàng Thị	Quê	13/06/93	10533	A	2NT	3.00	2.75	3.50	10.50	3298		
119	Nguyễn Thị	Kim	20/10/94	12767	A	2NT	2.50	2.50	4.25	10.50	8527		
120	Lê Thị Hằng	Nga	08/04/94	24371	A	2NT	2.50	4.25	2.25	10.00	521		
121	Lê Thanh	Phương	18/05/93	18958	A	2	1.00	3.75	4.50	10.00	820		
122	Hồ Văn	Trinh	29/09/94	27017	A	1	2.00	3.00	3.50	10.00	876		
123	Văn Thị Ngọc	Sương	17/12/93	20334	A	2NT	2.75	3.50	2.50	10.00	999		
124	Mai Lê Anh	Sơn	04/11/93	24800	A	1	1.25	4.50	2.75	10.00	1060		
125	Lâm Đại	Sang	11/05/94	13511	A	2NT	2.50	3.00	3.50	10.00	1289		
126	Huỳnh Thị Ngọc	Phương	01/12/94	18874	A	1	1.50	3.25	3.75	10.00	1715		
127	Đặng Vũ	Hoàng	06/11/94	20174	A	2	2.00	3.50	3.75	10.00	2258		
128	Nguyễn Thị	Hóa	08/03/94	17756	A	1	1.00	3.25	4.00	10.00	8437		
129	Phạm Văn	Thiện	26/07/92	19308	A	2	2.25	4.00	3.00	10.00	8920		

(DHL.C620301) - Ngành: Nuôi trồng thủy sản (hệ Cao đẳng) **Chỉ tiêu: 79**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
130	Trần Xuân	Mậu	28/06/93	19394	A	1 01	1.00	3.00	2.25	10.00	9660		
131	Hoàng Thái	Nam	29/11/94	20752	A	1	1.50	2.75	4.25	10.00	9710		

(DHL.C850103) - Ngành: Quản lý đất đai (hệ Cao đẳng) **Chỉ tiêu: 80**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Công	Tuấn	09/06/93	58662	B	1	8.00	1.75	8.75	20.00	2207		
2	Phạm Nhật	Quang	16/06/94	55869	B	2	5.50	4.75	7.75	18.50	1295		
3	Nguyễn Trần Thảo	Trinh	07/08/94	58934	B	2	6.25	5.25	5.50	17.50	2170		
4	Nguyễn Trần Thảo	Trinh	07/08/94	58934	B	2	6.25	5.25	5.50	17.50	8855		
5	Nguyễn Công	Mâu	07/09/93	49898	B	1	4.75	6.25	4.50	17.00	2891		
6	Huỳnh Dương	Danh	29/07/94	277	A	1	4.50	5.25	3.50	15.00	2519		
7	Hồ Lê	Cung	07/10/89	58904	B	2	5.00	5.00	4.25	15.00	2848		
8	Thịnh Thị Kim	Anh	29/03/94	50108	B	1	3.50	5.25	4.50	15.00	9314		
9	Tạ Nhật	Phong	29/09/94	51600	B	2NT	5.50	3.50	4.50	14.50	689		
10	Hồ Thị Hồng	Hà	15/10/93	63791	B	2NT	6.50	3.75	3.25	14.50	2336		
11	Nguyễn Thị	Mỹ	27/06/94	60933	B	2NT 06	3.50	4.50	4.50	14.50	9770		
12	Hà Thị	Lanh	08/12/94	21886	A	2	5.75	4.00	3.50	14.00	972		
13	Lê Tiểu	Long	08/10/94	63644	B	2NT	3.75	3.50	5.75	14.00	3352		
14	Lê Trần	Thắng	06/12/94	32332	B	1	4.50	3.75	4.00	14.00	8640		
15	Phan Thị Mỹ	Linh	16/10/93	51942	B	1	4.00	2.25	6.00	14.00	9601		
16	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/01/93	21700	A	2NT	5.00	3.75	3.75	13.50	547		
17	Nguyễn Văn	Nhơn	12/01/93	20678	A	1	2.50	3.50	5.75	13.50	2198		
18	Bùi Thị Thuỳ	Linh	03/05/94	43597	A	2NT	1.75	6.50	4.00	13.50	9526		
19	Đậu Nhật	Tuấn	04/07/94	48742	A	2	3.75	5.75	3.25	13.50	9796		
20	Võ	Thắng	24/06/94	44724	B	1	5.25	2.00	4.50	13.50	83		

(DHL.C850103) - Ngành: Quản lý đất đai (hệ Cao đẳng) Chỉ tiêu: 80

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
21	Nguyễn Ngọc	Luân	26/09/93	47678	B	2	4.50	5.00	3.25	13.50	446		
22	Lê Thị Nhật	Anh	27/10/94	49916	B	2	4.50	4.50	3.75	13.50	1558		
23	Ngô Anh	Tuấn	08/03/94	49298	B	2NT	3.50	5.00	4.00	13.50	1836		
24	Tạ Thị Thanh	Tình	20/12/93	49250	B	2NT	5.00	3.50	4.00	13.50	8138		
25	Đỗ Thị Thu	Hiền	17/01/94	52604	B	2NT	3.50	3.50	5.50	13.50	8619		
26	Đỗ Thị	Thu	09/05/93	64472	B	2NT	4.00	3.25	5.25	13.50	8620		
27	Võ Trí	Tặng	11/06/93	61916	B	1	6.00	2.75	3.00	13.50	9480		
28	Bùi Đức	Long	10/10/94	19263	B	2NT	5.00	4.75	2.75	13.50	9760		
29	Lê Thị	Sương	20/03/94	23336	A	2	4.25	3.50	4.50	13.00	1955		
30	Hồ Thị	Na	26/09/94	22428	A	2	4.50	3.75	4.00	13.00	2411		
31	Nguyễn Văn	Thắng	01/04/93	2030	A	1	3.00	3.75	4.75	13.00	9837		
32	Huỳnh Kim	Hưng	27/02/94	51299	B	2	4.00	4.75	3.50	13.00	166		
33	Lê Đinh Nhật	Quang	14/08/91	40985	B	2	4.00	4.25	4.25	13.00	177		
34	Trần Đình Vĩnh	Phúc	05/12/94	45146	B	2	3.25	6.00	3.00	13.00	545		
35	Nguyễn Văn	Thìn	18/06/88	43092	B	2NT	4.25	3.50	4.00	13.00	675		
36	Dương Đức Nhật	Quân	16/09/94	48229	B	2	4.50	3.00	5.00	13.00	803		
37	Hồ Hồng Bảo	Tiên	29/01/94	50258	B	2NT	2.75	3.75	5.50	13.00	1008		
38	Lê Thị	Huyền	18/06/93	64533	B	2	4.50	4.50	3.50	13.00	1160		
39	Lê Thị	Diệu	25/07/93	48115	B	2	4.25	3.75	4.50	13.00	1733		
40	Nguyễn Quang	Trí	24/08/94	52275	B	2	3.50	4.00	4.75	13.00	2353		
41	Trần Đăng	Sâm	01/06/94	43435	B	1	4.50	3.50	3.25	13.00	2424		
42	Nguyễn Lê Ngọc	Tú	16/02/93	49267	B	2	4.25	2.50	5.75	13.00	2483		
43	Lê Thị Minh	Huệ	26/10/94	46844	B	1	3.25	4.00	4.00	13.00	2965		
44	Nguyễn Như	Chung	08/06/92	54400	B	1	5.25	1.50	4.50	13.00	3349		
45	Châu Thị Thanh	Thảo	19/12/94	44896	B	1	3.75	4.25	3.25	13.00	8163		

(DHL.C850103) - Ngành: Quản lý đất đai (hệ Cao đẳng) **Chỉ tiêu: 80**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
46	Nguyễn Văn	Nghĩa	17/07/94	42735	B	1	2.75	4.00	4.50	13.00	8405		
47	Võ Văn	Hiền	20/01/93	48503	B	2NT	3.50	4.75	3.75	13.00	8594		
48	Trần Thị Mỹ	Kiều	20/01/94	64031	B	2NT	5.00	2.50	4.50	13.00	8630		
49	Nguyễn Ngọc	Tri	08/08/94	63345	B	1	5.50	2.50	3.50	13.00	8902		
50	Nguyễn Thị Khánh	Ly	02/01/94	48254	B	2NT	4.00	4.00	4.00	13.00	9363		
51	Hà Văn	Vũ	02/04/94	49005	B	2NT	4.00	3.75	4.00	13.00	9443		
52	Hồ Thị	Lan	02/05/94	53203	B	2NT	5.25	3.25	3.50	13.00	9469		
53	Trần Ngọc	Tài	06/01/94	52469	B	1	5.25	3.75	2.50	13.00	9521		
54	Lê Thị Minh	Huệ	26/10/94	46844	B	1	3.25	4.00	4.00	13.00	9649		
55	Nguyễn Văn	Tổng	08/02/94	45375	B	2	4.50	5.00	2.75	13.00	9953		
56	Trương Phước Ngọc	Trân	30/10/92	13176	A	2	5.00	3.25	3.50	12.50	362		
57	Nguyễn Thị Như	ý	25/03/93	12414	A	2	3.75	4.00	4.25	12.50	404		
58	Nguyễn Thị Khánh	Trân	24/09/94	13134	A	2	3.25	5.00	3.75	12.50	1247		
59	Nguyễn Như	Khoa	04/04/94	20746	A	2NT	3.00	3.50	5.00	12.50	1351		
60	Trương Quí	Hiền	12/01/93	17440	A	2NT	5.25	2.50	3.50	12.50	1404		
61	Hoàng Đức Trường	Minh	03/11/93	22769	A	2NT	3.50	4.50	3.50	12.50	1405		
62	Lê Hữu	Lộc	22/12/93	25558	A	1	2.00	5.25	3.50	12.50	2124		
63	Hoàng Thị	Thảnh	20/07/94	16246	A	1	3.25	4.25	3.50	12.50	2292		
64	Nguyễn Trường	Phú	17/04/94	10405	A	2NT	3.50	3.50	4.25	12.50	2949		
65	Nguyễn Thị Quỳnh	Linh	31/12/93	24367	A	2NT	5.25	3.75	2.50	12.50	3029		
66	Trương Thị Kim	Oanh	05/10/93	11250	A	2NT	2.75	5.00	3.50	12.50	3058		
67	Nguyễn Trần Linh	Phương	28/10/94	10780	A	2	5.00	3.00	4.00	12.50	3194		
68	Trần Thanh	Tùng	02/06/94	21273	A	2	4.00	5.50	2.50	12.50	8723		
69	Lê Vũ	Hoàng	16/11/94	10139	A	2	4.25	3.50	4.25	12.50	9022		
70	Lê Tuấn	Anh	03/08/93	23895	A	1	3.25	4.25	3.50	12.50	9726		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
71	Đỗ Ngọc	Dương	01/06/94	11184	A	2NT	2.75	5.50	3.00	12.50	13001		
72	Trần Phước	Cả	01/11/94	44577	B	1	3.25	3.25	4.50	12.50	49		
73	Hoàng Hữu	Quyền	02/05/94	46391	B	1	4.00	2.00	4.75	12.50	309		
74	Phạm Thị Quỳnh	Như	01/10/94	50251	B	1	3.50	2.75	4.50	12.50	1891		
75	Nguyễn Ngọc	Thiện	18/03/94	43318	B	2	3.00	4.50	4.50	12.50	1971		
76	Lê Văn	Huế	10/10/93	51843	B	2	4.50	3.50	4.00	12.50	2853		
77	Nguyễn Văn	Luật	06/11/93	62564	B	2	4.75	3.00	4.25	12.50	2908		
78	Hoàng Quốc	Minh	03/03/94	48255	B	2NT	3.75	2.75	4.75	12.50	3092		
79	Nguyễn Công	Mẫn	18/12/92	54040	B	2NT	3.75	3.00	4.50	12.50	3262		
80	Nguyễn Trần Mỹ	Phương	10/12/94	40398	B	1	3.00	3.50	4.25	12.50	3282		
81	Hoàng Đức Trường	Minh	03/11/93	54415	B	2NT	3.75	3.50	4.25	12.50	3394		
82	Nguyễn Minh	Đức	30/06/94	41847	B	2	4.50	3.00	4.50	12.50	8128		
83	Huỳnh Thị	Sang	12/12/94	15248	B	2NT	4.75	3.25	3.50	12.50	8547		
84	Hoàng Đình	Hải	31/05/94	48087	B	2	4.25	4.50	3.00	12.50	8600		
85	Hồ Thị Thuỳ	Linh	04/05/94	431	B	1	3.75	2.75	4.50	12.50	9012		
86	Lê Thị Hải	Yến	05/06/94	47659	B	2	4.50	4.50	2.75	12.50	9043		
87	Lê Thị	Thúy	04/12/94	49148	B	2NT	5.25	1.75	4.50	12.50	9239		
88	Phùng Xuân	Trường	07/04/94	2663	B	2NT	4.50	2.50	4.25	12.50	9484		
89	Cao Thiên	Long	22/06/94	14328	B	1	4.25	3.25	3.50	12.50	9674		
90	Hồ Viết	Phòng	21/11/94	52936	B	1	3.25	4.25	3.50	12.50	9686		
91	Dương Văn	Vương	10/03/93	47970	B	1	5.50	2.25	3.25	12.50	9846		
92	Trần Phước	Cả	01/11/94	19778	A	1	3.25	3.50	3.75	12.00	48		
93	Đỗ Trường	Tín	17/03/94	11312	A	2	3.75	4.50	3.00	12.00	310		
94	Trần Đăng	Đạm	23/10/93	17520	A	2	2.25	5.50	3.50	12.00	606		
95	Lê Văn	Hiền	03/06/94	18983	A	2NT	2.00	4.50	4.25	12.00	781		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
96	Phan Văn	Phúc	28/08/94	14691	A	2	4.50	2.50	4.50	12.00	802		
97	Đinh Trần Thanh	Tùng	09/08/94	28457	A	2	4.50	4.00	2.75	12.00	812		
98	Cao Thị	Mười	04/08/94	22081	A	1	2.50	3.50	4.25	12.00	927		
99	Đặng Quốc	Thắng	09/05/94	20764	A	2	3.00	5.25	3.25	12.00	1014		
100	Trần Lưu	Tuyến	12/09/92	2607	A	2NT	3.75	3.75	3.50	12.00	1047		
101	Trần Phước	Thắng	30/04/94	21249	A	2	3.00	3.75	4.50	12.00	1110		
102	Dương Thị Quỳnh	Anh	25/12/93	26267	A	2	4.25	3.50	3.50	12.00	1500		
103	Nguyễn Đình	Cường	24/07/94	13104	A	2	3.25	4.50	3.75	12.00	1821		
104	Đặng Hoài	Khanh	04/04/91	25270	A	2	4.25	3.50	3.75	12.00	1996		
105	Võ Khắc	Vũ	04/04/94	23419	A	2NT	4.00	2.50	4.25	12.00	2192		
106	Nguyễn Văn	Phương	23/06/94	21611	A	2NT	3.00	4.25	3.50	12.00	2862		
107	Nguyễn Tiến	Hùng	21/01/94	19523	A	2	5.00	2.50	3.75	12.00	3157		
108	Trần Anh	Tú	07/01/91	27034	A	2NT	1.50	4.50	4.75	12.00	3180		
109	Lê Duy	Khánh	08/04/93	20603	A	2NT	2.50	4.50	3.75	12.00	3340		
110	Lê Thị	Hoài	01/09/94	20135	A	2NT	4.00	4.25	2.50	12.00	8110		
111	Nguyễn Văn	Quân	02/01/93	17455	A	2NT	2.75	4.75	3.50	12.00	8147		
112	Trương Nữ Hoài	Thương	09/06/94	47773	A	2NT	2.50	5.50	2.75	12.00	8465		
113	Trần Thị Mỹ	Nhung	03/06/94	18915	A	2NT	2.50	4.00	4.50	12.00	9268		
114	Hoàng Thị Mỹ	Kiều	04/07/93	43251	A	1	2.25	3.50	4.75	12.00	9671		
115	Trương Văn	Ngọc	14/02/91	19669	A	2NT	3.00	4.25	3.50	12.00	9746		
116	Nguyễn Anh	Quang	10/02/94	21968	A	2	2.75	5.00	3.50	12.00	9821		
117	Hồ Văn	Thiện	20/06/93	6995	A	1	2.00	3.50	4.75	12.00	9853		
118	Phan Văn	Tuấn	26/12/92	49215	B	2NT	4.50	3.50	2.75	12.00	199		
119	Đặng Phước	Duy	12/03/92	44157	B	1	3.75	2.50	4.25	12.00	423		
120	Ngô Thị Thu	Hà	02/01/94	49827	B	2NT	2.00	3.25	5.50	12.00	925		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
121	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	13/12/94	45857	B	2NT	2.75	3.25	4.75	12.00	1210		
122	Hồ Thị	Lệ	02/01/94	42481	B	2NT	6.25	1.25	3.25	12.00	1827		
123	Lê Phan Thu	Hương	11/04/94	52927	B	2NT	4.00	2.50	4.25	12.00	2136		
124	Đặng ánh	Quyết	01/05/94	51344	B	2NT	3.50	4.00	3.50	12.00	2143		
125	Nguyễn Nam	Long	03/05/94	46573	B	2	3.25	4.75	3.50	12.00	2761		
126	Dương Ngọc	Tứ	16/04/93	44322	B	2NT	3.50	3.00	4.50	12.00	3035		
127	Võ Minh Thiện	Phúc	02/12/94	45188	B	2NT	4.50	1.25	5.25	12.00	3072		
128	Trần Văn	Nam	14/09/94	48192	B	1	3.75	2.25	4.25	12.00	3202		
129	Hoàng Phước	Phong	27/09/92	51471	B	1	4.25	2.75	3.50	12.00	3211		
130	Đỗ Thành	Vinh	08/10/94	48813	B	2NT	3.25	2.00	5.50	12.00	8081		
131	Phạm Trung	Dũng	17/01/94	47824	B	1	4.25	2.50	3.50	12.00	8213		
132	Thái Quang	Tuấn	12/06/94	49342	B	2	4.50	1.25	5.50	12.00	8401		
133	Phạm Trọng	Nam	15/01/94	903	B	2NT	4.50	3.75	2.50	12.00	9293		
134	Đoàn Thị	Oanh	10/02/94	55995	B	2NT	3.25	3.50	4.25	12.00	9399		
135	Lê Huỳnh	Đức	25/03/93	52525	B	2NT	2.75	5.25	2.75	12.00	9413		
136	Hoàng Thị Hoài	Thương	26/05/94	11346	B	2NT	3.75	3.50	3.75	12.00	9440		
137	Hà Thị	Hiền	20/08/94	50022	B	1	3.50	3.75	3.00	12.00	9647		
138	Đặng Văn	Linh	30/12/94	10943	B	2NT	3.50	2.75	4.75	12.00	9657		
139	Huỳnh Ngọc	Khá	17/03/94	14053	B	2NT	2.50	3.75	4.50	12.00	9830		
140	Lương Văn	Thành	03/03/93	32244	B	2NT	4.50	2.50	4.00	12.00	9919		
141	Huỳnh Minh	Lĩnh	03/02/94	45507	B	1	4.00	2.75	3.50	12.00	9934		
142	Võ Tá	Dũng	22/12/94	30378	B	2NT	3.25	1.00	6.50	12.00	9970		
143	Tống Khánh	Linh	16/11/93	21164	A	2	2.75	4.50	3.50	11.50	101		
144	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	04/05/94	18810	A	2	3.00	3.50	4.25	11.50	121		
145	Lê Đinh Nhật	Quang	14/08/91	10407	A	2	3.75	3.50	3.75	11.50	176		

(DHL.C850103) - Ngành: Quản lý đất đai (hệ Cao đẳng) Chỉ tiêu: 80

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
146	Huỳnh Tăng Nhật	Nguyên	15/11/94	14650	A	2	4.00	4.25	2.50	11.50	361		
147	Đặng Phước	Duy	12/03/92	13147	A	1	2.25	3.75	3.75	11.50	422		
148	Phan Nguyễn Hạnh	Chân	18/10/94	20735	A	2	2.25	4.00	4.50	11.50	501		
149	Nguyễn Thị Trà	My	27/06/94	10733	A	2NT	2.00	3.50	4.75	11.50	624		
150	Hoàng Hoa	Thám	21/01/94	11838	A	1	1.25	4.00	4.50	11.50	636		
151	Nguyễn Thanh Tùng	Quân	24/02/93	14012	A	2	4.00	3.50	3.50	11.50	645		
152	Lương Thị Mộng	Uyên	17/08/94	14610	A	2	3.25	4.50	3.00	11.50	1557		
153	Ngô Bá	Thiện	08/02/94	24681	A	2NT	4.50	1.50	4.50	11.50	1834		
154	Mai Thị	Nga	29/05/94	61245	A	2NT	4.50	3.50	2.25	11.50	2064		
155	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	29/08/94	19443	A	2	1.50	4.75	4.50	11.50	2101		
156	Nguyễn Ngọc	Quốc	15/09/92	19466	A	2NT	4.75	3.75	2.00	11.50	2171		
157	Trần Thị	Hạnh	20/04/93	13659	A	1	1.75	4.50	3.50	11.50	2291		
158	Lê Văn Toàn	Lợi	01/06/94	18505	A	2	2.00	4.50	4.50	11.50	2416		
159	Võ Quỳnh	Trang	16/09/04	18802	A	2	2.75	3.50	4.50	11.50	2436		
160	Hồ Thị Tiên	Nga	03/05/94	12208	A	2NT	3.50	3.75	3.25	11.50	2478		
161	Trần Đắc	Thuận	29/08/94	14360	A	2NT	3.50	3.75	3.25	11.50	2726		
162	Phùng Thị Thanh	Thúy	24/04/94	12938	A	2NT	3.00	3.75	3.50	11.50	2850		
163	Nguyễn Thị Hồng	Thuận	20/06/93	47453	A	1	2.00	3.50	4.25	11.50	2986		
164	Trần Thị ý	Nhi	21/01/94	25870	A	2NT	2.75	4.00	3.50	11.50	3147		
165	Phan Thị Thu	Hằng	24/06/94	1756	A	2NT	4.25	3.25	2.75	11.50	8500		
166	Phan Long	Khánh	20/01/93	12088	A	2NT	0.50	5.50	4.50	11.50	8672		
167	Ngô Thị Thanh	Trâm	20/06/94	12943	A	1	3.25	3.75	2.75	11.50	9473		
168	Nguyễn Kim	An	18/06/94	20619	A	2	3.25	4.50	3.00	11.50	9492		
169	Đinh Tố	Nhi	19/11/94	45156	A	1 01	1.00	4.50	2.50	11.50	9544		
170	Phan Thị Hồng	Thắm	14/04/94	21099	A	2NT	2.50	3.50	4.25	11.50	13043		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
171	Lê Tường Thụy	Thụy	12/12/94	51377	B	2	4.25	3.50	3.25	11.50	7		
172	Nguyễn Phan	Nguyên	18/08/94	48225	B	2	2.25	4.50	4.00	11.50	13		
173	Hoàng Hoa	Thám	21/01/94	48710	B	1	4.50	1.00	4.25	11.50	638		
174	Hoàng Thanh	Tùng	22/08/93	43493	B	2NT	3.00	3.75	3.50	11.50	1021		
175	Phạm Thị	Phượng	17/07/94	48100	B	2NT	4.25	3.25	2.75	11.50	1114		
176	Ngô Thị Hoài	Thu	06/09/94	46154	B	2	5.50	2.25	3.25	11.50	1201		
177	Hồ Thị Tiên	Nga	03/05/94	48417	B	2NT	3.75	3.75	2.75	11.50	1206		
178	Nguyễn Văn	Hoan	17/04/94	48376	B	2NT	3.50	2.75	4.00	11.50	1287		
179	Lê Thị Ngọc	Bích	15/11/94	48561	B	1	2.50	2.75	4.50	11.50	1598		
180	Ông Văn	Đức	20/09/94	49042	B	2	4.00	3.50	3.50	11.50	2406		
181	Nguyễn Thị Thùy	An	05/04/94	61847	B	2NT	3.50	3.00	3.75	11.50	2769		
182	Trương	Mạnh	26/03/94	45950	B	1	4.50	1.25	4.00	11.50	2805		
183	Phan Văn	Hoàng	06/04/93	40339	B	2NT	3.50	1.50	5.50	11.50	2964		
184	Ngô Xuân	Khanh	16/06/94	41267	B	2	3.75	2.75	4.50	11.50	8055		
185	Lê Thị Mỹ	Oanh	05/10/94	47644	B	1	2.50	3.75	3.75	11.50	8154		
186	Phan Nữ Năm	Hoa	14/11/94	62098	B	2NT	4.25	3.00	3.00	11.50	8443		
187	Nguyễn Tấn	Sơn	18/03/93	48931	B	1	4.25	1.50	4.25	11.50	8479		
188	Nguyễn Tấn	Sơn	18/03/93	48931	B	1	4.25	1.50	4.25	11.50	8480		
189	Phạm Phúc	Lộc	05/10/94	49198	B	2 06	3.25	1.50	5.00	11.50	8608		
190	Phạm Long	Cương	17/05/93	41886	B	1	4.50	2.00	3.25	11.50	8631		
191	Bùi Quốc	Anh	01/01/94	41337	B	1	4.25	0.75	4.75	11.50	9431		
192	Trần Thị	Hậu	25/04/94	12269	B	1 06	4.75	1.00	3.00	11.50	9449		
193	Lê Hồng	Thạnh	08/08/94	34147	B	1	2.50	3.00	4.25	11.50	9538		
194	Hoàng Thị	Oanh	16/08/94	18173	A	2NT	3.50	3.25	3.00	11.00	272		
195	Trần Trọng	Tiến	30/05/93	25592	A	2	2.00	4.00	4.50	11.00	395		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
196	Nguyễn Đức	Sinh	15/03/94	20685	A	2	4.50	3.50	2.50	11.00	914		
197	Nguyễn Đức	Sinh	15/03/94	20685	A	2	4.50	3.50	2.50	11.00	915		
198	Lê Thị Kim	Oanh	17/09/91	11907	A	2NT	2.50	3.25	4.25	11.00	980		
199	Hoàng Thị Tố	Nhi	24/10/94	10277	A	2NT	1.50	4.50	4.00	11.00	1107		
200	Nguyễn Văn	Trường	14/08/94	27602	A	2NT	3.00	3.00	3.75	11.00	1120		
201	Lê Quang	Nhật	05/08/94	10694	A	2NT 06	3.00	2.75	3.25	11.00	1121		
202	Lê Thị Nguyệt	ánh	11/06/93	25378	A	2	2.75	3.50	4.00	11.00	1459		
203	Nguyễn Chính	Trọng	09/02/94	14945	A	2	2.25	4.00	4.00	11.00	1678		
204	Hoàng Đình	Hợp	02/04/93	24214	A	1	3.00	3.50	3.00	11.00	1726		
205	Lê Thị Thu	Hương	05/07/94	22340	A	2NT	4.00	3.25	2.50	11.00	1730		
206	Trần Hồ Duy	Lâm	04/09/94	12602	A	2	4.00	3.50	3.00	11.00	1736		
207	Trương Thị Yến	Nhi	10/10/94	14008	A	2NT	4.00	1.25	4.50	11.00	2213		
208	Đinh Thị Diệu	Hằng	09/12/93	60484	A	2	2.75	4.50	3.25	11.00	2234		
209	Nguyễn Công	Mẫn	18/12/92	20789	A	2NT	4.25	2.75	3.00	11.00	2290		
210	Trà Quỳnh	Linh	10/02/94	21051	A	2NT	1.00	4.50	4.25	11.00	2525		
211	Trần Hữu Đức	Thắng	19/03/94	12491	A	2	4.25	3.75	2.25	11.00	2558		
212	Trương Thị Kiều	Nga	25/05/94	22891	A	2	3.50	3.50	3.25	11.00	2611		
213	Phạm Thị Hải	Giang	01/07/94	13531	A	2NT	3.00	3.50	3.50	11.00	2643		
214	Nguyễn Mậu	Tuynh	12/08/94	28275	A	2NT	1.75	4.25	3.75	11.00	2833		
215	Nguyễn Ngọc	Hòa	23/10/94	3871	A	2NT	2.50	4.50	2.75	11.00	3148		
216	Đoàn Thị	Huệ	01/08/94	18486	A	2NT	2.75	3.75	3.50	11.00	8187		
217	Đỗ Trung	Hưng	30/08/94	21162	A	2NT	2.25	4.50	3.00	11.00	8412		
218	Thái Thị Mai	Đào	21/12/94	18855	A	2	3.00	5.00	2.25	11.00	8427		
219	Lê Thị	Huyền	16/03/94	21882	A	2NT	3.25	3.50	3.00	11.00	8660		
220	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	04/04/94	11069	A	2	3.75	2.25	4.50	11.00	9195		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
221	Mai Thị Hải	Yến	20/05/94	12708	A	1	2.25 3.25 4.00	11.00	9281		
222	Mai Thị Hải	Yến	20/05/94	12708	A	1	2.25 3.25 4.00	11.00	9284		
223	Thái Thị	Trang	10/01/93	26774	A	2NT	2.50 3.75 3.75	11.00	9456		
224	Đỗ Đình	Nhân	12/10/94	20655	A	2NT	2.25 3.25 4.50	11.00	9546		
225	Trần Thị Thuỳ	Linh	17/11/94	21127	A	1 01	1.50 3.25 2.50	11.00	9848		
226	Phạm Thị	Thuỷ	14/05/94	20434	A	2	1.50 5.25 3.50	11.00	13020		
227	Phạm Ngọc	Trâm	10/10/94	41919	B	2	3.50 3.25 3.50	11.00	588		
228	Phan Hữu	Nghĩa	07/02/94	49111	B	2NT	2.50 3.75 3.75	11.00	740		
229	Trần	Thắng	28/12/94	51856	B	2	2.50 1.25 6.75	11.00	828		
230	Nguyễn Thanh	Hải	27/04/94	46174	B	2NT	3.25 2.00 4.50	11.00	1168		
231	Lâm Đại	Sang	11/05/94	40988	B	2NT	2.50 2.75 4.50	11.00	1290		
232	Nguyễn Đắc Minh	Hoàng	15/11/94	49278	B	2	2.75 4.25 3.25	11.00	1310		
233	Đỗ Như Anh	Nhật	19/06/94	47643	B	2NT	3.75 2.75 3.50	11.00	1340		
234	Trần Văn	Kha	10/10/93	47012	B	1	5.25 1.50 2.50	11.00	1350		
235	Văn Minh	Đức	12/08/93	44970	B	2	3.00 4.75 2.75	11.00	1521		
236	Nguyễn Quang	Hoàng	17/06/94	49164	B	2NT	3.50 2.25 4.00	11.00	1547		
237	Võ Đình	Thịnh	22/05/94	53018	B	2NT	3.00 3.50 3.50	11.00	1693		
238	Võ Thị Thu	Thảo	15/06/94	49289	B	2	2.75 4.50 3.25	11.00	2080		
239	Võ Thanh	Sơn	15/10/94	44292	B	2NT	2.50 3.25 4.25	11.00	2251		
240	Nguyễn Văn	Thanh	01/11/93	45864	B	2	3.50 4.00 2.75	11.00	2597		
241	Phan	Mạnh	25/02/93	45069	B	1	3.75 1.50 4.00	11.00	2617		
242	Nguyễn Tam	Sơn	08/03/94	48867	B	2NT	3.75 1.75 4.50	11.00	2868		
243	Nguyễn Văn	Tâm	06/05/94	48646	B	2NT	3.50 2.50 4.00	11.00	2926		
244	Phan Thanh	Long	21/10/94	45139	B	2NT	3.50 2.75 3.50	11.00	8438		
245	Phan Văn	Thành	09/08/93	48137	B	2NT	3.75 2.00 4.00	11.00	8584		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
246	Cao Ngọc Phương	Trinh	23/06/94	49032	B	2NT	2.50	4.25	3.25	11.00	8676		
247	Hoàng Thị Thanh	Mơ	10/10/93	64843	B	2NT	4.50	1.50	4.00	11.00	8798		
248	Phan Đăng Duy	Tuân	08/08/94	47502	B	1	4.00	1.75	3.75	11.00	8872		
249	Nguyễn Thanh	Châu	22/04/93	41759	B	2NT	3.75	2.00	4.00	11.00	9067		
250	Nguyễn Văn	Chương	02/11/94	46616	B	2 06	4.50	2.50	2.50	11.00	9139		
251	Hoàng Hồng	Thịnh	27/06/94	45372	B	2NT	3.50	2.75	3.50	11.00	9385		
252	Nguyễn Quang	Chính	09/09/94	42644	B	2NT	3.50	2.75	3.75	11.00	9574		
253	Phạm Văn	Lý	08/07/92	27617	B	2NT	4.75	1.50	3.50	11.00	9949		
254	Nguyễn Thị	Huế	18/12/94	48696	B	2NT	3.50	3.25	3.25	11.00	13044		
255	Nguyễn Văn	Sang	18/09/94	17799	B	1	3.25	1.00	5.00	11.00	13045		
256	Lê Hữu	Trọng	17/08/94	43986	B	1	4.50	1.50	3.50	11.00	13094		
257	Lê Tường Thụy	Thụy	12/12/94	24807	A	2	3.75	2.50	3.50	10.50	8		
258	Nguyễn Phan	Nguyên	18/08/94	1497	A	2	2.50	2.75	4.75	10.50	12		
259	Lê Văn	Tiếp	18/06/93	25499	A	1	2.25	3.50	3.00	10.50	336		
260	Hà Nhật	Tân	02/07/94	10115	A	2	3.00	4.00	3.00	10.50	622		
261	Bùi Văn	Quý	06/12/93	19300	A	2	1.00	3.50	5.25	10.50	761		
262	Nguyễn Minh	Trí	02/12/93	17849	A	2	1.00	2.50	6.25	10.50	1112		
263	Nguyễn Thị Hà	Giang	02/08/94	15927	A	2	3.25	3.75	3.00	10.50	1202		
264	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	13/12/94	15989	A	2NT	3.50	3.50	2.50	10.50	1209		
265	Lê Thị Hồng	Liên	12/06/94	14839	A	2NT	2.50	3.75	3.25	10.50	1271		
266	Lê Thị Hồng	Liên	12/06/94	14839	A	2NT	2.50	3.75	3.25	10.50	1272		
267	Hoàng Văn Anh	Vũ	26/01/94	10208	A	2	1.00	4.00	5.00	10.50	1325		
268	Đinh Thị Minh	Dương	07/08/94	21078	A	2NT	2.75	3.50	3.25	10.50	1341		
269	Mai Đại	Phước	17/08/94	20909	A	3 06	1.75	3.50	4.00	10.50	1570		
270	Lê Thanh	Linh	16/10/93	20748	A	1	1.50	3.00	4.50	10.50	1727		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
271	Nguyễn Ngọc	ánh	26/06/94	22524	A	2NT	2.25	4.50	2.75	10.50	2186		
272	Phan Đức	Tấn	01/01/94	21171	A	2NT	2.50	3.75	3.25	10.50	2214		
273	Trần Trung	Kiên	25/05/92	10562	A	2	2.75	3.50	3.50	10.50	2263		
274	Trần Đăng	Sâm	01/06/94	22922	A	1	2.00	2.50	4.25	10.50	2425		
275	Trần Đình	Quý	02/09/94	20644	A	2NT	1.75	3.75	4.00	10.50	2474		
276	Ngô Đức	Huỳnh	21/11/94	21085	A	1	2.50	3.25	3.00	10.50	2543		
277	Đoàn Công Tuấn	Anh	15/08/93	892	A	2	3.25	3.50	3.00	10.50	2554		
278	Nguyễn Trọng	Vũ	07/09/94	20767	A	2NT	1.75	4.00	3.50	10.50	2616		
279	Lê Thị Quỳnh	Châu	30/07/93	25699	A	2	3.25	3.75	3.00	10.50	2699		
280	Lại Thị	Hiệp	03/03/93	14187	A	1	1.00	4.50	3.25	10.50	2775		
281	Nguyễn Đình	Tuấn	09/10/90	15517	A	2	1.75	4.50	3.50	10.50	3130		
282	Lương Thị Ngọc	Mi	24/07/94	19430	A	2NT	1.50	3.50	4.50	10.50	3191		
283	Phan Quang	Giáp	16/09/94	11464	A	2	3.25	2.50	4.00	10.50	3316		
284	Trần Thị Hà	Phương	11/04/94	20833	A	2NT	2.25	3.00	4.00	10.50	8103		
285	Nguyễn Tiến	Tưởng	28/12/92	21281	A	1	1.00	4.50	3.50	10.50	8180		
286	Nguyễn Hoài	Nam	08/07/94	19458	A	2NT	2.50	3.75	3.25	10.50	8490		
287	Lê Nữ Hoàng	An	10/02/94	20593	A	2	1.75	3.75	4.50	10.50	8601		
288	Nguyễn Thị	Dung	17/03/94	17960	A	2NT	3.50	3.50	2.50	10.50	8637		
289	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	08/10/94	10548	A	2NT	3.00	3.00	3.50	10.50	8657		
290	Hà Ngọc	Đông	12/11/94	12744	A	2	2.75	4.50	2.50	10.50	8727		
291	Trần Thị Thu	Thảo	07/09/93	19591	A	2NT 06	1.25	3.50	3.50	10.50	9292		
292	Trần Văn	Đông	16/09/94	281	A	2NT	2.50	3.75	3.25	10.50	9358		
293	Lê Đình	Hiếu	23/09/94	20818	A	2NT	2.00	4.50	3.00	10.50	9425		
294	Phạm Thị Thu	Trang	10/04/94	16588	A	1	2.00	4.50	2.50	10.50	9520		
295	Nguyễn Thị Dạ	Linh	02/03/93	12318	A	2NT	1.00	4.50	3.75	10.50	9554		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
296	Lê Đình	Tùng	02/06/94	16223	A	2NT	3.50	3.75	2.00	10.50	9610		
297	Trần Thị Thu	Hương	22/04/94	42999	A	2NT	2.25	3.00	4.00	10.50	9668		
298	Nguyễn Hữu	Thắng	07/09/94	19807	A	1	1.50	4.50	3.00	10.50	9695		
299	Phạm Thị	Hoa	24/02/94	334	A	1	1.25	4.50	3.00	10.50	13056		
300	Hoàng Thị Hoài	Thương	11/10/94	47780	A	1	4.00	2.50	2.50	10.50	13100		
301	Phạm Công Anh	Văn	01/11/93	20651	A	2	1.50	3.25	4.50	10.00	76		
302	Lê Ngọc Hoài	Nam	01/04/94	11903	A	2	2.00	3.50	3.75	10.00	273		
303	Trần	Tiến	16/10/92	20994	A	2	2.25	3.50	3.50	10.00	475		
304	Trần Đắc	Lương	16/10/94	20712	A	2NT	1.25	4.00	3.50	10.00	901		
305	Đặng Viết	Quang	08/05/94	11170	A	2NT	3.00	3.00	2.75	10.00	1449		
306	Hoàng Phúc	Quân	28/10/94	12026	A	2	1.75	4.75	2.75	10.00	1589		
307	Phan Thị Mỹ	Diệu	24/03/94	12117	A	1	2.50	3.50	2.50	10.00	1764		
308	Hồ Thị	Lệ	02/01/94	14683	A	2NT	1.75	2.50	4.50	10.00	1828		
309	Nguyễn	Pháp	21/03/93	19922	A	1	1.25	3.50	3.50	10.00	2159		
310	Trần Đức Bảo	Lộc	31/01/93	15142	A	2NT	1.00	3.75	4.00	10.00	2644		
311	Huỳnh Tăng	Minh	17/04/94	14083	A	2	2.25	3.50	3.50	10.00	2670		
312	Hồ	Rin	01/07/93	22739	A	2	1.25	4.00	4.00	10.00	2705		
313	Nguyễn Thị	Nhung	22/06/94	21206	A	2NT	2.75	3.50	2.75	10.00	3020		
314	Nguyễn Thị	Hoàng	22/12/94	21159	A	2NT	2.75	2.75	3.25	10.00	3110		
315	Nguyễn Thị	Thúy	26/06/94	11136	A	2NT	2.25	4.25	2.50	10.00	3122		
316	Nguyễn Văn	Nghĩa	25/05/93	22694	A	1	1.25	3.50	3.50	10.00	3125		
317	Hoàng Phước	Phong	27/09/92	25563	A	1	2.75	3.25	2.50	10.00	3212		
318	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/08/93	26066	A	2NT	2.25	3.00	3.50	10.00	3260		
319	Nguyễn Thị	Hoàng	22/12/94	21159	A	2NT	2.75	2.75	3.25	10.00	8050		
320	Trần Thế	Dân	17/10/93	17637	A	2	2.50	3.50	3.50	10.00	8113		

(DHL.C850103) - Ngành: Quản lý đất đai (hệ Cao đẳng) **Chỉ tiêu: 80**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
321	Trần Ngọc	Tài	06/01/94	23492	A	1	1.75	3.00	3.50	10.00	8219		
322	Đặng Thị Thanh	Hòa	12/05/94	158	A	1	1.25	3.50	3.75	10.00	8325		
323	Phan Nữ Năm	Hoa	14/11/94	15050	A	2NT	1.75	2.50	4.50	10.00	8496		
324	Đặng Khất	Thiên	07/06/94	9722	A	2	2.75	3.25	3.50	10.00	8687		
325	Lê	Hoàng	14/04/94	17842	A	2	2.75	2.50	4.25	10.00	9388		
326	Nguyễn Thị	Vân	20/04/94	20766	A	1	1.75	3.50	3.00	10.00	9708		
327	Hồ Ngọc	Thái	22/10/94	25588	A	1	1.00	3.75	3.50	10.00	9817		
328	Hà Văn	Kiên	16/10/93	10270	A	2NT 06	1.25	3.50	3.25	10.00	9973		

Nhóm ngành: QLTN và môi trường. Chỉ tiêu: 98 **(DHL.D440306) - Ngành: Khoa học đất**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	08/02/94	64389	B	2	4.00	6.25	4.75	15.50	1095		

Nhóm ngành: Cơ khí - Công nghệ. Chỉ tiêu: 55 **(DHL.D510201) - Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Phương	Trung	23/03/93	27469	A	2NT	4.25	5.25	2.50	13.00	8446		

Nhóm ngành: Cơ khí - Công nghệ. Chỉ tiêu: 55 **(DHL.D540101) - Ngành: Công nghệ thực phẩm**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Trần Thảo	Trinh	07/08/94	58934	B	2	6.25	5.25	5.50	17.50	8332		
2	Võ Đức	Nhân	29/04/94	57017	B	1	5.25	4.00	5.50	16.50	9549		
3	Đỗ Thị	Đào	14/05/94	12693	A	1	3.75	4.50	4.25	14.00	8165		
4	Nguyễn Thành	Công	12/10/94	58511	B	2NT	4.50	1.00	7.50	14.00	9724		

Nhóm ngành: Cơ khí - Công nghệ. Chỉ tiêu: 55 **(DHL.D540101) - Ngành: Công nghệ thực phẩm**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
5	PhanThị	Ngân	28/12/94	7978	A	1	4.25	3.00	4.00	13.00	9945		

Nhóm ngành: Lâm nghiệp. Chỉ tiêu: 169 **(DHL.D540301) - Ngành: Công nghệ chế biến lâm sản**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Dương Kế	Châu	17/08/93	62548	B	2	6.25	6.50	5.50	19.00	267		
2	Hoàng Đức	Anh	10/07/94	56126	B	2	4.50	6.25	6.00	17.50	8721		
3	Nguyễn Văn	Trình	21/10/94	59925	B	1	5.00	4.75	6.00	17.50	8963		
4	Trịnh Đăng	Tân	16/04/94	63142	B	2NT	7.00	2.25	6.50	17.00	8961		
5	Thiều Quang	Hiệu	17/01/94	57423	B	3	5.75	5.50	5.75	17.00	9323		
6	Trần Hồng	Quân	16/02/94	60175	B	2	4.75	5.75	5.50	16.50	2602		
7	Phạm Minh	Tuấn	19/04/94	61045	B	2NT	4.75	5.50	5.00	16.50	8424		
8	Đỗ Phúc	Nghĩa	08/04/94	49670	B	2NT	5.25	5.00	5.00	16.50	9321		
9	Lê Minh	Quý	21/06/94	51539	B	2	3.50	5.75	6.00	16.00	320		
10	Lê Phúc Tân	Phong	15/07/94	51503	B	2	5.25	5.50	4.75	16.00	1626		
11	Châu Thị Tường	Vy	29/06/93	56630	B	2	3.75	5.00	6.50	16.00	2930		
12	Nguyễn Văn	Anh	10/10/94	63229	B	2NT	5.00	5.25	4.75	16.00	8098		
13	Võ Đức	Thắng	12/01/94	24813	A	1	4.00	5.00	5.00	15.50	2325		
14	Phạm Xuân	Vũ	02/08/94	29490	A	2	5.00	4.50	5.50	15.50	8720		
15	Nguyễn Thị Trường	Vy	29/06/93	50136	B	1	2.50	5.00	6.50	15.50	213		
16	Nguyễn Linh	Nga	27/03/94	62890	B	2	5.50	4.00	5.25	15.50	1682		
17	Trương Tấn	Sang	23/04/94	49873	B	2NT	5.50	2.50	6.50	15.50	2048		
18	Trần Thị Thanh	Hồng	14/11/94	62061	B	2	3.50	6.00	5.25	15.50	2637		
19	Lê Anh	Quân	05/03/94	49776	B	2	4.50	3.25	6.75	15.00	1234		
20	Hoàng Thiên	Việt	31/10/94	60631	B	2	4.00	4.75	5.75	15.00	2285		
21	Nguyễn Hồ Việt	Tùng	01/09/94	59522	B	2	6.00	3.75	4.75	15.00	2600		

Nhóm ngành: Lâm nghiệp. Chỉ tiêu: 169 **(DHL.D540301) - Ngành: Công nghệ chế biến lâm sản**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
22	Trương Trần Thanh	Tâm	09/12/94	65641	B	2NT	4.00	4.75	5.00	15.00	9303		
23	Phan Phước	Hùng	02/07/94	64311	B	2NT	3.25	5.00	5.50	15.00	9490		
24	Lâm Ngọc	Diệp	23/08/94	40785	A	1	3.75	3.50	5.50	14.50	8662		
25	Nguyễn Quang	Thịnh	08/03/94	25212	A	1	2.75	4.00	6.00	14.50	9512		
26	Nguyễn Tuấn Đức	Phúc	01/02/94	60460	B	2	5.50	4.50	4.00	14.50	373		
27	Hoàng Quốc	Tỉnh	20/09/94	58384	B	2NT	3.75	6.00	3.75	14.50	2074		
28	Lê Trọng	Hạnh	28/03/94	50304	B	2NT	4.50	3.50	5.50	14.50	2256		
29	Phan Thị	Mướp	12/04/94	52731	B	1	3.25	4.75	5.00	14.50	2810		
30	Nguyễn Thanh	Tùng	24/07/94	4548	A	2NT	3.75	4.00	5.00	14.00	8174		
31	Hồ Viết	Phòng	21/11/94	21175	A	1	4.00	5.00	3.25	14.00	9687		
32	Phan Thị	Hương	02/12/93	50436	B	2NT	3.25	3.50	6.25	14.00	934		
33	Nguyễn Hữu	Thọ	03/04/93	56546	B	2	5.00	5.00	3.50	14.00	2052		
34	Nguyễn Văn Viết	Nghĩa	28/06/92	55385	B	2	7.25	3.00	3.25	14.00	3384		
35	Phan Văn	Ty	28/01/90	28724	A	2NT	3.00	4.75	4.75	13.50	970		
36	Nguyễn Sanh	Mạnh	07/01/94	13753	A	2NT	3.50	3.75	5.25	13.50	1262		
37	Hoàng Ngọc	Phước	28/11/94	13846	A	2NT	3.75	3.75	5.00	13.50	1718		
38	Phùng Gia	Bảo	20/02/92	10719	A	2	5.50	4.50	3.00	13.50	2393		
39	Nguyễn Tất	Lập	18/12/94	22154	A	1	1.75	4.50	5.50	13.50	3299		
40	Hồ Thị	Na	26/09/94	22428	A	2	4.50	3.75	4.00	13.00	337		
41	Mai Thị	Thuỷ	21/09/93	23575	A	2	3.25	4.50	4.50	13.00	951		
42	Nguyễn Văn	Pháp	17/06/94	20917	A	2	4.50	5.50	2.50	13.00	8649		

Nhóm ngành: Phát triển nông thôn. Chỉ tiêu: 72 **(DHL.D620102) - Ngành: Khuyến nông**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Công	Tuấn	09/06/93	58662	B	1	8.00	1.75	8.75	20.00	2249		

Nhóm ngành: Phát triển nông thôn. Chỉ tiêu: 72 (DHL.D620102) - Ngành: Khuyến nông

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
2	Dương Thị	Song	25/05/94	64045	B	2NT	4.00	7.00	5.25	17.50	9479		
3	Dương Thị Hồng	Phúc	23/04/94	50061	B	2NT	4.00	6.00	5.75	17.00	1208		
4	Nguyễn Thị Hoài	Thương	07/09/94	63146	B	2NT	6.75	4.00	5.25	17.00	9515		
5	Đỗ Thị	Thành	12/06/93	55841	B	2NT	6.50	4.00	4.75	16.50	9561		
6	Phan Trung	Dũng	10/04/94	323	A	2NT	4.75	5.50	4.75	16.00	9367		
7	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	14/04/94	51671	B	1	6.00	4.00	4.50	16.00	1335		
8	Lê Kim	Phương	15/01/94	51819	B	1	6.25	4.75	3.25	16.00	2942		
9	Nguyễn Thị	Lin	01/09/93	23186	A	2NT	6.00	3.75	4.75	15.50	539		
10	Trần Thị Thúy	Anh	08/05/94	46	A	2NT	5.25	4.00	5.00	15.50	2647		
11	Nguyễn Thị Qui	Phượng	26/12/93	60461	B	1	4.75	5.50	3.00	15.00	2448		
12	Trần Thị	Thảo	13/04/94	63338	B	2NT	2.75	4.50	6.00	14.50	2085		
13	Đinh Nhật	Sơn	11/04/94	51885	B	1	4.00	4.50	4.50	14.50	2609		
14	Võ Gia	Nguyễn	18/11/93	60331	B	2	4.75	3.75	5.50	14.50	3132		
15	Trần Phi	Nghiêm	28/03/94	59348	B	1	3.75	2.00	7.00	14.50	8085		
16	Nguyễn Thị Hoàng	Nhi	02/10/94	52773	B	2 06	3.50	5.00	4.50	14.50	8130		
17	Lê Thị Mỹ	Huyền	06/09/93	16519	A	1	3.75	5.00	3.75	14.00	873		
18	Lê Hữu	Pháp	16/07/94	20931	A	1	4.75	4.25	3.50	14.00	3005		
19	Phạm Thị Hải	Yến	05/03/94	1094	A	2NT	4.00	4.50	4.50	14.00	8221		
20	Lê Đình	Hùng	02/01/93	18224	A	1 04	2.00	5.75	2.75	14.00	13055		
21	Đinh Thị	Hoa	13/11/94	58400	B	2NT	5.50	4.50	2.75	14.00	2476		
22	Trần Minh	Chung	10/09/94	50077	B	2NT	4.00	4.25	4.50	14.00	2999		
23	Nguyễn Văn Viết	Nghĩa	28/06/92	55385	B	2	7.25	3.00	3.25	14.00	3383		
24	Hoàng Thị	Thảo	13/12/94	23161	A	2NT	4.00	3.50	5.00	13.50	1027		
25	Đỗ Thị Phương	Thảo	22/03/94	16456	A	2NT	3.50	4.50	4.50	13.50	8117		
26	Nguyễn Duy	Minh	17/02/94	19083	A	1	4.75	4.00	3.00	13.50	8635		

Nhóm ngành: Phát triển nông thôn. Chỉ tiêu: 72 **(DHL.D620102) - Ngành: Khuyến nông**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
27	Đào Quang	Dương	16/05/94	41117	A	2NT	3.25	4.75	4.50	13.50	9915		

Nhóm ngành: Chăn nuôi - Thú y. Chỉ tiêu: 121 **(DHL.D620105) - Ngành: Chăn nuôi**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phan Cảnh Quốc	Đạt	09/06/93	61263	B	2	6.50	7.00	5.50	19.50	2975		
2	Lê Viết	Mẫn	20/05/94	62731	B	2	4.50	8.00	6.50	19.50	9275		
3	Dương Đình	Hạ	10/07/94	58320	B	2NT	6.50	6.50	5.00	19.00	9457		
4	Võ Thị Trà	Giang	02/12/94	64178	B	1	4.50	5.25	5.25	16.50	9420		
5	Thiều Thị	Việt	19/05/94	61764	B	2NT 06	3.00	7.00	4.50	16.50	9868		
6	Nguyễn Chí	Đồng	07/08/92	634	A	2NT	7.00	3.50	4.50	16.00	3268		
7	Đặng Thị Mai	Duyên	30/11/94	61892	B	2NT	5.25	5.75	3.75	16.00	1656		
8	Tôn Nữ Quỳnh	Trang	02/09/94	50418	B	2	3.75	6.00	5.50	16.00	2566		
9	Lê Đức	ái	19/09/94	60091	B	2NT	4.25	5.75	4.75	16.00	8265		
10	Nguyễn Thị Quế	Phương	17/02/93	50443	B	2NT	4.50	6.00	4.50	16.00	8951		
11	Hồ Thị Đoan	Trang	12/12/93	48177	A	2NT	4.50	6.00	4.00	15.50	1739		
12	Nguyễn Minh	Trí	22/02/94	27137	A	1	5.00	5.25	3.50	15.50	1861		
13	Hoàng Thị Mỹ	Linh	23/11/94	17949	A	2NT	4.00	5.00	5.50	15.50	8262		
14	Đặng Hoài	Linh	20/12/94	5394	A	2NT	5.75	5.50	3.00	15.50	9927		
15	Trần Thị Hồng	Nhung	13/08/94	56655	B	1	5.25	4.50	4.25	15.50	3364		
16	Trần Thị	Nhung	28/03/94	53458	B	1	4.75	3.75	5.50	15.50	13049		
17	Đặng Thị Mai	Duyên	30/11/94	15758	A	2NT	5.25	5.00	3.50	15.00	1659		
18	Lê Thị	Duyến	02/11/94	12298	A	2NT	6.00	3.50	4.25	15.00	1686		
19	Huỳnh Thị Phương	Thảo	20/04/93	46971	A	2	4.00	5.25	5.00	15.00	9212		
20	Nguyễn Thị Diệu	Lý	10/05/93	26435	A	2	5.50	4.50	4.25	15.00	9666		
21	Trần Xuân Cát	Ngọc	10/06/94	9045	B	2	6.00	5.50	3.00	15.00	227		

Nhóm ngành: Chăn nuôi - Thú y. Chỉ tiêu: 121 **(DHL.D620105) - Ngành: Chăn nuôi**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
22	Võ Lê Quý	Thiện	07/07/93	63302	B	2NT	5.25	4.50	4.25	15.00	2200		
23	Võ Hồng Phước	Thảo	26/02/94	58806	B	2NT	4.75	4.00	5.00	15.00	8257		
24	Nguyễn Văn	Hảo	12/04/94	50144	B	2NT	4.00	4.50	5.25	15.00	8471		
25	Bùi Xuân	Minh	10/12/94	6735	B	2NT	4.75	3.50	5.75	15.00	9881		
26	Trần Đại	Quỳnh	24/03/94	22708	A	2NT	4.25	4.00	5.25	14.50	2358		
27	Nguyễn Anh	Phong	12/03/93	21129	A	2NT	1.75	7.00	4.50	14.50	2484		
28	Nguyễn Ngọc	Huy	21/01/94	15989	A	2NT	3.50	5.50	4.50	14.50	2560		
29	Trần Minh	Đức	03/09/93	26765	A	1	2.75	5.50	4.50	14.50	3330		
30	Trần Văn	Đồng	24/09/94	13220	A	2NT	3.50	4.75	5.00	14.50	8373		
31	Nguyễn Thị	Hồng	13/03/94	16719	A	1	4.25	4.25	4.50	14.50	8883		
32	Ngô Hoàng	Hiếu	06/06/93	14608	A	2NT	4.25	5.25	3.75	14.50	9509		
33	Tô Huy	Quỳnh	13/07/94	9822	A	2NT	7.75	3.00	2.75	14.50	9912		
34	Đặng Châu	Anh	27/09/94	61335	B	2	3.50	4.75	5.50	14.50	397		
35	Trần Văn	Thịnh	29/03/94	50194	B	2NT	4.50	5.00	3.75	14.50	436		
36	Hồ Thị	Hòa	10/10/94	60991	B	2	6.50	2.75	4.50	14.50	1661		
37	Phạm Thị	Phương	09/09/93	8426	B	1	5.25	5.25	2.50	14.50	3051		
38	Nguyễn Thị Diễm	Hương	21/09/94	64358	B	2	4.50	5.25	4.00	14.50	13008		
39	Lê Trọng	Tùng	05/07/93	17315	A	2NT	5.00	4.00	4.00	14.00	489		
40	Bùi Đặng Thống	Nhất	01/01/94	14275	A	2	5.50	4.50	3.50	14.00	1881		
41	Cao Hữu	Hậu	18/09/93	14349	A	2	3.25	5.25	4.75	14.00	9051		
42	Lê Hoàng	Minh	09/12/93	8163	A	1	3.75	4.50	4.25	14.00	9376		
43	Nguyễn Thanh	Hà	01/12/93	21653	A	1	4.25	4.50	3.50	14.00	9696		
44	Nguyễn Thành	Trung	04/12/94	52276	B	2NT	4.50	4.00	4.25	14.00	3073		
45	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/01/93	21700	A	2NT	5.00	3.75	3.75	13.50	548		
46	Nguyễn Văn	Nhơn	12/01/93	20678	A	1	2.50	3.50	5.75	13.50	2196		

Nhóm ngành: Chăn nuôi - Thú y. Chỉ tiêu: 121 **(DHL.D620105) - Ngành: Chăn nuôi**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
47	Lê Thị Ngọc	Minh	08/02/94	10106	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	2961		
48	Nguyễn Thị Kim	Thoa	20/10/94	25333	A	2NT	3.25	3.50	5.50	13.50	8123		
49	Hồ Thị	Nhàn	24/11/93	13672	A	2NT	4.25	3.75	4.50	13.50	8769		
50	Lê Văn	Hùng	29/09/94	16215	A	2NT	4.50	3.25	4.50	13.50	9421		
51	Nguyễn Hữu	Minh	08/10/93	1521	A	2NT	5.25	3.00	4.00	13.50	13047		
52	Đào Hữu	Tài	20/02/94	13638	A	2NT	3.00	4.50	4.25	13.00	433		
53	Lê Thị Ngọc	Trâm	30/06/94	14779	A	2	5.50	3.50	3.50	13.00	650		
54	Võ Thị	Hoa	12/01/93	22883	A	2NT	4.25	3.50	4.25	13.00	882		
55	Lê Trọng	Nhân	08/01/94	23060	A	1	4.25	3.25	3.75	13.00	1426		
56	Lê Thị	Sương	20/03/94	23336	A	2	4.25	3.50	4.50	13.00	1954		
57	Phan Thanh	Quốc	03/02/93	22352	A	1	0.75	4.00	6.50	13.00	2536		
58	Võ Văn	Lợi	01/11/94	18514	A	2NT	4.50	4.25	3.00	13.00	2702		
59	Bùi Thị	Thương	18/04/94	22054	A	2NT	4.00	4.00	3.75	13.00	2754		
60	Lê	Đô	20/11/93	13137	A	1	2.00	3.00	6.50	13.00	2878		
61	Vũ Văn	Đức	14/11/92	601	A	2NT	3.75	4.25	3.75	13.00	3204		
62	Tô	Phưỡng	09/10/93	21846	A	1	3.50	3.25	4.50	13.00	3324		
63	Phạm Thị	Thảo	26/10/94	17222	A	2NT	3.25	4.50	4.25	13.00	8122		
64	Hồ Nhật	Trung	06/09/91	27432	A	2	2.75	5.00	4.50	13.00	8454		
65	Trần Kim	Lộc	27/09/94	43868	A	2NT	2.50	3.75	5.50	13.00	9090		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620109) - Ngành: Nông học**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Hồ Văn Quốc	Huy	01/11/94	27130	A	2NT	5.50	6.00	7.25	20.00	2807		
2	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	21/09/94	57824	B	2	7.00	5.75	6.00	19.50	2789		
3	Trần Đình	Giáp	25/03/94	57005	B	2	7.25	6.50	4.75	19.00	8303		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620109) - Ngành: Nông học**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
4	Nguyễn Thị Khánh	Mỹ	29/04/94	15096	B	2	5.25	6.75	4.50	17.00	8047		
5	Bùi Quang Anh	Quốc	02/04/94	2359	A	1	5.00	5.25	4.50	16.50	8115		
6	Phan Trung	Dũng	10/04/94	323	A	2NT	4.75	5.50	4.75	16.00	9366		
7	Võ Sĩ	Hưng	18/01/94	60549	B	1	6.25	4.50	3.75	16.00	2311		
8	Lê Thị	Mai	20/01/94	6471	B	2NT	5.75	3.25	5.75	16.00	9417		
9	Lại Thị	Bình	20/10/93	633	B	1	7.00	3.00	4.25	16.00	9866		
10	Châu Quang	Vũ	30/03/94	26300	A	2	6.00	4.50	4.50	15.50	153		
11	Trần Ngọc	Mỹ	18/01/93	19323	A	2	4.75	4.50	5.75	15.50	8160		
12	Vũ Cường	Việt	13/08/92	4572	A	1	4.25	4.25	5.25	15.50	8260		
13	Phạm Thị	Truyền	01/08/94	45922	B	1	3.75	5.25	4.75	15.50	8497		
14	Nguyễn Hải	Long	02/09/94	60806	B	3	3.75	6.75	5.00	15.50	8730		
15	Nguyễn Trương	Nhân	28/01/94	63011	B	2NT	4.75	5.00	4.50	15.50	9400		
16	Phạm Thanh	Nhật	25/12/94	60904	B	1	4.50	5.75	3.50	15.50	9809		
17	Phạm Thanh	Nhật	25/12/94	60904	B	1	4.50	5.75	3.50	15.50	9847		
18	Khương Văn	Trung	16/05/94	48619	A	2NT	4.00	5.25	4.50	15.00	2631		
19	Trần Văn	Hữu	20/05/94	16565	A	2NT	4.25	5.25	4.50	15.00	9020		
20	Ngô Thị Thuý	Vi	26/01/93	49205	A	2NT	4.75	4.50	4.50	15.00	9154		
21	Nguyễn Thị Lam	Phương	29/09/94	5444	A	2NT	5.50	4.00	4.50	15.00	9238		
22	Dương Thị Kiều	Loan	28/01/94	16609	A	2NT	3.75	3.75	6.25	15.00	9785		
23	Nguyễn Hải	Gia	17/09/94	52043	B	2NT	3.50	5.00	5.50	15.00	2709		
24	Rahlan H'	Bliên	06/05/94	61297	B	1 01	4.50	3.50	3.25	15.00	9006		
25	Trần Hoài	Anh	01/08/94	41310	B	2NT	6.00	5.00	2.75	15.00	9638		
26	Trần Thị Mỹ	Linh	16/12/94	6183	B	2	4.25	5.00	5.00	15.00	13057		
27	Trương Thị	Hòa	01/05/94	15622	A	2NT	3.75	4.00	5.50	14.50	8812		
28	Hoàng Xuân	Trang	03/12/94	3174	A	1	3.75	4.25	4.75	14.50	9170		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620109) - Ngành: Nông học**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
29	Hoàng	Kỳ	26/08/94	17400	A	2NT	3.50	4.50	5.50	14.50	9462		
30	Nguyễn Trương	Nhân	28/01/94	20308	A	2NT	5.75	4.50	3.25	14.50	9573		
31	Hoàng Thị	Thiện	25/03/93	47237	A	2NT	5.25	3.75	4.50	14.50	9771		
32	Trần Văn	Thịnh	29/03/94	50194	B	2NT	4.50	5.00	3.75	14.50	438		
33	Hồ Thị	Hòa	10/10/94	60991	B	2	6.50	2.75	4.50	14.50	1663		
34	Võ Gia	Nguyễn	18/11/93	60331	B	2	4.75	3.75	5.50	14.50	3135		
35	Trần Thị Mỹ	Lợi	10/03/94	60071	B	2	5.00	4.75	4.25	14.50	9386		
36	Nguyễn Lê	Uyên	03/02/94	1858	B	2NT	3.50	5.00	4.75	14.50	13090		
37	Lê Thị Lan	Anh	15/08/94	40161	A	2NT	3.75	3.50	5.50	14.00	1389		
38	Lê Quốc	Thành	23/12/94	920	A	1	2.75	5.25	4.50	14.00	8396		
39	Lê Đức	Quý	21/12/94	22636	A	2NT	4.25	5.00	3.50	14.00	8482		
40	Hoàng Thị	Điệp	01/10/93	15407	A	1 01	3.50	3.50	3.25	14.00	9025		
41	Phan Thị Hoàng	Trinh	21/01/93	16840	A	2NT	5.00	5.00	3.00	14.00	9740		
42	Nguyễn Thị Pa	Ty	08/06/92	51224	B	1	4.25	3.25	5.00	14.00	2719		
43	Trần Minh	Chung	10/09/94	50077	B	2NT	4.00	4.25	4.50	14.00	2998		
44	Nguyễn Văn Viết	Nghĩa	28/06/92	55385	B	2	7.25	3.00	3.25	14.00	3387		
45	Phan Bá	Hưng	20/10/94	31125	B	2NT	4.25	5.50	3.00	14.00	9186		
46	Hoàng Hưng	Thịnh	16/04/94	22861	A	2NT	4.75	4.25	3.25	13.50	1198		
47	Đào Hữu	Tài	20/02/94	13638	A	2NT	3.00	4.50	4.25	13.00	434		
48	Nguyễn Thị Pa	Ty	08/06/92	23795	A	1	4.00	3.50	4.00	13.00	2827		
49	Phạm Đăng	Tiệp	10/05/94	12579	A	2	4.00	5.25	3.25	13.00	8937		
50	Trần Thị Kim	Anh	06/08/94	10380	A	1	3.00	4.25	4.00	13.00	9384		
51	Phạm Thành	Nghĩa	02/03/94	19819	A	2NT	3.75	4.50	3.75	13.00	9681		
52	Đoàn Nguyễn Văn	Thịnh	25/03/94	13532	A	1	3.75	4.25	3.25	13.00	9685		
53	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	08/06/94	1717	A	1	4.00	3.75	3.50	13.00	9782		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620109) - Ngành: Nông học**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
54	Nguyễn Hữu	Phúc	10/12/94	18298	A	2NT	3.25	4.25	4.50	13.00	9793		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620110) - Ngành: Khoa học cây trồng**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trần Tuấn	Anh	29/05/94	59176	B	2	6.50	8.50	6.00	21.50	3275		
2	Nguyễn Thị	Nhi	25/10/94	41602	B	2	8.00	7.25	5.00	21.00	2873		
3	Nguyễn Thị Huyền	Thương	10/10/94	61444	B	1	7.25	5.25	5.75	20.00	1713		
4	Nguyễn Công	Tuấn	09/06/93	58662	B	1	8.00	1.75	8.75	20.00	2209		
5	Nguyễn Xuân	Thịnh	04/05/94	17634	B	1	4.75	8.00	5.75	20.00	9954		
6	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	21/09/94	57824	B	2	7.00	5.75	6.00	19.50	2791		
7	Phan Thị Ngọc	Diễm	26/03/94	55694	B	2 06	6.50	5.50	5.75	19.50	8498		
8	Nguyễn Thị Thảo	My	06/11/94	62732	B	2NT	5.75	6.50	6.25	19.50	8670		
9	Phạm Nhật	Quang	16/06/94	55869	B	2	5.50	4.75	7.75	18.50	879		
10	Võ Thị Kim	Thả	09/10/94	17238	B	1	5.25	6.25	5.25	18.50	8186		
11	Nguyễn Tăng	Vinh	18/10/91	58663	B	2	5.50	4.75	6.50	17.50	1360		
12	Hoàng Thị Ngọc	Hà	10/01/94	60019	B	2NT	4.50	6.50	5.25	17.50	1946		
13	Hồ Văn	Tấn	26/09/94	23368	A	2NT	5.75	4.75	5.50	17.00	988		
14	Lê Thanh Thiện	Hoàn	27/11/94	60355	B	2NT	4.50	6.50	5.00	17.00	9232		
15	Khắc Ngọc	Khánh	13/11/94	61192	B	2NT	3.75	6.75	5.50	17.00	9414		
16	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	17/02/94	64694	B	1	6.50	4.50	3.75	16.50	2694		
17	Hoàng Quang	Linh	13/10/93	61094	B	2	3.50	7.00	5.50	16.50	8563		
18	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	28/10/93	15905	A	1	3.75	5.50	5.00	16.00	8873		
19	Mai Thị	Lan	20/03/94	43348	A	2NT	3.75	5.75	5.50	16.00	9568		
20	Nguyễn Văn	Chiến	28/05/94	40553	A	1	4.50	5.00	5.00	16.00	9672		
21	Trương Tấn	Đạt	12/03/93	51743	B	2	4.25	5.75	5.50	16.00	169		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620110) - Ngành: Khoa học cây trồng**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
22	Lê Phúc Tân	Phong	15/07/94	51503	B	2	5.25	5.50	4.75	16.00	1625		
23	Lê Kim	Phương	15/01/94	51819	B	1	6.25	4.75	3.25	16.00	2941		
24	Nguyễn Thị Thuỳ	Như	19/02/94	62776	B	2NT	5.25	6.00	3.50	16.00	2982		
25	Trần Hưng	Tuấn	06/01/94	50490	B	2NT	5.50	5.00	4.50	16.00	3234		
26	Mai Bá	Hoàng	21/03/94	57041	B	2	7.25	3.75	4.50	16.00	8289		
27	Lê Thị	Mai	20/01/94	6471	B	2NT	5.75	3.25	5.75	16.00	9416		
28	Đặng Thị Hồng	Phương	08/03/94	56540	B	2	4.50	4.00	6.75	16.00	9792		
29	Võ Văn Minh	Quân	21/06/94	21671	A	2	6.75	3.50	4.50	15.50	1620		
30	Nguyễn Minh	Trí	22/02/94	27137	A	1	5.00	5.25	3.50	15.50	1860		
31	Võ Đức	Thắng	12/01/94	24813	A	1	4.00	5.00	5.00	15.50	2323		
32	Dương Minh	Tuấn	07/07/94	2577	A	2	7.25	4.50	3.00	15.50	3358		
33	Dương Đình	Tú	17/07/94	28313	A	2NT	3.50	5.25	5.50	15.50	8358		
34	Trương Thị Thanh	Thảo	04/11/94	47008	A	2NT	5.25	4.75	4.50	15.50	9147		
35	Vũ Xuân	Trường	28/04/94	2590	A	1	4.00	4.50	5.50	15.50	9855		
36	Trần Thị Hồng	Nhung	13/08/94	56655	B	1	5.25	4.50	4.25	15.50	1714		
37	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	17/05/94	50212	B	1	3.75	6.00	4.00	15.50	9221		
38	Nguyễn Thị	Yến	10/08/94	15918	A	1	4.25	4.50	4.75	15.00	3305		
39	Đặng Thanh	Đông	02/11/94	13261	A	2NT	6.00	4.50	3.50	15.00	8908		
40	Trần Đình	Mỹ	30/05/94	60965	B	2NT	4.25	4.00	5.50	15.00	834		
41	Trần Minh	Đức	03/09/93	49825	B	1	4.50	4.50	4.50	15.00	3329		
42	Đoàn Chiến	Thắng	23/11/94	24858	A	2	6.00	4.25	3.75	14.50	2068		
43	Nguyễn Mai	Văn	25/12/93	28838	A	3	4.75	4.75	4.75	14.50	2364		
44	Phạm Minh	Nghĩa	12/01/94	17101	A	1	4.25	4.75	3.75	14.50	2557		
45	Lê Nguyễn Trung	Thành	02/11/94	24342	A	1	4.00	4.50	4.50	14.50	9037		
46	Phan Thị Mỹ	Nhung	25/09/94	45266	A	2	6.00	3.50	4.50	14.50	9042		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620110) - Ngành: Khoa học cây trồng**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
47	Huỳnh Trung	Thắng	05/01/94	2142	A	2NT	4.00	4.75	4.75	14.50	9230		
48	Vũ	Quảng	15/09/94	12547	A	1	2.50	5.50	4.75	14.50	9334		
49	Nguyễn Tân	Vũ	19/04/94	39598	B	2	4.25	4.75	5.00	14.50	700		
50	Lê Trọng	Hạnh	28/03/94	50304	B	2NT	4.50	3.50	5.50	14.50	1104		
51	Hồ Thị Hồng	Hà	15/10/93	63791	B	2NT	6.50	3.75	3.25	14.50	2335		
52	Trần Thị	Hằng	25/07/94	50017	B	2NT	4.75	4.25	4.50	14.50	3011		
53	Văn Thị	Quả	10/06/94	15739	A	2NT	5.00	5.25	2.50	14.00	471		
54	Phan Thế	ánh	10/11/94	10529	A	2NT	3.75	4.50	4.50	14.00	1552		
55	Trịnh Thị Thúy	Hằng	14/04/94	13981	A	1	3.75	5.50	3.25	14.00	8610		
56	Lê Thanh	Sơn	08/04/94	828	A	2NT	6.50	3.75	2.75	14.00	9613		
57	Nguyễn Ngọc	Tuyền	26/05/94	28291	A	1	5.00	3.50	3.75	14.00	9643		
58	Chu Thị	Hòa	01/04/93	5179	A	2NT 06	4.25	3.25	4.50	14.00	9930		
59	Nguyễn Lê Trí	Cường	12/01/94	62675	B	2	5.75	2.00	5.50	14.00	120		
60	Nguyễn Thị	Mỵ	01/12/94	52970	B	1	3.75	4.25	4.25	14.00	843		
61	Nguyễn Hữu	Thọ	03/04/93	56546	B	2	5.00	5.00	3.50	14.00	2053		
62	Đinh Thị	Hoa	13/11/94	58400	B	2NT	5.50	4.50	2.75	14.00	2475		
63	Lê Tiểu	Long	08/10/94	63644	B	2NT	3.75	3.50	5.75	14.00	3346		
64	Trần Thị	Ly	18/06/94	64753	B	2	3.50	5.50	4.50	14.00	8522		
65	Phạm Bá	Việt	22/09/94	9871	B	2NT	6.25	3.75	3.00	14.00	9257		
66	Nguyễn Cửu	Long	20/09/93	52574	B	1	3.75	5.50	3.00	14.00	9851		
67	Cao Thị Thu	Hằng	19/06/94	13785	A	2NT	6.00	4.00	2.50	13.50	459		
68	Nguyễn Thị Yến	Nhi	01/01/93	20625	A	1	3.75	4.50	3.50	13.50	556		
69	Nguyễn Xuân	Thông	08/04/94	25478	A	1	4.75	3.50	3.75	13.50	1496		
70	Nguyễn Đình	Quang	10/10/94	21594	A	2	4.50	2.75	5.75	13.50	1675		
71	Mai Phương	Đăng	10/04/94	13006	A	1	3.25	4.50	4.00	13.50	1796		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620110) - Ngành: Khoa học cây trồng**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
72	Trần Thảo Uyên	Ly	13/11/94	3992	A	2	3.25 4.25 5.25	13.50	1895		
73	Trần Văn	Hải	07/03/93	633	A	1	4.25 4.50 3.00	13.50	2538		
74	Lê Thị Ngọc	Minh	08/02/94	10106	A	2	4.25 4.00 4.50	13.50	2960		
75	Trần Văn	Sơn	10/08/93	160	A	2NT	3.50 4.25 4.75	13.50	8357		
76	Lê Ngọc	Hiệp	20/07/94	42075	A	2	3.50 5.00 4.25	13.50	8476		
77	Nguyễn Thị	Thắm	15/08/94	24706	A	2NT 06	2.50 4.25 4.50	13.50	8546		
78	Nguyễn Duy	Minh	17/02/94	19083	A	1	4.75 4.00 3.00	13.50	8636		
79	Nguyễn Thị	Hạnh	06/11/94	14261	A	1	2.75 4.50 4.50	13.50	8694		
80	Nguyễn Thị Thu	Huyền	31/03/94	17190	A	2	5.50 3.00 4.25	13.50	8847		
81	Đặng Trung	Hiếu	19/05/93	14597	A	1	3.75 4.50 3.75	13.50	9349		
82	Đoàn Thị	Thuỷ	05/02/94	47544	A	2NT	3.00 4.50 4.75	13.50	9550		
83	Hoàng Xuân	Quân	14/12/94	13888	A	2NT	3.50 4.50 4.50	13.50	9761		
84	Lê Thị Ngọc	Trâm	30/06/94	14779	A	2	5.50 3.50 3.50	13.00	649		
85	Lê Ngọc	Châu	30/10/94	11160	A	2NT	3.50 4.25 4.25	13.00	798		
86	Trương Tấn	Sang	23/04/94	1835	A	2NT	2.50 4.00 5.25	13.00	2046		
87	Bùi Hồ Thanh	Nhật	08/09/94	10653	A	2NT	3.50 4.50 4.00	13.00	2157		
88	Trần Thị Mỹ	Nhơn	07/08/94	11287	A	2NT	4.50 3.00 4.25	13.00	2266		
89	Bùi Thị	Thương	18/04/94	22054	A	2NT	4.00 4.00 3.75	13.00	2755		
90	Nguyễn Đăng	Ngưng	18/06/94	20224	A	2NT	3.50 4.50 4.00	13.00	2994		
91	Lê Phú	Kỳ	22/01/94	22764	A	2NT	3.25 4.00 4.75	13.00	3090		
92	Dương Thanh	Tùng	26/07/92	13326	A	2	6.00 4.50 1.75	13.00	3161		
93	Phạm Thị Mỹ	Anh	01/11/94	13145	A	2	4.25 4.50 3.50	13.00	3189		
94	Nguyễn Quang	Sách	30/09/94	10367	A	2NT	3.50 3.75 4.75	13.00	8077		
95	Nguyễn Thị Hải	Yến	10/12/94	17569	A	2NT	3.75 4.50 3.50	13.00	8120		
96	Hoàng Kim	Trung	07/03/94	5194	A	2	5.00 4.75 2.75	13.00	8715		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620110) - Ngành: Khoa học cây trồng**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
97	Nguyễn Đăng	Tuất	02/03/94	13314	A	2NT	3.75	3.25	5.00	13.00	8957		
98	Nguyễn Thị Hải	Yến	10/12/94	17569	A	2NT	3.75	4.50	3.50	13.00	9003		
99	Phạm Thành	Nghĩa	02/03/94	19819	A	2NT	3.75	4.50	3.75	13.00	9680		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620112) - Ngành: Bảo vệ thực vật**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Hồ Ngọc	Thiện	28/08/94	58574	B	2NT	6.50	7.00	6.25	21.00	237		
2	Bùi Thị	Kiều	04/02/94	63251	B	1	6.75	6.50	5.50	20.50	9589		
3	Lê Băng	Tâm	27/02/94	56426	B	2NT	6.00	7.00	5.50	19.50	9516		
4	Trương Thị Ngọc	Thúy	04/02/94	62746	B	2NT	4.00	7.75	5.00	18.00	2402		
5	Hồ Thị	Huyền	23/09/94	3664	B	2NT	4.50	8.25	4.25	18.00	9451		
6	Phạm Thị	Ân	05/02/94	64735	B	2NT	5.50	6.50	4.00	17.00	3327		
7	Nguyễn Thị	Cúc	25/11/93	12214	A	1	5.75	4.75	4.50	16.50	9854		
8	Trần Viết	Công	12/11/93	4087	A	2NT	6.25	5.75	3.25	16.50	13076		
9	Lê Lan	Hương	22/05/94	63003	B	2NT	6.00	4.75	4.50	16.50	9749		
10	Đặng Thị Hải	Yến	08/07/94	49945	B	2NT	4.00	5.25	6.00	16.50	9750		
11	Lê Kim	Phương	15/01/94	51819	B	1	6.25	4.75	3.25	16.00	2940		
12	Lê Cảnh Thảo	Diệp	23/10/94	51487	B	2NT	5.75	4.25	4.75	16.00	3119		
13	Trần Hưng	Tuấn	06/01/94	50490	B	2NT	5.50	5.00	4.50	16.00	3232		
14	Nguyễn Quốc	Hồng	01/03/94	51716	B	2NT	6.00	4.50	4.25	16.00	3254		
15	Trương Văn	Phước	01/04/94	61786	B	2	4.50	6.50	4.50	16.00	8159		
16	Nguyễn Thị	Trang	13/10/94	50189	B	2NT	5.50	3.25	6.00	16.00	9913		
17	Đinh Hồng	Nguyên	19/04/93	20098	A	3	4.50	6.50	4.50	15.50	691		
18	Trần Kim	Thịnh	25/02/94	15744	A	2	6.00	5.50	3.25	15.50	711		
19	Nguyễn Minh	Trí	22/02/94	27137	A	1	5.00	5.25	3.50	15.50	1862		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620112) - Ngành: Bảo vệ thực vật**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
20	Nguyễn Đăng	Thành	10/07/93	23120	A	1	4.75	4.50	4.50	15.50	2606		
21	Hoàng Thị Mỹ	Linh	23/11/94	17949	A	2NT	4.00	5.00	5.50	15.50	8263		
22	Nguyễn Thanh	Tuấn	01/03/93	28146	A	1	4.25	5.25	4.50	15.50	9799		
23	Phan Thái	Học	20/06/94	42684	B	2NT	5.50	2.75	6.00	15.50	8519		
24	Lê Đức	Tuấn	09/12/93	16799	A	2NT	4.00	5.25	4.75	15.00	2269		
25	Đỗ Thị	Thu	09/05/93	16790	A	2NT	3.75	4.75	5.50	15.00	9190		
26	Lê Hồng	Dương	24/04/93	21763	A	1 01	2.25	3.50	5.50	15.00	9264		
27	Đặng Thị	Phú	20/02/94	52236	B	2	3.75	6.00	4.50	15.00	1222		
28	Lê Anh	Quân	05/03/94	49776	B	2	4.50	3.25	6.75	15.00	1235		
29	Nguyễn Thị Qui	Phượng	26/12/93	60461	B	1	4.75	5.50	3.00	15.00	2057		
30	Võ Lê Quý	Thiện	07/07/93	63302	B	2NT	5.25	4.50	4.25	15.00	2664		
31	Lê Thị Thanh	Tâm	10/03/94	60177	B	2NT	5.00	5.50	3.50	15.00	8558		
32	Bùi Thị	Thương	08/10/94	45417	B	2NT	3.50	5.75	4.50	15.00	9340		
33	Chu Thị	Hòa	01/04/93	58713	B	2NT 06	5.75	3.50	3.50	15.00	9884		
34	Nguyễn Xuân	Quang	24/04/93	23156	A	2NT	5.25	4.50	3.50	14.50	11		
35	Lê Thanh	Chính	10/04/92	21950	A	1	3.75	4.25	4.75	14.50	1366		
36	Phan Văn	Khuynh	25/01/94	17241	A	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	2824		
37	Nguyễn Văn	Biểu	25/10/94	10825	A	2NT	3.75	4.75	5.00	14.50	3390		
38	Phạm Thị	Hạnh	08/10/94	41755	A	2NT	5.50	4.25	3.75	14.50	8557		
39	Trương Thị	Hòa	01/05/94	15622	A	2NT	3.75	4.00	5.50	14.50	8811		
40	Nguyễn Hùng	Sơn	17/06/94	52859	B	2	3.00	5.50	5.50	14.50	389		
41	Trần Thị	Thảo	13/04/94	63338	B	2NT	2.75	4.50	6.00	14.50	2086		
42	Cao Thị Tố	Uyên	02/12/93	60051	B	2	4.25	4.75	4.75	14.50	2774		
43	Nguyễn Quốc	Phúc	01/03/94	47094	B	1	3.75	4.50	4.75	14.50	3255		
44	Nguyễn Thị Hoàng	Nhi	02/10/94	52773	B	2 06	3.50	5.00	4.50	14.50	8129		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620112) - Ngành: Bảo vệ thực vật**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
45	Hứa Thị Diệu	Trinh	29/10/94	50420	B	2NT	3.50	5.00	5.00	14.50	9064		
46	Nguyễn Thị	Phượng	26/10/94	16242	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	653		
47	Lê Đức	Quý	21/12/94	22636	A	2NT	4.25	5.00	3.50	14.00	8842		
48	Nguyễn Thị	Oanh	01/01/93	15820	A	1	4.25	4.00	4.25	14.00	9775		
49	Mai Phương	Đăng	10/04/94	65242	B	1	5.50	3.00	3.75	14.00	1797		
50	Nguyễn Thị Pa	Ty	08/06/92	51224	B	1	4.25	3.25	5.00	14.00	2717		
51	Phan Văn	Hùng	01/04/93	63249	B	2NT	3.75	4.25	5.00	14.00	8116		
52	Nguyễn Thị	Nguyệt	12/02/94	62070	B	1	4.75	4.00	3.50	14.00	8597		
53	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/01/93	21700	A	2NT	5.00	3.75	3.75	13.50	555		
54	Đặng Thị ái	Thanh	26/10/94	23022	A	2NT	5.25	3.75	3.25	13.50	2178		
55	Hà Thị	Trà	10/02/94	12892	A	1	4.75	3.50	3.50	13.50	3192		
56	Hoàng Thị Thanh	Huyền	31/08/94	16142	A	1	3.50	4.50	4.00	13.50	8491		
57	Lê Thị Ngọc	Minh	08/02/94	10106	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	8787		
58	Bùi Anh	Quân	16/08/94	7522	A	2NT	4.50	4.75	3.25	13.50	9247		
59	Nguyễn Thị Cát	Thảo	29/10/94	14771	A	2NT	3.00	4.50	4.50	13.00	1228		
60	Nguyễn Thị	Phương	24/10/93	21599	A	2NT	4.00	4.50	3.50	13.00	1431		
61	Lê Thị Hồng	Thê	15/08/93	12741	A	2NT	5.25	3.50	3.00	13.00	1466		
62	Lê Thị	Sương	20/03/94	23336	A	2	4.25	3.50	4.50	13.00	1974		
63	Nguyễn Thị	Trâm	20/07/94	23579	A	2NT	4.25	3.25	4.50	13.00	2598		
64	Nguyễn Thị Pa	Ty	08/06/92	23795	A	1	4.00	3.50	4.00	13.00	2826		
65	Lê Phú	Kỳ	22/01/94	22764	A	2NT	3.25	4.00	4.75	13.00	3089		
66	Nguyễn Thị	Hoà	16/03/94	15932	A	2NT 06	3.25	3.75	4.00	13.00	8277		
67	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	06/06/94	15762	A	2NT	4.75	3.00	4.25	13.00	8300		
68	Hồ Thị	Hiền	06/12/94	16008	A	2NT	3.00	4.75	4.00	13.00	8386		
69	Trần Cao	Dương	13/03/94	1851	A	2NT	4.00	4.25	3.75	13.00	8845		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620112) - Ngành: Bảo vệ thực vật**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
70	Lê Thị Duy	Lan	26/03/94	6195	A	2NT	4.25	5.00	2.75	13.00	9185		
71	Phạm Thành	Nghĩa	02/03/94	19819	A	2NT	3.75	4.50	3.75	13.00	9783		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620113) - Ngành: Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Bùi Duy	Phương	29/03/94	2465	B	1	6.00	6.50	5.00	19.00	9507		
2	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/07/94	61485	B	1	7.00	5.50	4.50	18.50	8802		
3	Hoàng Thị Phương	Thảo	08/12/94	61363	B	2NT	4.75	5.50	7.25	18.50	8809		
4	Lê Khánh Hoàng	An	16/08/93	60026	B	2	6.25	6.50	3.75	17.00	2044		
5	Lê Thị Thu	Trang	28/02/94	63381	B	2NT	5.50	5.25	4.50	16.50	8027		
6	Phan Thị Kiều	Khanh	04/03/94	16837	A	1	4.50	5.50	4.50	16.00	2895		
7	Nguyễn Hà	Quý	01/06/94	46155	A	1	5.75	5.25	3.50	16.00	3137		
8	Lê Cảnh Thảo	Diệp	23/10/94	51487	B	2NT	5.75	4.25	4.75	16.00	3117		
9	Nguyễn Thị Hồng	Chiên	21/11/93	11216	A	2NT	4.75	5.50	4.25	15.50	8507		
10	Ngô Quý	Ngừng	29/06/94	62526	B	1	4.00	5.00	4.75	15.50	2456		
11	Nguyễn Thị	Thương	25/05/94	25943	A	2NT	5.00	4.25	4.50	15.00	8043		
12	Đoàn Nữ Nga	My	17/03/94	61096	B	2	5.50	4.75	4.00	15.00	1465		
13	Trương Thị Thanh	Hiếu	02/11/94	51525	B	2	6.00	3.00	5.50	15.00	2160		
14	Huỳnh Thị Bích	Thuỳ	05/03/93	50068	B	1	3.50	4.25	5.50	15.00	13004		
15	Đoàn Chiến	Thắng	23/11/94	24858	A	2	6.00	4.25	3.75	14.50	2067		
16	Lê Quang Ngọc	Đức	08/07/94	13412	A	1	4.25	4.50	4.25	14.50	2528		
17	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/12/94	16669	A	2	4.50	4.75	4.50	14.50	8178		
18	Lê Thị	Lệ	23/05/94	17942	B	2NT	5.50	3.75	4.25	14.50	8099		
19	Trần Thị	Phước	10/10/94	6327	B	2NT	3.50	7.25	2.50	14.50	8634		
20	Nguyễn Văn	Chánh	10/01/94	55724	B	2	3.50	5.00	5.25	14.50	8987		

Nhóm ngành: Trồng trọt. Chỉ tiêu: 217 **(DHL.D620113) - Ngành: Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
21	Nguyễn Thị	Giang	11/01/94	13563	A	1	4.00	4.75	3.50	14.00	2966		
22	Nguyễn Văn Viết	Nghĩa	28/06/92	55385	B	2	7.25	3.00	3.25	14.00	3386		
23	Hồ Thị Thu	Liên	21/07/94	16817	A	2	4.75	4.75	3.50	13.50	473		
24	Phan Như	Huyền	16/07/94	42808	A	2NT	5.25	3.50	3.50	13.50	2139		
25	Hoàng Thị	Dung	21/06/94	13947	A	1	3.25	4.25	4.25	13.50	3244		
26	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	28/12/93	13533	A	2	5.25	4.75	3.00	13.50	9946		
27	Lê Thị Hồng	Nhung	15/04/94	12733	A	2	4.00	4.50	4.00	13.00	1066		

Nhóm ngành: Phát triển nông thôn. Chỉ tiêu: 72 **(DHL.D620116) - Ngành: Phát triển nông thôn**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Lê Thị Diệu	Thúy	28/07/94	4534	C	1	7.50	5.50	7.25	22.00	9159		
2	Trần Kế	Tiếp	26/03/94	10085	C	2	5.50	6.00	8.00	20.00	2673		
3	Nguyễn Thị Huyền	Trang	05/01/93	10101	C	2NT	7.00	4.50	6.75	19.50	8202		
4	Nguyễn Hoàng	Thái	10/12/94	11493	C	2NT	5.00	6.50	6.75	19.50	9565		
5	Trần Thị	Nhàn	02/10/94	11621	C	2NT	5.25	5.50	6.75	18.50	9611		
6	Bùi Thị Thúy	Hằng	30/04/94	7379	D3	2	7.00	2.25	8.50	18.50	8352		
7	Trương Thế	Tài	06/09/93	10774	C	1 06	5.00	4.00	6.25	18.00	3053		
8	Lê Văn	Trịnh	06/12/92	4802	C	2NT	5.00	5.00	7.00	18.00	3064		
9	Nguyễn Anh	Tú	20/07/94	10345	C	2NT	4.75	7.50	4.75	18.00	8018		
10	Trần Thị	Hiền	20/02/94	11467	C	2NT	5.50	3.75	7.75	18.00	8461		
11	Lê Vũ	Hùng	06/02/94	7056	C	2NT	4.50	6.00	6.25	18.00	9372		
12	Trần Hùng	Sơn	27/07/93	10658	C	1	5.00	6.00	4.75	17.50	3016		
13	Võ Thị	Lam	12/09/94	11545	C	1 06	4.75	2.75	7.50	17.50	9767		
14	Phạm Thị Hương	Thông	09/08/94	26272	A	1 06	5.50	5.25	3.50	17.00	9644		
15	Lê Văn	Giàu	10/10/93	68824	C	2	3.00	5.50	8.00	17.00	785		

Nhóm ngành: Phát triển nông thôn. Chỉ tiêu: 72 **(DHL.D620116) - Ngành: Phát triển nông thôn**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
16	Lê Thị Ngọc	Huyền	27/08/92	69246	C	1	5.00	4.75	5.75	17.00	9198		
17	Đào Thị Kiều	Linh	27/07/94	8182	C	2NT	4.75	3.25	7.50	16.50	8137		
18	Phan Phước	Duy	22/05/94	14367	D1	3	5.75	4.75	5.75	16.50	2937		
19	Nguyễn Thị Thu	Thảo	24/07/94	55431	D1	2NT	5.75	6.25	3.50	16.50	8753		
20	Nguyễn Như	Triều	11/05/94	879	C	2NT	3.75	6.75	4.25	16.00	1159		
21	Trần Thị	Vân	28/10/93	68655	C	1	3.75	4.25	6.25	16.00	2472		
22	Lê Đình	Dũng	02/12/92	66599	C	2NT	3.50	5.00	6.25	16.00	8135		
23	Ngô Thị Thùy	Trinh	20/03/93	8834	C	2NT	6.00	3.25	5.75	16.00	8688		
24	Bùi Thị Phương	Thảo	20/01/94	9475	C	2NT	4.75	4.00	6.25	16.00	8733		
25	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	06/08/94	1857	C	2NT	5.25	5.50	4.25	16.00	8990		
26	Nguyễn Văn	Nguyên	07/12/94	67221	C	3	2.00	6.25	7.50	16.00	9072		
27	Phạm Quang	Tùng	16/09/94	14012	C	2NT 06	3.50	5.00	5.50	16.00	9375		
28	Hoàng Thanh	Hải	31/10/93	53785	D1	2	4.50	6.25	4.50	16.00	2504		
29	Hoàng Châu	Giang	15/04/94	77933	D1	2	6.50	4.75	4.25	16.00	3010		
30	Nguyễn Thị	Lin	01/09/93	23186	A	2NT	6.00	3.75	4.75	15.50	540		
31	Trần Thị Thoại	Hương	01/04/93	17067	A	2NT	5.00	4.50	4.75	15.50	1642		
32	Nguyễn Đăng	Thành	10/07/93	23120	A	1	4.75	4.50	4.50	15.50	2607		
33	Đoàn Thị	Hồng	01/05/93	70098	C	1	3.00	4.75	6.00	15.50	53		
34	Đỗ Thị Hồng	Việt	30/01/93	69081	C	2NT	5.00	3.50	6.00	15.50	95		
35	Nguyễn Thanh	Minh	02/09/94	67106	C	2NT	3.25	5.25	6.00	15.50	1953		
36	Lê Thanh	Hoàng	10/02/94	857	C	2NT	6.50	2.00	5.75	15.50	2096		
37	Ngô Quang	Dũng	15/10/94	66674	C	2NT	6.50	3.25	4.75	15.50	2576		
38	Nguyễn Thị	Nguyệt	12/01/93	70193	C	2NT	5.25	3.50	5.75	15.50	2603		
39	Lê Ngọc	Hiếu	26/02/93	1513	C	2NT	6.00	2.50	6.00	15.50	3322		
40	Trần Thị	Thao	21/12/93	69825	C	2NT	4.50	4.00	6.00	15.50	8596		

Nhóm ngành: Phát triển nông thôn. Chỉ tiêu: 72 **(DHL.D620116) - Ngành: Phát triển nông thôn**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
41	Hoàng Thị Kim	Nhung	20/02/94	67448	C	1	3.50	5.00	5.25	15.50	8606		
42	Nguyễn Thị Kim	Thoa	25/12/94	67490	C	1	5.25	3.00	5.75	15.50	8632		
43	Nguyễn Thị	Trí	09/05/93	1919	C	2NT	4.75	4.25	5.50	15.50	8651		
44	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	26/03/93	69275	C	2NT	4.50	2.75	7.25	15.50	9572		
45	Nguyễn Chân	Lý	23/02/94	66953	C	2 06	5.50	3.50	5.00	15.50	13063		
46	Trần Thị	Xuân	07/05/94	5482	D1	2NT 06	6.50	2.50	4.25	15.50	2288		
47	Nguyễn Thị Minh	Thư	25/08/94	15493	D1	2NT	6.75	4.75	3.00	15.50	8273		
48	Lê Thị	Duyên	17/07/94	78277	D1	2	5.75	5.25	3.75	15.50	8567		
49	Trương Thị Diệu	Hoà	13/02/93	15114	A	2	4.75	5.50	4.25	15.00	787		
50	Hồ Thị Thanh	Thúy	16/08/94	16708	A	2NT	6.25	4.25	3.50	15.00	1052		
51	Trần Quang Minh	Đức	06/02/93	26841	A	2	4.25	5.75	4.50	15.00	3266		
52	Đinh Thị Ngọc	ánh	01/01/94	40258	A	1 06	5.00	4.00	3.50	15.00	9640		
53	Nguyễn Tuấn	Anh	19/05/94	10267	A	1	4.75	4.75	4.00	15.00	9642		
54	Hoàng Minh	Tuấn	26/06/94	27926	A	1	2.75	5.25	5.50	15.00	9963		
55	Hồ Thị	Vy	20/02/94	69386	C	2	4.75	2.75	7.00	15.00	1022		
56	Đoàn Văn	Việt	05/07/93	2046	C	2NT	4.50	5.00	4.25	15.00	2995		
57	Nguyễn Mạnh	Hùng	20/04/94	66835	C	1	3.00	5.00	5.25	15.00	9758		
58	Phạm Thị	Chung	10/02/94	67583	C	2NT	3.75	3.50	6.50	15.00	9939		
59	Ngô Thị	Thanh	18/07/94	79454	D1	1	5.75	5.25	2.50	15.00	755		
60	Trần Hoàng Thảo	Linh	01/04/94	12976	D1	2NT	5.25	4.75	4.00	15.00	1578		
61	Nguyễn Thị Tuyết	Thi	14/03/93	77388	D1	2	5.25	5.75	3.50	15.00	1766		
62	Đặng Thị Nhi	Bình	02/01/93	79091	D1	2NT	5.50	5.00	3.50	15.00	2279		
63	Trần Thị Thuỳ	Linh	30/11/92	78724	D1	2NT	5.25	4.25	4.25	15.00	2433		
64	Trần Thị Mỹ	Linh	30/12/93	78015	D1	2	6.50	5.25	2.75	15.00	2495		
65	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	19/05/93	79193	D1	2NT	5.25	5.50	3.00	15.00	3243		

Nhóm ngành: Phát triển nông thôn. Chỉ tiêu: 72 **(DHL.D620116) - Ngành: Phát triển nông thôn**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
66	Trần Thị Thuỷ	Tiên	19/05/94	72595	D1	1	4.50	4.75	4.00	15.00	8664		
67	Trần Hoàng Thảo	Linh	01/04/94	12976	D1	2NT	5.25	4.75	4.00	15.00	8761		
68	Dương Đình	Anh	12/11/94	10291	A	2NT	5.50	5.50	2.50	14.50	8292		
69	Đinh Tấn	Hiếu	06/12/93	2796	A	1	5.25	3.50	4.00	14.50	9091		
70	Nguyễn Đăng	Thông	05/12/94	47330	A	2NT	2.00	5.50	5.75	14.50	9897		
71	Nguyễn Thị	Hoà	04/01/94	68637	C	1	3.50	2.50	7.00	14.50	883		
72	Trần Hữu	Nhanh	02/06/94	65589	C	2NT	3.50	3.50	6.25	14.50	1408		
73	Trần Thị Khánh	Linh	29/10/94	66228	C	2NT	3.00	4.50	6.00	14.50	1485		
74	Trần Xuân	Giang	10/10/94	65876	C	1	4.00	3.75	5.25	14.50	2989		
75	Nguyễn Minh	Nhã	06/10/94	2049	C	1	4.00	4.50	4.25	14.50	3307		
76	Phạm Văn	Duệ	20/03/93	66862	C	1	4.25	3.75	5.00	14.50	8231		
77	Nguyễn Thanh	Bình	16/05/93	67012	C	1	4.50	4.00	4.50	14.50	8326		
78	Nguyễn Thanh	Ngà	10/09/94	66343	C	1 06	2.00	4.50	5.50	14.50	9016		
79	Trần Việt	Hảo	03/05/94	66603	C	1	4.50	3.75	4.75	14.50	9429		
80	Trần Thị	Tuất	27/04/94	69347	C	1 06	3.25	3.25	5.50	14.50	9624		
81	Ngô Thị	Hằng	07/04/94	10022	C	1	7.50	3.00	2.25	14.50	9648		
82	Cao Thị	Thảo	04/08/94	66014	C	1 06	3.00	3.50	5.50	14.50	9691		
83	Phạm Quốc	Tiệp	03/04/94	817	C	2NT	5.00	4.50	3.75	14.50	9941		
84	Nguyễn Hồng	Ngọc	27/02/94	79373	D1	2	5.25	5.75	3.00	14.50	426		
85	Hoàng Đức	Sơn	15/10/94	362	D1	2	5.00	7.00	1.75	14.50	677		
86	Nguyễn Thị Thanh	Hà	12/09/94	78981	D1	2NT	6.50	3.00	3.75	14.50	965		
87	Lê Hoàng Khánh	Hòa	16/06/94	72609	D1	1	6.00	3.00	4.00	14.50	2422		
88	Nguyễn Thị Linh	Giang	16/08/93	14376	D1	2NT	6.50	1.75	5.00	14.50	3225		
89	Nguyễn Trần Đăng	Nguyên	24/06/94	72694	D1	2NT	3.50	5.25	4.75	14.50	8341		
90	Nguyễn Ngọc	Tứ	01/01/94	28358	A	2 06	4.00	4.75	3.50	14.00	1639		

Nhóm ngành: Phát triển nông thôn. Chỉ tiêu: 72 **(DHL.D620116) - Ngành: Phát triển nông thôn**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
91	Lê Thành	Quang	08/11/93	1783	A	2NT	3.25	5.25	4.25	14.00	2107		
92	Hồ Thị	Hoài	09/03/94	736	A	2NT	5.50	4.00	3.50	14.00	3291		
93	Nguyễn Thị	Duyên	23/02/94	41027	A	2NT	1.50	4.00	7.50	14.00	8240		
94	Hồ Thanh	Vương	20/11/94	29784	A	1	5.00	4.00	3.50	14.00	9776		
95	Phan Tiến	Sang	18/02/94	22783	A	2NT	3.00	4.00	5.75	14.00	13015		
96	Trần Thị	Cương	13/01/93	77662	D1	1	5.00	4.50	2.75	14.00	823		
97	Phan Thị	Nga	18/06/94	79598	D1	1	6.75	2.50	3.00	14.00	886		
98	Lê Văn	Nam	20/11/94	73947	D1	2NT	4.50	3.75	4.50	14.00	1585		
99	Nguyễn Thị	Mến	27/03/94	73945	D1	2NT	5.50	1.25	6.00	14.00	1651		
100	Hồ Thị Bích	Ngọc	02/09/94	79259	D1	1	6.50	2.75	3.25	14.00	1699		
101	Lê Chí	Hiếu	18/02/93	77216	D1	2	5.50	4.25	3.50	14.00	1722		
102	Bùi Thị	Miền	11/10/93	72577	D1	2	7.00	3.75	2.50	14.00	2745		
103	Võ Thị Đức	Trang	20/08/94	79689	D1	2NT	6.00	4.00	3.00	14.00	3028		
104	Phạm Châu Thủy	Chung	21/02/94	39027	D1	2	4.00	6.00	3.50	14.00	8739		
105	Phạm Hồng	Loan	16/01/94	78335	D1	2NT	6.50	3.00	3.50	14.00	8832		
106	Trần Thị Thanh	Huyền	15/10/92	74280	D1	2	5.25	1.50	6.75	14.00	9387		
107	Nguyễn Thị	Phương	20/08/94	957	D1	1	4.50	3.50	4.25	14.00	9645		
108	Nguyễn Thị Thu	Thảo	21/04/94	46937	A	1	2.75	4.50	4.75	13.50	776		
109	Hoàng Ngọc	Phước	28/11/94	13846	A	2NT	3.75	3.75	5.00	13.50	1717		
110	Phan	Hợp	08/06/93	15769	A	2	4.50	4.75	3.75	13.50	2112		
111	Lê Văn	Thích	12/05/94	25164	A	2NT	3.50	4.00	4.75	13.50	2452		
112	Phạm Thị	Lệ	08/07/94	22192	A	2NT	4.75	4.00	3.50	13.50	2579		
113	Nguyễn Thanh	Long	10/01/93	1520	A	1	4.75	4.25	2.75	13.50	2724		
114	Lê Thị Ngọc	Minh	08/02/94	10106	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	2959		
115	Đàm Thanh	Ngân	10/11/94	19668	A	1	4.50	3.50	3.75	13.50	8220		

Nhóm ngành: Phát triển nông thôn. Chỉ tiêu: 72 **(DHL.D620116) - Ngành: Phát triển nông thôn**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
116	Trần Đình	Nhân	02/02/94	20327	A	2NT	5.25	3.50	3.50	13.50	8784		
117	Đỗ Thị	Thành	12/06/93	16037	A	2NT	4.50	3.50	4.50	13.50	9409		
118	Văn	Lộc	10/12/91	73641	D1	1	5.00	3.75	3.00	13.50	97		
119	Lê Thị	Trang	10/06/92	75258	D1	2NT	5.50	3.00	4.00	13.50	360		
120	Nguyễn Thị Thanh	Vy	10/08/94	74305	D1	2NT	2.75	5.75	4.00	13.50	418		
121	Trần Ngọc	Anh	25/02/94	75551	D1	2	2.50	3.00	7.25	13.50	619		
122	Lê Doãn	Huy	12/12/94	75207	D1	2	5.50	2.00	5.25	13.50	753		
123	Lê Thị Như	Thuý	28/02/94	79159	D1	2	7.00	3.75	2.25	13.50	961		
124	Lê Thị Như	Thuý	28/02/94	79159	D1	2	7.00	3.75	2.25	13.50	961		
125	Kim Thị Lan	Phương	18/09/94	74218	D1	2NT	4.50	3.75	4.00	13.50	1251		
126	Cái Vũ Mỹ	Quyên	16/06/94	77459	D1	2NT	6.00	2.75	3.50	13.50	1309		
127	Nguyễn Thị	Ly	04/07/94	73982	D1	1	5.50	3.50	3.00	13.50	1596		
128	Nguyễn Đình Phương	Vũ	15/10/93	79695	D1	2	4.25	4.50	4.25	13.50	1856		
129	Đặng Thị	Nở	23/07/94	72546	D1	2NT	6.00	3.50	2.75	13.50	1887		
130	Phạm Thị	Vấn	09/06/94	5245	D1	3	5.25	5.25	3.00	13.50	2337		
131	Nguyễn Đình	Đức	11/05/85	77174	D1	2NT	3.50	5.50	3.50	13.50	2688		
132	Trần Thị	Tâm	09/03/94	78965	D1	2NT	5.50	3.00	3.75	13.50	3230		
133	Hoàng Thị	Dung	30/08/94	47971	D1	2NT	5.50	4.50	2.50	13.50	8343		
134	Nguyễn Thị Như	ánh	16/02/94	184	D1	3	5.00	3.75	4.50	13.50	8696		
135	Trần Thị Anh	Đào	10/09/94	78980	D1	2NT	6.25	2.75	3.50	13.50	9403		
136	Quý	Hạnh	28/05/92	11856	A	2	4.00	5.25	3.00	13.00	79		
137	Hồ Thị	Na	26/09/94	22428	A	2	4.50	3.75	4.00	13.00	825		
138	Đặng Thị	Phú	20/02/94	23240	A	2	3.50	3.75	5.25	13.00	1220		
139	Trần Phúc	Đồng	19/06/94	13232	A	2NT	3.00	4.50	4.50	13.00	1806		
140	Bùi Hồ Thanh	Nhật	08/09/94	10653	A	2NT	3.50	4.50	4.00	13.00	2156		

Nhóm ngành: Phát triển nông thôn. Chỉ tiêu: 72 **(DHL.D620116) - Ngành: Phát triển nông thôn**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
141	Trần Thị Anh	Thư	12/02/94	16501	A	1	3.75	4.25	3.50	13.00	2443		
142	Nguyễn Tiến	Dũng	04/09/94	13361	A	2NT	2.50	5.50	4.00	13.00	2524		
143	Nguyễn Thị Cát	Thảo	29/10/94	14771	A	2NT	3.00	4.50	4.50	13.00	2663		
144	Đỗ Văn	Quan	15/07/92	21902	A	1	3.00	4.75	3.75	13.00	2890		
145	Trần Thị	Lợi	26/04/93	16064	A	2NT	4.00	4.25	3.50	13.00	8102		
146	Nguyễn Trần Tiểu	Phụng	10/10/94	16464	A	2	2.50	5.00	4.75	13.00	8173		
147	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	06/06/94	15762	A	2NT	4.75	3.00	4.25	13.00	8297		
148	Phan Thị Hà	Trang	11/09/93	10709	A	2NT	6.00	3.50	2.50	13.00	8508		
149	Đặng Hoàng	Lan	06/05/94	12127	A	2	5.25	3.75	3.25	13.00	9095		
150	Nguyễn Thị Thu	Nhành	25/10/94	44971	A	2	5.50	3.50	3.50	13.00	9522		
151	Trần Ngọc	Minh	20/02/94	1368	A	2NT	1.25	5.25	5.50	13.00	9580		
152	Nguyễn Thị	Hồng	05/05/93	12596	A	2NT	4.50	3.50	4.00	13.00	9875		

Nhóm ngành: Lâm nghiệp. Chỉ tiêu: 169 **(DHL.D620201) - Ngành: Lâm nghiệp**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Hồ Ngọc	Thiện	28/08/94	58574	B	2NT	6.50	7.00	6.25	21.00	238		
2	Nguyễn Công	Tuấn	09/06/93	58662	B	1	8.00	1.75	8.75	20.00	2210		
3	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	21/09/94	57824	B	2	7.00	5.75	6.00	19.50	2792		
4	Nguyễn Công	Đức	09/08/94	58358	B	3	5.50	6.00	6.50	18.00	13073		
5	Nguyễn Tăng	Vinh	18/10/91	58663	B	2	5.50	4.75	6.50	17.50	1359		
6	Trần Minh	Hiếu	17/01/94	62682	B	2NT	5.75	6.00	4.25	17.00	8201		
7	Ngô Thị Kim	Sương	02/04/94	63057	B	2NT	6.75	4.25	5.00	17.00	9564		
8	Nguyễn Văn	Long	04/10/93	18226	A	2NT	6.25	4.50	4.50	16.50	9578		
9	Lê Thị	Duyến	02/11/94	60764	B	2NT	4.00	6.25	5.25	16.50	1687		
10	Lê Kim	Phương	15/01/94	51819	B	1	6.25	4.75	3.25	16.00	604		

Nhóm ngành: Lâm nghiệp. Chỉ tiêu: 169 **(DHL.D620201) - Ngành: Lâm nghiệp**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
11	Nguyễn Xuân	Thông	10/02/94	57058	B	2	3.25	7.75	4.50	16.00	3050		
12	Võ Thị	Huệ	02/09/94	57553	B	2	6.25	4.25	5.00	16.00	8107		
13	Lê Hữu	Tiến	26/11/94	15409	A	2NT	4.50	5.50	4.50	15.50	749		
14	Trần Bảo	Thi	01/10/94	17207	A	2	6.50	2.75	5.75	15.50	1151		
15	Nguyễn Minh	Trí	22/02/94	27137	A	1	5.00	5.25	3.50	15.50	1863		
16	Lê Phú	Bảo	19/09/93	127	A	2NT	7.75	4.25	2.50	15.50	3241		
17	Lê Anh	Văn	10/08/93	26148	A	2NT	1.00	6.50	6.75	15.50	3338		
18	Võ Thị	Thuỷ	18/02/94	25757	A	2NT	2.75	5.25	6.50	15.50	8095		
19	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu	02/02/94	21723	A	1	4.75	4.50	4.75	15.50	8607		
20	Thái Thị Mỹ	Duyên	16/06/94	17266	A	2NT	5.50	4.25	4.50	15.50	9310		
21	Trần Trung	Việt	02/06/93	50425	B	2NT	3.75	4.75	5.75	15.50	2593		
22	Nguyễn Văn	Tuấn	27/04/94	27753	A	3	4.50	5.25	5.00	15.00	110		
23	Nguyễn Hoàng Hồng	Nguyên	27/02/94	2233	A	2	6.00	4.50	3.75	15.00	1767		
24	Hồ Văn	Thức	24/08/94	25996	A	1	3.50	5.75	4.00	15.00	2320		
25	Võ Thị Thu	Hòa	24/08/94	10600	A	2NT	4.25	4.75	4.75	15.00	8921		
26	Phan Văn	Minh	30/05/94	51752	B	2	4.50	5.50	4.50	15.00	105		
27	Nguyễn Đức	Hoàng	25/01/94	57826	B	2NT	4.75	5.00	4.25	15.00	9355		
28	Huỳnh Thị Bích	Thuỳ	05/03/93	50068	B	1	3.50	4.25	5.50	15.00	13003		
29	Nguyễn Diệu	Hương	26/02/94	16899	A	2NT	3.50	6.00	3.75	14.50	158		
30	Nguyễn Ngọc Trang	Uyên	24/07/94	28764	A	2	5.75	4.00	4.25	14.50	576		
31	Nguyễn Duy	Khang	10/02/94	16823	A	2	5.50	4.50	3.75	14.50	1951		
32	Dương Đình	Anh	12/11/94	10291	A	2NT	5.50	5.50	2.50	14.50	8291		
33	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/07/94	13103	A	2NT	3.25	5.50	4.50	14.50	9202		
34	Hồ Thị	Hòa	10/10/94	60991	B	2	6.50	2.75	4.50	14.50	1662		
35	Lê Thị	Hương	16/12/94	62223	B	1	6.50	3.25	3.00	14.50	2747		

Nhóm ngành: Lâm nghiệp. Chỉ tiêu: 169 **(DHL.D620201) - Ngành: Lâm nghiệp**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
36	Phạm Thị	Nga	01/01/94	64310	B	1	5.50	4.00	3.50	14.50	8623		
37	Lê Công	Huỳnh	01/01/94	57660	B	2NT	3.50	5.50	4.25	14.50	9371		
38	Phạm Trần	Mạnh	08/06/94	31490	B	2NT	4.25	6.50	2.50	14.50	9947		
39	Lê Trọng	Tùng	05/07/93	17315	A	2NT	5.00	4.00	4.00	14.00	490		
40	Nguyễn	Phú	14/01/94	21254	A	2NT	3.00	4.50	5.25	14.00	1061		
41	Bùi Gia	Lượng	01/01/94	18698	A	2	5.75	3.50	4.25	14.00	1509		
42	Lê Thành	Quang	08/11/93	1783	A	2NT	3.25	5.25	4.25	14.00	2108		
43	Hoàng Văn	Linh	29/06/94	17943	A	2	4.25	4.25	5.00	14.00	8704		
44	Phạm Phú	Khải	02/09/94	17038	A	2	4.25	4.75	4.50	14.00	8841		
45	Đặng ánh	Dương	13/12/94	12614	A	1	3.50	4.50	4.25	14.00	9214		
46	Lê Thế	Sang	27/10/94	22778	A	1	4.00	4.00	4.50	14.00	13071		
47	Nguyễn Xuân	Thông	08/04/94	50414	B	1	3.25	4.50	4.50	14.00	1499		
48	Lê Tiểu	Long	08/10/94	63644	B	2NT	3.75	3.50	5.75	14.00	3347		
49	Phan Đức	Thành	21/11/93	65734	B	2NT 06	4.50	2.75	4.50	14.00	8653		
50	Nguyễn Thị	Hoài	07/03/94	63912	B	1	4.25	2.25	5.75	14.00	8803		
51	Phan Thị Mỹ	Linh	16/10/93	51942	B	1	4.00	2.25	6.00	14.00	9598		
52	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/01/93	21700	A	2NT	5.00	3.75	3.75	13.50	554		
53	Hoàng Ngọc	Phước	28/11/94	13846	A	2NT	3.75	3.75	5.00	13.50	985		
54	Nguyễn Công	Kỳ	06/08/93	14419	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	1069		
55	Lê Văn	Thích	12/05/94	25164	A	2NT	3.50	4.00	4.75	13.50	2451		
56	Lê Thị Ngọc	Minh	08/02/94	10106	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	2956		
57	Nguyễn Đắc	Phương	13/04/94	12014	A	2NT	4.00	4.25	4.00	13.50	8625		
58	Phan Văn Chí	Nhân	19/05/93	20359	A	2NT	3.00	5.50	3.75	13.50	9736		
59	Đậu Nhật	Tuấn	04/07/94	48742	A	2	3.75	5.75	3.25	13.50	9800		
60	Nguyễn Đức	Nhã	01/01/93	20256	A	2NT 06	4.00	4.25	3.25	13.50	9844		

Nhóm ngành: Lâm nghiệp. Chỉ tiêu: 169 **(DHL.D620201) - Ngành: Lâm nghiệp**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
61	Hồ Thị	Na	26/09/94	22428	A	2	4.50	3.75	4.00	13.00	353		
62	Lê Văn	Dinh	21/12/94	11986	A	2NT	3.50	4.00	4.50	13.00	1040		
63	Lê Phú	Kỳ	22/01/94	22764	A	2NT	3.25	4.00	4.75	13.00	3087		
64	Trần Văn	Phúc	13/07/94	21373	A	1 06	3.50	3.50	3.50	13.00	8250		
65	Trần Duy	Tùng	17/02/93	10312	A	2	5.00	3.75	3.75	13.00	8493		
66	Ngô Thanh	Hưng	27/10/94	1273	A	2NT	4.75	3.75	3.50	13.00	8509		
67	Nguyễn Đình	Tiến	21/08/92	26252	A	2NT	4.25	4.25	3.50	13.00	8569		
68	Phan Văn	Hùng	01/04/93	42877	A	2NT	2.25	4.25	5.50	13.00	8757		
69	Đặng Hoàng	Lan	06/05/94	12127	A	2	5.25	3.75	3.25	13.00	9098		
70	Nguyễn Anh	Tú	22/03/94	28344	A	2NT	5.25	3.00	3.50	13.00	9248		

Nhóm ngành: Lâm nghiệp. Chỉ tiêu: 169 **(DHL.D620211) - Ngành: Quản lý tài nguyên rừng**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Hồ Ngọc	Thiện	28/08/94	58574	B	2NT	6.50	7.00	6.25	21.00	239		
2	Nguyễn Công	Tuấn	09/06/93	58662	B	1	8.00	1.75	8.75	20.00	2208		
3	Lê Thị	Nga	10/10/93	1428	A	2NT	5.75	5.50	6.50	19.00	9833		
4	Võ Đại Quốc	Việt	07/07/94	27120	A	1	5.25	5.00	6.50	18.50	1137		
5	Phạm Thị Vũ	Tự	08/09/93	60012	B	2	6.75	6.00	4.50	18.00	8286		
6	Nguyễn Hữu	Thắng	21/10/94	56545	B	1	4.50	7.25	4.50	18.00	9742		
7	Lê Mạnh	Dũng	09/08/94	62012	B	2	3.50	6.00	7.25	17.50	179		
8	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	16/08/93	63722	B	2	6.25	4.75	5.75	17.50	953		
9	Hồ Đắc	Huy	03/06/94	57827	B	2NT	5.50	7.00	4.00	17.50	1729		
10	Phan Quốc	Vũ	18/06/94	62583	B	2NT	5.50	5.25	5.75	17.50	8439		
11	Lê Thị Hải	Yến	03/09/94	17668	B	2NT	4.75	6.25	4.75	17.00	9721		
12	Nguyễn Văn	Long	04/10/93	18226	A	2NT	6.25	4.50	4.50	16.50	1604		

Nhóm ngành: Lâm nghiệp. Chỉ tiêu: 169 **(DHL.D620211) - Ngành: Quản lý tài nguyên rừng**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
13	Hồ Bảo	An	27/10/94	60014	B	2	6.50	5.00	4.50	16.50	365		
14	Nguyễn Xuân	Cường	05/03/93	245	A	2NT	2.25	5.50	7.00	16.00	9723		
15	Lê Minh	Quý	21/06/94	51539	B	2	3.50	5.75	6.00	16.00	315		
16	Hồ Đình	Thọ	12/07/94	50352	B	2NT	2.25	5.50	7.00	16.00	8609		
17	Lê Thị Thùy	Dung	21/10/94	64487	B	1	7.00	4.00	3.50	16.00	9662		
18	Lê Anh	Văn	10/08/93	26148	A	2NT	1.00	6.50	6.75	15.50	646		
19	Huỳnh Kim	Hùng	22/12/94	16345	A	2	5.25	4.75	4.75	15.50	1179		
20	Trần Kim	Thịnh	25/02/94	15744	A	2	6.00	5.50	3.25	15.50	1385		
21	Nguyễn Minh	Trí	22/02/94	27137	A	1	5.00	5.25	3.50	15.50	1859		
22	Võ Đức	Thắng	12/01/94	24813	A	1	4.00	5.00	5.00	15.50	2324		
23	Lê Văn	Cương	05/08/94	11583	A	2NT	5.25	3.25	5.75	15.50	3115		
24	Lê Thị Thu	Hà	19/04/94	8841	A	2	7.25	3.75	4.00	15.50	8933		
25	Lương Văn	Anh	07/01/94	10397	A	2NT	4.50	5.50	4.50	15.50	9163		
26	Nguyễn Thị Phương	Oanh	05/05/93	45449	A	2	5.75	4.50	4.50	15.50	9194		
27	Võ Khắc	Hải	21/06/93	14001	A	2NT	5.50	4.25	4.50	15.50	9428		
28	Nguyễn Duy	Thức	10/02/94	25994	A	1	5.50	5.00	3.50	15.50	9532		
29	Lê Hoàng	Giang	10/05/93	13589	A	2NT	5.75	5.50	3.00	15.50	9834		
30	Nguyễn Ngọc Thành	Nhân	14/04/94	56381	B	2	3.75	6.50	4.50	15.50	630		
31	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	08/02/94	64389	B	2	4.00	6.25	4.75	15.50	1093		
32	Hồ Hữu	Đức	03/06/94	60669	B	2	5.00	5.50	4.50	15.50	1314		
33	Huỳnh Ngọc	Công	04/08/94	58316	B	1	4.50	2.00	7.50	15.50	8028		
34	Nguyễn Hải	Long	02/09/94	60806	B	3	3.75	6.75	5.00	15.50	9149		
35	Trần Khánh	Diệu	08/08/92	62993	B	2NT	4.50	4.75	5.00	15.50	9405		
36	Phan Lương	Tâm	10/11/94	23658	A	2	4.00	6.00	4.25	15.00	1328		
37	Đinh Như	Duẫn	07/07/94	12019	A	1 06	2.75	5.00	4.50	15.00	2698		

Nhóm ngành: Lâm nghiệp. Chỉ tiêu: 169 **(DHL.D620211) - Ngành: Quản lý tài nguyên rừng**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
38	Ngô Thị Kim	Chi	05/10/93	40527	A	2NT	4.75	4.75	4.50	15.00	2979		
39	Lê Hồng	Dương	24/04/93	21763	A	1 01	2.25	3.50	5.50	15.00	9266		
40	Võ Doãn	Cường	12/12/94	155	A	2NT	5.25	4.25	4.50	15.00	9475		
41	Phạm Thị Hải	Yến	23/08/94	29982	A	1	5.00	4.00	4.50	15.00	9540		
42	Trần Đình	Mỹ	30/05/94	60965	B	2NT	4.25	4.00	5.50	15.00	830		
43	Đặng Thị	Phú	20/02/94	52236	B	2	3.75	6.00	4.50	15.00	2658		
44	Hồ Lê	Cung	07/10/89	58904	B	2	5.00	5.00	4.25	15.00	2847		
45	Ngô Hoàng	Phước	29/11/94	52206	B	2	4.25	4.50	5.50	15.00	8309		
46	Lê Nguyễn Phương	Trâm	10/06/94	60756	B	2NT	3.00	5.00	5.75	15.00	8336		
47	Lương Văn	Anh	07/01/94	63232	B	2NT	2.50	6.50	5.00	15.00	8583		
48	Thịnh Thị Kim	Anh	29/03/94	50108	B	1	3.50	5.25	4.50	15.00	9285		
49	Nguyễn Trần Khánh	Linh	12/07/94	63839	B	2	4.50	4.75	5.00	15.00	9482		
50	Võ Văn Nhật	Chung	25/05/94	11382	A	2	4.50	5.25	4.00	14.50	597		
51	Hồ Hữu	Đức	03/06/94	17183	A	2	7.00	3.50	3.50	14.50	1315		
52	Nguyễn Đăng	Mỹ	12/02/93	13374	A	2NT	5.75	4.00	3.50	14.50	1562		
53	Nguyễn Linh	Nga	27/03/94	16446	A	2	4.50	4.50	5.00	14.50	1683		
54	Trần Thị Thu	Hương	19/02/94	13914	A	2	4.75	3.75	5.25	14.50	2972		
55	Nguyễn Phước	Thành	03/10/93	24388	A	1	3.50	4.75	4.50	14.50	3146		
56	Phan Tuấn	Anh	11/02/94	10287	A	2NT	5.50	4.25	3.75	14.50	8525		
57	Nguyễn Thị Thu	Hà	19/01/95	13834	A	1	6.00	3.25	3.75	14.50	9076		
58	Nguyễn	Lam	01/02/94	17459	A	1	3.50	5.50	4.00	14.50	9283		
59	Đinh Thanh	Tuyên	20/03/94	28224	A	1	3.00	4.75	5.00	14.50	9961		
60	Huỳnh Kim	Hùng	22/12/94	61580	B	2	2.50	4.75	6.50	14.50	335		
61	Hoàng Bảo Long	Nguyên	28/04/94	57668	B	2	5.50	4.75	3.50	14.50	1808		
62	Nguyễn Ngọc	Vũ	02/07/94	52435	B	2	3.50	6.25	4.25	14.50	1816		

Nhóm ngành: Lâm nghiệp. Chỉ tiêu: 169 **(DHL.D620211) - Ngành: Quản lý tài nguyên rừng**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
63	Phan Thị Như	Mận	24/05/94	64154	B	1	4.50	4.25	4.00	14.50	1847		
64	Phan Trung	Hiếu	24/05/94	56174	B	2NT	4.00	4.50	5.00	14.50	2733		
65	Võ Gia	Nguyễn	18/11/93	60331	B	2	4.75	3.75	5.50	14.50	3133		
66	Trần Phi	Nghiêm	28/03/94	59348	B	1	3.75	2.00	7.00	14.50	8090		
67	Phạm Thị Thu	Hà	26/10/93	61974	B	1	5.00	4.50	3.50	14.50	8367		
68	Nguyễn Ngọc	Vũ	02/07/94	52435	B	2	3.50	6.25	4.25	14.50	8710		
69	Phạm Bảo	Trinh	19/06/94	64521	B	2NT	4.25	5.50	3.50	14.50	9035		
70	Lê Tất	Thống	03/06/94	62080	B	2NT	3.50	6.00	3.75	14.50	9579		
71	Nguyễn Thị	Nguyệt	16/04/93	52972	B	2NT	4.50	3.75	5.25	14.50	9858		
72	Nguyễn Thị	Phượng	26/10/94	16242	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	656		
73	Nguyễn Quốc	Thiện	08/04/94	13975	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	1997		
74	Trần Đình	Vĩnh	09/07/94	14556	A	2NT	3.75	4.25	4.75	14.00	2367		
75	Phan Trung	Hiếu	24/05/94	60538	A	2NT	5.25	4.75	3.00	14.00	2734		
76	Lê	Văn	20/02/94	28849	A	2NT	4.25	5.00	3.50	14.00	3138		
77	Võ Xuân	Thịnh	24/03/94	25299	A	2NT	1.50	5.25	6.25	14.00	8083		
78	Nguyễn Thị Kim	Thoa	17/12/94	10372	A	2NT	4.00	4.25	4.50	14.00	8340		
79	Nguyễn Thị Thu	An	03/09/93	10021	A	2NT	5.25	4.75	2.75	14.00	8369		
80	Lê Văn	Tài	22/08/94	23532	A	2	4.75	4.25	4.50	14.00	8384		
81	Nguyễn Trần Khánh	Linh	12/07/94	43589	A	2	5.25	3.25	5.00	14.00	9904		
82	Cao Thị	Mười	04/08/94	50375	B	1	5.75	3.00	3.50	14.00	902		
83	Đặng Thị Tuyết	Quỳnh	20/05/94	64237	B	2NT	4.25	4.50	4.25	14.00	3101		
84	Nguyễn Văn Viết	Nghĩa	28/06/92	55385	B	2	7.25	3.00	3.25	14.00	3385		
85	Nguyễn Văn	Long	04/10/93	63047	B	2NT	4.50	4.25	4.00	14.00	9577		
86	Phan Thị Mỹ	Linh	16/10/93	51942	B	1	4.00	2.25	6.00	14.00	9600		
87	Nguyễn Đình	Hoàng	23/09/94	12831	B	1	3.75	5.25	3.25	14.00	9852		

Nhóm ngành: Lâm nghiệp. Chỉ tiêu: 169 **(DHL.D620211) - Ngành: Quản lý tài nguyên rừng**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
88	Hoàng Thị Mỹ	Hương	14/08/94	64355	B	2NT	3.50	3.50	6.00	14.00	9931		
89	Lê Thị Hồng	Gấm	16/09/94	61833	B	2NT	5.50	4.50	2.75	14.00	9932		
90	Hoàng Công	Công	08/11/94	2592	B	2NT	3.50	4.75	4.75	14.00	13007		
91	Hồ Thị Thu	Liên	21/07/94	16817	A	2	4.75	4.75	3.50	13.50	474		
92	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/01/93	21700	A	2NT	5.00	3.75	3.75	13.50	549		
93	Nguyễn Hoài	Bảo	15/05/94	10718	A	2NT	2.50	4.75	5.25	13.50	1163		
94	Hoàng Ngọc	Phước	28/11/94	13846	A	2NT	3.75	3.75	5.00	13.50	1716		
95	Lê Viết	Bính	10/10/94	10844	A	1	5.25	3.25	3.50	13.50	1991		
96	Nguyễn Văn	Mẫn	10/08/94	19027	A	2NT	3.25	4.50	4.75	13.50	3381		
97	Nguyễn Thị	Lan	14/12/94	10021	A	1	3.75	3.25	4.75	13.50	8362		
98	Phan Quốc	Vũ	18/06/94	29485	A	2NT	3.75	3.50	5.25	13.50	8495		
99	Nguyễn Ngọc	Tuấn	29/06/94	27987	A	2	3.50	4.75	4.00	13.00	900		
100	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	08/02/94	11831	A	2	4.50	4.75	3.00	13.00	1086		
101	Lê Thị Thanh	Nhàn	10/09/94	22893	A	2NT	2.75	5.00	4.00	13.00	1174		
102	Nguyễn Thị Phương	Kiều	07/10/94	16060	A	2NT	3.50	4.50	3.75	13.00	1254		
103	Bùi Văn	Tây	10/08/94	23855	A	2NT	3.25	4.00	4.50	13.00	1435		
104	Hồ Đắc	Tư	26/10/93	28635	A	1	3.50	4.25	3.50	13.00	1607		
105	Nguyễn Bá	Nhật	22/08/94	20546	A	2NT	3.75	3.50	4.75	13.00	1963		
106	Lê Thị	Sương	20/03/94	23336	A	2	4.25	3.50	4.50	13.00	1975		
107	Lê Thị Thuỳ	Linh	23/06/94	43635	A	2	5.00	4.75	2.50	13.00	2100		
108	Dương Thanh	Tùng	26/07/92	13326	A	2	6.00	4.50	1.75	13.00	3165		
109	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	29/11/94	17938	A	2	2.00	4.25	6.25	13.00	8259		
110	Hồ Trọng	Hoàng	14/03/93	10601	A	1	1.25	4.25	6.00	13.00	8366		
111	Đỗ Đăng	Thượng	13/06/94	10584	A	2	5.25	4.50	2.75	13.00	8494		
112	Nguyễn Đình	Tiến	21/08/92	26252	A	2NT	4.25	4.25	3.50	13.00	8568		

Nhóm ngành: Lâm nghiệp. Chỉ tiêu: 169 **(DHL.D620211) - Ngành: Quản lý tài nguyên rừng**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
113	Hoàng Kim	Trung	07/03/94	5194	A	2	5.00	4.75	2.75	13.00	8716		
114	Phan Thành	Vinh	11/08/94	29143	A	2NT	4.00	4.00	3.75	13.00	8899		
115	Trần Đăng	Kiệt	20/02/94	14305	A	2	4.00	4.25	4.25	13.00	8917		
116	Nguyễn Thị	Chi	28/11/93	13862	A	1	4.75	3.75	2.75	13.00	9705		
117	Nguyễn Văn	Thắng	01/04/93	2030	A	1	3.00	3.75	4.75	13.00	9838		

Nhóm ngành: Thủy sản. Chỉ tiêu: 108 **(DHL.D620301) - Ngành: Nuôi trồng thủy sản**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Thị Huyền	Thương	10/10/94	61444	B	1	7.25	5.25	5.75	20.00	2449		
2	Ngô Mỹ	Trà	10/10/94	58386	B	2NT	6.25	6.75	5.50	19.50	8755		
3	Trần Thị Nhật	Anh	26/09/94	62672	B	2NT	6.00	5.00	5.50	17.50	37		
4	Lê Thị	Bé	07/04/94	49789	B	1	5.00	4.75	6.25	17.50	465		
5	Phan Thị Tuyết	Nhi	21/06/94	64427	B	2NT	4.50	6.25	5.75	17.50	615		
6	Hồ Văn	Tấn	26/09/94	23368	A	2NT	5.75	4.75	5.50	17.00	990		
7	Trần Viết	Quốc	19/06/94	65220	B	2NT	4.50	5.75	5.50	17.00	2491		
8	Đỗ Hồng	Hà	03/07/93	60448	B	1	5.75	4.25	5.50	17.00	2549		
9	Hồ Bảo	An	27/10/94	60014	B	2	6.50	5.00	4.50	16.50	366		
10	Nguyễn Thị Phương	Linh	28/10/94	55542	B	2NT	5.50	5.75	4.25	16.50	3150		
11	Trần Thị Yến	Nhi	16/01/93	62775	B	2NT	5.25	6.50	3.50	16.50	3276		
12	Trần Quốc	Việt	20/02/94	58108	B	2	5.25	3.25	7.25	16.50	9034		
13	Nguyễn Văn Tiến	Rôn	22/10/94	9457	A	2NT	4.25	5.50	5.00	16.00	439		
14	Phan Thị Kiều	Khanh	04/03/94	16837	A	1	4.50	5.50	4.50	16.00	2894		
15	Lê Kim	Phương	15/01/94	51819	B	1	6.25	4.75	3.25	16.00	605		
16	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	14/04/94	51671	B	1	6.00	4.00	4.50	16.00	1333		
17	Nguyễn Trần	Bá	14/11/94	60015	B	2NT	4.00	6.25	4.50	16.00	2217		

Nhóm ngành: Thủy sản. Chỉ tiêu: 108 **(DHL.D620301) - Ngành: Nuôi trồng thủy sản**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
18	Tôn Nữ Quỳnh	Trang	02/09/94	50418	B	2	3.75	6.00	5.50	16.00	2568		
19	Nguyễn Văn Trường	Long	16/01/94	18288	A	2NT	5.25	4.00	5.25	15.50	1230		
20	Phan Thanh	Thắng	24/06/94	24821	A	2	6.25	5.25	3.50	15.50	3031		
21	Phan	Dũng	02/07/93	12446	A	2NT	6.00	5.25	3.00	15.50	8792		
22	Lê Thị Thu	Trang	30/12/91	48176	A	2NT	4.25	4.50	5.50	15.50	8800		
23	Võ Thị	Thảo	26/01/94	50477	B	2NT	4.25	6.00	4.25	15.50	321		
24	Phan Thị Ngọc	Hà	09/03/94	49857	B	1	4.50	4.50	5.00	15.50	1790		
25	Phan Trường	Long	12/06/94	58485	B	2NT	6.25	3.00	5.00	15.50	8063		
26	Nguyễn Thị	Hiếu	29/11/94	60450	B	2NT	4.25	4.00	6.00	15.50	8342		
27	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	17/05/94	50212	B	1	3.75	6.00	4.00	15.50	8868		
28	Trần Thị Hoài	Quyên	10/08/94	58531	B	1	5.75	4.25	4.00	15.50	9920		
29	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/03/94	24493	A	2NT	4.25	5.50	4.00	15.00	322		
30	Tôn Thất	Huy	01/01/94	15974	A	2	6.00	4.25	4.00	15.00	1753		
31	Trương Thị	Lệ	12/06/94	9097	A	2NT	5.00	4.50	4.50	15.00	2184		
32	Hồ Văn	Thức	24/08/94	25996	A	1	3.50	5.75	4.00	15.00	2571		
33	Khương Văn	Trung	16/05/94	48619	A	2NT	4.00	5.25	4.50	15.00	2633		
34	Đào Thị Mỹ	Ngọc	21/02/94	19983	A	2NT	4.75	4.75	4.25	15.00	2770		
35	Lê Thị Thanh	Nhàn	19/02/94	20244	A	2	5.25	4.75	4.50	15.00	8039		
36	Bùi Thị	Hưng	03/07/94	42921	A	2NT	5.50	4.50	4.00	15.00	8353		
37	Nguyễn Thị	Thương	20/04/94	16960	A	2NT	4.75	3.50	5.50	15.00	8794		
38	Huỳnh Thị Phương	Thảo	20/04/93	46971	A	2	4.00	5.25	5.00	15.00	9213		
39	Hoàng Thiên	Việt	31/10/94	60631	B	2	4.00	4.75	5.75	15.00	2284		
40	Lê Thị	Hà	13/08/94	2395	B	1	2.50	5.00	6.00	15.00	9921		
41	Nguyễn Văn	Nam	24/08/93	64902	B	2NT	5.50	4.75	3.75	15.00	13041		
42	Lê Thanh	Chính	10/04/92	21950	A	1	3.75	4.25	4.75	14.50	1365		

Nhóm ngành: Thủy sản. Chỉ tiêu: 108 **(DHL.D620301) - Ngành: Nuôi trồng thủy sản**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
43	Nguyễn Quốc	Tuấn	06/10/94	27942	A	2NT	3.50	4.25	5.75	14.50	2158		
44	Nguyễn Duy	Thịnh	12/03/93	25331	A	2NT	5.00	4.75	3.75	14.50	2226		
45	Hoàng Khánh	Giang	10/01/93	41365	A	2NT	4.50	4.75	4.00	14.50	2230		
46	Phan Văn	Khuynh	25/01/94	17241	A	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	2822		
47	Lê Thị Thu	Thanh	02/06/94	46671	A	2	5.00	3.75	5.00	14.50	2882		
48	Nguyễn Văn	Biểu	25/10/94	10825	A	2NT	3.75	4.75	5.00	14.50	3389		
49	Lê Thị	Hiền	28/01/93	17060	A	2NT	5.25	4.00	4.25	14.50	8659		
50	Đặng Châu	Anh	27/09/94	61335	B	2	3.50	4.75	5.50	14.50	398		
51	Tạ Nhật	Phong	29/09/94	51600	B	2NT	5.50	3.50	4.50	14.50	688		
52	Bùi Thị	Mận	24/01/94	6227	B	1	4.50	4.00	4.50	14.50	8503		
53	Nguyễn Huy	Hạnh	26/03/94	63438	B	1	4.00	4.25	4.50	14.50	8586		
54	Vũ Văn	Hùng	07/02/94	59186	B	1	4.50	3.75	4.50	14.50	8622		
55	Phạm Văn	Thanh	10/02/93	46693	A	2NT	3.75	4.50	4.75	14.00	129		
56	Phạm Văn Bảo	Hoàng	13/03/94	14037	A	2	4.25	4.50	4.50	14.00	223		
57	Huỳnh Trung	Quốc	02/01/94	22340	A	2NT	4.00	4.25	4.50	14.00	797		
58	Phan Văn	Đức	15/12/94	593	A	2NT	3.75	5.50	3.50	14.00	919		
59	Nguyễn	Phú	14/01/94	21254	A	2NT	3.00	4.50	5.25	14.00	1062		
60	Trần Đình	Vĩnh	09/07/94	14556	A	2NT	3.75	4.25	4.75	14.00	2370		
61	Lê Hữu	Pháp	16/07/94	20931	A	1	4.75	4.25	3.50	14.00	3007		
62	Hoàng	Định	03/06/92	13100	A	2NT	3.50	4.50	5.00	14.00	3143		
63	Lê Vũ	Hưng	28/06/94	16569	A	2	3.25	5.50	4.75	14.00	8022		
64	Lê Văn	Thuyên	21/10/94	1030	A	1	3.75	3.75	4.75	14.00	9378		
65	Nguyễn Thị	Mỵ	01/12/94	52970	B	1	3.75	4.25	4.25	14.00	847		
66	Trương Thị Thuỳ	Dương	25/04/93	57695	B	2NT	3.75	4.50	4.75	14.00	1539		
67	Phan Hoàng Linh	Trang	01/02/94	63268	B	2	4.50	5.00	3.75	14.00	1986		

Nhóm ngành: Thủy sản. Chỉ tiêu: 108 **(DHL.D620301) - Ngành: Nuôi trồng thủy sản**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
68	Ngô Ngọc	Nghĩa	22/04/93	55449	B	1	4.50	3.75	4.25	14.00	2880		
69	Trần Thị Ê	Ly	20/07/94	57833	B	2NT	5.50	4.50	3.00	14.00	3378		
70	Phan Văn	Hùng	01/04/93	63249	B	2NT	3.75	4.25	5.00	14.00	8848		
71	Hoàng Ngọc	Phước	28/11/94	13846	A	2NT	3.75	3.75	5.00	13.50	986		
72	Hoàng Thị	Thảo	13/12/94	23161	A	2NT	4.00	3.50	5.00	13.50	1028		
73	Nguyễn Sanh	Mạnh	07/01/94	13753	A	2NT	3.50	3.75	5.25	13.50	1260		
74	Nguyễn Hữu	Linh	15/08/94	17977	A	2NT	3.00	3.50	6.00	13.50	1476		
75	Trần Thảo Uyên	Ly	13/11/94	3992	A	2	3.25	4.25	5.25	13.50	1894		
76	Lê Gia	Toàn	30/03/94	26611	A	2	4.25	4.00	4.75	13.50	1919		
77	Trần Minh	Nhật	14/07/94	20527	A	2NT	5.25	3.25	4.00	13.50	1972		
78	Lê Viết	Bính	10/10/94	10844	A	1	5.25	3.25	3.50	13.50	1990		
79	Bùi Khắc	Thạnh	19/07/94	24631	A	1	2.50	4.00	5.50	13.50	2122		
80	Nguyễn Thị Yến	Nhi	01/01/93	20625	A	1	3.75	4.50	3.50	13.50	2142		
81	Nguyễn Thanh	Hải	02/11/94	14677	A	1	4.50	3.00	4.50	13.50	2252		
82	Hà Văn	Trọng	04/05/94	22953	A	2NT	3.50	4.00	4.75	13.50	2624		
83	Bùi Xuân	Lãm	07/10/92	1132	A	2NT	4.00	4.50	3.75	13.50	2855		
84	Trần Thị Ê	Ly	20/07/94	15352	A	2NT	4.50	3.75	4.25	13.50	3377		
85	Hoàng Minh	Quý	29/03/94	22598	A	2NT	4.25	4.75	3.50	13.50	8504		
86	Trần Thị Thảo	Nguyên	17/02/94	15733	A	2NT	4.00	3.75	4.00	13.00	355		
87	Lê Ngọc	Châu	30/10/94	11160	A	2NT	3.50	4.25	4.25	13.00	799		
88	Lê Hoài Thương	Phúc	11/01/94	10490	A	1	4.50	3.50	3.50	13.00	840		
89	Mai Thị	Thuỷ	21/09/93	23575	A	2	3.25	4.50	4.50	13.00	952		
90	Hồ Hồng Bảo	Tiên	29/01/94	26029	A	2NT	3.75	3.50	4.75	13.00	1009		
91	Nguyễn Văn	Thủ	04/04/94	13049	A	1	3.50	4.25	3.75	13.00	1367		
92	Nguyễn Thị	Phương	24/10/93	21599	A	2NT	4.00	4.50	3.50	13.00	1432		

Nhóm ngành: Thủy sản. Chỉ tiêu: 108 **(DHL.D620301) - Ngành: Nuôi trồng thủy sản**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
93	Đỗ	Phúc	12/06/93	21400	A	1	2.50	4.50	4.25	13.00	2176		
94	Nguyễn Thành	Tâm	01/05/93	23719	A	2NT	5.00	4.50	2.50	13.00	2222		
95	Châu Thị Mỹ	Duyên	07/07/94	23218	A	2NT	4.25	2.75	5.00	13.00	2809		
96	Lê Thị Hồng	Thê	15/08/93	12741	A	2NT	5.25	3.50	3.00	13.00	3129		
97	Phạm Thị Mỹ	Anh	01/11/94	13145	A	2	4.25	4.50	3.50	13.00	3186		
98	Nguyễn Thị	Hoà	16/03/94	15932	A	2NT 06	3.25	3.75	4.00	13.00	8278		
99	Phạm Thế	Duyệt	23/08/92	12301	A	2	4.75	3.75	3.75	13.00	8307		
100	Nguyễn Văn	Cương	17/08/93	11569	A	1	2.75	4.25	4.25	13.00	8316		
101	Nguyễn Thị	Hiền	28/02/94	15596	A	2NT	4.25	3.00	4.50	13.00	8345		
102	Phạm Thị	Hà	19/11/93	13753	A	1	3.50	4.50	3.25	13.00	9223		
103	Trần Ngọc	Minh	20/02/94	1368	A	2NT	1.25	5.25	5.50	13.00	9583		
104	Ngô Thị	Thuyền	27/01/93	25842	A	1	3.75	3.75	4.00	13.00	9818		

Nhóm ngành: Thủy sản. Chỉ tiêu: 108 **(DHL.D620305) - Ngành: Quản lý nguồn lợi thủy sản**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Võ Thị	Trinh	30/07/94	59402	B	2NT	9.25	5.75	4.50	20.50	2776		
2	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	21/09/94	57824	B	2	7.00	5.75	6.00	19.50	2790		
3	Phạm Nhật	Quang	16/06/94	55869	B	2	5.50	4.75	7.75	18.50	878		
4	Tôn Thất Minh	Nhật	11/02/94	57921	B	2	6.25	4.75	6.50	18.00	635		
5	Đặng Nguyễn Huỳnh	Trang	26/05/94	50230	B	2NT	5.00	6.50	5.25	18.00	2446		
6	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	16/08/93	63722	B	2	6.25	4.75	5.75	17.50	954		
7	Trần Thị Thoại	Hương	01/04/93	58599	B	2NT	6.00	6.50	3.75	17.50	1643		
8	Trần Thị Kiều	Nhi	19/06/94	64628	B	2NT	5.75	6.25	4.50	17.50	3269		
9	Hồ Thị Hồng	Nhung	22/08/94	59589	B	2 06	4.25	6.25	5.50	17.50	9053		
10	Nguyễn Ngọc	Long	13/10/94	50311	B	2	2.50	8.50	5.50	17.00	331		

Nhóm ngành: Thủy sản. Chỉ tiêu: 108 **(DHL.D620305) - Ngành: Quản lý nguồn lợi thủy sản**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
11	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	13/07/93	62781	B	2NT	4.75	5.00	6.25	17.00	462		
12	Dương Thị Hồng	Phúc	23/04/94	50061	B	2NT	4.00	6.00	5.75	17.00	1207		
13	Võ Minh	Thiện	15/02/94	59122	B	2NT	4.50	5.50	5.00	16.00	9957		
14	Lê Thị	Thanh	10/02/94	23490	A	2NT	6.25	3.00	5.00	15.50	8458		
15	Đặng Anh	Thắng	07/12/93	61919	B	2NT	4.00	5.00	4.75	15.00	257		
16	Trần Đình	Mỹ	30/05/94	60965	B	2NT	4.25	4.00	5.50	15.00	831		
17	Hồ Lê	Cung	07/10/89	58904	B	2	5.00	5.00	4.25	15.00	2846		
18	Võ Văn Nhật	Chung	25/05/94	11382	A	2	4.50	5.25	4.00	14.50	456		
19	Đỗ Thị Thanh Kim	Huệ	13/07/94	15827	A	1	4.50	3.50	4.75	14.50	2885		
20	Võ Minh	Thư	13/09/94	25873	A	2	6.25	3.75	3.75	14.50	9032		
21	Phan Phụng	Hoàng	04/08/94	15279	A	3	3.75	5.50	5.25	14.50	13023		
22	Huỳnh Kim	Hùng	22/12/94	61580	B	2	2.50	4.75	6.50	14.50	334		
23	Nguyễn Hùng	Sơn	17/06/94	52859	B	2	3.00	5.50	5.50	14.50	390		
24	Lê Thị	Liên	18/03/94	52167	B	2NT	4.25	5.25	3.75	14.50	1125		
25	Võ Gia	Nguyễn	18/11/93	60331	B	2	4.75	3.75	5.50	14.50	3134		
26	Hoàng Thị	Mơ	18/11/93	50217	B	2	6.00	3.00	5.00	14.50	9835		
27	Trương Minh	Hoà	27/04/94	15134	A	2	4.25	4.25	4.75	14.00	570		
28	Phạm Quang	Bách	06/05/94	10630	A	2NT	4.00	4.75	4.25	14.00	1474		
29	Phạm Thị	Huyền	24/02/94	14454	A	2NT	3.50	3.75	5.50	14.00	1524		
30	Nguyễn Nữ Tố	Uyên	10/08/94	28752	A	2	5.25	4.50	3.75	14.00	2508		
31	Nguyễn Văn	Quân	09/07/94	14053	A	2NT	6.00	3.50	3.50	14.00	8242		
32	Lê Thị Thanh	Thảo	08/11/94	24426	A	2NT	3.75	5.25	3.75	14.00	8974		
33	Hồ Thị	Lan	02/10/94	5967	A	2NT	4.75	4.75	3.50	14.00	9271		
34	Nguyễn Phan Anh	Tuấn	27/10/94	52789	B	2	4.75	4.25	4.25	14.00	1708		
35	Phan Thị Mỹ	Linh	16/10/93	51942	B	1	4.00	2.25	6.00	14.00	9599		

Nhóm ngành: Thủy sản. Chỉ tiêu: 108 **(DHL.D620305) - Ngành: Quản lý nguồn lợi thủy sản**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
36	Phạm Thị Quỳnh	Như	01/10/94	20760	A	1	3.50	4.00	4.50	13.50	1837		
37	Lê Viết	Bính	10/10/94	10844	A	1	5.25	3.25	3.50	13.50	1988		
38	Nguyễn Thanh	Long	10/01/93	1520	A	1	4.75	4.25	2.75	13.50	2376		
39	Phùng Gia	Bảo	20/02/92	10719	A	2	5.50	4.50	3.00	13.50	2399		
40	Lê Thị Ngọc	Minh	08/02/94	10106	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	2963		
41	Nguyễn Hữu	Tuất	21/12/94	28190	A	2NT 06	1.50	5.25	4.75	13.50	9235		
42	Đậu Nhật	Tuấn	04/07/94	48742	A	2	3.75	5.75	3.25	13.50	9794		

Nhóm ngành: Chăn nuôi - Thú y. Chỉ tiêu: 121 **(DHL.D640101) - Ngành: Thú y**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Đặng Hữu Nhật	Minh	12/07/94	26626	A	3	8.00	6.00	6.50	20.50	9781		
2	Hoàng Thị	Trang	11/07/94	4391	B	2NT	6.50	7.00	5.75	20.50	9288		
3	Nguyễn Thị Thảo	My	06/11/94	62732	B	2NT	5.75	6.50	6.25	19.50	8682		
4	Nguyễn Thị Hồng	Thương	04/04/94	56042	B	2NT	8.00	4.00	6.25	19.50	9755		
5	Bùi Thị Thu	Lan	25/12/94	49664	B	2	4.50	7.50	6.50	19.00	867		
6	Lê Duy	Nguyên	10/01/94	41583	B	2NT	5.50	6.00	6.25	19.00	8097		
7	Lê Thị Hồng	Nhung	24/09/94	59840	B	2	6.50	6.75	5.25	19.00	8602		
8	Huỳnh Xuân	Hoàng	01/12/94	56643	B	1	6.00	2.25	9.25	19.00	9336		
9	Lê Công Anh	Thư	09/03/94	59085	B	2	6.25	6.25	5.50	18.50	3336		
10	Hà Văn	Thơ	30/06/94	42629	B	2NT	4.75	7.00	5.75	18.50	8886		
11	Nguyễn Ngọc Hữu	Lâm	22/11/94	61389	B	2NT	5.75	6.25	5.50	18.50	9535		
12	Nguyễn Đình	Kỳ	02/03/92	5312	B	2NT	6.50	5.25	5.50	18.50	9836		
13	Hồ Thị	Thuỷ	09/02/94	56469	B	2NT	6.25	5.25	5.50	18.00	8560		
14	Nguyễn Văn	Khang	08/07/93	13450	B	2NT	5.00	6.25	5.50	18.00	9259		
15	Hồ Quốc	Kin	25/05/94	59583	B	2NT	4.25	6.00	6.75	18.00	9317		

Nhóm ngành: Chăn nuôi - Thú y. Chỉ tiêu: 121 **(DHL.D640101) - Ngành: Thú y**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
16	Phan Thị Tuyết	Nhi	21/06/94	64427	B	2NT	4.50	6.25	5.75	17.50	616		
17	Nguyễn Thị	Yến	10/08/94	62626	B	1	6.50	6.25	3.00	17.50	3303		
18	Lê Thị	Hiền	28/01/93	61936	B	2NT	6.00	5.50	4.75	17.50	8658		
19	Nguyễn Thị Thu	Nhành	25/10/94	65009	B	2	5.50	6.00	5.50	17.50	9542		
20	Nguyễn Thị	Nhàn	05/05/94	7649	B	1	4.75	6.25	4.75	17.50	9883		
21	Hoàng Phước	Châu	25/06/94	23132	A	2	5.50	4.50	6.25	17.00	810		
22	Tạ Nhật	Yên	01/05/94	62542	B	1	4.50	6.25	4.50	17.00	8127		
23	Phan Hữu	Quốc	02/02/94	58009	B	2	6.00	5.50	5.00	17.00	8346		
24	Nguyễn Đức	Chiến	03/06/94	50166	B	2NT	7.50	4.50	4.00	17.00	8356		
25	Trần Đại Thịnh	Thiên	26/10/94	34473	B	2	6.50	5.50	4.50	17.00	8645		
26	Trần Thị	Bích	21/09/94	49949	B	2NT	6.75	4.50	4.50	17.00	9061		
27	Huỳnh Văn	Quốc	26/08/94	57673	B	2NT	4.50	7.25	4.00	17.00	9245		
28	Khắc Ngọc	Khánh	13/11/94	61192	B	2NT	3.75	6.75	5.50	17.00	9411		
29	Nguyễn Việt	Tiến	02/07/94	60785	B	2NT	4.75	6.00	5.25	17.00	9889		
30	Lê Thị Thu	Hằng	15/04/93	2553	A	2NT	6.00	4.75	4.75	16.50	9470		
31	Lê Thị	Duyến	02/11/94	60764	B	2NT	4.00	6.25	5.25	16.50	1688		
32	Nguyễn Ngọc	Thắng	24/11/94	61004	B	1 01	4.00	4.50	4.25	16.50	2971		
33	Võ Thị Trà	Giang	02/12/94	64178	B	1	4.50	5.25	5.25	16.50	8387		
34	Nguyễn Thị Mỹ	Hoàng	29/06/94	61384	B	1	5.50	5.00	4.50	16.50	9445		
35	Nguyễn Ngọc	Thắng	24/11/94	61004	B	1 01	4.00	4.50	4.25	16.50	9570		
36	Nguyễn Vương	Đô	10/10/94	14498	A	1	4.25	5.50	4.50	16.00	8998		
37	Lê Minh	Quý	21/06/94	51539	B	2	3.50	5.75	6.00	16.00	319		
38	Đặng Thị Mai	Duyên	30/11/94	61892	B	2NT	5.25	5.75	3.75	16.00	1657		
39	Tôn Nữ Quỳnh	Trang	02/09/94	50418	B	2	3.75	6.00	5.50	16.00	2567		
40	Trần Hưng	Tuấn	06/01/94	50490	B	2NT	5.50	5.00	4.50	16.00	3233		

Nhóm ngành: Chăn nuôi - Thú y. Chỉ tiêu: 121 **(DHL.D640101) - Ngành: Thú y**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
41	Phạm Thị Thanh	Huyền	17/01/94	59970	B	2NT	3.75	6.75	4.25	16.00	3251		
42	Trần Thị	Trang	02/12/94	60883	B	1	5.50	4.25	4.75	16.00	8585		
43	Võ Thị Thanh	Xuân	08/05/94	64053	B	1	4.25	6.50	3.50	16.00	9587		
44	Nguyễn Thị	Lý	21/08/94	6398	B	1	4.50	6.50	3.25	16.00	9914		
45	Nguyễn Minh	Trí	22/02/94	27137	A	1	5.00	5.25	3.50	15.50	1858		
46	Nguyễn Trần	Văn	29/06/93	28848	A	1	4.25	5.25	4.50	15.50	2939		
47	Trương Hồng	Sự	14/03/93	23358	A	1	4.75	5.00	4.00	15.50	3008		
48	Lê Đức	ái	19/09/94	10490	A	2NT	4.25	4.75	5.25	15.50	8264		
49	Đào Quang	Nam	05/12/93	11798	A	2NT 06	4.75	4.25	4.25	15.50	13078		
50	Trương Văn	Đông	20/05/94	49655	B	2NT	4.50	4.25	5.50	15.50	3334		
51	Nguyễn Thanh	Tùng	19/05/93	61066	B	2NT	4.00	5.75	4.50	15.50	8516		
52	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/06/94	61223	B	1 06	6.00	3.25	3.50	15.50	9056		
53	Nguyễn Hữu	Đông	04/07/94	51935	B	2NT	7.00	4.00	3.50	15.50	9058		
54	Nguyễn Viết	Tùng	20/06/94	50557	B	2	3.75	4.75	6.25	15.50	9262		
55	Đặng Đào Thuỷ	Tiên	12/10/94	18199	B	2NT	5.50	4.50	4.25	15.50	9370		
56	Nguyễn Thị ái	Mỹ	16/04/94	62889	B	1	5.25	4.25	4.50	15.50	9635		
57	Võ Thị	Xinh	26/06/94	13311	B	1	5.25	4.00	4.75	15.50	13085		
58	Nguyễn Văn	Kiệt	10/02/94	17331	A	2NT	2.75	6.00	5.25	15.00	1352		
59	Nguyễn Văn	Kiệt	10/02/94	17331	A	2NT	2.75	6.00	5.25	15.00	1572		
60	Đặng Thị Mai	Duyên	30/11/94	15758	A	2NT	5.25	5.00	3.50	15.00	1658		
61	Lê Đức	Tuấn	09/12/93	16799	A	2NT	4.00	5.25	4.75	15.00	2268		
62	Nguyễn Xuân	Trọng	16/03/94	4512	A	1	5.25	4.25	4.00	15.00	2630		
63	Phạm Thị	Phương	09/09/93	9130	A	1	6.00	4.50	2.75	15.00	3052		
64	Võ Sĩ	Thành	07/05/93	46734	A	1	5.25	3.75	4.50	15.00	3160		
65	Lê Thị Ngọc	Uyên	15/11/94	28762	A	2NT	5.25	3.50	5.25	15.00	8064		

Nhóm ngành: Chăn nuôi - Thú y. Chỉ tiêu: 121 **(DHL.D640101) - Ngành: Thú y**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
66	Huỳnh Thị Ngọc	Nữ	07/06/94	45400	A	2NT	5.25	4.50	4.25	15.00	8537		
67	Lê Xuân	Sơn	08/02/94	62741	B	2	4.50	4.75	5.00	15.00	3075		
68	Nguyễn Xuân	Tưởng	24/07/93	61075	B	2NT	6.00	2.75	5.00	15.00	3220		
69	Hoàng Thị	Dung	21/06/94	64371	B	1	7.75	2.00	3.75	15.00	3245		
70	Hoàng Thị	Dung	21/06/94	64371	B	1	7.75	2.00	3.75	15.00	3245		
71	Trần Thị Hồng	ánh	10/09/94	63246	B	2NT	5.00	5.25	3.50	15.00	8224		
72	Võ Hồng Phước	Thảo	26/02/94	58806	B	2NT	4.75	4.00	5.00	15.00	8258		
73	Bùi Phương	Thảo	13/11/94	17016	B	2NT	5.75	2.00	6.00	15.00	8333		
74	Bùi Thị	Thu	26/09/94	62120	B	2	4.00	6.25	4.25	15.00	8562		
75	Nguyễn Thị	Loan	04/03/93	64500	B	2NT	6.25	3.75	4.00	15.00	8677		
76	Trần Phương	Nam	10/03/93	64911	B	2NT	5.50	4.50	4.00	15.00	8793		
77	Hoàng Xuân	Khôi	16/12/94	2962	B	2	2.50	7.00	5.00	15.00	8992		
78	Phạm Lê Thúy	Vy	10/04/94	40818	B	2NT	3.75	5.25	4.75	15.00	9453		
79	Lê Đức	Lộc	09/09/94	62145	B	2NT	4.75	4.75	4.25	15.00	9514		
80	Chu Thị	Hòa	01/04/93	58713	B	2NT 06	5.75	3.50	3.50	15.00	9929		
81	Đinh Xuân	Đức	25/10/93	62511	B	1	6.50	3.50	3.50	15.00	9943		
82	Trần Đại	Quỳnh	24/03/94	22708	A	2NT	4.25	4.00	5.25	14.50	2359		
83	Huỳnh Thị Kim	Phượng	04/04/94	45977	A	2NT	4.25	4.50	4.75	14.50	8149		
84	Trần Văn	Đồng	24/09/94	13220	A	2NT	3.50	4.75	5.00	14.50	8374		
85	Võ Thị Trà	Giang	02/12/94	16137	A	1	4.50	4.50	3.75	14.50	9653		
86	Tạ Nhật	Phong	29/09/94	51600	B	2NT	5.50	3.50	4.50	14.50	687		
87	Nguyễn Tân	Vũ	19/04/94	39598	B	2	4.25	4.75	5.00	14.50	698		
88	Cao Thị Tố	Uyên	02/12/93	60051	B	2	4.25	4.75	4.75	14.50	2773		
89	Phan Thị Hoài	Phương	14/10/94	9495	B	1	3.75	3.50	5.50	14.50	8002		
90	Võ Thị	Nhung	18/02/94	15760	B	2NT	4.50	4.00	5.00	14.50	8294		

Nhóm ngành: Chăn nuôi - Thú y. Chỉ tiêu: 121 **(DHL.D640101) - Ngành: Thú y**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
91	Hà Thị	Yến	01/04/94	60151	B	1	4.25	3.25	5.25	14.50	8588		
92	Nguyễn Văn	Đông	24/03/94	42078	B	2NT	5.00	3.75	4.75	14.50	8731		
93	Bùi Thị Ngọc	Quỳnh	20/04/94	4834	B	2NT	5.75	3.25	4.50	14.50	9116		
94	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	25/08/94	50229	B	1	4.50	5.00	3.25	14.50	9424		
95	Trần Ngọc	Văn	07/02/94	1979	B	2NT	6.00	3.25	4.00	14.50	9784		
96	Hồ Thị	Hòa	10/10/94	60991	B	2	6.50	2.75	4.50	14.50	13039		
97	Nguyễn Thị	Dung	16/03/94	1367	B	2NT	3.25	5.00	5.00	14.50	13046		
98	Phạm Văn Bảo	Hoàng	13/03/94	14037	A	2	4.25	4.50	4.50	14.00	225		
99	Lê Trọng	Tùng	05/07/93	17315	A	2NT	5.00	4.00	4.00	14.00	487		
100	Huỳnh Trung	Quốc	02/01/94	22340	A	2NT	4.00	4.25	4.50	14.00	796		
101	Trần Đình	Tây	16/11/93	14394	A	2NT	4.00	3.50	5.25	14.00	955		
102	Lê Bá	Quý	10/11/94	16744	A	1	4.25	3.50	4.50	14.00	2513		
103	Nguyễn Thị	Bình	20/02/94	10893	A	2NT	4.00	4.50	4.50	14.00	8236		
104	Nguyễn Đức	Tân	03/10/93	23803	A	2NT	3.75	4.50	4.50	14.00	9004		
105	Hồ Thị	Lan	02/10/94	5967	A	2NT	4.75	4.75	3.50	14.00	9272		
106	Phan Thị Hoàng	Trinh	21/01/93	16840	A	2NT	5.00	5.00	3.00	14.00	9711		
107	Lê Thị Hoài	Thư	27/06/94	3293	A	1	2.50	5.50	4.50	14.00	9728		
108	Nguyễn Ngọc	Tuyền	26/05/94	28291	A	1	5.00	3.50	3.75	14.00	9807		
109	Nguyễn Thị	Thám	02/01/94	1486	A	2NT	4.50	4.00	4.50	14.00	13028		
110	Nguyễn Thị Quý	Trâm	02/12/94	52244	B	2	2.75	4.75	6.00	14.00	563		
111	Nguyễn Phan Anh	Tuấn	27/10/94	52789	B	2	4.75	4.25	4.25	14.00	1024		
112	Nguyễn Thị	Dung	20/12/94	17883	B	2NT	4.75	3.50	4.50	14.00	2059		
113	Nguyễn Hoàng	Lâm	13/12/92	62646	B	2NT	5.50	4.50	2.75	14.00	3223		
114	Lê Tiểu	Long	08/10/94	63644	B	2NT	3.75	3.50	5.75	14.00	3348		
115	Trần Văn	Bưu	17/07/94	46607	B	1 06	3.50	4.25	3.50	14.00	8244		

Nhóm ngành: Chăn nuôi - Thú y. Chỉ tiêu: 121 **(DHL.D640101) - Ngành: Thú y**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
116	Nguyễn Nam	Thanh	14/08/94	32204	B	1	3.25	4.25	4.75	14.00	8322		
117	Đặng Trung	Nguyên	02/02/94	40244	B	2NT	3.25	5.00	4.50	14.00	8520		
118	Nguyễn Mậu	Thành	27/04/94	62410	B	2NT	4.00	5.50	3.50	14.00	8667		
119	Tống Thị Thuỳ	Duyên	16/01/94	49696	B	2	4.00	5.00	4.50	14.00	9019		
120	Trần Ngọc Trâm	Anh	29/11/94	41311	B	2NT	3.75	5.00	4.00	14.00	9184		
121	Lưu Thị	Diễm	19/11/94	55853	B	2NT	5.50	2.50	4.75	14.00	9203		
122	Lê Chí	Nguyện	30/12/94	52854	B	1	4.25	3.00	5.25	14.00	9274		
123	Bùi Thị	Hoa	10/04/92	61938	B	2NT	3.50	4.00	5.25	14.00	9747		
124	Lê Thị Thúy	Hằng	20/04/94	2910	B	1	5.50	3.75	3.25	14.00	9870		
125	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/01/93	21700	A	2NT	5.00	3.75	3.75	13.50	553		
126	Nguyễn Thanh	Long	10/01/93	1520	A	1	4.75	4.25	2.75	13.50	2373		
127	Nguyễn Thị	Dìn	15/10/94	23259	A	1	3.75	3.50	4.50	13.50	3124		
128	Hoàng Thị	Thảo	13/12/94	23161	A	2NT	4.00	3.50	5.00	13.50	3144		
129	Dương Thanh	Tùng	16/06/94	28530	A	1	4.00	4.25	3.75	13.50	3174		
130	Trần Thị Hoa	Ngân	04/09/94	16068	A	1	4.50	4.25	3.00	13.50	3313		
131	Lâm Trần Hà	Trang	09/04/94	5215	A	1	4.50	4.75	2.75	13.50	3314		
132	Phan Văn Chí	Nhân	19/05/93	20359	A	2NT	3.00	5.50	3.75	13.50	3356		
133	Trần Xuân	Thành	11/09/94	2726	A	2 06	3.75	4.75	3.50	13.50	3380		
134	Nguyễn Thị Thu	Trang	20/07/94	11995	A	2NT	5.50	3.25	3.75	13.50	8198		
135	Nguyễn Đức	Dũng	05/05/94	12420	A	2NT	4.25	4.25	4.00	13.50	8270		
136	Nguyễn Tiến	Quý	08/08/94	22616	A	1	4.50	4.00	3.25	13.50	8436		
137	Phan Châu	Thành	28/08/93	24362	A	2NT	4.25	4.75	3.50	13.50	8648		
138	Lê Văn	Thuận	08/05/93	10951	A	1	3.00	5.50	3.50	13.50	8788		
139	Ngô Mạnh	Lực	11/02/93	18738	A	1	2.25	4.50	5.25	13.50	8854		
140	Nguyễn Thị	Phương	18/01/94	16743	A	2NT	4.75	4.50	3.25	13.50	9525		

Nhóm ngành: Chăn nuôi - Thú y. Chỉ tiêu: 121 **(DHL.D640101) - Ngành: Thú y**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
141	Đặng Thị Mai	Linh	23/03/93	6478	A	2NT	4.00	5.00	3.50	13.50	9906		
142	Nguyễn Hữu	Minh	08/10/93	1521	A	2NT	5.25	3.00	4.00	13.50	13048		
143	Trần Văn	Thạnh	17/08/94	24644	A	1	3.00	4.50	4.50	13.50	13095		
144	Hoàng Thị	Thông	12/10/94	22707	A	1	3.00	4.50	4.00	13.00	203		
145	Lê Thị Thanh	Nhàn	10/09/94	22893	A	2NT	2.75	5.00	4.00	13.00	1177		
146	Nguyễn Thị	Phương	24/10/93	21599	A	2NT	4.00	4.50	3.50	13.00	1326		
147	Lê Trọng	Nhân	08/01/94	23060	A	1	4.25	3.25	3.75	13.00	1425		
148	Huỳnh Thị Trà	My	02/01/94	14610	A	2NT	4.00	4.00	3.75	13.00	1965		
149	Đỗ	Phúc	12/06/93	21400	A	1	2.50	4.50	4.25	13.00	2177		
150	Nguyễn Thị	Trâm	20/07/94	23579	A	2NT	4.25	3.25	4.50	13.00	2585		
151	Võ Văn	Lợi	01/11/94	18514	A	2NT	4.50	4.25	3.00	13.00	2703		
152	Đặng Thị Khánh	Mỹ	05/03/93	13543	A	2	4.75	4.00	3.50	13.00	2906		
153	Đoàn Thị	Yến	15/02/93	14024	A	2	4.00	4.25	4.00	13.00	3273		
154	Lê Thị	Thu	02/09/94	21753	A	2NT	4.25	4.25	3.50	13.00	8249		
155	Phạm Anh	Như	20/06/94	45321	A	2	5.25	3.50	3.50	13.00	8299		
156	Trần Văn	Sáu	25/05/93	22916	A	1	2.75	4.00	4.50	13.00	8411		
157	Nguyễn Thị Kim	Thoa	25/12/94	12258	A	1	3.50	4.00	4.00	13.00	8612		
158	Nguyễn Hữu	Thọ	13/07/93	25414	A	2NT	3.75	4.50	3.50	13.00	8647		
159	Nguyễn Bá	Sang	30/08/94	11873	A	2	4.50	4.50	3.25	13.00	8722		
160	Phạm Đăng	Tiệp	10/05/94	12579	A	2	4.00	5.25	3.25	13.00	9152		
161	Phạm Lê Thúy	Vy	10/04/94	17544	A	2NT	3.00	5.00	4.00	13.00	9180		
162	Tạ Thị Ngọc	Mai	02/02/94	1415	A	2NT	5.00	4.25	2.75	13.00	9188		
163	Đặng Đào Thủy	Tiên	12/10/94	4469	A	2NT	2.75	4.50	4.50	13.00	9364		
164	Trần Thị	Thiểm	04/04/94	25021	A	2NT	2.75	4.50	4.50	13.00	9780		
165	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	11/10/94	12613	A	2NT	4.00	4.25	3.75	13.00	9926		

Nhóm ngành: QLTN và môi trường. Chỉ tiêu: 98 **(DHL.D850103) - Ngành: Quản lý đất đai**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
Nhóm ngành: QLTN và môi trường. Chỉ tiêu: 98							**(DHL.D850103) - Ngành: Quản lý đất đai**						
1	Trương Tấn	Đạt	12/03/93	**51743**	B	**2**	4.25	5.75	5.50	**16.00**	154		
2	Lương Thị Bích	Thuỷ	30/11/94	**62454**	B	**1**	3.75	6.00	4.75	**16.00**	2377		
3	Đặng Thị Hồng	Phương	08/03/94	**56540**	B	**2**	4.50	4.00	6.75	**16.00**	8293		
4	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	08/02/94	**64389**	B	**2**	4.00	6.25	4.75	**15.50**	1094		
5	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/06/94	**61223**	B	**1 06**	6.00	3.25	3.50	**15.50**	9057		
6	Lê Văn	Tuất	20/04/94	**64688**	B	**1**	3.75	5.00	5.00	**15.50**	9805		
7	Hồ Văn	Quang	03/09/94	**45999**	A	**2NT**	4.00	5.50	4.50	**15.00**	8347		
8	Lê Thị	Hà	13/08/94	**2395**	B	**1**	2.50	5.00	6.00	**15.00**	9922		
9	Trần Văn	Tuấn	03/07/94	**28010**	A	**1**	3.75	4.50	4.50	**14.50**	9494		
10	Đặng Châu	Anh	27/09/94	**61335**	B	**2**	3.50	4.75	5.50	**14.50**	396		
11	Nguyễn Thị	Thơm	24/02/93	**65021**	B	**2**	4.00	5.50	4.50	**14.50**	3158		
12	Nguyễn Thị	Hiền	13/06/94	**50432**	B	**2NT**	4.50	4.25	4.75	**14.50**	8414		
13	Nguyễn Viết	Long	18/02/94	**64679**	B	**2**	4.75	5.50	3.75	**14.50**	9655		
14	Đinh Thúy	Hằng	01/11/94	**639**	A	**2NT**	3.75	4.50	4.50	**14.00**	8200		
15	Trần Đình	Nhân	02/02/94	**63052**	B	**2NT**	4.75	4.25	3.75	**14.00**	8416		
16	Tống Thị Thuỳ	Duyên	16/01/94	**49696**	B	**2**	4.00	5.00	4.50	**14.00**	9018		
17	Biện Văn	Quyền	10/05/94	**32025**	B	**2NT**	4.25	5.00	3.50	**14.00**	9810		
18	Nguyễn Thị Tú	Anh	19/09/94	**40155**	A	**2**	4.50	3.75	4.50	**13.50**	9136		
19	Trương Thị	Thúy	11/07/94	**10787**	A	**2NT**	5.00	3.75	3.50	**13.50**	9204		
20	Nguyễn Đức	Quá	24/02/94	**21633**	A	**2NT**	4.50	4.50	3.00	**13.00**	2640		
21	Hoàng Văn	Lực	02/05/94	**18732**	A	**2NT**	4.00	3.50	4.25	**13.00**	9958		

PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC HUẾ TẠI QUẢNG TRỊ

Nhóm ngành khối A, B. Chỉ tiêu: 96 **(DHQ.D510406) - Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Võ	Ngọc	02/01/94	56952	B	3	7.00	5.75	4.50	17.50	8598		
2	Nguyễn Thị Khánh	Mỹ	29/04/94	15096	B	2	5.25	6.75	4.50	17.00	8048		
3	Nguyễn Thị Quế	Phương	17/02/93	50443	B	2NT	4.50	6.00	4.50	16.00	8952		
4	Hồ Thị	Hoa	15/10/94	51715	B	2NT	5.50	4.50	4.25	15.50	3357		
5	Nguyễn Thị	Loan	04/03/93	64500	B	2NT	6.25	3.75	4.00	15.00	8668		
6	Đoàn Chiến	Thắng	23/11/94	24858	A	2	6.00	4.25	3.75	14.50	2066		
7	Nguyễn Thị Phương	Trinh	25/08/94	48506	A	2	5.50	3.75	4.75	14.50	3252		
8	Nguyễn Mỹ	Dung	02/12/94	870	A	2NT	5.75	3.75	3.25	14.00	9263		
9	Lê Lộc	Đức	28/07/94	10967	B	2	2.50	5.00	6.00	14.00	8930		
10	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/01/93	21700	A	2NT	5.00	3.75	3.75	13.50	550		
11	Nguyễn Đình	Quang	10/10/94	21594	A	2	4.50	2.75	5.75	13.50	1672		
12	Trần Phúc	Đồng	19/06/94	13232	A	2NT	3.00	4.50	4.50	13.00	8673		
13	Đặng Hoàng	Lan	06/05/94	12127	A	2	5.25	3.75	3.25	13.00	9097		

Nhóm ngành khối A. Chỉ tiêu: 91 **(DHQ.D520201) - Ngành: Kỹ thuật điện**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Xuân	Dũng	12/04/93	378	A	2	5.00	7.50	2.50	15.50	1842		
2	Đinh Thanh	Tuyên	20/03/94	28224	A	1	3.00	4.75	5.00	14.50	9960		
3	Nguyễn Tất	Lập	18/12/94	22154	A	1	1.75	4.50	5.50	13.50	3300		
4	Hoàng Thế	Phúc	01/03/94	21412	A	2	4.25	4.00	4.00	13.00	1737		
5	Nguyễn Hữu	Thiện	10/12/93	25074	A	2	3.25	5.00	4.00	13.00	2879		

Nhóm ngành khối A, B. Chỉ tiêu: 96 **(DHQ.D520503) - Ngành: Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Lê Minh	Tân	20/02/94	15280	A	2	5.50	4.50	4.00	14.50	8570		
2	Phạm Ngọc	Minh	06/07/94	1044	A	2	4.00	5.25	3.50	13.50	9618		

Nhóm ngành khối A. Chỉ tiêu: 91 **(DHQ.D580201) - Ngành: Kỹ thuật công trình xây dựng**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phan Đình	Trọng	04/12/94	27070	A	2NT	5.50	4.00	6.50	17.00	2648		
2	Lê Trọng	Tam	01/03/94	23414	A	2	6.00	2.50	6.50	15.50	2874		
3	Phan	Dũng	02/07/93	12446	A	2NT	6.00	5.25	3.00	15.50	8791		
4	Phạm Văn	Tiến	02/03/94	26153	A	2NT	2.25	6.25	5.25	15.00	2913		
5	Nguyễn Văn	Huy	02/06/94	15992	A	2	4.25	4.75	5.00	14.50	1144		
6	Đặng Minh	Tâm	20/06/94	23652	A	2NT	4.00	3.75	5.50	14.50	2233		
7	Nguyễn Văn	Đức	15/04/94	13383	A	2NT	5.75	3.50	4.25	14.50	2235		
8	Lê Quang Ngọc	Đức	08/07/94	13412	A	1	4.25	4.50	4.25	14.50	2531		
9	Nguyễn Chí	Cường	10/08/93	326	A	1	3.75	5.50	3.50	14.50	2551		
10	Nguyễn Sĩ Thành	Trung	07/09/94	22226	A	2	5.50	4.25	4.00	14.50	2569		
11	Lê Xuân	Hòa	21/06/93	15615	A	1	4.75	4.25	4.00	14.50	8870		
12	Nguyễn Công	ái	08/06/94	10493	A	2	4.00	5.50	4.25	14.50	9050		
13	Nguyễn Thị Hải	Vân	15/05/94	28803	A	2NT	3.50	4.00	6.00	14.50	9362		
14	Lê Thành	Quang	08/11/93	1783	A	2NT	3.25	5.25	4.25	14.00	1883		
15	Bùi Đặng Thống	Nhất	01/01/94	14275	A	2	5.50	4.50	3.50	14.00	1890		
16	Lê Bá	Quý	10/11/94	16744	A	1	4.25	3.50	4.50	14.00	2511		
17	Nguyễn Đức	Tân	03/10/93	23803	A	2NT	3.75	4.50	4.50	14.00	2553		
18	Nguyễn Thanh	Đạt	26/02/94	12903	A	2	7.00	2.75	3.50	14.00	9040		
19	Phạm Thị Việt	Nga	23/04/94	5183	A	2	2.50	5.50	5.50	14.00	9612		
20	Trần Ngọc	Tuấn	06/09/92	28027	A	1	2.00	5.75	4.75	14.00	13018		

Nhóm ngành khối A. Chỉ tiêu: 91 **(DHQ.D580201) - Ngành: Kỹ thuật công trình xây dựng**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
21	Nguyễn Văn	Phước	18/04/94	21767	A	2NT	4.00	5.00	3.50	13.50	1731		
22	Huỳnh Thế Minh	Tâm	16/08/94	23659	A	2NT	1.50	4.50	6.25	13.50	1880		
23	Nguyễn Công	Kỳ	06/08/93	14419	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	3343		
24	Nguyễn Thanh	Trúc	20/01/94	22227	A	2	4.75	4.00	4.25	13.50	8014		
25	Hoàng Văn	Bắc	10/04/92	10783	A	1	3.25	4.50	4.00	13.50	8157		
26	Hà Văn	Thắng	18/01/93	24796	A	2	6.25	4.00	2.75	13.50	8740		
27	Phạm Ngọc	Minh	06/07/94	1044	A	2	4.00	5.25	3.50	13.50	9619		
28	Nguyễn Hữu	Thọ	03/04/93	14659	A	2	4.50	3.50	4.50	13.00	2087		
29	Hoàng Kim	Trung	07/03/94	5194	A	2	5.00	4.75	2.75	13.00	9044		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

(DHS.D140205) - Ngành: Giáo dục chính trị **Chỉ tiêu: 46**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phạm Thị Thúy	Sương	05/04/94	4367	C	2	6.25	5.00	6.50	18.50	1381		
2	Đinh Thanh	Bình	14/03/94	2906	C	1	4.00	5.75	6.75	18.00	9368		
3	Giã Thị Khánh	Linh	26/07/94	8133	C	2	5.00	7.00	5.00	17.50	1811		
4	Hồ Thị	Thư	05/01/94	9846	C	1	4.50	6.50	4.75	17.50	2386		
5	Trương Anh	Dũng	29/06/94	596	C	1 06	4.50	3.50	6.75	17.50	9369		
6	Phạm Thị	Huyền	11/07/92	69323	C	2NT	5.50	4.50	5.75	17.00	219		
7	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	28/04/94	69175	C	2NT	5.75	4.00	6.25	17.00	946		
8	Trần Thị	Loan	08/08/94	68704	C	1	4.50	5.00	6.00	17.00	2365		
9	Trần Thị	Năm	25/03/94	18197	C	1	6.00	4.50	5.00	17.00	9112		
10	Hà Thị Kiều	My	10/10/93	69444	C	2	5.50	3.50	7.00	16.50	343		
11	Trần Thị Thanh	Nhàn	21/05/93	68709	C	2NT	5.00	5.25	5.25	16.50	1085		
12	Trần Thị	Phương	15/03/93	69032	C	1 01	3.00	3.25	6.75	16.50	3095		

Lưu ý: Chỉ tiêu xét tuyển NV2 của một số ngành đã được điều chỉnh theo hướng tăng thêm cho phù hợp với tình hình nhập học đợt 1. Thí sinh xem thêm tại trang web: www.hueuni.edu.vn

(DHS.D140205) - Ngành: Giáo dục chính trị **Chỉ tiêu: 46**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
13	Đào Thị Kiều	Linh	27/07/94	8182	C	2NT	4.75	3.25	7.50	16.50	8142		
14	Trương Thị Kim	Liên	22/11/94	17879	C	1	5.50	3.75	5.75	16.50	8923		
15	Bùi Văn	Tiên	14/07/91	1152	C	2NT 03	5.25	4.25	4.00	16.50	9291		
16	Nguyễn Thị Quỳnh	Dao	02/06/94	68238	C	2NT	5.50	4.75	5.25	16.50	9703		
17	Trương Thị Thanh	Trang	14/11/92	69419	C	2NT	4.00	4.75	6.00	16.00	430		
18	Nguyễn Thị	Ngọt	04/06/93	68454	C	1	4.50	3.50	6.25	16.00	729		
19	Hoàng Thị Tuyết	Nhung	29/07/93	69448	C	1	4.50	4.50	5.25	16.00	770		
20	Trần Thị	Vân	22/08/94	68687	C	1	5.50	3.75	5.25	16.00	1219		
21	Phan Thị	Sen	20/09/93	68713	C	1	4.50	2.25	7.75	16.00	1475		
22	Trương Thị Thanh	Ngân	16/08/94	506	C	2NT	6.50	4.75	3.50	16.00	1771		
23	Nguyễn Thị	Thương	01/01/94	68962	C	1	4.50	4.00	5.75	16.00	1785		
24	Lê Thị	Nguyệt	28/10/94	68550	C	1 01	3.00	3.00	6.25	16.00	2652		
25	Lương Thị	Hồng	08/04/94	8397	C	1	5.50	2.50	6.50	16.00	8067		
26	Nguyễn Thị	Lan	20/10/93	66950	C	2NT	4.50	3.50	7.00	16.00	8233		
27	Ngọc Thị Châu	Năm	05/12/93	68838	C	1 01	2.75	3.50	6.00	16.00	8338		
28	Lê Thị Thu	Thảo	12/09/94	8642	C	2	5.00	4.50	6.00	16.00	8398		
29	Nguyễn Thị	Lan	20/10/93	66950	C	2NT	4.50	3.50	7.00	16.00	8429		
30	Trần Thị Kim	Thái	17/09/93	69337	C	2NT	5.75	2.75	6.50	16.00	8514		
31	Bùi Thị Phương	Thảo	20/01/94	9475	C	2NT	4.75	4.00	6.25	16.00	8736		
32	Đỗ Thị	Nhi	22/02/94	69105	C	1	6.00	2.75	5.75	16.00	9511		
33	Trần Thị Mỹ	Hạnh	11/01/94	66905	C	2NT	5.75	3.75	5.50	16.00	9745		
34	Võ Văn Nguyên	Sơn	01/01/93	67227	C	2NT	3.25	5.50	5.50	15.50	248		
35	Nguyễn Thị Kim	Hiếu	28/05/94	68902	C	2	6.00	4.00	5.00	15.50	400		
36	Đoàn Đình	Trường	09/03/93	70418	C	2NT	4.50	4.25	5.75	15.50	485		
37	Thân Thị Tuyết	Anh	10/09/94	70129	C	2	3.75	5.50	5.75	15.50	1099		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
38	Phan Thị	Thuỷ	05/07/93	68717	C	2NT	3.75	2.75	7.75	15.50	1537		
39	Lê Thị	Nhân	05/08/94	69104	C	2NT	5.50	4.75	4.25	15.50	1932		
40	Dương Thị Diệu	Hoa	10/04/94	69721	C	2NT	5.50	4.50	4.50	15.50	2145		
41	Nguyễn Thị Việt	Trinh	27/07/94	67383	C	2NT	4.75	4.00	5.75	15.50	2429		
42	Trần Phúc	Ngọc	04/04/94	67832	C	2NT	3.25	4.25	6.75	15.50	2629		
43	Nguyễn Thị Minh	Hữu	07/11/93	67861	C	2NT	4.50	4.00	6.00	15.50	2750		
44	Nguyễn Thị Anh	Đào	22/11/93	4386	C	2	5.00	3.50	6.25	15.50	8301		
45	Bùi Văn	Thọ	21/07/94	9684	C	1	5.50	2.75	5.75	15.50	8523		
46	Trần Khánh	Nguyên	04/02/93	8647	C	1	4.00	5.25	4.75	15.50	9630		
47	Rơmah Lệ	Thu	31/07/94	11231	C	1 01	5.00	1.25	5.75	15.50	9661		
48	Trần Thị	Hương	10/02/94	69288	C	1	2.75	5.25	6.00	15.50	13040		
49	Phan Thị	Huệ	19/10/92	66758	C	2NT	4.50	3.00	6.25	15.00	140		
50	Nguyễn Thị Như	Bình	27/10/93	69837	C	1	6.00	1.50	5.75	15.00	264		
51	Trần Thị Hồng	Linh	10/02/94	70438	C	2NT	5.50	2.25	6.25	15.00	621		
52	Phan Thị Trà	My	19/02/92	69771	C	1	3.50	4.75	5.00	15.00	1477		
53	Nguyễn Thị Hoài	Vy	26/09/94	69462	C	2NT	4.25	2.00	7.50	15.00	1494		
54	Nguyễn Thị	Mai	30/08/94	68416	C	1	5.00	2.00	6.50	15.00	1780		
55	Lê Thị	Loan	26/07/94	68608	C	1	4.00	4.75	4.75	15.00	2019		
56	Phạm Thị	Kim	01/04/94	68638	C	2NT	4.50	3.00	6.25	15.00	2740		
57	Trần Thị Thu	Trang	25/08/94	69003	C	1	3.00	3.50	6.75	15.00	2915		
58	Thân Thị Uyển	Nhi	16/01/94	70153	C	2	6.50	2.75	5.00	15.00	2950		
59	Hồ Nhật	Lanh	16/12/91	67103	C	2NT	2.00	5.50	6.50	15.00	8281		
60	Phạm Thành	Nghĩa	01/09/93	8544	C	2NT 06	5.00	2.00	6.00	15.00	8321		
61	Dương Thị Thuý	Dưỡng	15/12/93	70342	C	2	4.50	5.50	4.25	15.00	8475		
62	Trương Thị	Anh	19/03/94	68755	C	1	4.75	2.75	5.75	15.00	8573		

(DHS.D140205) - Ngành: Giáo dục chính trị — Chỉ tiêu: 46

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
63	Nguyễn Minh	Vương	24/08/92	28814	C	1	4.50	3.75	5.00	15.00	8604		
64	Trần Thị	Phượng	08/08/94	1339	C	2NT	4.50	4.50	4.75	15.00	8771		
65	Trần Thị Như	Hằng	02/02/94	68507	C	1	5.25	3.50	4.50	15.00	8869		
66	Lê Thị ý	Nhi	17/09/94	68583	C	2NT	3.50	4.50	6.00	15.00	9049		
67	Trần Thị	Anh	26/03/94	68787	C	1	5.00	3.50	5.00	15.00	9519		
68	Nguyễn Thị Thuận	Hiền	22/12/94	815	C	1	3.50	3.75	6.00	15.00	9819		
69	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	11/04/93	68698	C	1	3.50	2.50	7.00	14.50	164		
70	Trần Thị Hồng	Tuyết	02/05/94	67515	C	2	4.50	3.00	6.50	14.50	589		
71	Lê Thị Xuân	Diệu	16/08/93	68566	C	2NT	3.50	5.00	5.00	14.50	612		
72	Trần Thị Kim	Thoa	12/11/94	66353	C	2	5.00	3.50	5.25	14.50	1018		
73	Nguyễn Văn	Anh	10/02/94	66213	C	1	4.50	4.25	4.00	14.50	1141		
74	Nguyễn	Đấu	06/02/93	66713	C	2NT	3.50	3.25	6.50	14.50	1187		
75	Tống Thị	Yến	15/08/94	69916	C	1	5.00	3.25	4.50	14.50	1312		
76	Phan Thị	Hồng	25/05/94	69055	C	1	4.00	4.25	4.50	14.50	1670		
77	Hoàng Thị Hồng	Nhị	28/08/94	69219	C	1	5.50	1.75	5.50	14.50	1804		
78	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	08/08/94	70038	C	2NT	4.00	4.00	5.50	14.50	2102		
79	Trần Thị Khánh	Linh	29/10/94	66228	C	2NT	3.00	4.50	6.00	14.50	2248		
80	Hoàng Thái	Trà	12/05/92	66394	C	2NT	4.75	3.25	5.50	14.50	2261		
81	Lê Thị Tiểu	Ni	06/02/94	69335	C	2NT	4.50	3.75	5.00	14.50	2589		
82	Trần Hữu	Nhẫn	08/02/91	66881	C	2NT	4.50	4.00	5.00	14.50	2845		
83	Trần Xuân	Giang	10/10/94	65876	C	1	4.00	3.75	5.25	14.50	2990		
84	Nguyễn Minh	Nhã	06/10/94	2049	C	1	4.00	4.50	4.25	14.50	3308		
85	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/12/93	3698	C	1	3.25	4.00	5.75	14.50	8170		
86	Đinh Thị Thảo	Nhi	20/06/94	69067	C	2NT	3.75	4.50	5.25	14.50	8510		
87	Nguyễn Thanh	Ngà	10/09/94	66343	C	1 06	2.00	4.50	5.50	14.50	8663		

(DHS.D140205) - Ngành: Giáo dục chính trị **Chỉ tiêu: 46**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
88	Trần Thị	Tuất	27/04/94	69347	C	1 06	3.25	3.25	5.50	14.50	8866		
89	Nguyễn Thị Thu	Trang	20/06/93	66094	C	2NT	3.25	4.75	5.50	14.50	8879		
90	Trần Thị	Hương	06/06/92	70184	C	2	5.25	3.75	4.75	14.50	9055		
91	Võ Huỳnh Thùy	Dương	22/07/94	67091	C	1	5.50	3.25	4.25	14.50	9208		
92	Nguyễn Thị	Trang	12/09/93	66056	C	2NT	4.75	4.00	4.50	14.50	9759		
93	Trịnh Thị	Thương	25/03/93	9866	C	1	4.75	2.50	5.75	14.50	9891		
94	Nguyễn Thị	Hiền	12/01/93	69241	C	2NT	5.50	2.25	5.75	14.50	9968		

(DHS.D140208) - Ngành: Giáo dục quốc phòng - An ninh **Chỉ tiêu: 51**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trương Thế	Tài	06/09/93	10774	C	1 06	5.00	4.00	6.25	18.00	3054		
2	Nguyễn Thị	Huyền	06/02/93	4899	C	2	6.75	3.00	7.00	17.50	8474		
3	Nguyễn Thị	Hạnh	15/12/94	68506	C	2NT	4.50	4.50	6.50	16.50	3039		
4	Cao Văn	Khánh	02/11/94	66568	C	1	3.00	4.75	6.75	16.00	1133		
5	Trần Thị	Vân	22/08/94	68687	C	1	5.50	3.75	5.25	16.00	1266		
6	Trương Thị Thanh	Ngân	16/08/94	506	C	2NT	6.50	4.75	3.50	16.00	1772		
7	Đỗ Văn	Hưng	08/09/94	10992	C	2NT 06	5.00	3.75	5.25	16.00	2091		
8	Trần Thị	Vân	28/10/93	68655	C	1	3.75	4.25	6.25	16.00	2469		
9	Nguyễn Thị	Hường	13/03/93	70227	C	1	4.00	3.50	6.25	15.50	191		
10	Hồ Thị Thanh	Tâm	24/04/93	69782	C	2	7.50	2.00	5.50	15.50	217		
11	Đinh Như	Tam	20/03/94	66621	C	1	1.75	5.75	6.25	15.50	835		
12	Lê Chí	Hữu	10/07/92	67478	C	2NT	3.50	5.25	5.50	15.50	1077		
13	Trương Thị Thư	Xinh	02/10/94	69705	C	2NT	5.00	4.00	5.25	15.50	1966		
14	Lê Thanh	Hoàng	10/02/94	857	C	2NT	6.50	2.00	5.75	15.50	2094		
15	Phan Thị Thanh	Phú	24/03/94	70030	C	2NT	5.25	4.25	4.75	15.50	2153		

(DHS.D140208) - Ngành: Giáo dục quốc phòng - An ninh

Chỉ tiêu: 51

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
16	Nguyễn Thị Minh	Hữu	07/11/93	67861	C	2NT	4.50	4.00	6.00	15.50	2753		
17	Trần Khánh	Nguyên	04/02/93	8647	C	1	4.00	5.25	4.75	15.50	9632		
18	Đặng Văn	Cường	13/06/94	69086	C	1	3.50	6.00	4.25	15.50	9730		
19	Mai Thị	Bình	22/09/94	66974	C	1	5.00	3.00	5.75	15.50	9860		
20	Trần Thanh	Vũ	15/12/93	67388	C	2NT	4.00	3.75	6.25	15.00	187		
21	Lê Thị ý	Nhi	17/09/94	68583	C	2NT	3.50	4.50	6.00	15.00	8131		
22	Nguyễn Trọng	ánh	15/04/93	371	C	1	5.50	3.00	5.00	15.00	9156		
23	Nguyễn	Đấu	06/02/93	66713	C	2NT	3.50	3.25	6.50	14.50	1188		
24	Phan Thị	Hồng	25/05/94	69055	C	1	4.00	4.25	4.50	14.50	1669		
25	Phan Thị	Dung	28/08/94	67242	C	1	5.50	3.50	4.00	14.50	3205		
26	Nguyễn Minh	Nhã	06/10/94	2049	C	1	4.00	4.50	4.25	14.50	3309		
27	Nguyễn Hữu	Mạnh	04/10/93	1600	C	1	3.25	5.00	4.75	14.50	8191		
28	Nguyễn Thanh	Ngà	10/09/94	66343	C	1 06	2.00	4.50	5.50	14.50	9173		

(DHS.D140210) - Ngành: SP Tin học

Chỉ tiêu: 73

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Hồ Văn Quốc	Huy	01/11/94	27130	A	2NT	5.50	6.00	7.25	20.00	3067		
2	Võ Quang	Thắng	01/09/94	1547	A	2	7.00	6.25	6.25	20.00	9344		
3	Nguyễn	Mỹ	14/04/94	27137	A	1	7.00	5.50	5.25	19.50	2918		
4	Ngô Thị Quỳnh	Hương	17/04/93	1699	A	2	6.00	5.75	5.50	18.00	3350		
5	Lê Băng	Tâm	27/02/94	23160	A	2NT	6.00	5.50	5.50	18.00	9397		
6	Nguyễn Thanh	Hoài	12/05/93	23349	A	2	6.50	5.75	4.50	17.50	514		
7	Nguyễn Thị	Huyền	28/04/94	934	A	2NT	6.00	4.75	5.75	17.50	3168		
8	Lê Thị Thanh	Tuyền	08/09/94	23585	A	2NT	4.75	5.00	6.25	17.00	405		
9	Hoàng Phước	Châu	25/06/94	23132	A	2	5.50	4.50	6.25	17.00	811		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
10	Phạm Thị	Liên	08/05/94	23105	A	1	4.25	5.75	5.50	17.00	1507		
11	Thân Trọng	Quỳnh	08/07/94	23157	A	2	5.00	5.00	6.25	17.00	2061		
12	Từ Thị Thu	Huyền	20/05/94	23392	A	2NT	7.00	3.75	5.00	17.00	2403		
13	Huỳnh Thị	Hồng	14/09/94	23266	A	2	7.00	5.00	4.50	17.00	2712		
14	Trần Thị Phương	Dung	05/07/94	9700	A	1	4.25	4.75	6.50	17.00	9500		
15	Nguyễn Ngọc	Sơn	07/06/94	61727	A	1 04	4.25	3.75	5.50	17.00	9722		
16	Hồ Thị Trang	Thanh	01/11/93	26978	A	2	6.00	4.75	5.25	16.50	775		
17	Đinh Thị Phương	Thảo	07/01/94	23572	A	2NT	5.00	3.75	6.50	16.50	1225		
18	Hồ Thị	Ty	30/03/94	48961	A	2NT	3.50	5.50	6.25	16.50	1949		
19	Hồ Thị Thuý	Nhi	10/04/94	23525	A	2NT	4.75	3.00	7.50	16.50	3057		
20	Nguyễn Thị Song	Hương	11/08/94	42973	A	2	6.50	4.50	4.75	16.50	8738		
21	Phan Văn	Thảo	25/03/94	15701	A	1	3.75	5.50	5.00	16.00	294		
22	Đường Thị Ngọc	Trâm	10/02/94	16923	A	2	5.50	4.50	5.50	16.00	543		
23	Võ Thị Hoàng	Yến	16/04/94	23294	A	1	5.00	4.25	5.25	16.00	1302		
24	Trần Thị Ngọc	Phước	06/11/94	23241	A	2NT	3.50	5.00	6.50	16.00	1510		
25	Lê Mạnh	Dũng	09/08/94	380	A	2	6.75	4.50	4.25	16.00	3156		
26	Nguyễn Văn	Tân	14/02/94	21936	A	1	3.50	3.25	7.50	16.00	3399		
27	Nguyễn Thị Quỳnh	Sương	15/09/94	22089	A	2	4.50	3.75	7.25	16.00	9171		
28	Nguyễn Thị Kim	Phụng	24/10/94	29589	A1	2	7.75	3.75	4.00	16.00	281		
29	Lê Thị	Thúy	03/04/93	23453	A	2NT	4.75	5.00	4.50	15.50	24		
30	Lê Huỳnh Phương	Thảo	20/04/93	21826	A	2	5.50	5.75	3.50	15.50	124		
31	Lê Đình	Hiếu	07/07/94	21955	A	2	5.75	5.50	3.75	15.50	392		
32	Nguyễn Thị Bảo	Ân	01/04/94	16426	A	2	4.75	6.00	4.00	15.50	631		
33	Tôn Thất Minh	Nhật	11/02/94	20538	A	2	6.25	3.50	5.25	15.50	633		
34	Nguyễn Trọng	Tín	12/05/94	26344	A	2	5.50	4.00	5.50	15.50	692		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
35	Dương Thị Diệu	Hiền	03/11/94	23554	A	2NT	5.75	4.00	4.75	15.50	1182		
36	Nguyễn Thị Phương	Lan	28/09/94	15809	A	2	3.75	5.25	5.75	15.50	1520		
37	Phan Thị Ngọc	Hà	09/03/94	16597	A	1	4.50	3.50	5.75	15.50	1791		
38	Nguyễn Trà	My	17/07/94	23108	A	2	6.00	3.00	6.00	15.50	1968		
39	Phạm Thị Thu	Hà	26/10/93	23262	A	1	4.00	4.25	5.50	15.50	2050		
40	Nguyễn Văn	Phong	22/01/93	21130	A	2	5.00	4.75	5.25	15.50	2106		
41	Nguyễn Thị Hồng	Phi	05/09/93	15612	A	1	5.75	4.25	4.00	15.50	2275		
42	Lương Quang	Phanh	25/03/94	23113	A	2NT	4.50	3.50	6.50	15.50	2594		
43	Nguyễn Thanh	Quang	07/11/94	1787	A	2NT	5.25	4.75	4.50	15.50	2798		
44	Nguyễn Phương	Dung	19/11/94	21913	A	2NT	6.00	3.50	4.75	15.50	3046		
45	Quách Thị Mỹ	Linh	09/02/94	17962	A	2NT	4.50	5.50	4.25	15.50	8487		
46	Nguyễn Thị Thuỳ	Nhi	30/06/94	15591	A	2NT	5.00	5.00	4.25	15.50	8628		
47	Trương Thị Ngọc	Lài	08/04/94	17514	A	1	5.25	3.75	5.00	15.50	9548		
48	Phan Thị Trà	My	26/03/93	21586	A	2NT	5.50	5.50	3.25	15.50	9737		
49	Pơ Loong	Niêu	05/01/93	21895	A	1 01	4.75	3.50	3.75	15.50	13053		
50	Võ Văn	Phúc	06/09/92	22046	A	2NT	3.25	4.00	6.75	15.00	6		
51	Lê Thị Huyền	Trâm	15/11/94	23539	A	2	4.50	4.50	5.50	15.00	251		
52	Lê Thị	Nga	17/09/94	21964	A	2	6.25	4.50	3.50	15.00	510		
53	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/03/94	24493	A	2NT	4.25	5.50	4.00	15.00	723		
54	Lê Văn	Vãng	05/03/94	28778	A	2NT	4.00	5.50	4.50	15.00	893		
55	Bùi Nguyễn Uyên	Minh	27/01/94	21775	A	2	5.25	4.50	4.50	15.00	1041		
56	Lê Hữu	Tài	25/07/94	23509	A	2	5.75	4.50	4.00	15.00	1147		
57	Hoàng Văn	Trọng	18/03/90	48593	A	2NT	4.75	5.00	4.00	15.00	1165		
58	Hoàng Thị Mỹ	Huyền	20/07/94	14113	A	1	3.75	5.75	4.00	15.00	1283		
59	Hoàng Anh	Chi	26/01/94	21761	A	2	4.50	4.50	5.25	15.00	1647		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
60	Ngô Quý	Ngừng	29/06/94	20226	A	1	4.00	4.75	4.50	15.00	2460		
61	Khương Văn	Trung	16/05/94	48619	A	2NT	4.00	5.25	4.50	15.00	2632		
62	Trần Văn	Cói	11/10/93	224	A	1	4.00	4.50	4.75	15.00	2668		
63	Đào Thị Mỹ	Ngọc	21/02/94	19983	A	2NT	4.75	4.75	4.25	15.00	2771		
64	Hoàng Nam	Sơn	28/07/94	23197	A	1	3.25	5.25	5.00	15.00	2783		
65	Trần Thị	Thảo	13/04/94	15912	A	2NT	4.75	4.00	5.25	15.00	2866		
66	Trần Thị	Uyên	15/08/94	62527	A	2NT	4.75	5.50	3.50	15.00	2907		
67	Mai Văn	Đức	06/07/94	13404	A	1	4.50	4.75	4.00	15.00	3109		
68	Trương	Nhân	01/02/94	20354	A	2NT	6.00	4.25	3.50	15.00	3247		
69	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	03/08/94	23344	A	2	4.50	4.50	5.50	15.00	3253		
70	Trần Văn	Long	12/02/94	14384	A	2	4.50	5.00	4.75	15.00	3288		
71	Nguyễn Thị	Yến	10/08/94	15918	A	1	4.25	4.50	4.75	15.00	3306		
72	Nguyễn Anh	Tuấn	05/11/94	27874	A	1	5.00	4.25	4.00	15.00	8675		
73	Nguyễn Viết	Tùng	20/06/94	28500	A	2	5.00	4.25	5.25	15.00	9287		
74	Nguyễn Thị Huyền	Mi	30/03/94	5575	A	2NT	5.75	3.50	4.75	15.00	9342		
75	Đặng Thị Ngọc	Linh	28/08/93	60993	A	2NT	4.50	6.00	3.50	15.00	9608		
76	Lê Thị Thủy	Tiên	30/11/94	29612	A1	2	6.25	3.50	4.50	15.00	145		
77	Nguyễn Diệu	Hương	26/02/94	16899	A	2NT	3.50	6.00	3.75	14.50	159		
78	Nguyễn Ngọc Trang	Uyên	24/07/94	28764	A	2	5.75	4.00	4.25	14.50	577		
79	Phan Văn	Tuấn	25/02/93	28044	A	2NT	4.25	4.50	4.50	14.50	856		
80	Lê Đình Quý	Thuấn	29/03/93	10581	A	2	5.50	5.50	2.75	14.50	1268		
81	Võ Văn	Hiên	22/03/94	22110	A	2NT	5.00	4.50	3.75	14.50	1345		
82	Nguyễn Văn	Chuyên	27/08/94	22106	A	1	4.25	4.00	4.50	14.50	1438		
83	Đặng Thị	Hạnh	10/06/94	16556	A	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	1917		
84	Đoàn Chiến	Thắng	23/11/94	24858	A	2	6.00	4.25	3.75	14.50	2069		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
85	Lê Văn	Khanh	18/08/86	21619	A	1	5.25	4.00	3.50	14.50	2092		
86	Lê Thị Lệ	Thuỷ	29/04/94	25762	A	2NT	4.25	3.50	5.50	14.50	2651		
87	Hoàng Đức Quang	Trung	29/03/94	2423	A	1	4.50	4.00	4.50	14.50	2697		
88	Trần Thị Kiều	Loan	02/05/94	21622	A	2NT	5.50	4.00	4.00	14.50	2889		
89	Lê Văn	Toãn	23/10/94	26717	A	1 06	2.25	4.00	5.50	14.50	3359		
90	Lê Thị	Trinh	10/08/94	22220	A	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	8743		
91	Võ Thị	Oanh	10/08/94	20874	A	1	4.50	3.50	4.75	14.50	8778		
92	Trần Quốc	Việt	20/02/94	29028	A	2	3.75	6.00	4.25	14.50	9033		
93	Lâm Ngọc	Diệp	23/08/94	40785	A	1	3.75	3.50	5.50	14.50	9246		
94	Lê Thị	Trang	11/01/94	26809	A	2	4.75	4.75	4.50	14.50	9593		
95	Nguyễn Thị	Tâm	17/06/93	21788	A	2	5.25	4.00	4.25	14.00	4		
96	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	10/10/93	62337	A	2NT	4.75	4.75	3.50	14.00	155		
97	Nguyễn Thị Hồng	Trang	28/08/93	16546	A	1	3.25	5.25	4.00	14.00	452		
98	Lê Nhật	Hoàng	10/07/94	22032	A	1	4.50	3.50	4.25	14.00	562		
99	Nguyễn Thị Quý	Trâm	02/12/94	23457	A	2	5.25	3.75	4.50	14.00	565		
100	Trần Thị Như	Ngọc	01/02/94	14462	A	2NT	4.00	3.75	5.25	14.00	594		
101	Võ Thị	Thảo	26/01/94	24504	A	2NT	3.25	4.75	5.00	14.00	716		
102	Đỗ Thành Cao	Thái	01/04/94	24082	A	2	3.00	4.75	5.75	14.00	720		
103	Lê Văn	Thạnh	16/05/93	14658	A	2NT	4.50	4.50	4.00	14.00	993		
104	Lê Thị	Liên	18/03/94	23476	A	2NT	3.25	4.50	5.00	14.00	1122		
105	Nguyễn Thị Hà	Thanh	21/03/94	14656	A	2	2.75	5.00	5.75	14.00	1170		
106	Phạm Thị	Huyền	24/02/94	14454	A	2NT	3.50	3.75	5.50	14.00	1526		
107	Phạm Ngọc	Thịnh	02/12/94	25272	A	2	4.75	4.25	4.25	14.00	1701		
108	Lê Thị	Thảo	16/04/94	21863	A	2NT	5.00	3.50	4.50	14.00	1938		
109	Hoàng Thị Ngọc	Hà	10/01/94	13448	A	2NT	4.50	3.75	4.50	14.00	1948		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
110	Ngô Thị Thanh	Tuyền	08/05/94	48850	A	1	3.00	4.50	4.75	14.00	2203		
111	Trần Đình	Vĩnh	09/07/94	14556	A	2NT	3.75	4.25	4.75	14.00	2369		
112	Lê Bá	Quý	10/11/94	16744	A	1	4.25	3.50	4.50	14.00	2510		
113	Lê Thị Mỹ	Huyền	06/09/93	16519	A	1	3.75	5.00	3.75	14.00	2555		
114	Nguyễn Viết Thành	Công	28/11/94	15211	A	1	4.00	4.25	4.00	14.00	2581		
115	Trần Nử Nhật	Hiên	13/04/94	16725	A	2NT	4.00	4.50	4.50	14.00	2973		
116	Nguyễn Văn	Hảo	12/04/94	14168	A	2NT	4.00	4.50	4.50	14.00	8284		
117	Lê Quốc	Thành	23/12/94	920	A	1	2.75	5.25	4.50	14.00	8394		
118	Nguyễn Văn	Hảo	12/04/94	14168	A	2NT	4.00	4.50	4.50	14.00	8469		
119	Lương Thị	Duyên	27/04/94	60290	A	2NT	6.00	3.50	3.50	14.00	8470		
120	Nguyễn Quốc	Khánh	02/09/94	16998	A	2NT	3.75	4.50	4.50	14.00	8748		
121	Văn Thị	Loan	20/06/94	10723	A	2NT	4.25	5.00	3.75	14.00	8997		
122	Lê Mạnh	Hùng	04/09/94	16320	A	2	2.00	4.50	7.00	14.00	9407		
123	Nguyễn Văn	Huy	04/03/93	26507	A	1	3.25	4.50	4.75	14.00	9459		
124	Trương Văn	Quy	10/01/93	1818	A	2NT 06	4.00	4.50	3.50	14.00	9485		
125	Nguyễn Hà	Nam	02/04/93	26209	A	2NT	5.25	3.00	4.50	14.00	9498		
126	Lâm Thị	Hiền	24/09/94	60593	A	2NT	5.25	3.50	4.00	14.00	9658		
127	Trần Thị Thu	Trà	25/12/94	52705	A1	2	5.25	2.50	5.75	14.00	1278		
128	Hoàng Xuân	Sơn	24/08/90	29561	A1	2NT	5.00	4.25	3.75	14.00	9435		
129	Lê Quang	Thạnh	10/06/90	24637	A	1	3.50	4.50	4.00	13.50	18		
130	Mai Thị Minh	Huyền	30/08/94	14265	A	2	4.50	3.50	4.75	13.50	80		
131	Nguyễn Thị Kim	Tịnh	20/02/93	23072	A	1	4.00	4.50	3.25	13.50	91		
132	Nguyễn Lê Trí	Cường	12/01/94	15336	A	2	3.25	4.00	5.50	13.50	117		
133	Hoàng Minh	Tú	12/09/94	10817	A	2NT	2.50	4.25	5.50	13.50	170		
134	Trần Minh	Lâm	23/10/94	23312	A	2	4.50	3.50	5.00	13.50	207		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
135	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/01/93	21700	A	2NT	5.00	3.75	3.75	13.50	551		
136	Lê Viết	Cầu	08/09/94	22412	A	2NT	5.00	3.50	3.75	13.50	778		
137	Nguyễn Thị Thu	Thảo	21/04/94	46937	A	1	2.75	4.50	4.75	13.50	794		
138	Hoàng Thị	Thảo	13/12/94	23161	A	2NT	4.00	3.50	5.00	13.50	1026		
139	Nguyễn Công	Kỳ	06/08/93	14419	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	1071		
140	Nguyễn Hoài	Bảo	15/05/94	10718	A	2NT	2.50	4.75	5.25	13.50	1162		
141	Đinh Thị Thùy	Trang	10/06/94	23456	A	1	3.00	4.25	4.75	13.50	1211		
142	Đào Thị	Loan	20/06/93	21660	A	1	4.00	4.50	3.50	13.50	1313		
143	Trần Thị Thái	Bình	30/10/94	15965	A	1	3.50	4.50	4.00	13.50	1331		
144	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	21/08/94	22443	A	1	4.75	3.50	3.50	13.50	1369		
145	Võ Văn Quốc	Anh	23/06/93	10374	A	2NT	3.50	4.75	4.00	13.50	1402		
146	Phan Quang	Vinh	10/12/94	22957	A	2	2.75	5.00	5.00	13.50	1439		
147	Hà Văn	Trọng	04/05/94	22953	A	2NT	3.50	4.00	4.75	13.50	1442		
148	Nguyễn Hữu	Linh	15/08/94	17977	A	2NT	3.00	3.50	6.00	13.50	1448		
149	Nguyễn Xuân	Thông	08/04/94	25478	A	1	4.75	3.50	3.75	13.50	1497		
150	Nguyễn Thị	Ân	10/11/94	16384	A	2NT	3.00	5.00	4.50	13.50	1506		
151	Trương Thị Thuỳ	Dương	25/04/93	21838	A	2NT	4.25	4.25	3.75	13.50	1543		
152	Ngô Thị Khánh	Ly	29/07/93	16946	A	2NT	2.75	4.75	5.00	13.50	1545		
153	Nguyễn Thị Hồng	Trang	11/06/91	21945	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	1573		
154	Nguyễn Ngọc	Nhân	26/02/92	20365	A	2NT	3.50	4.50	4.25	13.50	1871		
155	Trịnh Thị Như	ý	20/07/94	23420	A	2NT	3.25	3.75	5.25	13.50	1899		
156	Trần Thảo Uyên	Ly	13/11/94	3992	A	2	3.25	4.25	5.25	13.50	1908		
157	Phan Thanh	Lân	17/03/94	486	A	2	3.50	4.00	5.25	13.50	1957		
158	Huỳnh Vân Thế	Vũ	06/09/92	10754	A	2NT	5.25	4.50	2.75	13.50	1977		
159	Hồ Viết	Tích	18/02/94	22906	A	1	3.25	4.00	4.50	13.50	2001		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
160	Hà Huy	Hoàng	16/08/94	10057	A	2NT	4.00	3.75	4.50	13.50	2029		
161	Đặng Thị ái	Thanh	26/10/94	23022	A	2NT	5.25	3.75	3.25	13.50	2179		
162	Thái Lê Thanh	Thảo	25/09/93	10077	A	2NT	4.75	4.00	3.50	13.50	2183		
163	Nguyễn Trần	Bá	14/11/94	10617	A	2NT	4.00	4.25	4.00	13.50	2219		
164	Phạm Thị Quỳnh	Như	01/10/94	20760	A	1	3.50	4.00	4.50	13.50	2281		
165	Nguyễn Thị	Diệu	28/04/94	22640	A	2NT	5.25	3.75	3.25	13.50	2588		
166	Trần Thị	Lành	10/11/94	1974	A	2NT	3.75	4.50	4.25	13.50	2623		
167	Bạch Thị Kim	Anh	13/04/94	22485	A	1	4.25	3.25	4.50	13.50	2666		
168	Đỗ Thị	Ninh	05/08/94	22660	A	2NT	4.75	4.75	2.75	13.50	2765		
169	Trần Thị Đài	Trang	10/10/94	14403	A	2NT	4.50	3.50	4.50	13.50	2814		
170	Lê Minh	Bằng	20/06/94	10805	A	1	3.00	4.50	4.50	13.50	2831		
171	Lê Thị Ngọc	Minh	08/02/94	10106	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	2958		
172	Phan Thị Phương	Thảo	17/05/94	15660	A	1	3.00	4.50	4.25	13.50	3018		
173	Trần Văn	Bảo	14/10/94	132	A	1 01	2.00	4.50	3.25	13.50	3310		
174	Nguyễn Tất	Lập	18/12/94	22154	A	1	1.75	4.50	5.50	13.50	3315		
175	Châu Thị Kim	Thoa	11/05/93	23411	A	2	3.75	5.50	3.75	13.50	3355		
176	Mai Thị	Bình	22/09/94	60102	A	1	2.00	5.25	4.50	13.50	8093		
177	Hà Như	Luyện	28/08/92	23562	A	2NT	3.75	5.50	3.00	13.50	8581		
178	Đậu Nhật	Tuấn	04/07/94	48742	A	2	3.75	5.75	3.25	13.50	9790		
179	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	15/09/94	29731	A1	2	4.25	4.00	4.50	13.50	240		
180	Trần Thị Thùy	Trang	09/01/94	27855	A1	1	2.25	4.50	5.00	13.50	865		
181	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/08/94	29569	A1	2NT	3.25	4.50	4.50	13.50	2078		
182	Võ Minh	Đức	20/09/94	28699	A1	2	4.00	3.75	5.00	13.50	2173		
183	Võ Thị Như	Ngọc	08/04/94	29705	A1	2	4.50	2.75	5.50	13.50	2410		
184	Lê Bá Giáng	Tiên	04/04/94	21868	A	2	5.25	3.50	3.75	13.00	86		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
185	Hoàng Thị Diệu	Ny	15/08/93	22736	A	2NT	4.25	4.00	3.50	13.00	142		
186	Trương Thị Thùy	Nga	07/09/94	12606	A	2	3.50	4.50	4.50	13.00	183		
187	Nguyễn Thị	Hà	02/11/92	21690	A	2	4.00	4.50	4.00	13.00	195		
188	Hoàng Thị	Thông	12/10/94	22707	A	1	3.00	4.50	4.00	13.00	204		
189	Nguyễn Văn Tiến	Thuận	23/08/94	22902	A	2	5.25	3.50	3.75	13.00	282		
190	Lê Phước Thanh	Tín	01/01/94	12866	A	2	4.25	4.75	3.25	13.00	286		
191	Lê Ngô Đức	Hiếu	18/10/94	12635	A	2	4.75	4.00	3.75	13.00	378		
192	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	30/11/94	22528	A	2	4.75	3.00	4.50	13.00	445		
193	Phan ánh	Phúc	27/07/94	16032	A	2	4.75	3.00	4.75	13.00	496		
194	Hoàng Thị Ngọc	Vân	25/02/93	28797	A	2NT	3.25	5.25	3.50	13.00	708		
195	Nguyễn Ngọc	Tuấn	29/06/94	27987	A	2	3.50	4.75	4.00	13.00	899		
196	Hồ Thị Tuyết	Trinh	20/06/93	23033	A	2NT	5.75	3.75	2.50	13.00	921		
197	Hồ Hồng Bảo	Tiên	29/01/94	26029	A	2NT	3.75	3.50	4.75	13.00	1010		
198	Dương Thị	Hương	11/08/93	22724	A	2NT	4.50	3.50	4.00	13.00	1083		
199	Lê Thị Thanh	Nhàn	10/09/94	22893	A	2NT	2.75	5.00	4.00	13.00	1175		
200	Đặng Thị	Phú	20/02/94	23240	A	2	3.50	3.75	5.25	13.00	1221		
201	Nguyễn Thị Cát	Thảo	29/10/94	14771	A	2NT	3.00	4.50	4.50	13.00	1227		
202	Nguyễn Thị Vành	Khuyên	27/02/94	22497	A	1	2.50	4.25	4.50	13.00	1324		
203	Hồ Thị Thu	Bông	11/08/94	22752	A	1	3.00	3.75	4.50	13.00	1368		
204	Nguyễn Thị	Ngọc	05/02/94	22812	A	1	2.25	5.50	3.50	13.00	1375		
205	Lê Trọng	Nhân	08/01/94	23060	A	1	4.25	3.25	3.75	13.00	1424		
206	Hoàng Anh	Thi	05/08/94	22630	A	2NT	5.25	4.25	2.25	13.00	1603		
207	Hồ Đắc	Tư	26/10/93	28635	A	1	3.50	4.25	3.50	13.00	1606		
208	Bùi Lê Việt	Quốc	11/02/94	22341	A	1	3.00	3.50	4.75	13.00	1609		
209	Trần Văn	Quỳnh	20/07/94	14806	A	2NT	3.50	5.00	3.50	13.00	1633		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
210	Hoàng Thế	Phúc	01/03/94	21412	A	2	4.25	4.00	4.00	13.00	1738		
211	Nguyễn Hữu	Tuệ	16/02/94	14948	A	2	3.00	4.50	4.75	13.00	1761		
212	Nguyễn Thị Nhật	Linh	29/10/94	23477	A	2NT	3.25	3.50	5.25	13.00	1789		
213	Võ Thị	Hoa	12/01/93	22883	A	2NT	4.25	3.50	4.25	13.00	1835		
214	Trần Quốc	Huy	24/06/94	13912	A	2NT	4.00	3.50	4.50	13.00	1960		
215	Huỳnh Thị Trà	My	02/01/94	14610	A	2NT	4.00	4.00	3.75	13.00	1961		
216	Phan Thị Mỹ	Huyền	20/05/94	23309	A	2NT	3.00	4.50	4.50	13.00	1984		
217	Nguyễn Mạnh	Cường	13/03/94	11183	A	2	5.00	3.25	4.25	13.00	2039		
218	Trương Tấn	Sang	23/04/94	1835	A	2NT	2.50	4.00	5.25	13.00	2045		
219	Nguyễn Thành	Tâm	01/05/93	23719	A	2NT	5.00	4.50	2.50	13.00	2225		
220	Đỗ Thành	Ninh	04/12/94	20822	A	2NT	4.25	4.25	3.50	13.00	2244		
221	Lê Trọng	Hạnh	28/03/94	13407	A	2NT	1.75	4.50	5.75	13.00	2257		
222	Trần Văn	Tuất	01/07/94	22996	A	2	4.00	4.50	3.75	13.00	2304		
223	Trần Văn	Sáu	25/05/93	22916	A	1	2.75	4.00	4.50	13.00	2344		
224	Nguyễn Xuân Long	Khánh	21/11/94	22421	A	2	3.50	5.00	4.00	13.00	2487		
225	Nguyễn Thị	Trâm	20/07/94	23579	A	2NT	4.25	3.25	4.50	13.00	2599		
226	Hồ Đắc	Quang	12/08/94	21906	A	3	2.75	4.50	5.50	13.00	2723		
227	Bùi Thị	Thương	18/04/94	22054	A	2NT	4.00	4.00	3.75	13.00	2757		
228	Đặng Thị Khánh	Mỹ	05/03/93	13543	A	2	4.75	4.00	3.50	13.00	2904		
229	Lê Phú	Kỳ	22/01/94	22764	A	2NT	3.25	4.00	4.75	13.00	3088		
230	Lê Thị Hồng	Thê	15/08/93	12741	A	2NT	5.25	3.50	3.00	13.00	3131		
231	Đinh Nhật Hương	Giang	03/11/94	13699	A	2	4.25	4.25	3.75	13.00	3141		
232	Dương Thanh	Tùng	26/07/92	13326	A	2	6.00	4.50	1.75	13.00	3162		
233	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	29/11/94	17938	A	2	2.00	4.25	6.25	13.00	8011		
234	Nguyễn Thị Phương	Chi	17/01/94	16175	A	2NT	3.75	3.50	4.50	13.00	8344		

(DHS.D140210) - Ngành: SP Tin học

Chỉ tiêu: 73

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
235	Cao Thị Minh	Nguyệt	10/06/94	23318	A	2NT	5.50	3.50	2.75	13.00	8538		
236	Trần Thị ý	Như	21/07/94	22937	A	2	4.50	3.75	4.25	13.00	8916		
237	Lê Vũ Gia	Bảo	01/01/93	10654	A	3	4.00	4.25	4.50	13.00	9151		
238	Võ Thị Minh	Phương	15/06/93	28490	A1	2	4.75	3.50	4.00	13.00	21		
239	Lê Bình	Phương	27/09/94	28413	A1	2	3.00	3.25	6.00	13.00	67		
240	Nguyễn Văn	Đức	11/08/94	28093	A1	2	5.00	3.25	4.00	13.00	478		
241	Trần Vũ	Anh	10/09/94	29378	A1	2NT	4.00	3.75	4.00	13.00	943		
242	Trần Đức	Linh	23/06/94	50977	A1	2NT	1.75	5.00	5.25	13.00	1003		
243	Đoàn Quang Hoàng	Lân	30/04/94	27792	A1	2NT	3.50	3.50	5.00	13.00	1698		
244	Lê Thị	Lân	30/04/94	28213	A1	2NT	3.50	4.50	4.00	13.00	2180		
245	Hồ Thị Thảo	My	04/07/94	29319	A1	2	4.00	3.50	5.00	13.00	2819		
246	Đỗ Kiều	Duyên	18/08/94	50092	A1	2NT	2.75	4.75	4.25	13.00	8540		
247	Đặng Thị ánh	Loan	01/10/94	10090	A1	2	2.50	4.50	5.50	13.00	9135		

(DHS.D140214) - Ngành: SP Kỹ thuật công nghiệp

Chỉ tiêu: 48

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Huỳnh Thị	Hồng	14/09/94	23266	A	2	7.00	5.00	4.50	17.00	2255		
2	Lê Thị	Huyền	08/03/93	2068	A	2NT	6.25	5.00	4.75	17.00	9036		
3	Phan Văn	Thảo	25/03/94	15701	A	1	3.75	5.50	5.00	16.00	296		
4	Võ Thị Hoàng	Yến	16/04/94	23294	A	1	5.00	4.25	5.25	16.00	1303		
5	Võ Thị	Lợi	10/08/94	23478	A	2	5.00	3.00	6.75	15.50	432		
6	Phạm Ngọc	Nhân	16/04/94	23277	A	2NT	4.50	4.50	5.50	15.50	2211		
7	Mai Văn	Đức	06/07/94	13404	A	1	4.50	4.75	4.00	15.00	1660		
8	Phan	Thân	28/04/92	24677	A	1	3.50	4.75	5.25	15.00	2841		
9	Trần Thị	Thảo	13/04/94	15912	A	2NT	4.75	4.00	5.25	15.00	2865		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
10	Trương Thị	Hường	28/08/94	43087	A	1	3.25	4.75	5.50	15.00	8603		
11	Nguyễn Thị Thảo	My	06/11/94	11714	A	2NT	4.25	4.00	5.50	15.00	8780		
12	Đặng Khắc	Quân	20/05/91	22197	A	2NT 06	4.50	3.50	4.50	14.50	518		
13	Nguyễn Ngọc Trang	Uyên	24/07/94	28764	A	2	5.75	4.00	4.25	14.50	574		
14	Nguyễn Văn	Biểu	25/10/94	10825	A	2NT	3.75	4.75	5.00	14.50	1489		
15	Nguyễn Tân	Vũ	19/04/94	4061	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	1241		
16	Ngô Thị Thanh	Tuyền	08/05/94	48850	A	1	3.00	4.50	4.75	14.00	2204		
17	Lê Nhật	Hoàng	10/07/94	22032	A	1	4.50	3.50	4.25	14.00	2400		
18	Nguyễn Đức	Tân	03/10/93	23803	A	2NT	3.75	4.50	4.50	14.00	2552		
19	Đặng Hồng	Phúc	26/09/94	61494	A	3	4.75	3.50	5.75	14.00	13030		
20	Châu Thị Kim	Thoa	11/05/93	23411	A	2	3.75	5.50	3.75	13.50	55		
21	Nguyễn Thị Kim	Tịnh	20/02/93	23072	A	1	4.00	4.50	3.25	13.50	90		
22	Nguyễn Sanh	Mạnh	07/01/94	13753	A	2NT	3.50	3.75	5.25	13.50	1261		
23	Nguyễn Thị Hồng	Trang	11/06/91	21945	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	1575		
24	Nguyễn Trần	Bá	14/11/94	10617	A	2NT	4.00	4.25	4.00	13.50	2218		
25	Hoàng Thị	Thảo	13/12/94	23161	A	2NT	4.00	3.50	5.00	13.50	3145		
26	Dương Thanh	Tùng	16/06/94	28530	A	1	4.00	4.25	3.75	13.50	3173		
27	Nguyễn Công	Kỳ	06/08/93	14419	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	3342		
28	Lê Thị Ngọc	Minh	08/02/94	10106	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	8271		
29	Đậu Nhật	Tuấn	04/07/94	48742	A	2	3.75	5.75	3.25	13.50	9789		
30	Đặng Thị	Thuý	30/10/94	23027	A	2NT	3.00	3.50	5.25	13.00	929		
31	Lê Thị Mỹ	Hiếu	11/09/94	22570	A	1	3.25	4.50	3.50	13.00	1612		
32	Nguyễn Thị Diễm	My	23/10/94	23522	A	2NT	1.75	4.50	5.50	13.00	1617		
33	Trần Văn	Tuất	01/07/94	22996	A	2	4.00	4.50	3.75	13.00	2305		
34	Bùi Thị	Thương	18/04/94	22054	A	2NT	4.00	4.00	3.75	13.00	2756		

(DHS.D140214) - Ngành: SP Kỹ thuật công nghiệp **Chỉ tiêu: 48**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
35	Đặng Thị Khánh	Mỹ	05/03/93	13543	A	2	4.75	4.00	3.50	13.00	2905		
36	Lê Thị Hồng	Thê	15/08/93	12741	A	2NT	5.25	3.50	3.00	13.00	3127		
37	Dương Thanh	Tùng	26/07/92	13326	A	2	6.00	4.50	1.75	13.00	3164		
38	Lê Thị Thanh	Nhàn	10/09/94	22893	A	2NT	2.75	5.00	4.00	13.00	3360		

(DHS.D140215) - Ngành: SP Kỹ thuật nông nghiệp **Chỉ tiêu: 47**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Từ Thị Thu	Huyền	20/05/94	65458	B	2NT	6.50	7.25	6.00	21.00	2404		
2	Phan Thị Ngọc	Diễm	26/03/94	55694	B	2 06	6.50	5.50	5.75	19.50	8467		
3	Nguyễn Trọng	Tín	12/05/94	50070	B	2	5.25	5.50	7.25	18.50	676		
4	Phạm Nhật	Quang	16/06/94	55869	B	2	5.50	4.75	7.75	18.50	881		
5	Võ Thị	Lợi	10/08/94	59877	B	2	3.75	6.50	6.75	17.50	431		
6	Hoàng Thị Ngọc	Hà	10/01/94	60019	B	2NT	4.50	6.50	5.25	17.50	1945		
7	Trần Thị Kiều	Nhi	19/06/94	64628	B	2NT	5.75	6.25	4.50	17.50	2267		
8	Đào Thị	Loan	20/06/93	50279	B	1	4.50	6.50	4.25	17.00	3014		
9	Nguyễn Ngọc	Thắng	24/11/94	61004	B	1 01	4.00	4.50	4.25	16.50	2969		
10	Trần Thị Yến	Nhi	16/01/93	62775	B	2NT	5.25	6.50	3.50	16.50	3277		
11	Nguyễn Mỹ	Duyên	28/06/94	60604	B	2	5.00	6.00	5.00	16.50	3366		
12	Cao Thị Minh	Nguyệt	10/06/94	62401	B	2NT	5.25	4.75	5.50	16.50	8536		
13	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	03/09/94	49858	B	2NT	5.00	5.00	5.25	16.50	9273		
14	Nguyễn Ngọc	Thắng	24/11/94	61004	B	1 01	4.00	4.50	4.25	16.50	9571		
15	Huỳnh Quang Nhật	Sinh	10/11/94	51540	B	2	3.75	7.00	4.50	16.00	715		
16	Hoàng Thị Vân	Anh	16/10/94	49820	B	2NT	5.00	5.25	4.50	16.00	2118		
17	Nguyễn Trần	Bá	14/11/94	60015	B	2NT	4.00	6.25	4.50	16.00	2216		
18	Châu Thị Tường	Vy	29/06/93	56630	B	2	3.75	5.00	6.50	16.00	2928		

(DHS.D140215) - Ngành: SP Kỹ thuật nông nghiệp **Chỉ tiêu: 47**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
19	Phạm Thị	Thành	30/09/94	44881	B	2NT 06	4.00	5.75	4.25	16.00	8376		
20	Nguyễn Thị Trường	Vy	29/06/93	50136	B	1	2.50	5.00	6.50	15.50	214		
21	Trương Tấn	Sang	23/04/94	49873	B	2NT	5.50	2.50	6.50	15.50	2047		
22	Ngô Quý	Ngừng	29/06/94	62526	B	1	4.00	5.00	4.75	15.50	2458		
23	Phan Văn	Minh	30/05/94	51752	B	2	4.50	5.50	4.50	15.00	106		
24	Trần Đình	Mỹ	30/05/94	60965	B	2NT	4.25	4.00	5.50	15.00	833		
25	Dương Thị	Hương	11/08/93	52166	B	2NT	3.50	5.25	5.25	15.00	1082		
26	Nguyễn Xuân	Dũng	12/04/93	60860	B	2	6.00	5.00	3.25	15.00	1846		
27	Nguyễn Thị Qui	Phượng	26/12/93	60461	B	1	4.75	5.50	3.00	15.00	2056		
28	Hoàng Thiên	Việt	31/10/94	60631	B	2	4.00	4.75	5.75	15.00	2283		
29	Nguyễn Hải	Gia	17/09/94	52043	B	2NT	3.50	5.00	5.50	15.00	2710		
30	Nguyễn Đức	Hoàng	25/01/94	57826	B	2NT	4.75	5.00	4.25	15.00	9377		
31	Hoàng Thị Ngọc	Diễm	11/10/94	52064	B	2	5.00	5.00	3.75	14.50	302		
32	Nguyễn Tân	Vũ	19/04/94	39598	B	2	4.25	4.75	5.00	14.50	697		
33	Trần Thị	Hằng	25/07/94	50017	B	2NT	4.75	4.25	4.50	14.50	3012		
34	Võ Thị Hoài	Thanh	12/05/94	50444	B	1	3.75	4.50	4.50	14.50	3151		
35	Nguyễn Lê Hoàng	Phong	12/09/94	51536	B	2NT	3.25	5.50	4.50	14.50	9862		
36	Cao Thị	Mười	04/08/94	50375	B	1	5.75	3.00	3.50	14.00	903		
37	Trần Thị Ê	Ly	20/07/94	57833	B	2NT	5.50	4.50	3.00	14.00	3376		

(DHS.D140218) - Ngành: SP Lịch sử **Chỉ tiêu: 18**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phan Thị	Hậu	25/04/94	1683	C	2NT	5.50	7.00	7.25	21.00	9481		
2	Phan Thị	Vân	06/07/94	9827	C	1	7.00	5.75	6.00	20.50	9447		
3	Trần Kế	Tiếp	26/03/94	10085	C	2	5.50	6.00	8.00	20.00	2674		

(DHS.D140218) - Ngành: SP Lịch sử **Chỉ tiêu: 18**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
4	Nguyễn Tuấn	Anh	08/05/92	1611	C	2NT	5.00	6.00	7.25	19.50	2355		
5	Lê Thị	Thủy	28/01/94	5042	C	1	6.50	4.50	6.75	19.50	8073		
6	Nguyễn Thị	Ly	16/12/94	1415	C	1	5.75	5.25	7.00	19.50	9240		
7	Đỗ Xuân	Thụ	03/07/93	12071	C	2NT	6.50	5.00	6.75	19.50	9374		
8	Đỗ Kim	Anh	17/10/94	36	C	2	7.75	6.25	4.00	18.50	981		
9	Lê Thị	Tuyết	09/09/93	11315	C	1	6.00	5.00	5.75	18.50	8079		
10	Cao Thị	Trang	10/03/94	11274	C	2	6.50	5.25	6.00	18.50	8124		
11	Nguyễn Thị	Thu	01/07/94	9717	C	2NT	5.25	4.50	7.50	18.50	8136		
12	Trần Thị Hà	My	01/08/94	8436	C	2NT	6.00	5.50	6.00	18.50	8418		
13	Đậu Thị Như	Quỳnh	06/04/94	10080	C	2 06	6.50	5.50	4.75	18.50	8982		
14	Phan Thị Tường	Vy	29/03/94	10545	C	2NT	6.50	4.25	6.25	18.00	8432		
15	Bùi Thị	Lương	25/07/94	8290	C	2NT	5.00	4.75	7.00	18.00	8790		
16	Hoàng Thị Huyền	Giang	05/08/94	7252	C	2NT	5.50	5.50	6.00	18.00	9896		
17	Hoàng Thị Minh	Trầm	18/05/94	10112	C	1	4.25	5.75	5.75	17.50	949		
18	Giã Thị Khánh	Linh	26/07/94	8133	C	2	5.00	7.00	5.00	17.50	1812		
19	Hồ Thị	Thư	05/01/94	9846	C	1	4.50	6.50	4.75	17.50	2387		
20	Nguyễn Thị	Tâm	18/10/94	9306	C	2NT	6.00	4.75	5.50	17.50	8775		
21	Lương Thị	Yến	07/04/94	4666	C	1	6.50	2.50	7.00	17.50	8884		
22	Phạm Trần Thùy	An	20/09/94	11363	C	2	5.25	4.50	7.00	17.50	8925		
23	Nguyễn Thị	Hiền	17/04/94	7560	C	1	5.50	4.25	6.00	17.50	9181		
24	Đào Thị	Thiên	24/09/94	8028	C	2NT	5.50	4.50	6.25	17.50	9621		
25	Đào Thị	Cẩm	15/03/94	16345	C	2NT	6.50	2.50	7.25	17.50	9768		
26	Tống Thị	Huyên	23/04/94	9662	C	2NT	7.00	3.00	6.50	17.50	9824		
27	Phạm Thị	Huyền	11/07/92	69323	C	2NT	5.50	4.50	5.75	17.00	220		
28	Lê Thị	Giang	03/03/93	68472	C	2NT 06	5.00	4.00	6.00	17.00	671		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
29	Lê Văn	Giàu	10/10/93	68824	C	2	3.00	5.50	8.00	17.00	784		
30	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	28/04/94	69175	C	2NT	5.75	4.00	6.25	17.00	947		
31	Trần Thị	Loan	08/08/94	68704	C	1	4.50	5.00	6.00	17.00	2366		
32	Nguyễn Thị Tú	Quỳnh	02/09/94	10114	C	2NT	5.50	4.00	6.25	17.00	3061		
33	Phạm Thị Thiên	Thương	26/06/94	69076	C	2NT	5.25	3.25	7.25	17.00	3351		
34	Đinh Nam	Hiếu	03/10/92	819	C	2NT	6.00	5.00	5.00	17.00	8021		
35	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/06/94	11751	C	2NT	5.50	5.00	5.50	17.00	8145		
36	Nguyễn Thị Phương	Dung	06/09/94	10863	C	1	5.00	6.00	4.25	17.00	8167		
37	Đỗ Thị Kim	Liên	18/11/94	11033	C	1	3.75	5.75	6.00	17.00	8175		
38	Lê Thị Ngọc	Trang	25/12/94	19443	C	2NT	7.25	1.75	6.75	17.00	8283		
39	Trần Thị	Trang	28/06/94	69457	C	2NT	4.50	3.75	7.75	17.00	8455		
40	Phạm Mỹ	Lệ	18/09/93	69441	C	1	3.75	5.75	5.75	17.00	8565		
41	Phan Đình	Tài	18/07/91	7955	C	2NT	5.00	5.50	5.25	17.00	8638		
42	Đinh Thị	Dung	20/04/94	69200	C	1	4.00	4.00	7.25	17.00	8680		
43	Nguyễn Thị	Thức	29/07/94	69303	C	1	5.50	4.25	5.75	17.00	8712		
44	Trần Thị Thùy	Linh	17/07/94	17920	C	1	5.50	4.00	6.00	17.00	8929		
45	Bùi Thị	Luyến	20/01/94	8279	C	2	5.00	5.00	6.25	17.00	9054		
46	Trần Thị	Năm	25/03/94	18197	C	1	6.00	4.50	5.00	17.00	9113		
47	Trương Thị Kim	Chi	09/08/94	10831	C	2	5.50	5.00	6.00	17.00	9179		
48	Trần Thị Hồng	Nhản	26/03/94	68741	C	2NT 06	3.50	4.75	6.75	17.00	9237		
49	Hồ Sỹ Ru	Man	15/03/94	68770	C	1 01	4.25	6.00	3.25	17.00	9286		
50	Trần Thị	Duyên	03/03/94	16953	C	2NT 04	7.50	2.75	3.50	17.00	9448		
51	Tưởng Thị	Trang	02/08/93	69079	C	2NT	4.75	4.75	6.25	17.00	9501		
52	Nguyễn Thị Hà	Nhi	01/01/94	68615	C	2NT	4.75	4.75	6.50	17.00	9513		
53	Nguyễn Khánh	Ly	01/06/94	8315	C	1	5.00	3.75	6.50	17.00	9839		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
54	Nguyễn Thị Phương	Dung	06/09/94	10863	C	1	5.00	6.00	4.25	17.00	9892		
55	Hà Thị Kiều	My	10/10/93	69444	C	2	5.50	3.50	7.00	16.50	342		
56	Trần Thị Thanh	Nhàn	21/05/93	68709	C	2NT	5.00	5.25	5.25	16.50	1084		
57	Đặng Thị Thu	Thảo	31/01/94	69035	C	2NT	3.00	5.25	7.00	16.50	1337		
58	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/02/94	68899	C	1	3.50	5.00	6.50	16.50	1493		
59	Lê Thị Kim	Ngân	24/12/93	68804	C	2	5.25	4.50	6.25	16.50	1820		
60	Hoàng Thị Huyền	Trang	16/02/93	10065	C	1	4.25	6.00	4.75	16.50	1876		
61	Nguyễn Thị Hà	Quyên	13/01/94	68327	C	2NT	5.50	4.50	5.50	16.50	2120		
62	Trần Thị	Nga	22/06/94	68387	C	2NT	5.00	5.00	5.50	16.50	2125		
63	Đoàn Thị	Nhung	22/08/94	68879	C	2NT	4.00	6.00	5.50	16.50	2149		
64	Hồ Thị Mỹ	Loan	16/09/93	68576	C	2NT	4.00	4.00	7.25	16.50	2202		
65	Nguyễn Thị	Hạnh	15/12/94	68506	C	2NT	4.50	4.50	6.50	16.50	3038		
66	Trần Thị	Phương	15/03/93	69032	C	1 01	3.00	3.25	6.75	16.50	3097		
67	Hoàng Thị	Nhân	19/10/94	68990	C	2NT	3.75	4.00	7.75	16.50	8059		
68	Đào Thị Kiều	Linh	27/07/94	8182	C	2NT	4.75	3.25	7.50	16.50	8141		
69	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	10/12/94	11594	C	1	4.50	4.00	6.50	16.50	8245		
70	Trần Thị Minh	Thủy	11/10/93	11719	C	2	5.00	4.50	6.50	16.50	8296		
71	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	25/08/94	18241	C	1	5.50	3.25	6.00	16.50	8483		
72	Hồ Thị	Manh	13/12/94	68837	C	1 06	3.50	4.00	6.25	16.50	8552		
73	Vũ Thị	Xuân	16/06/91	8089	C	1	6.00	3.50	5.50	16.50	8999		
74	Cao Mỹ	Linh	09/03/94	17929	C	1	6.75	2.00	6.25	16.50	9132		
75	Đàm Xuân	Minh	28/08/92	8882	C	1	5.00	5.00	5.00	16.50	9517		
76	Võ Thị	Thắng	18/11/93	4522	C	2NT	6.00	3.00	6.50	16.50	9622		
77	Lê Thị Ngọc	Nhân	26/06/93	1323	C	2NT	4.75	4.25	6.25	16.50	9751		
78	Cao Thị	Thiết	27/01/94	9625	C	2NT	4.50	3.50	7.50	16.50	9756		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
79	Quang Thị Mỹ	Linh	10/09/94	8101	C	1 01	4.75	3.75	4.50	16.50	9899		
80	Nguyễn Thị Hải	Lý	04/01/94	436	C	2NT	6.00	4.75	4.50	16.50	13087		
81	Nguyễn Thị	Ngọt	04/06/93	68454	C	1	4.50	3.50	6.25	16.00	730		
82	Vương Ngọc	Thảo	09/06/94	68884	C	1	2.50	4.50	7.25	16.00	839		
83	Đoàn Thị Diệu	Hiền	20/11/93	68732	C	2NT	6.00	2.25	6.75	16.00	1036		
84	Cao Văn	Khánh	02/11/94	66568	C	1	3.00	4.75	6.75	16.00	1131		
85	Lê Thị Vân	Kiều	06/05/94	68477	C	2	4.50	5.50	5.50	16.00	1681		
86	Trương Thị Thanh	Ngân	16/08/94	506	C	2NT	6.50	4.75	3.50	16.00	1774		
87	Nguyễn Thị	Thương	01/01/94	68962	C	1	4.50	4.00	5.75	16.00	1786		
88	Hoàng Thị Thuỳ	Linh	28/10/94	67027	C	2NT	3.50	3.75	7.50	16.00	2326		
89	Trần Thị	Vân	28/10/93	68655	C	1	3.75	4.25	6.25	16.00	2470		
90	Phan Thị	Sen	20/09/93	68713	C	1	4.50	2.25	7.75	16.00	2967		
91	Trương Thiện	Sinh	12/01/93	66886	C	1	5.25	3.25	5.75	16.00	3001		
92	Hoàng Thị Thuỳ	Linh	28/10/94	67027	C	2NT	3.50	3.75	7.50	16.00	8084		
93	Nguyễn Thị Kim	Anh	01/04/93	68595	C	2	5.25	4.50	5.50	16.00	8104		
94	Nguyễn Thị	Lan	20/10/93	66950	C	2NT	4.50	3.50	7.00	16.00	8235		
95	Nguyễn Thị Tuyết	Liễu	15/05/93	66913	C	2NT	5.25	2.25	7.25	16.00	8364		
96	Lê Thị Thu	Thảo	12/09/94	8642	C	2	5.00	4.50	6.00	16.00	8399		
97	Nguyễn Thị	Lan	20/10/93	66950	C	2NT	4.50	3.50	7.00	16.00	8430		
98	Trần Thị Kim	Thái	17/09/93	69337	C	2NT	5.75	2.75	6.50	16.00	8515		
99	Hoàng Thị	Diễn	10/02/93	68470	C	1	4.25	5.25	5.00	16.00	8681		
100	Võ Thị	Phường	29/09/94	8554	C	2NT 06	4.00	4.00	6.00	16.00	8686		
101	Ngô Thị Thùy	Trinh	20/03/93	8834	C	2NT	6.00	3.25	5.75	16.00	8689		
102	Hồ Thị	Lương	05/08/94	8285	C	2	5.75	3.50	6.25	16.00	8701		
103	Lê Thị Thanh	Trang	25/03/94	11750	C	2 06	5.50	3.75	5.25	16.00	8724		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
104	Trần Thị Hà	Trang	20/11/94	1404	C	1	4.75	4.00	5.50	16.00	9015		
105	Trần Thị	Thương	27/05/93	69151	C	2NT	6.00	3.00	6.00	16.00	9046		
106	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	10/03/92	68400	C	2NT	6.75	2.00	6.00	16.00	9086		
107	Võ Thị Thu	Thảo	10/10/94	11196	C	2NT	3.50	6.00	5.25	16.00	9222		
108	Lê Thị Hồng	Sơn	11/05/94	9245	C	2NT	5.00	6.00	4.00	16.00	9251		
109	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	12/03/93	18123	C	1	5.50	3.00	6.00	16.00	9330		
110	Phan Thị	Hà	20/05/94	68936	C	1	3.00	6.25	5.00	16.00	9383		
111	Lưu Thị	Hoài	06/07/94	11478	C	2NT	4.00	5.50	5.25	16.00	9555		
112	Võ Thị Thu	Thảo	10/10/94	11196	C	2NT	3.50	6.00	5.25	16.00	9636		
113	Phạm Thị	Yến	21/02/94	10123	C	1	5.75	3.00	5.75	16.00	9673		
114	Nguyễn Thị	Nhân	23/12/93	69218	C	2NT	3.75	5.00	6.00	16.00	9739		
115	Đặng Thị Cẩm	Vân	02/07/94	68853	C	2NT	5.75	2.75	6.50	16.00	9754		
116	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	12/02/94	69403	C	1	4.25	3.75	6.50	16.00	9779		
117	Võ Quang	Anh	19/09/93	70213	C	2	4.25	5.50	5.25	15.50	10		
118	Thái Thị Quỳnh	Ngân	07/07/94	68914	C	2	5.25	3.75	6.00	15.50	14		
119	Đoàn Thị	Hồng	01/05/93	70098	C	1	3.00	4.75	6.00	15.50	27		
120	Phan Thị	Nhạn	06/10/93	68915	C	1	2.75	4.00	7.25	15.50	64		
121	Hồ Thị Ngọc	Thiện	04/04/94	70366	C	2NT	4.50	3.25	6.50	15.50	75		
122	Đỗ Thị Hồng	Việt	30/01/93	69081	C	2NT	5.00	3.50	6.00	15.50	94		
123	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	16/12/93	70318	C	1	5.00	4.25	4.50	15.50	114		
124	Nguyễn Thị	Hường	13/03/93	70227	C	1	4.00	3.50	6.25	15.50	192		
125	Nguyễn Thị Thục	Anh	07/04/93	70003	C	2	4.75	3.25	7.00	15.50	821		
126	Đinh Như	Tam	20/03/94	66621	C	1	1.75	5.75	6.25	15.50	836		
127	Lê Thị Bích	Thuỷ	13/04/94	69453	C	2	4.25	4.50	6.25	15.50	968		
128	Lê Chí	Hữu	10/07/92	67478	C	2NT	3.50	5.25	5.50	15.50	1076		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
129	Thân Thị Tuyết	Anh	10/09/94	70129	C	2	3.75	5.50	5.75	15.50	1098		
130	Bùi Trung Thanh	Hùng	11/02/94	69248	C	2NT	4.25	5.50	4.75	15.50	1153		
131	Phan Thị	Thuỷ	05/07/93	68717	C	2NT	3.75	2.75	7.75	15.50	1535		
132	Hồ Thị Ngọc	Thúy	18/10/93	70203	C	2NT	5.50	3.50	5.25	15.50	1599		
133	Nguyễn Thị	Trinh	06/03/94	69117	C	1	5.00	5.50	3.25	15.50	1695		
134	Trương Thị Thư	Xinh	02/10/94	69705	C	2NT	5.00	4.00	5.25	15.50	1839		
135	Lê Thị	Nhân	05/08/94	69104	C	2NT	5.50	4.75	4.25	15.50	1933		
136	Nguyễn Thị	Tuyết	16/05/94	70461	C	1	4.75	4.25	5.00	15.50	2089		
137	Dương Thị Diệu	Hoa	10/04/94	69721	C	2NT	5.50	4.50	4.50	15.50	2144		
138	Phan Thị Thanh	Phú	24/03/94	70030	C	2NT	5.25	4.25	4.75	15.50	2152		
139	Trương Thị	Mận	16/11/93	69101	C	1	6.00	4.00	3.75	15.50	2338		
140	Nguyễn Thị Việt	Trinh	27/07/94	67383	C	2NT	4.75	4.00	5.75	15.50	2428		
141	Ngô Quang	Dũng	15/10/94	66674	C	2NT	6.50	3.25	4.75	15.50	2577		
142	Nguyễn Thị	Nguyệt	12/01/93	70193	C	2NT	5.25	3.50	5.75	15.50	2604		
143	Trần Phúc	Ngọc	04/04/94	67832	C	2NT	3.25	4.25	6.75	15.50	2628		
144	Nguyễn Thị Minh	Hữu	07/11/93	67861	C	2NT	4.50	4.00	6.00	15.50	2752		
145	Phạm Thị	Nhung	20/04/94	66882	C	2	4.00	4.25	6.50	15.50	2830		
146	Nguyễn Thị Thế	Linh	20/09/94	70230	C	1	5.50	3.00	5.25	15.50	2909		
147	Mai Thị	Lành	16/01/94	67216	C	2NT	4.75	3.25	6.50	15.50	2980		
148	Lê Thị	Thủy	12/10/91	70327	C	1	3.50	4.00	6.50	15.50	3139		
149	Nguyễn Thị	Nhung	10/04/94	69818	C	1	3.25	5.25	5.25	15.50	8074		
150	Lương Khắc	Phi	05/05/94	66731	C	1	4.00	3.25	6.50	15.50	8182		
151	Lê Thị Kim	Cúc	12/06/93	68934	C	1	4.75	2.75	6.50	15.50	8183		
152	Phạm Văn	Diễn	08/08/91	94	C	2NT 06	4.50	4.25	4.75	15.50	8241		
153	Phan Thị	Tuyết	10/07/94	1170	C	2	5.00	4.00	5.75	15.50	8243		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng		Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
154	Đỗ Thị	Thảo	04/05/93	18990	C	2NT		5.00	3.75	5.75	15.50	8323		
155	Nguyễn Thị Thế	Linh	20/09/94	70230	C	1		5.50	3.00	5.25	15.50	8426		
156	Nguyễn Thị	Hà	02/01/94	68665	C	2NT		4.25	5.00	5.25	15.50	8511		
157	Hoàng Thị Tuyết	Linh	15/05/94	67065	C	1		4.50	4.50	5.00	15.50	8517		
158	Nguyễn Công	Hiệp	24/01/92	2712	C	1		4.25	4.25	5.50	15.50	8521		
159	Bùi Văn	Thọ	21/07/94	9684	C	1		5.50	2.75	5.75	15.50	8524		
160	Nguyễn Thị	Trang	04/07/94	69115	C	1		4.50	4.00	5.25	15.50	8711		
161	Nguyễn Thị	Thuyên	23/09/93	9742	C	2NT		4.25	3.50	6.75	15.50	8763		
162	Trương Thị	Yến	14/03/93	68720	C	1		3.50	4.50	5.75	15.50	8910		
163	Đỗ Thị Diễm	Bình	13/06/94	16673	C	1		5.00	4.00	4.75	15.50	9028		
164	Võ Thị	Nhi	02/02/94	18420	C	1		5.75	4.25	4.00	15.50	9088		
165	Lâm Văn	Danh	20/12/94	16811	C	1		4.25	3.50	6.00	15.50	9141		
166	Cao Thị	Huyền	06/10/94	68981	C	1		2.00	5.25	6.75	15.50	9477		
167	Phan Thị	Phượng	10/08/92	21505	C	1		4.25	3.25	6.25	15.50	9491		
168	Trần Khánh	Nguyên	04/02/93	8647	C	1		4.00	5.25	4.75	15.50	9639		
169	Hồ Thị Hiền	Ly	15/07/93	27625	C	1		6.00	2.50	5.25	15.50	9678		
170	Trần Văn	Hiếu	16/08/92	1517	C	1	03	4.75	2.25	5.00	15.50	9753		
171	Cơlâu Thị	Bích	14/04/93	67164	C	1	01	5.00	3.00	4.00	15.50	9850		
172	Mai Thị	Bình	22/09/94	66974	C	1		5.00	3.00	5.75	15.50	9859		
173	Nguyễn Xuân	Hào	10/10/94	17174	C	1		5.25	3.25	5.25	15.50	9888		
174	Nguyễn Thị Mộng	Điệp	04/05/94	69757	C	1		5.25	3.75	5.00	15.50	9901		
175	Nguyễn Thị	Đông	15/08/94	16318	C	1		7.00	3.00	3.75	15.50	9917		
176	Trương Thị	Dịu	31/07/93	68726	C	2NT		5.25	3.50	5.50	15.50	9933		
177	Nguyễn Chân	Lý	23/02/94	66953	C	2	06	5.50	3.50	5.00	15.50	13064		
178	Trần Thanh	Vũ	15/12/93	67388	C	2NT		4.00	3.75	6.25	15.00	188		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
179	Nguyễn Thị Như	Bình	27/10/93	69837	C	1	6.00	1.50	5.75	15.00	263		
180	Nguyễn Thị Thanh	Hiệp	10/07/94	69681	C	2NT	4.00	4.25	5.50	15.00	416		
181	Trần Thị Kim	Oanh	10/10/93	69904	C	1	5.75	2.75	5.00	15.00	560		
182	Nguyễn Thị	Ngọc	17/09/91	69858	C	1	3.50	4.00	5.75	15.00	599		
183	Trần Thị Hồng	Linh	10/02/94	70438	C	2NT	5.50	2.25	6.25	15.00	620		
184	Hồ Thị	Vy	20/02/94	69386	C	2	4.75	2.75	7.00	15.00	1023		
185	Phan Thị	Nhi	03/01/94	70111	C	2NT	5.50	2.50	5.75	15.00	1451		
186	Văn Thị	Hiền	08/05/94	70096	C	1	4.00	5.25	4.00	15.00	1470		
187	Phan Thị Trà	My	19/02/92	69771	C	1	3.50	4.75	5.00	15.00	1478		
188	Thân Thị Uyển	Nhi	16/01/94	70153	C	2	6.50	2.75	5.00	15.00	1492		
189	Lê Thị Mỹ	Thuận	22/08/92	70202	C	1	5.00	3.50	5.00	15.00	1732		
190	Dương Thị Diễm	Phúc	01/07/94	70114	C	2NT	5.75	3.25	4.75	15.00	1735		
191	Lê Công	Hiệp	30/12/94	66567	C	2NT	3.75	4.75	5.25	15.00	1778		
192	Nguyễn Thị	Mai	30/08/94	68416	C	1	5.00	2.00	6.50	15.00	1782		
193	Trần Thị Hoài	Như	08/04/94	69297	C	2NT	4.00	4.25	5.75	15.00	1905		
194	Lê Thị	Loan	26/07/94	68608	C	1	4.00	4.75	4.75	15.00	2018		
195	Lê Thị Thuỳ	Trang	04/03/94	68889	C	2NT	4.00	3.00	6.75	15.00	2081		
196	Trần Thị Tuyết	Nhung	03/10/94	68807	C	2NT	5.50	4.50	4.00	15.00	2127		
197	Nguyễn Thị	Phi	05/11/94	66807	C	1	4.50	3.50	5.25	15.00	2339		
198	Võ Thị	Vần	22/09/94	68929	C	1	4.75	2.25	6.25	15.00	2351		
199	Phạm Thị	Kim	01/04/94	68638	C	2NT	4.50	3.00	6.25	15.00	2739		
200	Trần Thị Thu	Trang	25/08/94	69003	C	1	3.00	3.50	6.75	15.00	2916		
201	Nguyễn Thị Hoài	Vy	26/09/94	69462	C	2NT	4.25	2.00	7.50	15.00	2925		
202	Đoàn Văn	Việt	05/07/93	2046	C	2NT	4.50	5.00	4.25	15.00	2996		
203	Phan Thị	Huệ	19/10/92	66758	C	2NT	4.50	3.00	6.25	15.00	3033		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
204	Mai Thị	Dâng	10/04/94	68272	C	2NT	5.25	5.00	3.75	15.00	3176		
205	Nguyễn Văn	Lực	04/07/94	2013	C	2NT	3.50	5.00	5.50	15.00	3331		
206	Lê Thị	Hồng	13/07/93	68830	C	2NT	4.50	3.50	6.00	15.00	3397		
207	Trần Thị Như	Hằng	02/02/94	68507	C	1	5.25	3.50	4.50	15.00	8089		
208	Đinh Thái	Quát	15/08/94	68294	C	1	3.25	6.00	4.00	15.00	8189		
209	Nguyễn Thị	Lài	25/04/94	67662	C	2NT	5.25	5.50	3.00	15.00	8361		
210	Đoàn Thị Kim	Thảo	10/08/94	69700	C	2	4.00	4.25	6.25	15.00	8463		
211	Dương Thị Thuý	Dưỡng	15/12/93	70342	C	2	4.50	5.50	4.25	15.00	8478		
212	Phan Thị Thiên	Hương	11/03/93	67575	C	1	4.75	2.00	6.50	15.00	8633		
213	Hoàng Thị	Năm	26/05/94	68771	C	2NT	5.00	2.50	6.50	15.00	8807		
214	Trần Minh	Tú	09/02/94	2277	C	2NT	4.50	2.50	6.75	15.00	9066		
215	Nguyễn Thị	Thúy	12/01/94	17677	C	2NT	4.00	3.75	6.00	15.00	9226		
216	Hồ Thị Thùy	Linh	20/10/92	11562	C	1	3.00	3.25	7.00	15.00	9282		
217	Đỗ Tiến	Giang	05/06/94	66941	C	1	3.25	4.25	6.00	15.00	9311		
218	Phan Thị	Lương	05/07/94	69214	C	2NT	4.50	4.50	4.75	15.00	9356		
219	Đoàn	Sáng	07/08/92	28131	C	2NT	6.00	3.00	4.75	15.00	9433		
220	Nguyễn Văn	Đồng	17/06/92	9049	C	1	2.50	4.75	6.00	15.00	9486		
221	Lê Thị	Vị	10/10/94	69036	C	1	6.00	3.25	4.25	15.00	9534		
222	Phạm Thị	Thúy	01/02/94	19230	C	1	4.50	4.25	4.75	15.00	9675		
223	Phạm Thị	Thảo	08/12/93	68499	C	2NT	5.50	2.25	6.00	15.00	9935		
224	Bùi Thị	Mừng	01/08/93	8394	C	2NT	5.00	1.75	7.00	15.00	13009		
225	Hồ Văn	Hoàng	08/09/93	65805	C	2	5.50	3.00	5.25	14.50	104		
226	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	11/04/93	68698	C	1	3.50	2.50	7.00	14.50	165		
227	Nguyễn Khoa Quỳnh	Anh	06/01/93	69835	C	1	5.50	1.75	5.50	14.50	236		
228	Trần Ninh	Thịnh	21/10/93	67416	C	2	3.75	4.00	6.00	14.50	384		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
229	Trần Thị Hồng	Tuyết	02/05/94	67515	C	2	4.50	3.00	6.50	14.50	591		
230	Nguyễn Thị	Hoà	04/01/94	68637	C	1	3.50	2.50	7.00	14.50	884		
231	Hồ Thị Quỳnh	Như	07/07/94	69068	C	2NT	4.00	4.25	5.00	14.50	917		
232	Trần Thị Kim	Thoa	12/11/94	66353	C	2	5.00	3.50	5.25	14.50	1017		
233	Hoàng Thị Thanh	Thanh	10/10/94	70199	C	2NT	4.00	2.75	6.75	14.50	1049		
234	Nguyễn Hoàng Phương	Trinh	26/06/94	70292	C	2	4.75	3.75	5.25	14.50	1156		
235	Nguyễn	Đấu	06/02/93	66713	C	2NT	3.50	3.25	6.50	14.50	1196		
236	Nguyễn Thị Bích	Uyên	31/08/93	69702	C	2NT	5.50	3.25	4.50	14.50	1203		
237	Tống Thị	Yến	15/08/94	69916	C	1	5.00	3.25	4.50	14.50	1311		
238	Trần Thị Yến	Nhi	01/02/94	68991	C	2NT	4.75	3.75	4.75	14.50	1370		
239	Trần Hữu	Nhanh	02/06/94	65589	C	2NT	3.50	3.50	6.25	14.50	1409		
240	Phan Thị	Hồng	25/05/94	69055	C	1	4.00	4.25	4.50	14.50	1671		
241	Trương Thị	Hằng	17/12/93	68443	C	1	3.25	4.50	5.00	14.50	1809		
242	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	08/08/94	70038	C	2NT	4.00	4.00	5.50	14.50	2103		
243	Lương Thị Diễm	Trinh	23/11/93	66471	C	2NT	5.00	2.25	6.00	14.50	2129		
244	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/06/94	66132	C	2	3.75	6.25	4.00	14.50	2147		
245	Hoàng Thái	Trà	12/05/92	66394	C	2NT	4.75	3.25	5.50	14.50	2260		
246	Ngô Thị	Ly	23/02/92	66763	C	2NT	4.00	3.50	5.75	14.50	2363		
247	Phùng Đức	Phương	16/07/94	65630	C	2NT	2.75	5.00	5.50	14.50	2431		
248	Huỳnh Thị	Trang	22/11/93	70206	C	2NT	5.50	5.00	2.75	14.50	2605		
249	Trần Hữu	Nhẫn	08/02/91	66881	C	2NT	4.50	4.00	5.00	14.50	2843		
250	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	13/04/94	17344	C	2NT	6.00	2.25	5.00	14.50	8000		
251	Lê Thị Tường	Vy	23/04/94	4960	C	2NT	4.50	5.25	3.75	14.50	8040		
252	Đặng Lê Công	Việt	21/05/93	1591	C	2	7.00	3.00	3.75	14.50	8044		
253	Bùi Thị	Tiêm	22/01/94	69341	C	2NT	4.00	3.75	5.50	14.50	8065		

(DHS.D140218) - Ngành: SP Lịch sử **Chỉ tiêu: 18**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
254	Nguyễn Hữu	Mạnh	04/10/93	1600	C	1	3.25	5.00	4.75	14.50	8190		
255	Trần Thị Ngọc	Hà	04/07/94	1230	C	2NT	5.00	2.50	5.75	14.50	8767		
256	Lê Thị Kiều	Loan	15/01/94	66952	C	2	5.75	3.50	4.50	14.50	8856		
257	Nguyễn Thị Thu	Oanh	04/07/94	68487	C	2NT	4.75	2.00	6.75	14.50	8914		
258	Hà Thị	Sáu	13/11/94	69781	C	2NT	5.75	4.00	3.50	14.50	8954		
259	Trần Vũ	Linh	12/06/94	9185	C	2NT	4.00	4.50	5.00	14.50	9192		
260	Đặng Thị Hồng	Nhạn	11/03/94	65931	C	1	4.50	4.75	3.75	14.50	9249		
261	Võ Thị	Liên	11/07/94	66838	C	1	5.00	2.75	5.00	14.50	9381		
262	Đoàn Thị	Hiền	10/10/94	68700	C	2NT	5.00	3.75	4.75	14.50	9556		
263	Trần Thị	Tuất	27/04/94	69347	C	1 06	3.25	3.25	5.50	14.50	9623		
264	Nguyễn Thị	Hiền	12/01/93	69241	C	2NT	5.50	2.25	5.75	14.50	9967		

(DHS.D310403) - Ngành: Tâm lý học giáo dục **Chỉ tiêu: 42**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Lê Bá	Doanh	14/03/94	4820	C	2NT 06	7.50	3.50	7.00	20.00	8782		
2	Trần Thị	Hiền	20/02/94	11467	C	2NT	5.50	3.75	7.75	18.00	8456		
3	Giã Thị Khánh	Linh	26/07/94	8133	C	2	5.00	7.00	5.00	17.50	1815		
4	Phan Thị	Hậu	05/06/94	11453	C	2NT 06	5.75	3.00	6.50	17.50	3066		
5	Nguyễn Đình	Khiêm	15/08/93	1378	C	1	5.00	4.25	6.75	17.50	9211		
6	Vũ Thị	Thủy	19/07/93	21782	C	1	4.00	3.75	8.00	17.50	9603		
7	Dương Thị	Mai	20/10/94	8348	C	2NT	5.25	5.50	5.00	17.00	8760		
8	Trần Thị Mỹ	Hạnh	04/09/93	27170	C	1	7.00	3.50	4.50	16.50	2920		
9	Lê Phương	Trinh	24/03/94	1165	C	1	4.25	4.75	5.75	16.50	8176		
10	Lê Thị Ngọc	Nhân	26/06/93	1323	C	2NT	4.75	4.25	6.25	16.50	9744		
11	Trần Cao	Linh	13/10/91	66762	C	1	3.50	5.00	5.75	16.00	2559		

(DHS.D310403) - Ngành: Tâm lý học giáo dục **Chỉ tiêu: 42**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
12	Hồ Thị Hoài	Trâm	12/10/94	865	C	1	5.75	3.75	5.00	16.00	9329		
13	Nguyễn Thị Kim	Hiếu	28/05/94	68902	C	2	6.00	4.00	5.00	15.50	399		
14	Lê Thị	Nhân	05/08/94	69104	C	2NT	5.50	4.75	4.25	15.50	1931		
15	Nguyễn Thị Kim	Chi	02/02/94	68469	C	1	4.50	2.50	6.75	15.50	9625		
16	Mai Thị	Bình	22/09/94	66974	C	1	5.00	3.00	5.75	15.50	9861		
17	Nguyễn Chân	Lý	23/02/94	66953	C	2 06	5.50	3.50	5.00	15.50	13062		
18	Đặng Thị	Nở	08/03/93	356	C	1	5.50	3.00	4.75	15.00	1516		
19	Lê Công	Hiệp	30/12/94	66567	C	2NT	3.75	4.75	5.25	15.00	1779		
20	Nguyễn Thị	Phi	05/11/94	66807	C	1	4.50	3.50	5.25	15.00	2340		
21	Phạm Thị	Kim	01/04/94	68638	C	2NT	4.50	3.00	6.25	15.00	2737		
22	Hà Thị	Lễ	15/05/94	17840	C	1	5.00	3.00	5.50	15.00	2987		
23	Hồ Thị	Tâm	14/04/93	68330	C	1	6.00	3.00	4.25	15.00	8589		
24	Phạm Thị	Chung	10/02/94	67583	C	2NT	3.75	3.50	6.50	15.00	9938		
25	Trần Thị Khánh	Linh	29/10/94	66228	C	2NT	3.00	4.50	6.00	14.50	1486		
26	Nguyễn Thị	Hiểu	16/03/93	67473	C	1	3.00	3.75	6.25	14.50	1611		
27	Trần Hữu	Nhẫn	08/02/91	66881	C	2NT	4.50	4.00	5.00	14.50	2842		
28	Nguyễn Thị	Khoa	24/08/94	49565	C	2NT	5.25	1.75	6.50	14.50	8204		
29	Trần Thị	Hà	20/01/94	69088	C	1	3.75	4.50	4.50	14.50	8572		
30	Nguyễn Thị	Nguyệt	02/02/94	3580	C	2NT	6.50	1.50	5.25	14.50	9255		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

(DHT.D220104) - Ngành: Hán - Nôm **Chỉ tiêu: 27**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phạm Thị	Tân	15/10/94	3433	C	1	6.75	3.00	5.75	17.00	9676		
2	Nguyễn Thị Thục	Anh	07/04/93	70003	C	2	4.75	3.25	7.00	15.50	2781		

(DHT.D220104) - Ngành: Hán - Nôm **Chỉ tiêu: 27**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
3	Nguyễn Thị Hải	Yến	05/10/94	66742	C	2NT	5.50	2.75	6.00	15.50	9467		
4	Hoàng Tuấn	Anh	09/09/93	66745	C	2 04	3.00	4.00	5.50	15.00	8931		
5	Hoàng Đức	Sơn	15/10/94	362	D1	2	5.00	7.00	1.75	14.50	682		
6	Nguyễn Thuỳ	Linh	15/07/94	2981	D1	2	7.00	3.00	4.00	14.50	8953		

(DHT.D220213) - Ngành: Đông phương học **Chỉ tiêu: 39**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Đinh Thị	Thương	20/04/94	3988	C	2NT	6.75	5.50	8.25	21.50	8391		
2	Phan Thị Uyên	Ly	24/03/94	5431	D1	1	7.25	4.50	7.75	21.00	9606		
3	Nguyễn Thị	Hằng	11/07/94	9713	C	2NT	8.00	4.75	6.75	20.50	9829		
4	Trần Thị	Huyền	26/06/94	1726	C	2NT	6.25	6.50	6.00	20.00	8641		
5	Lý Thị	Thơm	17/08/94	5420	C	2	7.50	3.25	8.00	19.50	8906		
6	Trịnh Thị	Xuân	20/11/94	3653	C	2NT	7.25	3.00	7.50	19.00	9825		
7	Nguyễn Hứa Quỳnh	Nga	01/02/94	5605	C	2 06	6.00	4.75	5.50	18.00	8327		
8	Phan Thị Tường	Vy	29/03/94	10545	C	2NT	6.50	4.25	6.25	18.00	8766		
9	Lê Thị	Quỳnh	19/10/94	2825	C	2NT	6.50	3.00	7.50	18.00	9826		
10	Đặng Mi	Mi	23/09/94	3868	C	2NT	5.25	5.00	6.75	18.00	13025		
11	Lê Thị Thuý	ái	14/05/94	15029	D1	1	5.50	6.50	3.75	17.50	9903		
12	Phạm Văn	Kiên	07/08/92	1959	C	2	5.00	6.25	5.00	17.00	9008		
13	Bùi Thị	Luyến	20/01/94	8279	C	2	5.00	5.00	6.25	17.00	9158		
14	Dương Thuỳ	Linh	27/12/94	5318	C	3	7.50	3.50	6.00	17.00	9714		
15	Trần Thị Thúy	Nga	16/05/94	5607	C	1	6.50	3.00	5.25	16.50	8177		
16	Hồ Thị	Lương	05/08/94	8285	C	2	5.75	3.50	6.25	16.00	8698		
17	Hoàng Văn	Hài	16/09/93	2516	C	2	4.00	6.25	5.00	16.00	8927		
18	Phạm Thị Huyền	Trang	01/01/94	67382	C	1	4.50	6.25	3.75	16.00	9717		

(DHT.D220213) - Ngành: Đông phương học

Chỉ tiêu: 39

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
19	Cao Thị Diệu	Hiền	02/11/94	67553	C	2	5.75	2.75	6.25	15.50	2902		
20	Nguyễn Thị Hải	Yến	05/10/94	66742	C	2NT	5.50	2.75	6.00	15.50	9468		
21	Lê Thị	Hiền	04/07/94	7561	C	2NT	4.50	2.75	7.00	15.50	9822		
22	Nguyễn Chân	Lý	23/02/94	66953	C	2 06	5.50	3.50	5.00	15.50	13059		
23	Nguyễn Thị	Trang	06/03/93	1406	C	2NT	4.50	2.75	6.50	15.00	8915		
24	Ngô Thị	Thanh	18/07/94	79454	D1	1	5.75	5.25	2.50	15.00	754		
25	Trần Thị Tuyết	Trinh	20/08/94	4887	D1	1	4.50	5.25	3.75	15.00	8985		
26	Nguyễn Hoàng	Yến	27/06/93	5533	D1	3	4.50	5.25	5.00	15.00	9143		
27	Nguyễn	Đấu	06/02/93	66713	C	2NT	3.50	3.25	6.50	14.50	1189		
28	Trần Hữu	Nhanh	02/06/94	65589	C	2NT	3.50	3.50	6.25	14.50	1407		
29	Lê Thị Diệu	My	17/01/94	67755	C	1	4.50	2.00	6.25	14.50	1423		
30	Trần Thị Thanh	Thương	08/02/93	70411	C	2	5.25	3.00	5.75	14.50	1538		
31	Trần Ninh	Thịnh	21/10/93	67416	C	2	3.75	4.00	6.00	14.50	1707		
32	Trần Thị Ngọc	Lan	18/11/94	10084	C	2	5.50	3.75	4.75	14.50	1849		
33	Lê Văn	Khương	26/10/93	12935	C	1	4.00	3.00	5.75	14.50	9133		
34	Võ Thị Mỹ	Linh	10/04/93	78762	D1	2NT	7.50	2.00	3.25	14.00	1181		
35	Lê Chí	Hiếu	18/02/93	77216	D1	2	5.50	4.25	3.50	14.00	1723		
36	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/94	72708	D1	2	6.00	4.00	3.00	13.50	345		
37	Lê Thị	Nhịn	02/01/94	74366	D1	1	4.00	3.50	4.50	13.50	1109		
38	Bùi Thị Lan	Anh	08/08/94	136	D1	2NT	6.25	2.50	3.50	13.50	2316		
39	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	09/02/94	75268	D1	2NT	5.00	2.25	5.00	13.50	3259		
40	Phạm Thị Mộng	Tiên	26/07/94	4452	D1	3	2.75	5.75	4.75	13.50	8312		

(DHT.D220301) - Ngành: Triết học

Chỉ tiêu: 28

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ

(DHT.D220301) - Ngành: Triết học — Chỉ tiêu: 28

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phạm Thị Thúy	Sương	05/04/94	4367	C	2	6.25	5.00	6.50	18.50	1382		
2	Huỳnh Thị	Nhã	09/02/94	11096	C	2NT	4.75	4.50	6.25	16.50	9175		
3	Trần Thị Viết	Tâm	03/06/87	26709	A	2NT	6.25	5.25	3.50	16.00	9497		
4	Cao Văn	Khánh	02/11/94	66568	C	1	3.00	4.75	6.75	16.00	1132		
5	Trương Thiện	Sinh	12/01/93	66886	C	1	5.25	3.25	5.75	16.00	3000		
6	Trần Thị Hà	Trang	25/05/94	11746	C	1	5.50	4.00	4.75	16.00	9391		
7	Đoàn Đình	Trường	09/03/93	70418	C	2NT	4.50	4.25	5.75	15.50	486		
8	Phạm Văn	Diễn	08/08/91	94	C	2NT 06	4.50	4.25	4.75	15.50	8400		
9	Mai Thị Hoài	Thu	26/08/94	67042	C	2NT	4.75	3.75	5.75	15.50	9536		
10	Phan Thị Khánh	Vy	05/12/94	5074	C	3	4.25	5.25	6.00	15.50	9772		
11	Nguyễn Chân	Lý	23/02/94	66953	C	2 06	5.50	3.50	5.00	15.50	13067		
12	Nguyễn Mậu	Tâm	12/10/93	66887	C	2NT	3.50	3.75	6.50	15.00	2911		
13	Phạm Thành	Nghĩa	01/09/93	8544	C	2NT 06	5.00	2.00	6.00	15.00	8379		
14	Dương Thị Thuý	Dưỡng	15/12/93	70342	C	2	4.50	5.50	4.25	15.00	8477		
15	Vũ Xuân	Trường	28/12/89	4318	C	2	5.00	4.00	5.25	15.00	13081		
16	Trần Ninh	Thịnh	21/10/93	67416	C	2	3.75	4.00	6.00	14.50	385		
17	Nguyễn Văn	Anh	10/02/94	66213	C	1	4.50	4.25	4.00	14.50	1139		
18	Nguyễn	Đấu	06/02/93	66713	C	2NT	3.50	3.25	6.50	14.50	1190		
19	Cao Thị	Thảo	04/08/94	66014	C	1 06	3.00	3.50	5.50	14.50	9699		
20	Nguyễn Thị	Oanh	08/11/94	21783	A	2NT	6.00	2.50	4.25	14.00	641		
21	Nguyễn Văn	Hanh	05/09/93	3868	A	2NT	6.00	3.25	3.50	14.00	8642		
22	Nguyễn Phan Hà	Linh	25/12/94	1183	A	2	4.75	4.25	4.50	14.00	9100		
23	Phan ánh	Phúc	27/07/94	16032	A	2	4.75	3.00	4.75	13.00	495		

(DHT.D220310) - Ngành: Lịch sử **Chỉ tiêu: 56**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Lý Thị	Thơm	17/08/94	5420	C	2	7.50	3.25	8.00	19.50	8907		
2	Giã Thị Khánh	Linh	26/07/94	8133	C	2	5.00	7.00	5.00	17.50	1814		
3	Hà Thị Kiều	My	10/10/93	69444	C	2	5.50	3.50	7.00	16.50	341		
4	Hồ Thị	Ny	28/01/93	8859	C	1	5.00	3.75	6.25	16.50	2497		
5	Nguyễn Thị	Hạnh	15/12/94	68506	C	2NT	4.50	4.50	6.50	16.50	3037		
6	Trần Thị	Phương	15/03/93	69032	C	1 01	3.00	3.25	6.75	16.50	3099		
7	Vũ Thị	Xuân	16/06/91	8089	C	1	6.00	3.50	5.50	16.50	9000		
8	Nguyễn Thị Minh	Vị	20/02/94	12803	C	1	2.25	6.25	6.50	16.50	9735		
9	Nguyễn Thị	Ngọt	04/06/93	68454	C	1	4.50	3.50	6.25	16.00	731		
10	Cao Văn	Khánh	02/11/94	66568	C	1	3.00	4.75	6.75	16.00	1135		
11	Lê Thị Vân	Kiều	06/05/94	68477	C	2	4.50	5.50	5.50	16.00	1679		
12	Trương Thị Thanh	Ngân	16/08/94	506	C	2NT	6.50	4.75	3.50	16.00	1770		
13	Nguyễn Thị	Thương	01/01/94	68962	C	1	4.50	4.00	5.75	16.00	1787		
14	Trần Thị	Vân	28/10/93	68655	C	1	3.75	4.25	6.25	16.00	2471		
15	Nguyễn Thị	Lan	20/10/93	66950	C	2NT	4.50	3.50	7.00	16.00	8431		
16	Hoàng Thanh	Hải	31/10/93	53785	D1	2	4.50	6.25	4.50	16.00	2499		
17	Phan Thị	Nhạn	06/10/93	68915	C	1	2.75	4.00	7.25	15.50	63		
18	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	16/12/93	70318	C	1	5.00	4.25	4.50	15.50	113		
19	Nguyễn Thị	Trinh	06/03/94	69117	C	1	5.00	5.50	3.25	15.50	774		
20	Đinh Như	Tam	20/03/94	66621	C	1	1.75	5.75	6.25	15.50	838		
21	Lê Chí	Hữu	10/07/92	67478	C	2NT	3.50	5.25	5.50	15.50	1079		
22	Phan Thị	Thuỷ	05/07/93	68717	C	2NT	3.75	2.75	7.75	15.50	1536		
23	Hồ Thị Ngọc	Thúy	18/10/93	70203	C	2NT	5.50	3.50	5.25	15.50	1600		
24	Nguyễn Thị Thục	Anh	07/04/93	70003	C	2	4.75	3.25	7.00	15.50	1746		
25	Nguyễn Thị Anh	Đào	22/11/93	4386	C	2	5.00	3.50	6.25	15.50	8302		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
26	Nguyễn Thị	Thuyên	23/09/93	9742	C	2NT	4.25	3.50	6.75	15.50	8762		
27	Trần Khánh	Nguyên	04/02/93	8647	C	1	4.00	5.25	4.75	15.50	9631		
28	Nguyễn Chân	Lý	23/02/94	66953	C	2 06	5.50	3.50	5.00	15.50	13060		
29	Nguyễn Thị Hà	Linh	28/05/94	1994	D1	2NT	5.00	5.75	3.50	15.50	9704		
30	Nguyễn Thị	Ngọc	17/09/91	69858	C	1	3.50	4.00	5.75	15.00	598		
31	Phan Thị Trà	My	19/02/92	69771	C	1	3.50	4.75	5.00	15.00	1480		
32	Nguyễn Thị	Mai	30/08/94	68416	C	1	5.00	2.00	6.50	15.00	1781		
33	Nguyễn Thị	Phi	05/11/94	66807	C	1	4.50	3.50	5.25	15.00	2342		
34	Võ Thị	Vần	22/09/94	68929	C	1	4.75	2.25	6.25	15.00	2378		
35	Phạm Thị	Kim	01/04/94	68638	C	2NT	4.50	3.00	6.25	15.00	2741		
36	Trần Thị Thu	Trang	25/08/94	69003	C	1	3.00	3.50	6.75	15.00	2933		
37	Văn Thị	Hiền	08/05/94	70096	C	1	4.00	5.25	4.00	15.00	2988		
38	Hoàng Tuấn	Anh	09/09/93	66745	C	2 04	3.00	4.00	5.50	15.00	8699		
39	Phan Thị	Lương	05/07/94	69214	C	2NT	4.50	4.50	4.75	15.00	9530		
40	Đinh Duy	Hải	10/01/94	755	C	1	6.50	2.50	4.25	15.00	9962		
41	Võ Thị Thu	Hiền	20/08/93	78870	D1	2NT	5.50	6.50	2.00	15.00	537		
42	Lê Thị	Phương	20/02/94	79114	D1	1	4.50	5.25	3.50	15.00	1384		
43	Phạm Thị	Diễm	28/03/94	78827	D1	2NT	7.25	3.75	3.00	15.00	1501		
44	Hồ Văn	Hoàng	08/09/93	65805	C	2	5.50	3.00	5.25	14.50	103		
45	Trần Thị Hồng	Tuyết	02/05/94	67515	C	2	4.50	3.00	6.50	14.50	590		
46	Hồ Thị Quỳnh	Như	07/07/94	69068	C	2NT	4.00	4.25	5.00	14.50	918		
47	Nguyễn	Đấu	06/02/93	66713	C	2NT	3.50	3.25	6.50	14.50	1191		
48	Hồ Viết	Vũ	28/08/93	67350	C	2NT	3.50	3.75	6.00	14.50	1874		
49	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/06/94	66132	C	2	3.75	6.25	4.00	14.50	2148		
50	Ngô Thị	Ly	23/02/92	66763	C	2NT	4.00	3.50	5.75	14.50	2533		

(DHT.D220310) - Ngành: Lịch sử **Chỉ tiêu: 56**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
51	Trần Hữu	Nhẫn	08/02/91	66881	C	2NT	4.50	4.00	5.00	14.50	2844		
52	Phan Văn	Đức	13/11/93	11420	C	2NT	3.50	4.75	5.25	14.50	8192		
53	Hoàng Thị Anh	Thư	03/02/93	65979	C	2NT	3.50	4.25	5.50	14.50	9052		
54	Phan Thị Trà	My	01/08/93	65513	C	1	2.50	3.00	7.25	14.50	9607		
55	Nguyễn Thị Thanh	Hà	12/09/94	78981	D1	2NT	6.50	3.00	3.75	14.50	962		
56	Nguyễn Nữ Khánh	Ngọc	16/01/94	79410	D1	2NT	5.50	4.75	3.25	14.50	1433		
57	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	10/08/93	79516	D1	2NT	5.00	5.00	3.50	14.50	2238		
58	Hoàng Thị Kim	Xoa	08/10/94	74761	D1	2NT	5.50	2.75	4.50	14.00	1444		
59	Võ Thị Đức	Trang	20/08/94	79689	D1	2NT	6.00	4.00	3.00	14.00	3023		
60	Lê Thị Minh	Huệ	01/08/93	74317	D1	2NT	6.25	2.50	3.50	13.50	695		
61	Lê Thị Như	Thuý	28/02/94	79159	D1	2	7.00	3.75	2.25	13.50	960		
62	Lê Thị	Cúc	12/09/93	74424	D1	2NT	5.50	2.50	4.25	13.50	978		
63	Kim Thị Lan	Phương	18/09/94	74218	D1	2NT	4.50	3.75	4.00	13.50	1253		
64	Trần Thị	Bé	01/04/94	78825	D1	2NT	5.00	3.75	3.50	13.50	1373		
65	Hoàng Thị Thuý	Nhi	04/01/93	79486	D1	2NT	6.25	4.75	1.50	13.50	1569		
66	Nguyễn Thị	Ly	04/07/94	73982	D1	1	5.50	3.50	3.00	13.50	1595		
67	Nguyễn Đình Phương	Vũ	15/10/93	79695	D1	2	4.25	4.50	4.25	13.50	1855		
68	Hồ Thị Hương	Giang	21/06/94	72490	D1	2	6.00	3.75	3.25	13.50	1867		
69	Hồ Thị	Búp	29/03/94	79433	D1	2NT	5.00	5.00	2.50	13.50	2105		
70	Nguyễn Đình	Đức	11/05/85	77174	D1	2NT	3.50	5.50	3.50	13.50	2691		

(DHT.D220320) - Ngành: Ngôn ngữ học **Chỉ tiêu: 38**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phan Thị Kim	Ngân	27/08/94	4959	C	2	7.75	5.00	7.50	21.00	8942		
2	Nguyễn Thị	Tâm	01/06/94	9879	C	2NT	6.50	5.25	7.50	20.50	9879		

(DHT.D220320) - Ngành: Ngôn ngữ học — Chỉ tiêu: 38

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
3	Nguyễn Thị	Thùy	22/12/94	7830	D1	2NT	7.50	7.25	4.25	20.00	8554		
4	Trần Mộng	Thuý	22/01/94	11235	C	1	5.00	4.75	5.50	17.00	8166		
5	Hồ Văn	Phú	07/02/94	3156	D1	3	5.25	6.50	4.00	16.00	9125		
6	Mai Thị Ngọc	Diệp	02/11/94	78865	D1	2	5.25	3.25	6.25	15.50	2686		
7	Đoàn Thị	Nga	05/05/93	68677	C	1	5.00	3.00	5.50	15.00	3103		
8	Diêm Thanh	Hương	19/04/94	1654	D1	2NT	4.50	4.50	5.00	15.00	8646		
9	Nguyễn	Đấu	06/02/93	66713	C	2NT	3.50	3.25	6.50	14.50	1192		
10	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/12/93	3698	C	1	3.25	4.00	5.75	14.50	8169		
11	Lê Văn	Khương	26/10/93	12935	C	1	4.00	3.00	5.75	14.50	9134		
12	Nguyễn Thị Minh	Oanh	08/06/94	77418	D1	2	6.50	3.50	3.75	14.50	382		
13	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	14/10/93	53323	D1	2	5.50	2.50	6.00	14.50	9575		
14	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	04/02/94	75282	D1	2	7.50	1.50	4.50	14.00	369		
15	Huỳnh Thế	Mỹ	12/08/93	75405	D1	2NT	5.00	3.25	4.50	14.00	997		
16	Nguyễn Thị Thu	Hoài	24/09/93	74581	D1	2	5.50	3.75	4.00	14.00	1529		
17	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	01/01/94	78775	D1	1	5.50	3.50	3.25	14.00	1571		
18	Hồ Thị Bích	Ngọc	02/09/94	79259	D1	1	6.50	2.75	3.25	14.00	1667		
19	Trần Thị	Thiện	02/01/94	73923	D1	1	5.00	2.75	4.50	14.00	2489		
20	Võ Thị Đức	Trang	20/08/94	79689	D1	2NT	6.00	4.00	3.00	14.00	3025		
21	Hoàng Thị Thu	Thảo	11/01/93	73921	D1	2	5.00	4.00	4.00	13.50	56		
22	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/94	72708	D1	2	6.00	4.00	3.00	13.50	344		
23	Nguyễn Thị	Ly	04/07/94	73982	D1	1	5.50	3.50	3.00	13.50	1594		
24	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	15/09/94	74564	D1	2	4.50	6.00	2.25	13.50	1925		
25	Phạm Thị Bích	Lệ	20/08/94	79330	D1	2NT	7.00	0.75	4.50	13.50	2190		
26	Trần Thị Hoài	Thương	04/08/94	74227	D1	2NT	5.00	3.50	3.75	13.50	8685		

(DHT.D220330) - Ngành: Văn học — Chỉ tiêu: 53

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trần Hoài	Vũ	15/07/94	1598	C	1	7.25	5.50	6.00	20.50	9183		
2	Trương Nguyễn	Thạch	28/03/94	4207	C	1	6.00	5.75	7.25	20.50	9798		
3	Lê Văn	Trịnh	06/12/92	4802	C	2NT	5.00	5.00	7.00	18.00	3063		
4	Phan Thị Tường	Vy	29/03/94	10545	C	2NT	6.50	4.25	6.25	18.00	8444		
5	Nguyễn Hứa Quỳnh	Nga	01/02/94	5605	C	2 06	6.00	4.75	5.50	18.00	8978		
6	Hoàng Thị Minh	Trầm	18/05/94	10112	C	1	4.25	5.75	5.75	17.50	950		
7	Giã Thị Khánh	Linh	26/07/94	8133	C	2	5.00	7.00	5.00	17.50	1813		
8	Nguyễn Thái	Sơn	21/11/94	1846	C	2NT	6.00	4.25	6.00	17.50	8066		
9	Nguyễn Thị	Thùy	28/09/94	9794	C	2NT	4.50	3.50	8.00	17.00	8146		
10	Nguyễn Lâm Bảo	Trân	20/10/94	10097	C	2	6.25	2.00	8.00	17.00	8943		
11	Trần Thị	Hiền	22/03/94	68476	C	1	5.25	3.00	7.25	17.00	9345		
12	Nguyễn Thị Hà	Nhi	01/01/94	68615	C	2NT	4.75	4.75	6.50	17.00	9395		
13	Hà Thị Kiều	My	10/10/93	69444	C	2	5.50	3.50	7.00	16.50	340		
14	Lê Thị Thuỷ	Tiên	28/03/93	69493	C	2	5.75	3.50	6.75	16.50	394		
15	Trần Thị Mỹ	Hạnh	04/09/93	27170	C	1	7.00	3.50	4.50	16.50	1757		
16	Trần Thị	Phương	15/03/93	69032	C	1 01	3.00	3.25	6.75	16.50	3098		
17	Trần Thị Minh	Thủy	11/10/93	11719	C	2	5.00	4.50	6.50	16.50	8290		
18	Bùi Văn	Tiên	14/07/91	1152	C	2NT 03	5.25	4.25	4.00	16.50	8371		
19	Phạm Thị Thảo	My	21/09/94	468	C	2NT	6.00	3.50	6.00	16.50	8380		
20	Bùi Thị Ngọc	Mai	16/09/94	3303	C	1	5.00	4.50	5.25	16.50	8936		
21	Huỳnh Thị	Nhã	09/02/94	11096	C	2NT	4.75	4.50	6.25	16.50	9174		
22	Đoàn Thị	Nhung	03/09/94	68917	C	1	3.25	5.00	6.75	16.50	9327		
23	Hoàng Thị Tuyết	Nhung	29/07/93	69448	C	1	4.50	4.50	5.25	16.00	769		
24	Đoàn Thị Diệu	Hiền	20/11/93	68732	C	2NT	6.00	2.25	6.75	16.00	1035		
25	Cao Văn	Khánh	02/11/94	66568	C	1	3.00	4.75	6.75	16.00	1130		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
26	Đặng Thị Cẩm	Vân	02/07/94	68853	C	2NT	5.75	2.75	6.50	16.00	1259		
27	Lê Thị Vân	Kiều	06/05/94	68477	C	2	4.50	5.50	5.50	16.00	1680		
28	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	03/03/94	7569	C	2	5.00	4.50	5.75	16.00	1685		
29	Trương Thị Thanh	Ngân	16/08/94	506	C	2NT	6.50	4.75	3.50	16.00	1773		
30	Nguyễn Thị	Thương	01/01/94	68962	C	1	4.50	4.00	5.75	16.00	1788		
31	Trần Thị	Vân	28/10/93	68655	C	1	3.75	4.25	6.25	16.00	2468		
32	Nguyễn Thị	Tuyết	10/11/94	67512	C	2NT	5.25	4.00	5.50	16.00	8564		
33	Bùi Thị Phương	Thảo	20/01/94	9475	C	2NT	4.75	4.00	6.25	16.00	8735		
34	Lê Thị Thanh	Trang	25/03/94	11750	C	2 06	5.50	3.75	5.25	16.00	9137		
35	Trình Công	Pháp	26/03/94	66578	C	2	4.75	5.50	5.25	16.00	9543		
36	Võ Quang	Anh	19/09/93	70213	C	2	4.25	5.50	5.25	15.50	17		
37	Đoàn Thị	Hồng	01/05/93	70098	C	1	3.00	4.75	6.00	15.50	28		
38	Phan Thị	Nhạn	06/10/93	68915	C	1	2.75	4.00	7.25	15.50	62		
39	Nguyễn Thị	Hường	13/03/93	70227	C	1	4.00	3.50	6.25	15.50	111		
40	Hồ Thị Thanh	Tâm	24/04/93	69782	C	2	7.50	2.00	5.50	15.50	218		
41	Đinh Như	Tam	20/03/94	66621	C	1	1.75	5.75	6.25	15.50	837		
42	Lê Chí	Hữu	10/07/92	67478	C	2NT	3.50	5.25	5.50	15.50	1078		
43	Thân Thị Tuyết	Anh	10/09/94	70129	C	2	3.75	5.50	5.75	15.50	1100		
44	Hồ Thị Ngọc	Thiện	04/04/94	70366	C	2NT	4.50	3.25	6.50	15.50	1128		
45	Hồ Thị Ngọc	Thúy	18/10/93	70203	C	2NT	5.50	3.50	5.25	15.50	1602		
46	Nguyễn Thị	Trinh	06/03/94	69117	C	1	5.00	5.50	3.25	15.50	1696		
47	Nguyễn Thị Thục	Anh	07/04/93	70003	C	2	4.75	3.25	7.00	15.50	1745		
48	Nguyễn Thị	Tuyết	16/05/94	70461	C	1	4.75	4.25	5.00	15.50	2090		
49	Cao Thị	Huyền	06/10/94	68981	C	1	2.00	5.25	6.75	15.50	2562		
50	Phan Thị Khánh	Vy	05/12/94	5074	C	3	4.25	5.25	6.00	15.50	8009		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
51	Hoàng Thị Tuyết	Linh	15/05/94	67065	C	1	4.50	4.50	5.00	15.50	8679		
52	Võ Thị	Nhi	02/02/94	18420	C	1	5.75	4.25	4.00	15.50	9089		
53	Mai Thị Hoài	Thu	26/08/94	67042	C	2NT	4.75	3.75	5.75	15.50	9478		
54	Mai Thị	Bình	22/09/94	66974	C	1	5.00	3.00	5.75	15.50	9863		
55	Nguyễn Thị Mộng	Điệp	04/05/94	69757	C	1	5.25	3.75	5.00	15.50	9900		
56	Nguyễn Chân	Lý	23/02/94	66953	C	2 06	5.50	3.50	5.00	15.50	13069		
57	Phan Thị	Huệ	19/10/92	66758	C	2NT	4.50	3.00	6.25	15.00	141		
58	Trần Thị Kim	Oanh	10/10/93	69904	C	1	5.75	2.75	5.00	15.00	299		
59	Nguyễn Thị Thanh	Hiệp	10/07/94	69681	C	2NT	4.00	4.25	5.50	15.00	417		
60	Phan Thị	Nhi	03/01/94	70111	C	2NT	5.50	2.50	5.75	15.00	1450		
61	Văn Thị	Hiền	08/05/94	70096	C	1	4.00	5.25	4.00	15.00	1469		
62	Phan Thị Trà	My	19/02/92	69771	C	1	3.50	4.75	5.00	15.00	1479		
63	Thân Thị Uyển	Nhi	16/01/94	70153	C	2	6.50	2.75	5.00	15.00	1491		
64	Đặng Thị	Nở	08/03/93	356	C	1	5.50	3.00	4.75	15.00	1515		
65	Dương Thị Diễm	Phúc	01/07/94	70114	C	2NT	5.75	3.25	4.75	15.00	1734		
66	Lê Công	Hiệp	30/12/94	66567	C	2NT	3.75	4.75	5.25	15.00	1777		
67	Nguyễn Thị	Mai	30/08/94	68416	C	1	5.00	2.00	6.50	15.00	1783		
68	Huỳnh Thị	Loan	07/11/94	68544	C	2NT	4.50	3.50	5.75	15.00	1902		
69	Trần Thị Tuyết	Nhung	03/10/94	68807	C	2NT	5.50	4.50	4.00	15.00	2121		
70	Nguyễn Thị	Phi	05/11/94	66807	C	1	4.50	3.50	5.25	15.00	2341		
71	Võ Thị	Vần	22/09/94	68929	C	1	4.75	2.25	6.25	15.00	2379		
72	Phạm Thị	Kim	01/04/94	68638	C	2NT	4.50	3.00	6.25	15.00	2738		
73	Nguyễn Thị Hoài	Vy	26/09/94	69462	C	2NT	4.25	2.00	7.50	15.00	2924		
74	Đoàn Thị	Nga	05/05/93	68677	C	1	5.00	3.00	5.50	15.00	3105		
75	Mai Thị	Dâng	10/04/94	68272	C	2NT	5.25	5.00	3.75	15.00	3175		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
76	Phạm Thị Kiều	Phương	30/12/93	68240	C	2NT	6.00	3.00	4.75	15.00	8150		
77	Dương Thị Thuý	Dưỡng	15/12/93	70342	C	2	4.50	5.50	4.25	15.00	8486		
78	Trần Thị Như	Hằng	02/02/94	68507	C	1	5.25	3.50	4.50	15.00	8871		
79	Lê Thị Thu	Trinh	12/03/94	1563	C	1	4.50	4.00	5.00	15.00	8928		
80	Hoàng Thị Thanh	Hoa	17/05/94	66680	C	1	4.75	2.25	6.50	15.00	9258		
81	Võ Thị Thuỳ	Giang	03/02/94	70092	C	2NT	3.25	3.75	7.00	15.00	9427		
82	Lê Thị	Vị	10/10/94	69036	C	1	6.00	3.25	4.25	15.00	9533		
83	Phan Thị	Lương	05/07/94	69214	C	2NT	4.50	4.50	4.75	15.00	9566		
84	Hồ Văn	Hoàng	08/09/93	65805	C	2	5.50	3.00	5.25	14.50	102		
85	Nguyễn Khoa Quỳnh	Anh	06/01/93	69835	C	1	5.50	1.75	5.50	14.50	235		
86	Trần Ninh	Thịnh	21/10/93	67416	C	2	3.75	4.00	6.00	14.50	386		
87	Trần Thị Hồng	Tuyết	02/05/94	67515	C	2	4.50	3.00	6.50	14.50	592		
88	Lê Thị Xuân	Diệu	16/08/93	68566	C	2NT	3.50	5.00	5.00	14.50	613		
89	Nguyễn Thị Minh	Tâm	20/04/93	69951	C	2	3.75	4.75	5.50	14.50	973		
90	Trần Thị Kim	Thoa	12/11/94	66353	C	2	5.00	3.50	5.25	14.50	1015		
91	Hoàng Thị Thanh	Thanh	10/10/94	70199	C	2NT	4.00	2.75	6.75	14.50	1048		
92	Nguyễn Thị	Ngọc	21/08/92	69815	C	2	4.75	4.25	5.00	14.50	1081		
93	Nguyễn	Đấu	06/02/93	66713	C	2NT	3.50	3.25	6.50	14.50	1193		
94	Nguyễn Thị Bích	Uyên	31/08/93	69702	C	2NT	5.50	3.25	4.50	14.50	1204		
95	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	29/08/94	67153	C	2NT	5.75	3.00	4.50	14.50	1336		
96	Trần Thị Yến	Nhi	01/02/94	68991	C	2NT	4.75	3.75	4.75	14.50	1371		
97	Ngô Thị Hồng	Nha	21/06/94	70401	C	2NT	6.50	2.00	5.00	14.50	1784		
98	Hoàng Thị Hồng	Nhị	28/08/94	69219	C	1	5.50	1.75	5.50	14.50	1805		
99	Nguyễn Quang	Linh	13/07/94	65734	C	2NT	5.00	3.25	5.25	14.50	2189		
100	Nguyễn Ngọc	Sơn	30/09/93	69908	C	1	5.75	1.25	5.75	14.50	2492		

(DHT.D220330) - Ngành: Văn học **Chỉ tiêu: 53**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
101	Ngô Thị	Ly	23/02/92	66763	C	2NT	4.00	3.50	5.75	14.50	2534		
102	Trần Thị Thái	Hà	12/09/93	70259	C	2	3.50	4.25	6.00	14.50	3062		
103	Đặng Nhật	Trường	14/08/94	67311	C	2NT	4.50	3.25	5.50	14.50	3393		
104	Lê Thị	Thoa	12/11/93	67688	C	2NT	4.00	3.75	5.75	14.50	8403		
105	Trần Thị	Hương	06/06/92	70184	C	2	5.25	3.75	4.75	14.50	8702		
106	Trần Thị	Tuất	27/04/94	69347	C	1 06	3.25	3.25	5.50	14.50	8864		
107	Bùi Thị	Tiêm	22/01/94	69341	C	2NT	4.00	3.75	5.50	14.50	8984		
108	Hoàng Thị Anh	Thư	03/02/93	65979	C	2NT	3.50	4.25	5.50	14.50	9594		
109	Trịnh Thị	Thương	25/03/93	9866	C	1	4.75	2.50	5.75	14.50	9890		
110	Võ Thị	Liễu	18/11/94	70312	C	2NT	4.75	3.75	4.75	14.50	13068		

(DHT.D310301) - Ngành: Xã hội học **Chỉ tiêu: 44**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Lê Thị Diệu	Thúy	28/07/94	4534	C	1	7.50	5.50	7.25	22.00	9160		
2	Trương Nguyễn	Thạch	28/03/94	4207	C	1	6.00	5.75	7.25	20.50	9325		
3	Trương Ngọc	Thành	14/05/93	11470	C	3	4.50	7.00	8.00	19.50	2010		
4	Nguyễn Văn	Quý	27/01/94	5543	D1	1	5.75	5.75	5.75	19.00	8404		
5	Nguyễn Thị	Lan	06/12/94	11019	C	1	4.75	5.00	7.25	18.50	8939		
6	Phan Thị Tường	Vy	29/03/94	10545	C	2NT	6.50	4.25	6.25	18.00	8445		
7	Nguyễn Duy	Trung	09/03/94	4564	C	2	6.00	5.50	5.50	17.50	8940		
8	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	01/06/94	11674	C	1	6.75	2.50	6.50	17.50	9021		
9	Nguyễn Đình	Khiêm	15/08/93	1378	C	1	5.00	4.25	6.75	17.50	9210		
10	Lê Thị	Giang	03/03/93	68472	C	2NT 06	5.00	4.00	6.00	17.00	670		
11	Trần Thị	Chi	24/05/94	68597	C	2NT	5.00	4.25	6.25	16.50	2430		
12	Trần Thị Mỹ	Hạnh	04/09/93	27170	C	1	7.00	3.50	4.50	16.50	2927		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
13	Võ Thị	Huyền	06/01/94	4404	C	2NT	5.50	5.00	5.00	16.50	8502		
14	Đặng Thị Cẩm	Vân	02/07/94	68853	C	2NT	5.75	2.75	6.50	16.00	1257		
15	Trương Thiện	Sinh	12/01/93	66886	C	1	5.25	3.25	5.75	16.00	3002		
16	Trương Thị	Linh	21/07/94	3194	C	2NT	7.00	2.75	5.00	16.00	8013		
17	Trình Công	Pháp	26/03/94	66578	C	2	4.75	5.50	5.25	16.00	8473		
18	Bùi Thị Phương	Thảo	20/01/94	9475	C	2NT	4.75	4.00	6.25	16.00	8732		
19	Phan Thị	Hà	20/05/94	68936	C	1	3.00	6.25	5.00	16.00	9382		
20	Trương Thị	Linh	08/03/94	66648	C	1	5.00	3.50	5.75	16.00	9422		
21	Hoàng Thanh	Hải	31/10/93	53785	D1	2	4.50	6.25	4.50	16.00	2501		
22	Hoàng Thị Lệ	Mỹ	17/04/94	9421	D1	1	7.50	2.75	4.00	16.00	2836		
23	Hồ Văn	Phú	07/02/94	3156	D1	3	5.25	6.50	4.00	16.00	9126		
24	Ngô Quang	Dũng	15/10/94	66674	C	2NT	6.50	3.25	4.75	15.50	2578		
25	Mai Thị	Lành	16/01/94	67216	C	2NT	4.75	3.25	6.50	15.50	2794		
26	Võ Thành	Chất	13/12/89	10827	C	2NT	4.00	4.75	5.75	15.50	8329		
27	Trần Vũ Bình	Sơn	13/08/94	11172	C	1	5.00	5.25	3.75	15.50	9027		
28	Trần Thị	Thao	21/12/93	69825	C	2NT	4.50	4.00	6.00	15.50	9347		
29	Nguyễn Chân	Lý	23/02/94	66953	C	2 06	5.50	3.50	5.00	15.50	13061		
30	Phạm Trần Thụy	Đan	15/03/94	7102	C	1	4.25	2.75	6.25	15.00	1635		
31	Phạm Trần Thụy	Đan	15/03/94	7102	C	1	4.25	2.75	6.25	15.00	1636		
32	Nguyễn	Cao	13/06/93	67534	C	1	4.75	4.25	4.50	15.00	2437		
33	Nguyễn Thị Hoài	Vy	26/09/94	69462	C	2NT	4.25	2.00	7.50	15.00	2923		
34	Nguyễn Văn	Lực	04/07/94	2013	C	2NT	3.50	5.00	5.50	15.00	3333		
35	Trần Thị	Phương	12/12/94	3157	C	2NT 01	6.50	1.00	4.50	15.00	3362		
36	Nguyễn Văn	Khương	16/08/94	66836	C	2NT	4.00	4.75	5.00	15.00	8234		
37	Nguyễn Thị Trung	Thu	19/09/94	12643	C	2	4.00	5.50	5.00	15.00	8305		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
38	Phạm Thị	én	20/01/93	68274	C	2NT	4.75	3.75	5.50	15.00	8334		
39	Nguyễn Mạnh	Hùng	20/04/94	66835	C	1	3.00	5.00	5.25	15.00	9398		
40	Trương Thị Thùy	Linh	23/10/93	77941	D1	2NT	6.25	2.50	5.00	15.00	3372		
41	Nguyễn Văn	Anh	10/02/94	66213	C	1	4.50	4.25	4.00	14.50	1142		
42	Nguyễn	Đấu	06/02/93	66713	C	2NT	3.50	3.25	6.50	14.50	1194		
43	Hoàng Hữu	Phương	22/10/93	67373	C	2NT	3.25	4.75	5.50	14.50	1285		
44	Trần Thị Khánh	Linh	29/10/94	66228	C	2NT	3.00	4.50	6.00	14.50	1488		
45	Trần Xuân	Giang	10/10/94	65876	C	1	4.00	3.75	5.25	14.50	2991		
46	Hoàng Đức	Thắng	24/04/92	65749	C	2NT	4.00	4.00	5.50	14.50	3114		
47	Đặng Nhật	Trường	14/08/94	67311	C	2NT	4.50	3.25	5.50	14.50	3392		
48	Phạm Thị	Lan	20/08/94	65658	C	1	6.75	3.00	3.00	14.50	8574		
49	Trần Thị	Tuất	27/04/94	69347	C	1 06	3.25	3.25	5.50	14.50	8865		
50	Phan Thị Thu	Hiền	19/06/94	66182	C	2	3.75	5.00	5.25	14.50	8918		
51	Lê Thị	Phượng	20/06/93	611	C	2NT	4.00	3.50	5.75	14.50	9165		
52	Lý Cẩm	Giang	06/10/94	11431	C	1	3.75	4.00	5.00	14.50	9552		
53	Hồ Đình	Sơn	09/11/89	6251	C	1	3.75	4.00	5.25	14.50	9609		
54	Lê Tuấn	Anh	28/02/93	1262	C	2NT	4.75	4.25	4.50	14.50	9684		
55	Lê Thanh	Tùng	16/12/93	3294	C	2NT	4.50	2.75	6.00	14.50	13092		
56	Hoàng Đức	Sơn	15/10/94	362	D1	2	5.00	7.00	1.75	14.50	684		
57	Lê Thị Việt	Hà	01/01/94	72529	D1	2NT	6.50	3.00	4.00	14.50	1357		
58	Trương Thị Thùy	Dương	11/06/93	75042	D1	2	5.00	4.50	3.75	14.00	582		
59	Lê Chí	Hiếu	18/02/93	77216	D1	2	5.50	4.25	3.50	14.00	1724		
60	Võ Thị Đức	Trang	20/08/94	79689	D1	2NT	6.00	4.00	3.00	14.00	3022		
61	Hồ Thị Mai	Trang	24/07/93	75226	D1	2	7.50	1.25	4.50	14.00	8108		
62	Hán	Duy	05/03/94	5782	D1	1	5.00	4.00	3.25	14.00	13017		

(DHT.D310301) - Ngành: Xã hội học **Chỉ tiêu: 44**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
63	Nguyễn Đình Phương	Vũ	15/10/93	79695	D1	2	4.25	4.50	4.25	13.50	1852		
64	Nguyễn Thị Kim	Cương	11/06/94	75456	D1	2NT	7.50	2.00	3.00	13.50	2005		
65	La Dương	Hà	03/02/94	74734	D1	2	4.00	5.50	3.50	13.50	2931		
66	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	09/02/94	75268	D1	2NT	5.00	2.25	5.00	13.50	3258		
67	Trần	Sỹ	02/02/94	72700	D1	1	6.00	3.00	3.00	13.50	9629		
68	Nguyễn Thị Nguyên	Hồng	26/12/94	69897	D1	2NT	6.25	1.75	4.50	13.50	9659		

(DHT.D420101) - Ngành: Sinh học **Chỉ tiêu: 31**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trần Thị	Thuý	16/02/94	62201	B	2NT 04	6.00	3.75	4.25	17.00	9748		
2	Châu Thị Mỹ	Duyên	07/07/94	51742	B	2NT	5.00	4.75	4.25	15.00	2808		

(DHT.D440102) - Ngành: Vật lý học **Chỉ tiêu: 42**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Thân Trọng	Quỳnh	08/07/94	23157	A	2	5.00	5.00	6.25	17.00	2062		
2	Nguyễn Thị	Quyên	27/04/94	23447	A	1	4.75	5.25	4.75	16.50	3370		
3	Trần Nguyễn Đức	Nam	20/09/94	23191	A	2	5.75	5.25	4.25	16.00	745		
4	Võ Thị Hoàng	Yến	16/04/94	23294	A	1	5.00	4.25	5.25	16.00	1304		
5	Lê Bá	Du	15/04/94	23425	A	3	5.25	5.25	5.25	16.00	1523		
6	Lê Mạnh	Dũng	09/08/94	380	A	2	6.75	4.50	4.25	16.00	3155		
7	Đặng Công	Huy	16/01/90	15841	A	2NT 03	3.25	4.75	4.50	15.50	1256		
8	Trần Thị Lệ	Thuỷ	05/01/94	7002	A	1	3.25	5.00	5.50	15.50	1584		
9	Phan Xuân	Nghĩa	22/06/94	19783	A	2NT	6.50	4.00	4.00	15.50	2707		
10	Nguyễn Thanh	Quang	07/11/94	1787	A	2NT	5.25	4.75	4.50	15.50	2797		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
11	Phan Cảnh Quốc	Đạt	09/06/93	12923	A	2	5.00	4.50	5.25	15.50	2976		
12	Nguyễn Phương	Dung	19/11/94	21913	A	2NT	6.00	3.50	4.75	15.50	3047		
13	Huỳnh Thị Bích	Thuỳ	05/03/93	23534	A	1	4.50	4.50	5.00	15.50	13005		
14	Bùi Anh	Vinh	02/05/94	22178	A	2NT	4.50	5.00	4.25	15.00	994		
15	Nguyễn Thị	Linh	20/11/93	43701	A	1	3.00	5.50	4.75	15.00	1649		
16	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	03/08/94	23344	A	2	4.50	4.50	5.50	15.00	2155		
17	Hồ Văn	Thức	24/08/94	25996	A	1	3.50	5.75	4.00	15.00	2319		
18	Trần Thị	Thảo	13/04/94	15912	A	2NT	4.75	4.00	5.25	15.00	2867		
19	Ngô Viết	Phương	19/07/94	5369	A	2	4.25	5.50	4.75	15.00	3326		
20	Huỳnh Thị Phương	Thảo	20/04/93	46971	A	2	4.00	5.25	5.00	15.00	9023		
21	Đậu Thị	Lý	18/01/94	10732	A	2NT	4.75	5.25	4.00	15.00	9924		
22	Hoàng Thị	Thơ	05/02/94	23206	A	2NT	5.00	5.25	3.75	15.00	9966		
23	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	09/04/93	3417	A	2NT	5.50	3.25	5.00	15.00	13013		
24	Phan Văn	Tuấn	25/02/93	28044	A	2NT	4.25	4.50	4.50	14.50	858		
25	Võ Văn	Hiên	22/03/94	22110	A	2NT	5.00	4.50	3.75	14.50	1344		
26	Nguyễn Hồng	Thủy	19/07/94	21830	A	3	6.00	4.50	3.75	14.50	1452		
27	Đặng Thị	Hạnh	10/06/94	16556	A	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	1915		
28	Đoàn Chiến	Thắng	23/11/94	24858	A	2	6.00	4.25	3.75	14.50	2071		
29	Nguyễn Văn	Đức	15/04/94	13383	A	2NT	5.75	3.50	4.25	14.50	2236		
30	Lê Thị	Trinh	10/08/94	22220	A	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	8745		
31	Nguyễn Thị Hồng	Trang	28/08/93	16546	A	1	3.25	5.25	4.00	14.00	453		
32	Lê Thị Quỳnh	Chi	11/06/94	26421	A	2	4.75	4.25	4.25	14.00	587		
33	Nguyễn Thị	Phượng	26/10/94	16242	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	655		
34	Lê Thị	Thảo	16/04/94	21863	A	2NT	5.00	3.50	4.50	14.00	1936		
35	Võ Thị ánh	Tuyết	31/01/94	22240	A	2	5.00	4.25	4.25	14.00	1940		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
36	Trần Xuân	Huy	10/08/94	13954	A	2NT	3.25	4.25	5.50	14.00	2299		
37	Nguyễn Nữ Tố	Uyên	10/08/94	28752	A	2	5.25	4.50	3.75	14.00	2509		
38	Nguyễn Viết Thành	Công	28/11/94	15211	A	1	4.00	4.25	4.00	14.00	2583		
39	Trương Cảnh	Quốc	13/02/94	22358	A	2NT	4.75	4.50	3.75	14.00	2619		
40	Đặng Hồng	Phúc	26/09/94	61494	A	3	4.75	3.50	5.75	14.00	3367		
41	Trần Thị Hồng	Phượng	11/05/92	21857	A	3	4.50	4.00	5.50	14.00	8008		
42	Nguyễn Thanh	Hằng	08/12/94	60486	A	3	5.00	4.50	4.25	14.00	9068		
43	Nguyễn Thanh	Hà	01/12/93	21653	A	1	4.25	4.50	3.50	14.00	9698		
44	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	17/11/93	22828	A	2NT	3.25	4.50	4.50	13.50	112		
45	Nguyễn Hữu	Pháp	08/02/92	21591	A	2	5.50	3.50	4.00	13.50	480		
46	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/01/93	21700	A	2NT	5.00	3.75	3.75	13.50	552		
47	Hồ Thị	Dung	25/04/94	23467	A	2NT	4.00	3.50	4.75	13.50	666		
48	Nguyễn Lương	Tài	13/10/93	13512	A	2NT	3.25	3.25	6.00	13.50	780		
49	Hoàng Hưng	Thịnh	16/04/94	22861	A	2NT	4.75	4.25	3.25	13.50	1197		
50	Đinh Thị Thùy	Trang	10/06/94	23456	A	1	3.00	4.25	4.75	13.50	1214		
51	Dương Thị	Lụa	20/05/93	22577	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	1223		
52	Lê Thị Minh	Tuyền	13/06/94	28296	A	1	4.75	3.50	3.75	13.50	1378		
53	Phan Thị	Tâm	07/04/94	22589	A	2NT	3.00	5.00	4.50	13.50	1495		
54	Trương Thị Thuỳ	Dương	25/04/93	21838	A	2NT	4.25	4.25	3.75	13.50	1540		
55	Nguyễn Thị Hồng	Trang	11/06/91	21945	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	1574		
56	Hồ Viết	Tích	18/02/94	22906	A	1	3.25	4.00	4.50	13.50	2000		
57	Nguyễn Thị Nhã	Uyên	07/02/93	10876	A	1	4.25	4.50	3.00	13.50	2265		
58	Nguyễn Đức	Trung	29/06/94	27433	A	1	3.50	4.50	3.75	13.50	2310		
59	Phùng Gia	Bảo	20/02/92	10719	A	2	5.50	4.50	3.00	13.50	2394		
60	Đỗ Thị	Ninh	05/08/94	22660	A	2NT	4.75	4.75	2.75	13.50	2764		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
61	Bùi Xuân	Lãm	07/10/92	1132	A	2NT	4.00	4.50	3.75	13.50	2854		
62	Trịnh Thị Như	ý	20/07/94	23420	A	2NT	3.25	3.75	5.25	13.50	3209		
63	Mai Thị	Bình	22/09/94	60102	A	1	2.00	5.25	4.50	13.50	8092		
64	Đoàn Thị Hồng	Như	14/07/94	6928	A	1	5.25	3.00	3.50	13.50	8318		
65	Hoàng Thị Thanh	Huyền	31/08/94	16142	A	1	3.50	4.50	4.00	13.50	8492		
66	Nguyễn Ngọc	Vũ	02/07/94	29481	A	2	5.50	3.25	4.00	13.50	8708		
67	Nguyễn Thị ái	My	19/05/93	44295	A	2NT	4.50	4.50	3.25	13.50	9505		
68	Nguyễn Th_ Thùy	Trang	17/01/92	17962	A	2NT	3.50	5.75	3.25	13.50	9718		
69	Nguyễn Văn	Tuấn	30/06/93	23078	A	2NT	3.00	4.50	4.50	13.00	115		
70	Phạm Thị	Ny	01/02/92	23444	A	2NT	4.50	3.25	4.00	13.00	131		
71	Hoàng Thị Diệu	Ny	15/08/93	22736	A	2NT	4.25	4.00	3.50	13.00	143		
72	Nguyễn Thị	Hà	02/11/92	21690	A	2	4.00	4.50	4.00	13.00	197		
73	Hoàng Thị	Thông	12/10/94	22707	A	1	3.00	4.50	4.00	13.00	202		
74	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	12/11/94	15746	A	2	4.00	4.50	4.00	13.00	232		
75	Hồ Bảo	An	27/10/94	10077	A	2	4.75	3.50	4.00	13.00	364		
76	Lê Ngô Đức	Hiếu	18/10/94	12635	A	2	4.75	4.00	3.75	13.00	376		
77	Lê Thị Mỹ	Dung	27/02/94	690	A	2NT	2.25	4.00	5.50	13.00	412		
78	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	30/11/94	22528	A	2	4.75	3.00	4.50	13.00	444		
79	Nguyễn Đức Anh	Tuấn	03/10/94	22913	A	2	5.50	4.50	2.50	13.00	483		
80	Trần Văn	Tuất	01/07/94	22996	A	2	4.00	4.50	3.75	13.00	640		
81	Hoàng Thị Ngọc	Vân	25/02/93	28797	A	2NT	3.25	5.25	3.50	13.00	705		
82	Lê Hoài Thương	Phúc	11/01/94	10490	A	1	4.50	3.50	3.50	13.00	842		
83	Nguyễn Ngọc	Tuấn	29/06/94	27987	A	2	3.50	4.75	4.00	13.00	898		
84	Đặng Thị	Thuý	30/10/94	23027	A	2NT	3.00	3.50	5.25	13.00	928		
85	Hồ Hồng Bảo	Tiên	29/01/94	26029	A	2NT	3.75	3.50	4.75	13.00	1011		

(DHT.D440102) - Ngành: Vật lý học

Chỉ tiêu: 42

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
86	Lê Thị Thanh	Nhàn	10/09/94	22893	A	2NT	2.75	5.00	4.00	13.00	1173		
87	Nguyễn Thị	Ngọc	05/02/94	22812	A	1	2.25	5.50	3.50	13.00	1374		
88	Trương Thị Hoài	Thu	16/07/94	47397	A	2	2.00	3.75	6.50	13.00	1429		
89	Hồ Đắc	Tư	26/10/93	28635	A	1	3.50	4.25	3.50	13.00	1608		
90	Nguyễn Văn Tiến	Thuận	23/08/94	22902	A	2	5.25	3.50	3.75	13.00	1921		
91	Hồ Thị ý	Nhi	04/02/94	13378	A	2	4.75	4.00	3.50	13.00	2013		
92	Lê Phú	Kỳ	22/01/94	22764	A	2NT	3.25	4.00	4.75	13.00	3086		
93	Phạm Thị Mỹ	Anh	01/11/94	13145	A	2	4.25	4.50	3.50	13.00	3184		
94	Đặng Thị ánh	Lê	27/02/94	60941	A	2NT	4.50	4.50	2.75	13.00	8882		
95	Trần Thế	Duy	04/02/94	47758	A	2NT	3.50	3.50	4.75	13.00	13034		

(DHT.D440201) - Ngành: Địa chất học

Chỉ tiêu: 30

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phạm	Minh	11/06/94	6610	A	2	5.75	5.25	4.75	16.50	3237		
2	Võ Văn Minh	Quân	21/06/94	21671	A	2	6.75	3.50	4.50	15.50	1622		
3	Lê Phú	Bảo	19/09/93	127	A	2NT	7.75	4.25	2.50	15.50	3371		
4	Thân Trọng	Pho	01/02/94	21056	A	2NT	4.75	3.50	5.50	15.00	987		
5	Nguyễn Văn	Chánh	10/01/94	11119	A	2	3.25	5.50	5.50	15.00	8988		
6	Hồ Quang	Huynh	12/08/94	14643	A	2NT	6.25	3.75	3.50	14.50	2361		
7	Phan Văn	Khuynh	25/01/94	17241	A	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	2823		
8	Nguyễn Việt	Thắng	07/01/93	24850	A	2NT	3.25	4.25	6.00	14.50	3242		
9	Hoàng	Duy	13/10/92	12215	A	1	5.75	4.50	2.50	14.50	9537		
10	Phan Thế	ánh	10/11/94	10529	A	2NT	3.75	4.50	4.50	14.00	1532		
11	Trần Thị Hồng	Phượng	11/05/92	21857	A	3	4.50	4.00	5.50	14.00	8006		
12	Hoàng Văn	Linh	29/06/94	17943	A	2	4.25	4.25	5.00	14.00	8703		

(DHT.D440201) - Ngành: Địa chất học **Chỉ tiêu: 30**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
13	Hồ Tấn Nhật	Hoàng	29/03/94	15424	A	2NT	3.25	4.00	5.00	13.50	807		
14	Hoàng Ngọc	Phước	28/11/94	13846	A	2NT	3.75	3.75	5.00	13.50	984		
15	Nguyễn Thị	Ân	10/11/94	16384	A	2NT	3.00	5.00	4.50	13.50	1505		
16	Trần Văn	Hải	07/03/93	633	A	1	4.25	4.50	3.00	13.50	2537		
17	Lê Phước Thanh	Tín	01/01/94	12866	A	2	4.25	4.75	3.25	13.00	287		
18	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	08/02/94	11831	A	2	4.50	4.75	3.00	13.00	1091		
19	Nguyễn Thị	Chi	28/11/93	13862	A	1	4.75	3.75	2.75	13.00	9706		

(DHT.D440217) - Ngành: Địa lý tự nhiên **Chỉ tiêu: 37**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Lê	Hảo	11/11/94	57865	B	2NT	6.75	8.00	6.00	22.00	9654		
2	Võ Thị	Trinh	30/07/94	59402	B	2NT	9.25	5.75	4.50	20.50	2777		
3	Trần Thị Lệ	Thuỷ	05/01/94	57571	B	1	5.50	6.50	6.50	20.00	1580		
4	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	21/09/94	57824	B	2	7.00	5.75	6.00	19.50	2788		
5	Nguyễn Đăng Hoàng	Phúc	21/03/94	63413	B	2	4.75	6.50	7.75	19.50	2811		
6	Kiều Trịnh Lê	Vi	05/12/94	56511	B	3	7.50	6.75	4.50	19.00	8900		
7	Phạm Nhật	Quang	16/06/94	55869	B	2	5.50	4.75	7.75	18.50	880		
8	Nguyễn Văn	Tri	06/07/93	63383	B	2NT	6.00	5.50	6.00	18.50	2380		
9	Ngô Đình	Hoài	22/10/93	59788	B	2	7.25	4.25	6.00	18.00	66		
10	Phạm Minh	Tuấn	03/02/94	59288	B	2NT	6.00	4.25	6.75	18.00	2493		
11	Trương Thị Diệu	Hiền	14/02/92	62348	B	2	6.25	5.50	5.50	18.00	3081		
12	Nguyễn Thị Hà	Trang	20/09/93	58423	B	2	6.50	7.50	3.25	18.00	3218		
13	Dương Đức	Thành	20/01/94	16097	B	1	6.75	5.75	3.75	18.00	9182		
14	Phạm Thị Thùy	Dung	26/01/94	11081	B	1	6.00	4.75	5.50	18.00	9786		
15	Nguyễn Công	Đức	09/08/94	58358	B	3	5.50	6.00	6.50	18.00	13074		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
16	Nguyễn Văn	Trình	21/10/94	59925	B	1	5.00	4.75	6.00	17.50	8966		
17	Trịnh Đăng	Tân	16/04/94	63142	B	2NT	7.00	2.25	6.50	17.00	8968		
18	Nguyễn Thị Phương	Linh	28/10/94	55542	B	2NT	5.50	5.75	4.25	16.50	1906		
19	Trương Tấn	Đạt	12/03/93	51743	B	2	4.25	5.75	5.50	16.00	168		
20	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	14/04/94	51671	B	1	6.00	4.00	4.50	16.00	1332		
21	Châu Thị Tường	Vy	29/06/93	56630	B	2	3.75	5.00	6.50	16.00	2929		
22	Nguyễn Xuân	Thông	10/02/94	57058	B	2	3.25	7.75	4.50	16.00	2935		
23	Lê Cảnh Thảo	Diệp	23/10/94	51487	B	2NT	5.75	4.25	4.75	16.00	3118		
24	Võ Thị Kim	Phượng	19/10/93	65391	B	1	4.50	4.75	5.00	16.00	9326		
25	Văn Thị Diệu	Thi	05/12/94	24935	A	3	6.75	4.25	4.50	15.50	9106		
26	Ngô Quý	Ngừng	29/06/94	62526	B	1	4.00	5.00	4.75	15.50	2457		
27	Trần Thị Thanh	Hồng	14/11/94	62061	B	2	3.50	6.00	5.25	15.50	2638		
28	Phan Thị Thuý	Hằng	26/02/94	56017	B	1 06	6.25	1.00	5.50	15.50	8666		
29	Nguyễn Hữu	Đông	04/07/94	51935	B	2NT	7.00	4.00	3.50	15.50	9059		
30	Trần Khánh	Diệu	08/08/92	62993	B	2NT	4.50	4.75	5.00	15.50	9406		
31	Vũ Công	Sơn	24/12/94	51821	B	2NT	4.50	4.50	5.25	15.50	9591		
32	Nguyễn Thị	Thương	25/05/94	25943	A	2NT	5.00	4.25	4.50	15.00	8015		
33	Phạm Thị Thiên	Lý	17/06/94	44068	A	2NT	4.25	5.25	4.50	15.00	8029		
34	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	18/02/94	10655	A	2NT	5.00	4.75	4.25	15.00	8031		
35	Đặng Thị Lệ	Giang	16/12/94	13588	A	2	5.00	4.50	5.00	15.00	8726		
36	Ngô Quang	Đa	19/05/94	12664	A	2NT	5.00	3.75	5.25	15.00	9220		
37	Phan Văn	Minh	30/05/94	51752	B	2	4.50	5.50	4.50	15.00	107		
38	Trần Xuân Cát	Ngọc	10/06/94	9045	B	2	6.00	5.50	3.00	15.00	226		
39	Đặng Anh	Thắng	07/12/93	61919	B	2NT	4.00	5.00	4.75	15.00	256		
40	Trần Đình	Mỹ	30/05/94	60965	B	2NT	4.25	4.00	5.50	15.00	832		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
41	Lê Anh	Quân	05/03/94	49776	B	2	4.50	3.25	6.75	15.00	1236		
42	Trương Thị Thanh	Hiếu	02/11/94	51525	B	2	6.00	3.00	5.50	15.00	2161		
43	Hoàng Thiên	Việt	31/10/94	60631	B	2	4.00	4.75	5.75	15.00	2282		
44	Nguyễn Thị Qui	Phượng	26/12/93	60461	B	1	4.75	5.50	3.00	15.00	2447		
45	Ngô Hoàng	Phước	29/11/94	52206	B	2	4.25	4.50	5.50	15.00	8310		
46	Lê Anh	Dũng	22/06/93	56013	B	3	6.50	1.75	6.50	15.00	9679		
47	Trần Văn	Hùng	09/07/94	16352	A	1	4.00	4.50	4.25	14.50	1129		
48	Trần Đình	Nghĩa	14/05/94	13287	A	1	4.25	3.75	4.75	14.50	2350		
49	Cao Bá	Tuấn	26/04/93	52910	B	2NT	3.50	5.25	4.50	14.50	193		
50	Hoàng Thị Ngọc	Diễm	11/10/94	52064	B	2	5.00	5.00	3.75	14.50	303		
51	Nguyễn Hùng	Sơn	17/06/94	52859	B	2	3.00	5.50	5.50	14.50	388		
52	Nguyễn Tân	Vũ	19/04/94	39598	B	2	4.25	4.75	5.00	14.50	699		
53	Nguyễn Xuân Minh	Quang	19/06/94	55741	B	2	5.00	5.00	3.75	14.50	1798		
54	Phan Thị	Mướp	12/04/94	52731	B	1	3.25	4.75	5.00	14.50	2444		
55	Lê Nhật	Thảo	07/07/93	62782	B	2	7.00	2.50	4.50	14.50	2778		
56	Phan Thị Hoài	Phương	14/10/94	9495	B	1	3.75	3.50	5.50	14.50	8001		
57	Nguyễn Thị	Nguyệt	16/04/93	52972	B	2NT	4.50	3.75	5.25	14.50	9670		
58	Nguyễn Quang	Trung	23/04/94	12332	A	2	4.50	5.50	3.50	14.00	463		
59	Phan Văn	Tuấn	25/02/93	52285	B	2NT	3.75	5.50	3.75	14.00	857		
60	Phan Thị	Hương	02/12/93	50436	B	2NT	3.25	3.50	6.25	14.00	933		
61	Đoàn Văn	Toàn	04/06/94	53022	B	2	4.50	4.00	4.75	14.00	2780		
62	Đặng Thị Tuyết	Quỳnh	20/05/94	64237	B	2NT	4.25	4.50	4.25	14.00	3102		
63	Nguyễn Hoàng	Lâm	13/12/92	62646	B	2NT	5.50	4.50	2.75	14.00	3224		
64	Nguyễn Văn Viết	Nghĩa	28/06/92	55385	B	2	7.25	3.00	3.25	14.00	3388		
65	Nguyễn Thị	Lệ	25/02/94	64560	B	2NT	4.50	4.75	3.75	14.00	8905		

(DHT.D440217) - Ngành: Địa lý tự nhiên — **Chỉ tiêu: 37**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
66	Nguyễn Thị	Ân	10/11/94	16384	A	2NT	3.00	5.00	4.50	13.50	1504		
67	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/08/94	17064	A	2	4.00	4.50	4.25	13.50	8850		
68	Nguyễn Thị	Loan	25/08/94	18137	A	2	3.00	4.75	5.25	13.50	9140		
69	Trương Thị	Thúy	11/07/94	10787	A	2NT	5.00	3.75	3.50	13.50	9605		
70	Lê Phước Thanh	Tín	01/01/94	12866	A	2	4.25	4.75	3.25	13.00	289		

(DHT.D440301) - Ngành: Khoa học môi trường — **Chỉ tiêu: 8**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Lê Thị	Hiền	28/01/93	61936	B	2NT	6.00	5.50	4.75	17.50	8408		
2	Lương Thị Bích	Thuỷ	30/11/94	47529	A	1	6.00	4.50	3.75	16.00	2592		
3	Nguyễn Xuân	Dũng	12/04/93	378	A	2	5.00	7.50	2.50	15.50	1840		
4	Nguyễn Xuân	Dũng	12/04/93	60860	B	2	6.00	5.00	3.25	15.00	1844		

(DHT.D460101) - Ngành: Toán học — **Chỉ tiêu: 44**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trần Như	Sính	30/04/93	26407	A	2	7.75	6.25	5.25	20.00	9201		
2	Thiều Trần Thanh	Trúc	04/10/94	3187	A	2	7.25	3.50	7.75	19.00	13083		
3	Võ Đại Quốc	Việt	07/07/94	27120	A	1	5.25	5.00	6.50	18.50	1138		
4	Trần Văn	Thông	27/07/94	3001	A	2NT	6.00	4.50	6.75	18.50	2328		
5	Nguyễn Hoàng Vân	Anh	24/12/94	14207	A	2	7.25	5.25	5.50	18.50	8616		
6	Tân Thị Thanh	Thư	10/08/94	17836	A	2	6.75	5.25	5.75	18.50	9219		
7	Nguyễn Thị Ngọc	Lên	10/07/94	26851	A	2NT	6.50	4.75	6.25	18.50	9289		
8	Phạm Thị	Hợp	06/04/94	4080	A	1 06	4.75	5.50	5.50	18.50	9727		
9	Nguyễn Ngọc	Anh	01/08/94	23171	A	2	6.00	5.00	6.50	18.00	2330		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
10	Đỗ Thanh	Nhạn	10/05/93	26325	A	1	6.75	4.00	5.50	18.00	8185		
11	Huỳnh Thị	Trúc	06/01/94	2500	A	2	7.00	4.50	5.25	17.50	9541		
12	Lê Văn	Bình	04/02/94	23299	A	2NT	5.50	4.25	5.50	16.50	932		
13	Hồ Đức	Trí	20/03/94	62397	A	2	4.25	5.50	6.25	16.50	1172		
14	Đinh Thị Phương	Thảo	07/01/94	23572	A	2NT	5.00	3.75	6.50	16.50	1226		
15	Nguyễn Hoàng	Thứ	20/03/94	10274	A	2	4.50	5.75	5.75	16.50	8046		
16	Phạm Thị Hồng	Vi	05/07/94	12140	A	2NT	5.25	5.75	4.25	16.50	9005		
17	Lê Thị Mỹ	Nhật	26/02/94	15567	A	2	4.50	6.00	4.75	16.00	339		
18	Trần Thị	Ngọc	15/08/94	21666	A	1	4.75	5.25	4.50	16.00	571		
19	Phan Văn	Thảo	25/03/94	15701	A	1	3.75	5.50	5.00	16.00	2212		
20	Trần Thị Ngọc	Phước	06/11/94	23241	A	2NT	3.50	5.00	6.50	16.00	3274		
21	Võ Thị	Hiền	20/06/94	42142	A	2NT	4.75	5.50	4.50	16.00	8776		
22	Nguyễn Ngọc	Hà	20/05/94	649	A	1	5.00	4.50	4.75	16.00	9080		
23	Võ Thị Thanh	Huyền	16/04/94	16898	A	2NT	5.00	5.00	4.75	16.00	9234		
24	Nguyễn Thị Thảo	Phương	14/05/94	21822	A	2	5.25	5.00	5.25	16.00	13098		
25	Nguyễn Thị	Lin	01/09/93	23186	A	2NT	6.00	3.75	4.75	15.50	538		
26	Nguyễn Thị Minh	Trang	13/06/94	21982	A	2NT	5.75	4.00	4.50	15.50	877		
27	Dương Thị Diệu	Hiền	03/11/94	23554	A	2NT	5.75	4.00	4.75	15.50	1183		
28	Trần Thị Ngọc	ánh	06/02/94	22105	A	2NT	5.50	4.25	4.50	15.50	1246		
29	Đặng Công	Huy	16/01/90	15841	A	2NT 03	3.25	4.75	4.50	15.50	1255		
30	Lê Công Anh	Thư	09/03/94	23333	A	2	5.50	4.00	5.50	15.50	1421		
31	Võ Văn Minh	Quân	21/06/94	21671	A	2	6.75	3.50	4.50	15.50	1618		
32	Trần Thị Thoại	Hương	01/04/93	17067	A	2NT	5.00	4.50	4.75	15.50	1641		
33	Phan Thị Ngọc	Hà	09/03/94	16597	A	1	4.50	3.50	5.75	15.50	1792		
34	Đỗ Văn	Anh	28/05/94	10387	A	2NT	6.00	4.75	3.50	15.50	1913		

(DHT.D460101) - Ngành: Toán học — Chỉ tiêu: 44

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
35	Nguyễn Trà	My	17/07/94	23108	A	2	6.00	3.00	6.00	15.50	1969		
36	Võ Anh	Vỹ	19/03/94	44341	A	2NT	4.00	4.25	6.00	15.50	2312		
37	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	17/02/94	12048	A	1	5.25	3.50	5.00	15.50	2693		
38	Phan Cảnh Quốc	Đạt	09/06/93	12923	A	2	5.00	4.50	5.25	15.50	2977		
39	Nguyễn Thị Thu	Thắm	26/11/94	5016	A	1	5.00	4.25	4.50	15.50	8152		
40	Nguyễn Bình	An	23/12/94	4587	A	2	6.00	4.50	4.50	15.50	8393		
41	Đoàn Thị Thanh	Ngân	11/05/93	44605	A	2NT	3.75	5.50	5.00	15.50	8592		
42	Nguyễn Khoa Anh	Tuấn	01/03/94	22231	A	2NT	4.25	4.25	5.75	15.50	8950		
43	Nguyễn Thị	Đào	17/05/94	41164	A	2	5.50	3.50	5.75	15.50	9093		
44	Nguyễn Thị Thúy	Bích	10/10/94	60095	A	3	5.75	3.50	6.00	15.50	9111		
45	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	01/09/94	21755	A	2NT	5.25	3.75	5.50	15.50	9197		
46	Ngô Thị Kim	Sương	02/04/94	23326	A	2NT	6.00	3.50	5.00	15.50	9563		
47	Võ Văn	Phúc	06/09/92	22046	A	2NT	3.25	4.00	6.75	15.00	5		
48	Lê Thị Huyền	Trâm	15/11/94	23539	A	2	4.50	4.50	5.50	15.00	253		
49	Lê Thị	Nga	17/09/94	21964	A	2	6.25	4.50	3.50	15.00	511		
50	Nguyễn Lê Linh	Châu	20/06/94	13736	A	2	5.75	3.50	5.25	15.00	741		
51	Thân Trọng	Pho	01/02/94	21056	A	2NT	4.75	3.50	5.50	15.00	969		
52	Bùi Anh	Vinh	02/05/94	22178	A	2NT	4.50	5.00	4.25	15.00	995		
53	Bùi Nguyễn Uyên	Minh	27/01/94	21775	A	2	5.25	4.50	4.50	15.00	1042		
54	Trần Thanh	Phong	04/02/94	21135	A	2NT	4.50	4.00	5.50	15.00	1458		
55	Nguyễn Xuân	Hiệp	14/02/94	22149	A	1	6.00	4.25	3.25	15.00	1628		
56	Phan Thị Huyền	Trang	02/02/93	3455	A	2NT	6.00	3.50	4.50	15.00	1864		
57	Phan Thế Hoàng	Ninh	10/09/94	20825	A	2NT	3.25	5.50	5.00	15.00	1872		
58	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	03/08/94	23344	A	2	4.50	4.50	5.50	15.00	2154		
59	Tôn Nữ Quỳnh	Trang	02/09/94	26795	A	2	4.25	4.50	5.50	15.00	2563		

(DHT.D460101) - Ngành: Toán học — Chỉ tiêu: 44

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
60	Hà Thị	Hiếu	10/02/93	60548	A	2NT	6.75	4.75	2.50	15.00	2655		
61	Trần Thị	Thảo	13/04/94	15912	A	2NT	4.75	4.00	5.25	15.00	2863		
62	Nguyễn Thị Hoài	Linh	30/12/94	17964	A	2NT	4.00	4.25	5.50	15.00	8144		
63	Võ Thị	Hằng	20/07/94	41890	A	2NT	4.50	6.25	3.00	15.00	8197		
64	Lưu	Thi	04/07/93	4422	A	2NT 06	3.50	4.50	5.00	15.00	8453		
65	Nguyễn Anh	Tuấn	05/11/94	27874	A	1	5.00	4.25	4.00	15.00	8674		
66	Lê Thị Trường	An	26/09/94	60004	A	2NT	6.00	4.50	3.25	15.00	8693		
67	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	09/04/93	3417	A	2NT	5.50	3.25	5.00	15.00	8960		
68	Huỳnh Thị Phương	Thảo	20/04/93	46971	A	2	4.00	5.25	5.00	15.00	9218		
69	Nguyễn Diệu	Hương	26/02/94	16899	A	2NT	3.50	6.00	3.75	14.50	160		
70	Đặng Khắc	Quân	20/05/91	22197	A	2NT 06	4.50	3.50	4.50	14.50	517		
71	Phan Công	Đạt	18/12/94	12896	A	2	7.50	2.50	3.75	14.50	661		
72	Hồ Thị	Huyền	17/10/94	21806	A	2NT	5.25	5.00	3.25	14.50	726		
73	Phan Văn	Tuấn	25/02/93	28044	A	2NT	4.25	4.50	4.50	14.50	859		
74	Trần Thị	Thuận	03/08/94	22014	A	1	4.50	4.00	4.50	14.50	1665		
75	Đặng Thị	Hạnh	10/06/94	16556	A	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	1916		
76	Mai Thị Mỹ	Hương	10/10/94	23475	A	1	3.50	4.50	4.75	14.50	2813		
77	Nguyễn Thị Kim	Loan	03/04/94	61040	A	2	5.50	4.00	4.50	14.50	2881		
78	Nguyễn Xuân	Thông	10/02/94	21676	A	2	6.00	4.25	3.50	14.50	2934		
79	Nguyễn Thị	Huệ	02/06/94	15836	A	1	4.50	5.00	3.50	14.50	8032		
80	Phạm Thị Thùy	Dung	26/01/94	16418	A	1	2.75	5.25	5.00	14.50	8151		
81	Lê	Lanh	08/07/94	17507	A	2NT	4.00	3.00	6.50	14.50	8529		
82	Lê Thị	Trinh	10/08/94	22220	A	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	8744		
83	Lê Thị Ngọc	Uyên	16/12/94	10332	A	1	4.00	4.50	4.50	14.50	9439		
84	Ngô Ngọc Hoài	Trâm	27/08/94	22177	A	2	5.75	4.25	3.50	14.00	301		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
85	Hà Thị	Lanh	08/12/94	21886	A	2	5.75	4.00	3.50	14.00	442		
86	Văn Thị	Quả	10/06/94	15739	A	2NT	5.00	5.25	2.50	14.00	470		
87	Nguyễn Thị	Hiền	30/10/94	21730	A	2NT	5.50	3.75	3.75	14.00	568		
88	Lê Thị Quỳnh	Chi	11/06/94	26421	A	2	4.75	4.25	4.25	14.00	586		
89	Lê Nhật	Hoàng	10/07/94	22032	A	1	4.50	3.50	4.25	14.00	701		
90	Nguyễn Thị	Mỵ	01/12/94	21813	A	1	3.75	3.75	4.75	14.00	844		
91	Võ Thị	Mến	18/03/94	21738	A	1	5.50	5.00	2.00	14.00	855		
92	Bùi Gia	Lượng	01/01/94	18698	A	2	5.75	3.50	4.25	14.00	1508		
93	Trần Thị Phương	Linh	11/05/94	10647	A	2	4.00	3.50	6.00	14.00	1615		
94	Lê Thị	Thảo	16/04/94	21863	A	2NT	5.00	3.50	4.50	14.00	1935		
95	Võ Thị ánh	Tuyết	31/01/94	22240	A	2	5.00	4.25	4.25	14.00	1941		
96	Lê Văn	Thạnh	08/09/93	24630	A	2	4.50	4.50	4.25	14.00	1980		
97	Nguyễn Tất	Đạt	30/01/94	14638	A	2NT	5.25	4.25	3.25	14.00	2021		
98	Trần Thị Hoài	Quyên	10/08/94	46127	A	1	3.25	4.50	4.50	14.00	2036		
99	Trần Xuân	Huy	10/08/94	13954	A	2NT	3.25	4.25	5.50	14.00	2300		
100	Nguyễn Viết Thành	Công	28/11/94	15211	A	1	4.00	4.25	4.00	14.00	2584		
101	Đặng Thị	Thảo	09/09/94	14358	A	2NT	3.50	4.50	5.00	14.00	3264		
102	Đặng Hồng	Phúc	26/09/94	61494	A	3	4.75	3.50	5.75	14.00	3369		
103	Bùi Thị Lý	Hoa	01/03/94	42275	A	1	5.75	4.00	2.50	14.00	8246		
104	Nguyễn Việt	Triều	25/08/93	27050	A	2NT	6.25	4.50	2.25	14.00	8280		
105	Phạm Thị Vũ	Tự	08/09/93	28714	A	2	5.25	4.00	4.25	14.00	8285		
106	Đặng Hồng	Phúc	26/09/94	61494	A	3	4.75	3.50	5.75	14.00	9145		
107	Mai Thị	Yên	17/08/94	6648	A	2NT	4.50	4.50	3.75	14.00	9260		
108	Nguyễn Thị	Thám	02/01/94	1486	A	2NT	4.50	4.00	4.50	14.00	13027		
109	Đặng Hồng	Phúc	26/09/94	61494	A	3	4.75	3.50	5.75	14.00	13029		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
110	Phan Thị	Tâm	07/04/94	22589	A	2NT	3.00	5.00	4.50	13.50	46		
111	Châu Thị Kim	Thoa	11/05/93	23411	A	2	3.75	5.50	3.75	13.50	54		
112	Mai Thị Minh	Huyền	30/08/94	14265	A	2	4.50	3.50	4.75	13.50	82		
113	Hoàng Minh	Tú	12/09/94	10817	A	2NT	2.50	4.25	5.50	13.50	171		
114	Trần Minh	Lâm	23/10/94	23312	A	2	4.50	3.50	5.00	13.50	205		
115	Nguyễn Hữu	Pháp	08/02/92	21591	A	2	5.50	3.50	4.00	13.50	481		
116	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/01/93	21700	A	2NT	5.00	3.75	3.75	13.50	546		
117	Đinh Thị Thùy	Trang	10/06/94	23456	A	1	3.00	4.25	4.75	13.50	1213		
118	Dương Thị	Lụa	20/05/93	22577	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	1224		
119	Nguyễn Thị Hồng	Trang	11/06/91	21945	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	1576		
120	Mai Phương	Đăng	10/04/94	13006	A	1	3.25	4.50	4.00	13.50	1795		
121	Trần Thảo Uyên	Ly	13/11/94	3992	A	2	3.25	4.25	5.25	13.50	1907		
122	Bạch Thị Kim	Anh	13/04/94	22485	A	1	4.25	3.25	4.50	13.50	1958		
123	Nguyễn Thị Nhã	Uyên	07/02/93	10876	A	1	4.25	4.50	3.00	13.50	2264		
124	Phùng Gia	Bảo	20/02/92	10719	A	2	5.50	4.50	3.00	13.50	2397		
125	Huỳnh Thế Minh	Tâm	16/08/94	23659	A	2NT	1.50	4.50	6.25	13.50	2574		
126	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	23/04/94	10027	A	1	4.25	3.50	4.00	13.50	2730		
127	Ngô Thị Khánh	Ly	29/07/93	16946	A	2NT	2.75	4.75	5.00	13.50	2749		
128	Đỗ Thị	Ninh	05/08/94	22660	A	2NT	4.75	4.75	2.75	13.50	2763		
129	Bùi Xuân	Lãm	07/10/92	1132	A	2NT	4.00	4.50	3.75	13.50	2861		
130	Đào Thị	Loan	20/06/93	21660	A	1	4.00	4.50	3.50	13.50	3013		
131	Phan Thị Phương	Thảo	17/05/94	15660	A	1	3.00	4.50	4.25	13.50	3017		
132	Trần Yến	Nhi	20/11/94	22199	A	2NT	4.50	3.50	4.25	13.50	3069		
133	Nguyễn Công	Kỳ	06/08/93	14419	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	3344		
134	Đặng Thị Hoa	Hồng	12/06/94	15696	A	1	3.25	4.50	4.25	13.50	8652		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
135	Nguyễn Ngọc	Vũ	02/07/94	29481	A	2	5.50	3.25	4.00	13.50	8709		
136	Nguyễn Thanh	Trúc	20/01/94	22227	A	2	4.75	4.00	4.25	13.50	8750		
137	Cái Ngọc	Dương	26/06/94	12544	A	2	4.00	4.50	4.50	13.50	8876		
138	Nguyễn Th_ Thùy	Trang	17/01/92	17962	A	2NT	3.50	5.75	3.25	13.50	9270		
139	Hà Như	Luyện	28/08/92	23562	A	2NT	3.75	5.50	3.00	13.50	9434		
140	Trần Thanh	Hằng	12/06/94	16056	A	2NT	3.50	3.75	5.00	13.50	9562		
141	Hoàng Thị	Hà	18/01/94	15551	A	2NT	3.50	5.25	3.75	13.50	9576		
142	Nguyễn Văn Tiến	Thuận	23/08/94	22902	A	2	5.25	3.50	3.75	13.00	3		
143	Lê Bá Giáng	Tiên	04/04/94	21868	A	2	5.25	3.50	3.75	13.00	85		
144	Phạm Thị	Ny	01/02/92	23444	A	2NT	4.50	3.25	4.00	13.00	133		
145	Nguyễn Thị	Hà	02/11/92	21690	A	2	4.00	4.50	4.00	13.00	198		
146	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	12/11/94	15746	A	2	4.00	4.50	4.00	13.00	231		
147	Phạm Ngọc Nguyên	Vũ	03/10/94	14952	A	2	5.25	4.00	3.00	13.00	387		
148	Nguyễn Đức Anh	Tuấn	03/10/94	22913	A	2	5.50	4.50	2.50	13.00	484		
149	Hoàng Thị Ngọc	Vân	25/02/93	28797	A	2NT	3.25	5.25	3.50	13.00	707		
150	Hồ Thị Tuyết	Trinh	20/06/93	23033	A	2NT	5.75	3.75	2.50	13.00	916		
151	Hồ Hồng Bảo	Tiên	29/01/94	26029	A	2NT	3.75	3.50	4.75	13.00	1007		
152	Lê Văn	Dinh	21/12/94	11986	A	2NT	3.50	4.00	4.50	13.00	1039		
153	Nguyễn	Dỏi	10/03/94	15296	A	1	3.75	3.00	4.75	13.00	1321		
154	Nguyễn Thị Vành	Khuyên	27/02/94	22497	A	1	2.50	4.25	4.50	13.00	1323		
155	Lê Hoài Thương	Phúc	11/01/94	10490	A	1	4.50	3.50	3.50	13.00	1392		
156	Trương Thị Hoài	Thu	16/07/94	47397	A	2	2.00	3.75	6.50	13.00	1428		
157	Đặng Thị Mỹ	Linh	29/05/94	22193	A	2NT	4.50	4.25	3.00	13.00	1741		
158	Nguyễn Hữu	Tuệ	16/02/94	14948	A	2	3.00	4.50	4.75	13.00	1760		
159	Hồ Thị ý	Nhi	04/02/94	13378	A	2	4.75	4.00	3.50	13.00	2014		

(DHT.D460101) - Ngành: Toán học

Chỉ tiêu: 44

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
160	Nguyễn Mạnh	Cường	13/03/94	11183	A	2	5.00	3.25	4.25	13.00	2040		
161	Phan Thanh Đông	Nguyên	09/04/94	44849	A	2	4.75	2.75	4.75	13.00	2188		
162	Trần Văn	Tuất	01/07/94	22996	A	2	4.00	4.50	3.75	13.00	2303		
163	Huỳnh Thái	Dương	01/01/92	22452	A	2	4.75	4.25	3.50	13.00	2590		
164	Đặng Thị	Phú	20/02/94	23240	A	2	3.50	3.75	5.25	13.00	2656		
165	Nguyễn Thị Cát	Thảo	29/10/94	14771	A	2NT	3.00	4.50	4.50	13.00	2661		
166	Lê Thị Thanh	Nhàn	10/09/94	22893	A	2NT	2.75	5.00	4.00	13.00	2675		
167	Lê Phú	Kỳ	22/01/94	22764	A	2NT	3.25	4.00	4.75	13.00	3085		
168	Phạm Thị Mỹ	Anh	01/11/94	13145	A	2	4.25	4.50	3.50	13.00	3185		
169	Nguyễn Thị	Hiền	13/06/94	21617	A	2NT	5.00	3.50	3.50	13.00	8440		
170	Lê Thị	Phú	25/11/93	14165	A	2NT	4.00	3.25	4.50	13.00	8580		
171	Tôn Nữ Hương	Nguyên	08/05/94	20076	A	3	5.75	4.50	2.75	13.00	8747		
172	Võ Quang	Hưng	29/08/93	60792	A	3	3.75	3.75	5.25	13.00	8970		
173	Trương Văn	Cương	05/03/94	11586	A	2NT	3.25	4.75	3.75	13.00	9243		
174	Lê Thị Ngọc	Anh	30/07/93	12227	A	2	5.00	4.50	3.00	13.00	9602		
175	Trần Thế	Duy	04/02/94	47758	A	2NT	3.50	3.50	4.75	13.00	13036		

(DHT.D460112) - Ngành: Toán ứng dụng

Chỉ tiêu: 49

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Lê Thị Thanh	Tuyền	08/09/94	23585	A	2NT	4.75	5.00	6.25	17.00	406		
2	Phan Thị Ngọc	Diễm	26/03/94	41228	A	2 06	4.00	3.75	7.00	16.50	8468		
3	Hồ Thị Hồng	Nhung	22/08/94	45253	A	2 06	5.50	4.25	5.25	16.50	8717		
4	Ngô Hữu	Quý	01/10/94	20269	A	1	5.25	4.75	4.25	16.00	8010		
5	Mai Thị	Lan	20/03/94	43348	A	2NT	3.75	5.75	5.50	16.00	9560		
6	Nguyễn Thị Thảo	Phương	14/05/94	21822	A	2	5.25	5.00	5.25	16.00	13097		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
7	Nguyễn Ngọc Thành	Nhân	14/04/94	8112	A	2	5.25	5.50	4.25	15.50	759		
8	Trần Thị Ngọc	ánh	06/02/94	22105	A	2NT	5.50	4.25	4.50	15.50	1245		
9	Đặng Công	Huy	16/01/90	15841	A	2NT 03	3.25	4.75	4.50	15.50	1387		
10	Lê Công Anh	Thư	09/03/94	23333	A	2	5.50	4.00	5.50	15.50	1420		
11	Võ Văn Minh	Quân	21/06/94	21671	A	2	6.75	3.50	4.50	15.50	1619		
12	Hoàng Thị Vân	Anh	16/10/94	10385	A	2NT	5.75	5.00	3.75	15.50	2117		
13	Nguyễn Thị Minh	Trang	13/06/94	21982	A	2NT	5.75	4.00	4.50	15.50	2146		
14	Trần Thị Linh	Phương	17/01/94	45762	A	2	4.50	4.75	5.50	15.50	8298		
15	Trần Hữu	Hùng	14/11/94	16359	A	2NT	6.00	4.75	3.75	15.50	8786		
16	Trương Thị	Sự	27/08/94	23362	A	2NT	5.75	4.50	4.00	15.50	9063		
17	Văn Thị Diệu	Thi	05/12/94	24935	A	3	6.75	4.25	4.50	15.50	9107		
18	Nguyễn Thị Thúy	Bích	10/10/94	60095	A	3	5.75	3.50	6.00	15.50	9108		
19	Ngô Thị Kim	Sương	02/04/94	23326	A	2NT	6.00	3.50	5.00	15.50	9404		
20	Bùi Anh	Vinh	02/05/94	22178	A	2NT	4.50	5.00	4.25	15.00	1005		
21	Nguyễn Xuân	Hiệp	14/02/94	22149	A	1	6.00	4.25	3.25	15.00	1629		
22	Phan Thị Huyền	Trang	02/02/93	3455	A	2NT	6.00	3.50	4.50	15.00	1866		
23	Phạm Thị	Mơ	03/07/94	61161	A	2	4.75	4.75	4.75	15.00	2639		
24	Hà Thị	Hiếu	10/02/93	60548	A	2NT	6.75	4.75	2.50	15.00	2654		
25	Mai Văn	Đức	06/07/94	13404	A	1	4.50	4.75	4.00	15.00	3108		
26	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	09/04/93	3417	A	2NT	5.50	3.25	5.00	15.00	13012		
27	Nguyễn Ngọc Trang	Uyên	24/07/94	28764	A	2	5.75	4.00	4.25	14.50	578		
28	Lê Đình Quý	Thuấn	29/03/93	10581	A	2	5.50	5.50	2.75	14.50	1267		
29	Nguyễn Đức Anh	Kiệt	24/07/94	15433	A	2	4.50	4.50	4.75	14.50	1293		
30	Trần Thị	Thuận	03/08/94	22014	A	1	4.50	4.00	4.50	14.50	1664		
31	Nguyễn Duy	Thịnh	12/03/93	25331	A	2NT	5.00	4.75	3.75	14.50	2227		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
32	Hoàng Khánh	Giang	10/01/93	41365	A	2NT	4.50	4.75	4.00	14.50	2231		
33	Hoàng Công	Hoàng	05/11/94	21956	A	2	4.00	5.25	4.50	14.50	2835		
34	Bùi Văn	Quý	05/04/93	16964	A	2	5.00	5.00	3.75	14.50	8161		
35	Lê Nguyễn Phương	Trâm	10/06/94	62343	A	2NT	3.75	4.75	4.75	14.50	8337		
36	Nguyễn Thị	Hiền	30/10/94	21730	A	2NT	5.50	3.75	3.75	14.00	566		
37	Lê Thị Thu	Hà	29/11/94	15802	A	2NT	4.50	2.25	6.00	14.00	644		
38	Trần Thị Phương	Linh	11/05/94	10647	A	2	4.00	3.50	6.00	14.00	1616		
39	Võ Thị ánh	Tuyết	31/01/94	22240	A	2	5.00	4.25	4.25	14.00	1944		
40	Trần Xuân	Huy	10/08/94	13954	A	2NT	3.25	4.25	5.50	14.00	2298		
41	Phan Thị Tú	Trang	22/12/94	14858	A	2	5.75	3.75	4.00	14.00	2669		
42	Hoàng Quốc	Việt	10/09/94	2729	A	2NT	4.50	4.50	3.75	14.00	2903		
43	Đặng Hồng	Phúc	26/09/94	61494	A	3	4.75	3.50	5.75	14.00	3368		
44	Trần Thị Hồng	Phượng	11/05/92	21857	A	3	4.50	4.00	5.50	14.00	8007		
45	Lê Quốc	Thành	23/12/94	920	A	1	2.75	5.25	4.50	14.00	8397		
46	Huỳnh Phước	Thiện	31/01/94	25027	A	3	4.75	5.50	3.50	14.00	13089		
47	Huỳnh Quang Nhật	Sinh	10/11/94	26369	A	2	5.25	3.25	4.50	13.50	714		
48	Trương Thị Thuỳ	Dương	25/04/93	21838	A	2NT	4.25	4.25	3.75	13.50	1544		
49	Nguyễn Thị Hồng	Trang	11/06/91	21945	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	1577		
50	Trương Thị Hồng	Thư	15/12/94	14586	A	2	5.75	4.75	2.50	13.50	2134		
51	Hoàng Hoài	Nhi	18/11/94	45130	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	2241		
52	Phạm Thị Quỳnh	Như	01/10/94	20760	A	1	3.50	4.00	4.50	13.50	2280		
53	Phùng Gia	Bảo	20/02/92	10719	A	2	5.50	4.50	3.00	13.50	2395		
54	Nguyễn Trung	Hiếu	21/03/94	14647	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	2488		
55	Phan Thị Phương	Thảo	17/05/94	15660	A	1	3.00	4.50	4.25	13.50	3019		
56	Nguyễn Công	Kỳ	06/08/93	14419	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	3345		

(DHT.D460112) - Ngành: Toán ứng dụng — Chỉ tiêu: 49

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
57	Nguyễn Hữu	Pháp	08/02/92	21591	A	2	5.50	3.50	4.00	13.50	3396		
58	Phan Thị Ny	Na	08/03/94	44372	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	8450		
59	Nguyễn Công	Thắng	24/01/94	24890	A	2	4.00	4.50	4.50	13.50	9452		
60	Phạm Thị	Ny	01/02/92	23444	A	2NT	4.50	3.25	4.00	13.00	132		
61	Nguyễn Thị	Hà	02/11/92	21690	A	2	4.00	4.50	4.00	13.00	196		
62	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	12/11/94	15746	A	2	4.00	4.50	4.00	13.00	230		
63	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	08/02/94	11831	A	2	4.50	4.75	3.00	13.00	1090		
64	Trần Văn	Tuất	01/07/94	22996	A	2	4.00	4.50	3.75	13.00	2302		
65	Lê Phú	Kỳ	22/01/94	22764	A	2NT	3.25	4.00	4.75	13.00	3084		
66	Lê Văn	Dinh	21/12/94	11986	A	2NT	3.50	4.00	4.50	13.00	3172		
67	Phạm Thị Mỹ	Anh	01/11/94	13145	A	2	4.25	4.50	3.50	13.00	3188		
68	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	06/06/94	15762	A	2NT	4.75	3.00	4.25	13.00	8304		
69	Thân Kim	Hoàn	17/07/93	42362	A	3	3.75	4.00	5.00	13.00	9129		

(DHT.D480201) - Ngành: Công nghệ thông tin — Chỉ tiêu: 42

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Vũ Đức	Huy	15/01/92	26544	A	2	6.50	7.25	7.00	21.50	2009		
2	Hồ Văn Quốc	Huy	01/11/94	27130	A	2NT	5.50	6.00	7.25	20.00	2450		
3	Nguyễn Xuân	Dũng	24/09/92	15142	A	2	8.50	5.75	5.00	20.00	8996		
4	Nguyễn	Mỹ	14/04/94	27137	A	1	7.00	5.50	5.25	19.50	2917		
5	Lê Thị	Oanh	05/09/94	15612	A	2NT	7.00	4.50	6.50	19.00	8639		
6	Nguyễn Phúc Thành	Hưng	09/06/94	2918	A	2	7.50	5.00	5.50	18.50	194		
7	Trần Thị Hoài	Nhi	27/06/94	9399	A	2NT	6.50	4.25	6.75	18.50	9865		
8	Nguyễn Công	Trình	30/10/91	12198	A	1	5.00	4.75	6.50	18.00	2007		
9	Đậu Đức	Mạnh	11/02/94	15509	A	2NT 06	6.25	5.50	4.25	18.00	8052		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
10	Nguyễn Thanh	Hoài	12/05/93	23349	A	2	6.50	5.75	4.50	17.50	515		
11	Hà Xuân	Hương	28/03/94	2207	A	2	6.75	5.50	4.50	17.50	2191		
12	Hồ Đăng	Nguyên	08/06/94	26780	A	2	5.25	5.50	5.50	17.00	2620		
13	Hoàng Xuân	Đan	29/11/94	23135	A	1	6.00	4.00	5.50	17.00	2887		
14	Đoàn Tiến	Luật	06/07/94	43925	A	2	4.25	6.00	5.50	16.50	1216		
15	Nguyễn Hữu Châu	Phong	01/06/94	26290	A	1	5.75	5.50	3.75	16.50	2914		
16	Phạm	Minh	11/06/94	6610	A	2	5.75	5.25	4.75	16.50	3236		
17	Phạm Thị	Thảo	20/07/94	46923	A	2NT	5.00	5.00	5.25	16.50	9082		
18	Nguyễn Hữu	Thắng	21/10/94	6626	A	1	5.75	4.50	4.50	16.50	9719		
19	Trần Nhật	Quang	08/10/94	23200	A	1	4.50	3.25	7.00	16.50	9831		
20	Tống Phước Mai Nhật	Trinh	04/04/94	52812	A1	2NT	5.25	5.00	5.00	16.50	2800		
21	Nguyễn Văn	Quang	21/01/94	15656	A	2	6.75	5.00	3.50	16.00	503		
22	Phạm Thị	Nhung	08/03/93	16366	A	2NT	6.25	6.25	2.50	16.00	744		
23	Chế Thị	Lý	07/06/94	17113	A	2NT	6.00	4.50	4.25	16.00	1903		
24	Võ Đình	Tùng	12/03/94	2672	A	2	4.75	6.25	4.50	16.00	2556		
25	Hoàng Thị	Lý	21/02/94	44076	A	2NT	7.50	3.50	4.00	16.00	2812		
26	Nguyễn Văn	Tân	14/02/94	21936	A	1	3.50	3.25	7.50	16.00	3400		
27	Võ Thị	Hồng	26/04/94	16394	A	1	6.50	3.25	4.50	16.00	9692		
28	Nguyễn Thị Kim	Phụng	24/10/94	29589	A1	2	7.75	3.75	4.00	16.00	1105		
29	Nguyễn Ngọc	Thành	13/07/94	52106	A1	3	5.50	5.50	5.00	16.00	1910		
30	Châu Quang	Vũ	30/03/94	26300	A	2	6.00	4.50	4.50	15.50	152		
31	Lê Minh	Quý	21/06/94	22582	A	2	3.75	5.25	6.00	15.50	318		
32	Lê Đình	Hiếu	07/07/94	21955	A	2	5.75	5.50	3.75	15.50	393		
33	Tôn Thất Minh	Nhật	11/02/94	20538	A	2	6.25	3.50	5.25	15.50	632		
34	Hoàng Phi	Hùng	26/08/94	16372	A	2NT	6.25	4.50	3.75	15.50	939		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
35	Huỳnh Thảo	Nguyên	31/12/94	20124	A	2	3.75	5.00	6.00	15.50	1004		
36	Bảo	Thịnh	21/10/94	25204	A	3	5.25	6.25	3.75	15.50	1006		
37	Nguyễn Văn Trường	Long	16/01/94	18288	A	2NT	5.25	4.00	5.25	15.50	1231		
38	Trần Kim	Thịnh	25/02/94	15744	A	2	6.00	5.50	3.25	15.50	1386		
39	Phan Thị Ngọc	Hà	09/03/94	16597	A	1	4.50	3.50	5.75	15.50	1793		
40	Nguyễn Đình	Phước	21/06/93	21758	A	2NT	4.75	4.75	4.75	15.50	1875		
41	Nguyễn Thành	Thông	24/07/94	25464	A	2NT	4.75	5.25	4.50	15.50	1964		
42	Phạm Thị Thu	Hà	26/10/93	23262	A	1	4.00	4.25	5.50	15.50	2051		
43	Phạm Anh	Tú	30/11/94	28343	A	2NT	5.50	4.50	4.25	15.50	2164		
44	Nguyễn Thị Hồng	Phi	05/09/93	15612	A	1	5.75	4.25	4.00	15.50	2276		
45	Nguyễn Hữu	Hòa	08/08/94	15629	A	1	3.50	5.50	4.75	15.50	2348		
46	Huỳnh	Quang	13/10/94	21984	A	1	4.25	5.50	4.25	15.50	2349		
47	Đỗ Văn	Anh	28/05/94	10387	A	2NT	6.00	4.75	3.50	15.50	2388		
48	Nguyễn Văn	Tuấn	24/11/94	27785	A	3	5.75	4.25	5.50	15.50	2405		
49	Trần Hồng	Quân	16/02/94	5612	A	2	6.25	3.50	5.00	15.50	2601		
50	Trần Thị Thúy	Anh	08/05/94	46	A	2NT	5.25	4.00	5.00	15.50	2645		
51	Trần Thị Lệ	Thuỷ	05/01/94	7002	A	1	3.25	5.00	5.50	15.50	2727		
52	Nguyễn Thanh	Quang	07/11/94	1787	A	2NT	5.25	4.75	4.50	15.50	2799		
53	Hoàng Anh	Tuấn	21/02/94	27962	A	2	7.50	4.25	3.25	15.50	2856		
54	Phan Thanh	Thắng	24/06/94	24821	A	2	6.25	5.25	3.50	15.50	3032		
55	Phan Thanh	Thắng	24/06/94	24821	A	2	6.25	5.25	3.50	15.50	8056		
56	Đào Sỹ	Anh	23/12/93	10344	A	2	5.25	6.00	3.50	15.50	8256		
57	Trần Lê Minh	Tân	05/11/94	23587	A	3	4.75	7.25	3.50	15.50	8729		
58	Nguyễn Trung	Thông	14/11/94	47334	A	2	6.75	3.50	4.50	15.50	9153		
59	Trương Văn	Nhân	05/01/94	20411	A	2	3.75	5.75	5.25	15.50	9307		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
60	Nguyễn Thị	Hải	23/02/94	26842	A	2NT	5.50	5.50	3.50	15.50	9757		
61	Huỳnh Thị Bích	Thuỳ	05/03/93	23534	A	1	4.50	4.50	5.00	15.50	13002		
62	Nguyễn Văn	Tuấn	24/11/94	27785	A	3	5.75	4.25	5.50	15.50	13037		
63	Lê Thị Minh	Tú	19/06/94	15081	A	2NT	3.25	4.50	6.25	15.00	283		
64	Trương Thị Diệu	Hoà	13/02/93	15114	A	2	4.75	5.50	4.25	15.00	789		
65	Lê Văn	Vãng	05/03/94	28778	A	2NT	4.00	5.50	4.50	15.00	894		
66	Nguyễn Thị Hồng	Loan	10/02/94	13667	A	2NT	6.00	4.25	3.50	15.00	992		
67	Bùi Anh	Vinh	02/05/94	22178	A	2NT	4.50	5.00	4.25	15.00	996		
68	Nguyễn Đức	Tam	04/04/94	23410	A	1	3.25	5.50	4.50	15.00	1080		
69	Lê Hữu	Tài	25/07/94	23509	A	2	5.75	4.50	4.00	15.00	1146		
70	Nguyễn Hửu	Quang	01/03/93	13508	A	2NT	5.25	5.00	3.50	15.00	1185		
71	Hoàng Thị Mỹ	Huyền	20/07/94	14113	A	1	3.75	5.75	4.00	15.00	1282		
72	Phan Lương	Tâm	10/11/94	23658	A	2	4.00	6.00	4.25	15.00	1329		
73	Nguyễn Văn	Kiệt	10/02/94	17331	A	2NT	2.75	6.00	5.25	15.00	1354		
74	Trần Thanh	Phong	04/02/94	21135	A	2NT	4.50	4.00	5.50	15.00	1457		
75	Võ Dương	Đạt	02/04/94	41202	A	2NT	3.00	5.50	5.25	15.00	1513		
76	Lê Thị	Nhung	20/04/93	10445	A	2NT	4.50	5.50	3.75	15.00	1550		
77	Mai Văn	Đức	06/07/94	13404	A	1	4.50	4.75	4.00	15.00	1676		
78	Phan Thị Huyền	Trang	02/02/93	3455	A	2NT	6.00	3.50	4.50	15.00	1865		
79	Lê Thị	Thắm	26/08/94	47127	A	2NT	3.50	4.75	5.75	15.00	1869		
80	Ngô Quý	Ngừng	29/06/94	20226	A	1	4.00	4.75	4.50	15.00	2459		
81	Bùi Công	Thành	10/08/94	24237	A	1	4.75	4.75	3.75	15.00	2514		
82	Huỳnh Dương	Danh	29/07/94	277	A	1	4.50	5.25	3.50	15.00	2518		
83	Hoàng Minh	Dương	20/02/94	12573	A	2NT	4.25	5.75	3.75	15.00	2626		
84	Trịnh Trung	Kiên	27/02/93	5919	A	2NT	5.50	4.00	4.50	15.00	2627		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
85	Trần Văn	Cói	11/10/93	224	A	1	4.00	4.50	4.75	15.00	2667		
86	Trần Thị	Thảo	13/04/94	15912	A	2NT	4.75	4.00	5.25	15.00	2864		
87	Trương	Nhân	01/02/94	20354	A	2NT	6.00	4.25	3.50	15.00	3248		
88	Trần Văn	Long	12/02/94	14384	A	2	4.50	5.00	4.75	15.00	3286		
89	Nguyễn Thị	Yến	10/08/94	15918	A	1	4.25	4.50	4.75	15.00	3304		
90	Ngô Viết	Phương	19/07/94	5369	A	2	4.25	5.50	4.75	15.00	3325		
91	Võ Xuân	QuyOt	10/10/94	5708	A	2	3.50	6.25	4.75	15.00	8033		
92	Lê Văn	Tiến	15/01/94	26166	A	2NT	5.25	4.75	3.75	15.00	8295		
93	Ngô Phú	Hoài	12/01/94	15182	A	1 06	2.50	4.25	5.50	15.00	8441		
94	Nguyễn Bảo	Ngọc	21/03/94	19943	A	2NT	4.00	4.50	5.50	15.00	8506		
95	Trần Thị Thanh	Tuyền	20/10/94	28285	A	2NT	6.00	5.25	2.75	15.00	8532		
96	Nguyễn Thị Hoài	Linh	30/12/94	17964	A	2NT	4.00	4.25	5.50	15.00	8561		
97	Nguyễn Chánh	Tính	03/07/93	26431	A	2NT	5.00	4.25	4.75	15.00	8599		
98	Hồ Thị	Yến	02/12/93	8840	A	2NT	4.75	5.50	3.50	15.00	8644		
99	Trịnh Quang	Huy	22/01/94	15969	A	2	6.00	3.50	4.75	15.00	8934		
100	Lê Thị Uyên	Nhi	28/10/94	15986	A	2	3.50	5.50	5.50	15.00	9094		
101	Lê Thanh	Quốc	24/06/94	2139	A	2NT	3.75	5.25	4.75	15.00	9115		
102	Nguyễn Trần	Nhật	22/06/94	20472	A	3	3.00	2.50	9.25	15.00	9130		
103	Lê Hồng	Dương	24/04/93	21763	A	1 01	2.25	3.50	5.50	15.00	9265		
104	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	09/04/93	3417	A	2NT	5.50	3.25	5.00	15.00	13011		
105	Lê Thị Thủy	Tiên	30/11/94	29612	A1	2	6.25	3.50	4.50	15.00	146		
106	Trần Nguyên	Giáp	28/02/94	8788	A1	2NT	4.75	4.50	4.50	15.00	8947		
107	Nguyễn Xuân	Phú	23/04/93	14390	A	2	4.50	3.50	5.75	14.50	44		
108	Hồ Hoàng	Vũ	10/07/94	14746	A	2	6.00	4.50	3.50	14.50	228		
109	Ngô Văn	Quang	09/12/94	22039	A	2NT	5.25	4.25	3.75	14.50	244		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
110	Nguyễn Tuấn Đức	Phúc	01/02/94	10531	A	2	5.00	4.00	4.75	14.50	372		
111	Nguyễn Văn	Huy	02/06/94	15992	A	2	4.25	4.75	5.00	14.50	639		
112	Lê Thúc	Đạt	04/09/94	21990	A	2NT	4.50	4.50	4.25	14.50	643		
113	Võ Công	Hải	16/02/90	10596	A	2	6.00	4.75	3.00	14.50	667		
114	Trần Thị	Tuyết	08/09/93	15519	A	2	6.00	4.25	3.50	14.50	760		
115	Đặng Lê	Văn	21/08/94	28853	A	2NT	3.50	4.50	5.50	14.50	931		
116	Nguyễn Sĩ Thành	Trung	07/09/94	22226	A	2	5.50	4.25	4.00	14.50	1126		
117	Nguyễn Văn	Đức	15/04/94	13383	A	2NT	5.75	3.50	4.25	14.50	1143		
118	Nguyễn Thị Hoàng	Liên	11/06/94	16943	A	2NT	5.25	4.50	3.50	14.50	1218		
119	Nguyễn Đức Anh	Kiệt	24/07/94	15433	A	2	4.50	4.50	4.75	14.50	1292		
120	Lê Đình Quý	Thuấn	29/03/93	10581	A	2	5.50	5.50	2.75	14.50	1297		
121	Hồ Hữu	Đức	03/06/94	17183	A	2	7.00	3.50	3.50	14.50	1318		
122	Võ Văn	Hiên	22/03/94	22110	A	2NT	5.00	4.50	3.75	14.50	1346		
123	Nguyễn Quốc	Vũ	10/01/94	29461	A	2	4.00	4.75	5.25	14.50	1481		
124	Nguyễn Văn	Biểu	25/10/94	10825	A	2NT	3.75	4.75	5.00	14.50	1490		
125	Nguyễn Đăng	Mỹ	12/02/93	13374	A	2NT	5.75	4.00	3.50	14.50	1561		
126	Nguyễn Linh	Nga	27/03/94	16446	A	2	4.50	4.50	5.00	14.50	1684		
127	Đỗ Thị Bích	Ngọc	08/01/94	17158	A	2	4.00	5.50	4.25	14.50	1901		
128	Võ Văn	Anh	08/02/94	10308	A	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	2011		
129	Đoàn Chiến	Thắng	23/11/94	24858	A	2	6.00	4.25	3.75	14.50	2072		
130	Hồ	Chương	27/04/94	15169	A	1	3.50	3.75	5.50	14.50	2150		
131	Phan Hoàng	Thiện	11/10/94	25091	A	2NT	5.00	3.50	5.00	14.50	2193		
132	Hồ Hoài	Kiệt	06/01/94	17335	A	1	3.00	5.00	5.00	14.50	2243		
133	Trần Thị Thu	Hương	19/02/94	13914	A	2	4.75	3.75	5.25	14.50	2247		
134	Mai Văn	Nam	20/09/94	19479	A	1	3.25	5.50	4.00	14.50	2308		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
135	Hồ Quang	Huynh	12/08/94	14643	A	2NT	6.25	3.75	3.50	14.50	2362		
136	Trần Thị ánh	Nguyệt	22/07/92	8675	A	1	4.50	5.00	3.50	14.50	2383		
137	Lê Quang Ngọc	Đức	08/07/94	13412	A	1	4.25	4.50	4.25	14.50	2532		
138	Lê Thị Mỹ	Lệ	12/11/93	17752	A	2NT	5.25	4.00	4.25	14.50	2539		
139	Nguyễn Văn	Thạnh	10/07/91	14892	A	2NT	4.00	4.25	5.25	14.50	2875		
140	Nguyễn Xuân	Thông	10/02/94	21676	A	2	6.00	4.25	3.50	14.50	3049		
141	Lê Cảnh Thảo	Diệp	23/10/94	14237	A	2NT	3.50	5.50	4.50	14.50	3136		
142	Nguyễn Văn	Biểu	25/10/94	10825	A	2NT	3.75	4.75	5.00	14.50	3391		
143	Nguyễn Thị	Huệ	02/06/94	15836	A	1	4.50	5.00	3.50	14.50	8034		
144	Nguyễn Viết	Đức	24/02/94	13496	A	1	2.75	4.50	5.50	14.50	8164		
145	Phạm Minh	Tuấn	19/04/94	27944	A	2NT	4.50	5.25	3.50	14.50	8423		
146	Nguyễn Mạnh	Cường	02/10/94	239	A	2NT	1.75	4.50	7.25	14.50	8669		
147	Võ Quốc	Thành	05/04/94	24169	A	3	5.50	4.50	4.50	14.50	8697		
148	Võ Đại	Thắng	26/12/94	24814	A	2	5.75	4.50	3.50	14.50	8706		
149	Cao Tiến	Dũng	04/08/94	12448	A	2	3.50	6.00	4.50	14.50	8770		
150	Nguyễn Lê Bảo	Trâm	25/02/94	48343	A	3	4.50	5.25	4.50	14.50	9029		
151	Nguyễn Vũ Lê	Minh	22/05/94	19049	A	3	6.25	3.50	4.50	14.50	9142		
152	Võ Xuân	Cường	15/10/94	11705	A	2	5.50	5.00	3.25	14.50	9196		
153	Lâm Ngọc	Diệp	23/08/94	40785	A	1	3.75	3.50	5.50	14.50	9227		
154	Nguyễn Thanh Hà	Nam	23/10/94	19499	A	2	4.50	5.75	3.75	14.50	9228		
155	Nguyễn Thanh	Liêm	05/02/94	17782	A	3	4.50	4.75	5.25	14.50	9322		
156	Lê Thị Ngọc	Uyên	16/12/94	10332	A	1	4.00	4.50	4.50	14.50	9415		
157	Lê Thị	Trang	11/01/94	26809	A	2	4.75	4.75	4.50	14.50	9432		
158	Trần Văn	Tuấn	03/07/94	28010	A	1	3.75	4.50	4.50	14.50	9493		
159	Phạm Văn Bảo	Hoàng	13/03/94	14037	A	2	4.25	4.50	4.50	14.00	224		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng		Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
160	Đào Văn	Công	21/04/94	11511	A	2		4.25	4.50	4.50	14.00	327		
161	Nguyễn Thị Hồng	Trang	28/08/93	16546	A	1		3.25	5.25	4.00	14.00	451		
162	Lê Trọng	Tùng	05/07/93	17315	A	2NT		5.00	4.00	4.00	14.00	488		
163	Trương Minh	Hoà	27/04/94	15134	A	2		4.25	4.25	4.75	14.00	569		
164	Phạm Ngọc	Thịnh	02/12/94	25272	A	2		4.75	4.25	4.25	14.00	603		
165	Nguyễn Thị	Mỵ	01/12/94	21813	A	1		3.75	3.75	4.75	14.00	845		
166	Lê Thị Mỹ	Huyền	06/09/93	16519	A	1		3.75	5.00	3.75	14.00	872		
167	Nguyễn Ngọc	Pôn	28/03/94	21893	A	2NT		6.00	2.50	4.50	14.00	930		
168	Trần Đình	Tây	16/11/93	14394	A	2NT		4.00	3.50	5.25	14.00	956		
169	Hà Thị	Lanh	08/12/94	21886	A	2		5.75	4.00	3.50	14.00	971		
170	Lê Thị	Liên	18/03/94	23476	A	2NT		3.25	4.50	5.00	14.00	1124		
171	Đặng Văn	Bằng	05/02/92	10807	A	2NT		5.00	4.50	3.25	14.00	1349		
172	Lê Văn	Thuyên	21/10/94	1030	A	1		3.75	3.75	4.75	14.00	1397		
173	Võ Đại	Tú	20/07/94	28365	A	1		3.50	3.75	5.25	14.00	1411		
174	Nguyễn Minh	Quân	18/09/93	13970	A	2		3.75	4.00	5.75	14.00	1445		
175	Phạm Phú	Khánh	10/12/94	13579	A	2NT		3.50	5.00	4.50	14.00	1467		
176	Nguyễn Anh	Tuấn	15/06/94	27970	A	2		5.25	4.75	3.25	14.00	1482		
177	Bạch	Bôn	28/07/93	10993	A	1		3.00	4.75	4.50	14.00	1630		
178	Nguyễn Ngọc	Tứ	01/01/94	28358	A	2	06	4.00	4.75	3.50	14.00	1640		
179	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	02/02/93	3631	A	1	06	3.25	4.50	3.75	14.00	1653		
180	Tôn Thất	Sinh	10/12/92	14054	A	2NT	06	3.75	4.50	3.50	14.00	1824		
181	Lê Thành	Quang	08/11/93	1783	A	2NT		3.25	5.25	4.25	14.00	1884		
182	Lê Thị	Thảo	16/04/94	21863	A	2NT		5.00	3.50	4.50	14.00	1937		
183	Võ Thị ánh	Tuyết	31/01/94	22240	A	2		5.00	4.25	4.25	14.00	1942		
184	Nguyễn Tất	Đạt	30/01/94	14638	A	2NT		5.25	4.25	3.25	14.00	2022		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
185	Trần Thị Hoài	Quyên	10/08/94	46127	A	1	3.25	4.50	4.50	14.00	2037		
186	Đoàn Văn	Tân	24/04/94	23788	A	2	4.75	3.50	5.25	14.00	2063		
187	Nguyễn Dư	Thuỷ	01/08/94	25767	A	2	5.50	3.50	4.50	14.00	2065		
188	Nguyễn Quốc	Thiện	08/04/94	13975	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	2109		
189	Hoàng Lê Tuấn	Long	01/01/94	2291	A	2	5.50	4.50	3.50	14.00	2270		
190	Trần Xuân	Huy	10/08/94	13954	A	2NT	3.25	4.25	5.50	14.00	2295		
191	Trần Đình	Vĩnh	09/07/94	14556	A	2NT	3.75	4.25	4.75	14.00	2372		
192	Lê Thị Phương	Hiền	16/08/94	14974	A	2	2.50	5.00	5.75	14.00	2413		
193	Đỗ Hồng	Hà	03/07/93	14336	A	1	3.00	4.50	4.75	14.00	2548		
194	Nguyễn Viết Thành	Công	28/11/94	15211	A	1	4.00	4.25	4.00	14.00	2580		
195	Lê Thị Thu	Hà	29/11/94	15802	A	2NT	4.50	2.25	6.00	14.00	2974		
196	Lê Hữu	Pháp	16/07/94	20931	A	1	4.75	4.25	3.50	14.00	3006		
197	Hoàng	Định	03/06/92	13100	A	2NT	3.50	4.50	5.00	14.00	3048		
198	Hồ Thị	Hoài	09/03/94	736	A	2NT	5.50	4.00	3.50	14.00	3290		
199	Trần Đình	Phú	01/08/92	21284	A	1	2.75	4.50	5.25	14.00	8591		
200	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền	02/02/94	22209	A	2	5.00	4.25	4.00	14.00	8671		
201	Hoàng Trọng	Sỹ	18/12/94	23405	A	2NT	3.50	3.50	5.75	14.00	8758		
202	Phan Đức	Dinh	09/07/94	11988	A	2NT	4.50	4.50	4.00	14.00	8796		
203	Lê Quốc	Hưng	04/08/94	16544	A	2NT	5.00	3.75	4.25	14.00	8801		
204	Nguyễn Văn	Hiệp	22/03/93	3361	A	2	4.00	4.50	4.75	14.00	8887		
205	Phạm Ngọc	An	01/07/94	40018	A	3	4.75	4.50	4.50	14.00	8898		
206	Đào Duy	Đông	12/09/94	13194	A	2	3.50	5.25	4.75	14.00	8944		
207	Trần Thị Thanh	Thảo	16/06/93	46928	A	2	5.25	5.00	3.00	14.00	9048		
208	Lâm Đình	Tấn	17/08/94	17147	A	1	5.00	4.75	2.50	14.00	9073		
209	Nguyễn Thị	Hương	05/08/94	17108	A	2	6.50	3.50	3.50	14.00	9161		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
210	Nguyễn Văn	Hòa	17/11/94	15621	A	1	3.75	3.50	5.00	14.00	9277		
211	Lê Cảnh	Dưỡng	02/02/93	12644	A	2	4.75	4.50	4.00	14.00	9312		
212	Châu Thị ái	Loan	28/11/94	2470	A	2NT	3.25	5.00	4.50	14.00	9319		
213	Nguyễn Như Hoàng	Anh	19/09/94	321	A	1	4.50	5.25	2.75	14.00	9909		
214	Huỳnh Phước	Thiện	31/01/94	25027	A	3	4.75	5.50	3.50	14.00	13096		
215	Hoàng Thị Minh	Tân	01/07/93	29293	A1	2	3.50	4.50	5.50	14.00	39		
216	Phan Văn	Hùng	01/05/93	11596	A1	2NT	3.75	4.50	4.50	14.00	2984		
217	Võ Hoài	Nam	20/01/94	29206	A1	1	6.00	2.75	3.50	14.00	9725		
218	Nguyễn Lê Trí	Cường	12/01/94	15336	A	2	3.25	4.00	5.50	13.50	116		
219	Trần Minh	Lâm	23/10/94	23312	A	2	4.50	3.50	5.00	13.50	206		
220	Cao Bá	Tuấn	26/04/93	27996	A	2NT	2.50	5.25	4.75	13.50	246		
221	Vương Hưng	Tiến	18/12/92	14700	A	1	3.25	3.75	5.00	13.50	249		
222	Hoàng	Vũ	05/07/94	29531	A	2	4.25	4.50	4.25	13.50	506		
223	Lê Văn	Cường	08/09/94	11709	A	2	4.00	4.75	4.00	13.50	519		
224	Hồ Tấn Nhật	Hoàng	29/03/94	15424	A	2NT	3.25	4.00	5.00	13.50	808		
225	Hoàng Ngọc	Phước	28/11/94	13846	A	2NT	3.75	3.75	5.00	13.50	983		
226	Hồ Thị	Dung	25/04/94	23467	A	2NT	4.00	3.50	4.75	13.50	1073		
227	Nguyễn Công	Kỳ	06/08/93	14419	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	1102		
228	Trương Minh	Nhân	23/03/94	20351	A	2NT	3.50	5.50	3.50	13.50	1145		
229	Nguyễn Hoài	Bảo	15/05/94	10718	A	2NT	2.50	4.75	5.25	13.50	1161		
230	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	14/04/94	22864	A	1	3.75	4.50	3.50	13.50	1334		
231	Võ Văn Quốc	Anh	23/06/93	10374	A	2NT	3.50	4.75	4.00	13.50	1403		
232	Phan Quang	Vinh	10/12/94	22957	A	2	2.75	5.00	5.00	13.50	1440		
233	Hà Văn	Trọng	04/05/94	22953	A	2NT	3.50	4.00	4.75	13.50	1441		
234	Trương Thị Thuỳ	Dương	25/04/93	21838	A	2NT	4.25	4.25	3.75	13.50	1541		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
235	Trịnh Thị Như	ý	20/07/94	23420	A	2NT	3.25	3.75	5.25	13.50	1900		
236	Lê Gia	Toàn	30/03/94	26611	A	2	4.25	4.00	4.75	13.50	1920		
237	Huỳnh Vân Thế	Vũ	06/09/92	10754	A	2NT	5.25	4.50	2.75	13.50	1976		
238	Lê Viết	Bính	10/10/94	10844	A	1	5.25	3.25	3.50	13.50	1989		
239	Hà Huy	Hoàng	16/08/94	10057	A	2NT	4.00	3.75	4.50	13.50	2031		
240	Thái Lê Thanh	Thảo	25/09/93	10077	A	2NT	4.75	4.00	3.50	13.50	2182		
241	Nguyễn Văn	Quý	07/03/94	22594	A	1	3.00	4.25	4.50	13.50	2293		
242	Nguyễn Thanh	Long	10/01/93	1520	A	1	4.75	4.25	2.75	13.50	2374		
243	Phùng Gia	Bảo	20/02/92	10719	A	2	5.50	4.50	3.00	13.50	2398		
244	Phạm Thị Quỳnh	Như	01/10/94	20760	A	1	3.50	4.00	4.50	13.50	2415		
245	Lê Văn	Thích	12/05/94	25164	A	2NT	3.50	4.00	4.75	13.50	2454		
246	Trần Thị	Lành	10/11/94	1974	A	2NT	3.75	4.50	4.25	13.50	2622		
247	Trần Thị Đài	Trang	10/10/94	14403	A	2NT	4.50	3.50	4.50	13.50	2816		
248	Trần Minh	Nhật	14/07/94	20527	A	2NT	5.25	3.25	4.00	13.50	2818		
249	Đinh Thị Thùy	Trang	10/06/94	23456	A	1	3.00	4.25	4.75	13.50	2948		
250	Lê Thị Ngọc	Minh	08/02/94	10106	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	2957		
251	Dương Thị Nhã	Phương	06/01/93	16283	A	1	3.75	4.75	3.50	13.50	3183		
252	Nguyễn Trung	Hiếu	21/03/94	14647	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	3215		
253	Nguyễn Trùng	Dương	17/04/94	12593	A	2	3.00	5.50	4.50	13.50	3272		
254	Nguyễn Tất	Lập	18/12/94	22154	A	1	1.75	4.50	5.50	13.50	3301		
255	Trần Văn	Bảo	14/10/94	132	A	1 01	2.00	4.50	3.25	13.50	3311		
256	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	25/08/93	1092	A	2NT	1.50	5.50	5.50	13.50	3395		
257	Nguyễn Đôn	Tình	04/10/94	26439	A	2NT	4.25	4.25	4.00	13.50	8194		
258	Lê Minh	Bằng	20/06/94	10805	A	1	3.00	4.50	4.50	13.50	8311		
259	Hoàng Thế	Quyền	25/04/94	22520	A	2	5.25	3.25	4.50	13.50	8390		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
260	Hoàng Minh	Quý	29/03/94	22598	A	2NT	4.25	4.75	3.50	13.50	8505		
261	Trần Thị	Thuý	16/02/94	47482	A	2NT 04	2.25	3.50	4.50	13.50	8783		
262	Trương Tất	Thành	14/07/94	24143	A	3	4.50	4.75	4.25	13.50	9164		
263	Nguyễn Công	Thắng	24/01/94	24890	A	2	4.00	4.50	4.50	13.50	9455		
264	Phan Cao	Danh	15/10/91	13348	A	1	2.75	5.00	4.25	13.50	9523		
265	Hoàng Thị	Hà	18/01/94	15551	A	2NT	3.50	5.25	3.75	13.50	9590		
266	Phạm Ngọc	Minh	06/07/94	1044	A	2	4.00	5.25	3.50	13.50	9616		
267	Lê	Hoàng	20/02/93	814	A	2NT	4.00	4.00	4.25	13.50	9720		
268	Đậu Nhật	Tuấn	04/07/94	48742	A	2	3.75	5.75	3.25	13.50	9791		
269	Nguyễn Viết	Cường	12/01/93	11659	A	1	3.25	5.25	3.50	13.50	9814		
270	Trần Hữu	Phúc	02/06/93	29588	A1	2NT	5.00	4.50	3.00	13.50	77		
271	Cao Xuân Nhật	Quang	08/01/94	27656	A1	2	3.75	4.00	5.00	13.50	210		
272	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	15/09/94	29731	A1	2	4.25	4.00	4.50	13.50	241		
273	Trần Thị Thùy	Trang	09/01/94	27855	A1	1	2.25	4.50	5.00	13.50	1742		
274	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/08/94	29569	A1	2NT	3.25	4.50	4.50	13.50	2076		
275	Phạm Thị Khánh	Chi	02/08/94	7170	A1	1	1.75	3.25	6.75	13.50	3059		
276	Nguyễn Thị	Uyên	02/08/93	755	A1	2NT	4.00	2.75	5.75	13.50	8037		
277	Huỳnh Thị	Đông	29/11/94	50166	A1	2	3.00	5.25	4.50	13.50	8349		
278	Huỳnh Thị	Đông	29/11/94	50166	A1	2	3.00	5.25	4.50	13.50	9656		
279	Nguyễn Văn Tiến	Thuận	23/08/94	22902	A	2	5.25	3.50	3.75	13.00	2		
280	Lê Viết	Sơn	24/06/92	14317	A	2NT	3.00	5.50	3.50	13.00	47		
281	Nguyễn Thị Tường	Vy	06/07/93	10038	A	2NT	2.75	4.50	4.75	13.00	98		
282	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	12/11/94	15746	A	2	4.00	4.50	4.00	13.00	229		
283	Trần Thị Thảo	Nguyên	17/02/94	15733	A	2NT	4.00	3.75	4.00	13.00	358		
284	Hồ Bảo	An	27/10/94	10077	A	2	4.75	3.50	4.00	13.00	367		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
285	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	28/02/94	13162	A	2	3.25	4.75	4.25	13.00	374		
286	Lê Ngô Đức	Hiếu	18/10/94	12635	A	2	4.75	4.00	3.75	13.00	380		
287	Đào Hữu	Tài	20/02/94	13638	A	2NT	3.00	4.50	4.25	13.00	435		
288	Phan ánh	Phúc	27/07/94	16032	A	2	4.75	3.00	4.75	13.00	497		
289	Phan Thanh Đông	Nguyên	09/04/94	44849	A	2	4.75	2.75	4.75	13.00	512		
290	Nguyễn Văn	Hoàng	30/12/94	13278	A	2	3.75	4.50	4.25	13.00	664		
291	Châu Viết	Huy	19/01/94	13578	A	2	4.50	4.75	3.25	13.00	665		
292	Hoàng Thị Ngọc	Vân	25/02/93	28797	A	2NT	3.25	5.25	3.50	13.00	706		
293	Ngô	Hoàng	17/11/94	15454	A	2	5.00	5.00	2.50	13.00	746		
294	Lê Hoài Thương	Phúc	11/01/94	10490	A	1	4.50	3.50	3.50	13.00	841		
295	Nguyễn Bá	Nhật	22/08/94	20546	A	2NT	3.75	3.50	4.75	13.00	891		
296	Nguyễn Ngọc	Tuấn	29/06/94	27987	A	2	3.50	4.75	4.00	13.00	897		
297	Lê Trọng	Hạnh	28/03/94	13407	A	2NT	1.75	4.50	5.75	13.00	1103		
298	Lê Thị Thanh	Nhàn	10/09/94	22893	A	2NT	2.75	5.00	4.00	13.00	1176		
299	Nguyễn	Dỏi	10/03/94	15296	A	1	3.75	3.00	4.75	13.00	1320		
300	Nguyễn Thị Vành	Khuyên	27/02/94	22497	A	1	2.50	4.25	4.50	13.00	1322		
301	Lê Trọng	Nhân	08/01/94	23060	A	1	4.25	3.25	3.75	13.00	1427		
302	Trương Thị Hoài	Thu	16/07/94	47397	A	2	2.00	3.75	6.50	13.00	1430		
303	Bùi Văn	Tây	10/08/94	23855	A	2NT	3.25	4.00	4.50	13.00	1436		
304	Bùi Lê Việt	Quốc	11/02/94	22341	A	1	3.00	3.50	4.75	13.00	1610		
305	Trần Văn	Trung	27/12/94	23543	A	1	2.50	5.25	3.50	13.00	1691		
306	Trần Quốc	Huy	24/06/94	13912	A	2NT	4.00	3.50	4.50	13.00	1959		
307	Huỳnh Thị Trà	My	02/01/94	14610	A	2NT	4.00	4.00	3.75	13.00	1962		
308	Lê Thị Thuỳ	Linh	23/06/94	43635	A	2	5.00	4.75	2.50	13.00	2099		
309	Nguyễn Thành	Tâm	01/05/93	23719	A	2NT	5.00	4.50	2.50	13.00	2224		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
310	Đỗ Thành	Ninh	04/12/94	20822	A	2NT	4.25	4.25	3.50	13.00	2246		
311	Trần Văn	Tuất	01/07/94	22996	A	2	4.00	4.50	3.75	13.00	2301		
312	Trần Văn	Sáu	25/05/93	22916	A	1	2.75	4.00	4.50	13.00	2343		
313	Nguyễn Văn	Tri	06/07/93	26966	A	2NT	2.75	4.75	4.50	13.00	2381		
314	Nguyễn Xuân Long	Khánh	21/11/94	22421	A	2	3.50	5.00	4.00	13.00	2486		
315	Hồ Đắc	Quang	12/08/94	21906	A	3	2.75	4.50	5.50	13.00	2722		
316	Bùi Thị	Thương	18/04/94	22054	A	2NT	4.00	4.00	3.75	13.00	2758		
317	Nguyễn Thành	Lâm	24/07/94	17653	A	2NT	4.00	4.00	4.00	13.00	2871		
318	Lê Phú	Kỳ	22/01/94	22764	A	2NT	3.25	4.00	4.75	13.00	3091		
319	Lê Thị Hồng	Thê	15/08/93	12741	A	2NT	5.25	3.50	3.00	13.00	3126		
320	Phạm Thị Mỹ	Anh	01/11/94	13145	A	2	4.25	4.50	3.50	13.00	3190		
321	Tô	Phưỡng	09/10/93	21846	A	1	3.50	3.25	4.50	13.00	3323		
322	Nguyễn Quang	Sách	30/09/94	10367	A	2NT	3.50	3.75	4.75	13.00	8078		
323	Phạm Anh	Như	20/06/94	45321	A	2	5.25	3.50	3.50	13.00	8112		
324	Đặng Thủy	Chuyên	05/11/94	254	A	2	4.50	3.50	4.50	13.00	8114		
325	Trần Phú	Quang	09/06/94	5551	A	1	3.50	4.00	4.00	13.00	8171		
326	Trần Phúc	Đồng	19/06/94	13232	A	2NT	3.00	4.50	4.50	13.00	8407		
327	Lê Văn	Linh	15/11/93	17958	A	2NT	4.75	3.75	3.50	13.00	8713		
328	Trương Bách	Toàn	13/06/94	26554	A	3	3.25	5.00	4.50	13.00	8962		
329	Đặng Hoàng	Lan	06/05/94	12127	A	2	5.25	3.75	3.25	13.00	9096		
330	Lê Vũ Gia	Bảo	01/01/93	10654	A	3	4.00	4.25	4.50	13.00	9150		
331	Phạm Thị	Hà	19/11/93	13753	A	1	3.50	4.50	3.25	13.00	9225		
332	Lê Thị	Tình	10/04/94	10585	A	2NT	3.25	3.75	4.75	13.00	9315		
333	Trần Ngọc	Minh	20/02/94	1368	A	2NT	1.25	5.25	5.50	13.00	9581		
334	Lê Trung	Dũng	19/08/84	41094	A	2NT	2.75	4.75	4.25	13.00	9905		

(DHT.D480201) - Ngành: Công nghệ thông tin **Chỉ tiêu: 42**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
335	Võ Thị Minh	Phương	15/06/93	28490	A1	2	4.75	3.50	4.00	13.00	22		
336	Lê Bình	Phương	27/09/94	28413	A1	2	3.00	3.25	6.00	13.00	68		
337	Nguyễn Văn	Đức	11/08/94	28093	A1	2	5.00	3.25	4.00	13.00	477		
338	Trần Vũ	Anh	10/09/94	29378	A1	2NT	4.00	3.75	4.00	13.00	944		
339	Trần Đức	Linh	23/06/94	50977	A1	2NT	1.75	5.00	5.25	13.00	1002		
340	Đoàn Quang Hoàng	Lân	30/04/94	27792	A1	2NT	3.50	3.50	5.00	13.00	1697		

(DHT.D510302) - Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, truyền thông **Chỉ tiêu: 9**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phan Thanh Đông	Nguyên	09/04/94	44849	A	2	4.75	2.75	4.75	13.00	2187		
2	Lê Văn	Dinh	21/12/94	11986	A	2NT	3.50	4.00	4.50	13.00	3177		

(DHT.D520501) - Ngành: Kỹ thuật địa chất **Chỉ tiêu: 46**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Hồ Văn	Tấn	26/09/94	23368	A	2NT	5.75	4.75	5.50	17.00	989		
2	Lê Phúc Tân	Phong	15/07/94	763	A	2	6.00	4.50	5.50	16.50	149		
3	Ngô Ngọc	Tú	10/05/92	48856	A	3	5.25	5.00	5.75	16.00	1395		
4	Lê Minh	Quý	21/06/94	22582	A	2	3.75	5.25	6.00	15.50	317		
5	Nguyễn Thị	Lin	01/09/93	23186	A	2NT	6.00	3.75	4.75	15.50	541		
6	Trần Kim	Thịnh	25/02/94	15744	A	2	6.00	5.50	3.25	15.50	713		
7	Lê Hữu	Tiến	26/11/94	15409	A	2NT	4.50	5.50	4.50	15.50	748		
8	Phạm Văn	Hoàng	20/01/94	15435	A	2NT	5.25	4.50	4.50	15.50	913		
9	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	15/10/94	44733	A	2	5.50	4.50	5.00	15.50	8858		
10	Nguyễn Minh	Toàn	18/08/92	26538	A	3	4.75	5.75	4.75	15.50	9146		

(DHT.D520501) - Ngành: Kỹ thuật địa chất — Chỉ tiêu: 46

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
11	Nguyễn Minh	Hoàng	19/02/92	6572	A	2NT	4.25	5.00	4.50	15.00	92		
12	Bùi Công	Thành	10/08/94	24237	A	1	4.75	4.75	3.75	15.00	2515		
13	Hoàng Minh	Dương	20/02/94	12573	A	2NT	4.25	5.75	3.75	15.00	2625		
14	Nguyễn Văn	Trình	21/10/94	26948	A	1	4.00	5.00	4.50	15.00	8964		
15	Cù Đình	Trí	10/01/94	27101	A	3	4.25	5.25	5.25	15.00	9215		
16	Lê Quang	Hoàng	10/05/94	15388	A	2NT	5.00	4.25	4.50	15.00	9242		
17	Phan Văn	Tuấn	25/02/93	28044	A	2NT	4.25	4.50	4.50	14.50	2523		
18	Lê Quang Ngọc	Đức	08/07/94	13412	A	1	4.25	4.50	4.25	14.50	2530		
19	Nguyễn Văn	Mẫn	01/10/93	19019	A	2NT	4.00	4.75	4.75	14.50	8239		
20	Đỗ Thành Cao	Thái	01/04/94	24082	A	2	3.00	4.75	5.75	14.00	718		
21	Phan Văn	Đức	15/12/94	593	A	2NT	3.75	5.50	3.50	14.00	920		
22	Nguyễn Tân	Vũ	19/04/94	4061	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	1240		
23	Phan Thế	ánh	10/11/94	10529	A	2NT	3.75	4.50	4.50	14.00	1553		
24	Hồ Thị	Hoài	09/03/94	736	A	2NT	5.50	4.00	3.50	14.00	3293		
25	Trần Thị Hồng	Phượng	11/05/92	21857	A	3	4.50	4.00	5.50	14.00	8005		
26	Lê Thị Thanh	Thảo	08/11/94	24426	A	2NT	3.75	5.25	3.75	14.00	8973		
27	Hoàng Văn	Linh	29/06/94	17943	A	2	4.25	4.25	5.00	14.00	9071		
28	Lê Xuân	Toản	30/08/93	26709	A	2NT 06	4.00	3.00	4.75	14.00	9595		
29	Vương Hưng	Tiến	18/12/92	14700	A	1	3.25	3.75	5.00	13.50	250		
30	Cao Bá	Tuấn	26/04/93	27996	A	2NT	2.50	5.25	4.75	13.50	265		
31	Hồ Tấn Nhật	Hoàng	29/03/94	15424	A	2NT	3.25	4.00	5.00	13.50	806		
32	Hoàng Ngọc	Phước	28/11/94	13846	A	2NT	3.75	3.75	5.00	13.50	982		
33	Nguyễn Sanh	Mạnh	07/01/94	13753	A	2NT	3.50	3.75	5.25	13.50	1263		
34	Nguyễn Thị Hồng	Trang	11/06/91	21945	A	2	4.25	4.00	4.50	13.50	1927		
35	Lê Viết	Bính	10/10/94	10844	A	1	5.25	3.25	3.50	13.50	1987		

(DHT.D520501) - Ngành: Kỹ thuật địa chất **Chỉ tiêu: 46**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
36	Nguyễn Thanh	Long	10/01/93	1520	A	1	4.75	4.25	2.75	13.50	2375		
37	Trần Xuân	Thành	11/09/94	2726	A	2 06	3.75	4.75	3.50	13.50	3379		
38	Phan Bùi Thanh	Tân	14/04/93	23796	A	1	2.75	5.75	3.50	13.50	8385		
39	Trần Văn	Thạnh	17/08/94	24644	A	1	3.00	4.50	4.50	13.50	8422		
40	Nguyễn Thị	Lương	11/01/94	3963	A	1	3.00	4.50	4.50	13.50	9074		
41	Phạm Ngọc	Minh	06/07/94	1044	A	2	4.00	5.25	3.50	13.50	9620		
42	Đậu Nhật	Tuấn	04/07/94	48742	A	2	3.75	5.75	3.25	13.50	9797		
43	Lê Phước Thanh	Tín	01/01/94	12866	A	2	4.25	4.75	3.25	13.00	290		
44	Trương Diên Hoàng	Thịnh	17/03/94	25255	A	2	3.50	4.25	4.50	13.00	2060		
45	Nguyễn Dương	Khanh	12/04/94	16863	A	1	3.75	3.00	4.50	13.00	2242		
46	Phan Thanh	Quốc	03/02/93	22352	A	1	0.75	4.00	6.50	13.00	2535		
47	Vũ Văn	Đức	14/11/92	601	A	2NT	3.75	4.25	3.75	13.00	3206		
48	Trần Thị Mỹ	Nhơn	07/08/94	11287	A	2NT	4.50	3.00	4.25	13.00	3270		
49	Hoàng Văn	Lực	02/05/94	18732	A	2NT	4.00	3.50	4.25	13.00	8805		
50	Trịnh Thị Thu	Nga	23/02/94	3022	A	1	3.00	4.00	4.25	13.00	9101		
51	Nguyễn Thị	Chi	28/11/93	13862	A	1	4.75	3.75	2.75	13.00	9707		

(DHT.D760101) - Ngành: Công tác xã hội **Chỉ tiêu: 51**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phan Thị	Vân	06/07/94	9827	C	1	7.00	5.75	6.00	20.50	9446		
2	Nguyễn Thị	Thùy	22/12/94	7830	D1	2NT	7.50	7.25	4.25	20.00	8553		
3	Phan Thị Tường	Vy	29/03/94	10545	C	2NT	6.50	4.25	6.25	18.00	8451		
4	Giã Thị Khánh	Linh	26/07/94	8133	C	2	5.00	7.00	5.00	17.50	1810		
5	Lê Văn	Giàu	10/10/93	68824	C	2	3.00	5.50	8.00	17.00	783		
6	Hồ Thị Lệ	Giang	25/07/93	4833	C	2NT	6.50	4.00	5.25	17.00	8629		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
7	Bùi Thị	Hồng	25/03/94	7669	C	2	5.25	5.25	6.00	17.00	9047		
8	Trần Thị Hồng	Nhản	26/03/94	68741	C	2NT 06	3.50	4.75	6.75	17.00	9236		
9	Nguyễn Hữu	Đạt	14/12/94	3177	C	1	5.75	4.00	5.75	17.00	9343		
10	Nguyễn Thị Thúy	Trang	10/03/94	12709	C	1	5.00	5.00	5.00	16.50	2327		
11	Nguyễn Thị	Hạnh	15/12/94	68506	C	2NT	4.50	4.50	6.50	16.50	3036		
12	Cao Văn	Khánh	02/11/94	66568	C	1	3.00	4.75	6.75	16.00	1136		
13	Nguyễn Như	Triều	11/05/94	879	C	2NT	3.75	6.75	4.25	16.00	1205		
14	Đặng Thị Cẩm	Vân	02/07/94	68853	C	2NT	5.75	2.75	6.50	16.00	1258		
15	Trương Thị	Linh	21/07/94	3194	C	2NT	7.00	2.75	5.00	16.00	8012		
16	Bùi Thị Phương	Thảo	20/01/94	9475	C	2NT	4.75	4.00	6.25	16.00	8737		
17	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	06/08/94	1857	C	2NT	5.25	5.50	4.25	16.00	8989		
18	Trần Thị Hà	Trang	25/05/94	11746	C	1	5.50	4.00	4.75	16.00	9392		
19	Hoàng Thanh	Hải	31/10/93	53785	D1	2	4.50	6.25	4.50	16.00	2498		
20	Lê Thị Bích	Thuỷ	13/04/94	69453	C	2	4.25	4.50	6.25	15.50	967		
21	Phan Thị	Thuỷ	05/07/93	68717	C	2NT	3.75	2.75	7.75	15.50	1534		
22	Hồ Thị Ngọc	Thúy	18/10/93	70203	C	2NT	5.50	3.50	5.25	15.50	1601		
23	Lê Thanh	Hoàng	10/02/94	857	C	2NT	6.50	2.00	5.75	15.50	2095		
24	Ngô Quang	Dũng	15/10/94	66674	C	2NT	6.50	3.25	4.75	15.50	2575		
25	Nguyễn Thị Thục	Anh	07/04/93	70003	C	2	4.75	3.25	7.00	15.50	2782		
26	Võ Thành	Chất	13/12/89	10827	C	2NT	4.00	4.75	5.75	15.50	8328		
27	Hoàng Thanh	Lộc	06/06/94	67142	C	2NT	3.25	6.00	5.25	15.50	8462		
28	Trần Thị	Thao	21/12/93	69825	C	2NT	4.50	4.00	6.00	15.50	8548		
29	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/03/94	11462	C	1	5.00	3.50	5.25	15.50	8556		
30	Mai Thị Hoài	Thu	26/08/94	67042	C	2NT	4.75	3.75	5.75	15.50	9510		
31	Nguyễn Thị Diệu	Linh	25/05/94	67292	C	1	5.25	4.00	4.75	15.50	9663		

(DHT.D760101) - Ngành: Công tác xã hội — Chỉ tiêu: 51

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
32	Nguyễn Chân	Lý	23/02/94	66953	C	2 06	5.50	3.50	5.00	15.50	13065		
33	Nguyễn Thị Kim	Anh	20/09/94	77851	D1	2NT	6.25	5.00	3.25	15.50	853		
34	Hoàng Thị Quỳnh	Thi	01/01/94	79644	D1	2NT	7.00	4.25	3.00	15.50	2701		
35	Nguyễn Thị Thanh	Thừa	22/10/91	79423	D1	2NT	5.25	6.00	3.00	15.50	3181		
36	Nguyễn Thị Minh	Thư	25/08/94	15493	D1	2NT	6.75	4.75	3.00	15.50	8274		
37	Nguyễn Mậu	Tâm	12/10/93	66887	C	2NT	3.50	3.75	6.50	15.00	2910		
38	Phan Thị	Huệ	19/10/92	66758	C	2NT	4.50	3.00	6.25	15.00	3015		
39	Đoàn Thị	Nga	05/05/93	68677	C	1	5.00	3.00	5.50	15.00	3104		
40	Nguyễn Minh	Vương	24/08/92	28814	C	1	4.50	3.75	5.00	15.00	8605		
41	Bùi Minh	Toàn	19/09/94	11269	C	2NT	4.00	5.25	4.75	15.00	8691		
42	Nguyễn Thị	Thuyết	10/04/94	19219	C	1	6.75	2.75	4.00	15.00	8779		
43	Nguyễn Thị Trung	Thu	19/09/94	12643	C	2	4.00	5.50	5.00	15.00	8862		
44	Trần Minh	Tú	09/02/94	2277	C	2NT	4.50	2.50	6.75	15.00	9065		
45	Nguyễn Thị	Oanh	08/11/94	78960	D1	2NT	3.00	7.75	3.25	15.00	642		
46	Phan Văn	Hùng	01/05/93	7545	D1	2NT	4.00	6.50	3.50	15.00	1518		
47	Thân Trọng Trúc	Giang	12/02/94	8484	D1	2NT	7.00	3.75	3.00	15.00	1556		
48	Nguyễn Duy Diễm	Thy	29/02/92	79460	D1	2	5.00	4.50	4.75	15.00	1560		
49	Trương Thị Thùy	Linh	23/10/93	77941	D1	2NT	6.25	2.50	5.00	15.00	3373		
50	Trần Thị Thuỷ	Tiên	19/05/94	72595	D1	1	4.50	4.75	4.00	15.00	8665		
51	Huỳnh Thị Minh	Nga	16/01/93	2475	D1	1	4.25	4.25	5.00	15.00	9734		
52	Nguyễn Văn	Anh	10/02/94	66213	C	1	4.50	4.25	4.00	14.50	1140		
53	Nguyễn	Đấu	06/02/93	66713	C	2NT	3.50	3.25	6.50	14.50	1195		
54	Hoàng Hữu	Phương	22/10/93	67373	C	2NT	3.25	4.75	5.50	14.50	1286		
55	Nguyễn Thanh	Khánh	20/03/93	65657	C	2NT	4.50	4.50	4.25	14.50	1306		
56	Trần Thị Khánh	Linh	29/10/94	66228	C	2NT	3.00	4.50	6.00	14.50	1483		

(DHT.D760101) - Ngành: Công tác xã hội — Chỉ tiêu: 51

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
57	Lê Thị Tường	Vy	23/04/94	4960	C	2NT	4.50	5.25	3.75	14.50	8041		
58	Nguyễn Thị	Khoa	24/08/94	49565	C	2NT	5.25	1.75	6.50	14.50	8205		
59	Lê Thị	Thoa	12/11/93	67688	C	2NT	4.00	3.75	5.75	14.50	8247		
60	Lê Thị	Thảo	07/04/93	70119	C	2NT	6.75	3.75	3.00	14.50	8266		
61	Trần Thị	Tuất	27/04/94	69347	C	1 06	3.25	3.25	5.50	14.50	8863		
62	Phan Thị Thu	Hiền	19/06/94	66182	C	2	3.75	5.00	5.25	14.50	8919		
63	Nguyễn Thị Thu	Oanh	04/07/94	68487	C	2NT	4.75	2.00	6.75	14.50	8922		
64	Nguyễn Thị	Nguyệt	02/02/94	3580	C	2NT	6.50	1.50	5.25	14.50	9254		
65	Ngô Thị	Hằng	07/04/94	10022	C	1	7.50	3.00	2.25	14.50	9813		
66	Hoàng Đức	Sơn	15/10/94	362	D1	2	5.00	7.00	1.75	14.50	679		
67	Lê Thị Việt	Hà	01/01/94	72529	D1	2NT	6.50	3.00	4.00	14.50	1358		
68	Nguyễn Tung	Thiện	05/02/94	77463	D1	2NT	5.25	5.25	3.00	14.50	2034		
69	Lê Hoàng Khánh	Hòa	16/06/94	72609	D1	1	6.00	3.00	4.00	14.50	2417		
70	Trần Thị Trà	My	16/03/94	77374	D1	2	6.25	3.25	4.50	14.50	3363		
71	Trần Thị Hoài	Phương	06/07/93	79000	D1	2NT	5.25	4.50	3.00	14.00	36		
72	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	12/02/94	77590	D1	2NT	4.75	5.75	2.50	14.00	460		
73	Lê Thị Thuỳ	Trang	31/01/94	79388	D1	2NT	6.25	3.25	3.50	14.00	573		
74	Hồ Thị Bích	Ngọc	02/09/94	79259	D1	1	6.50	2.75	3.25	14.00	1666		
75	Bùi Thị	Miền	11/10/93	72577	D1	2	7.00	3.75	2.50	14.00	2742		
76	Lê Thị	Mận	16/08/94	15169	D1	2NT	6.25	2.75	4.00	14.00	8279		
77	Trần Thị Minh	Hòa	06/05/93	78164	D1	1	6.00	4.25	2.00	14.00	8315		
78	Trần Thị	Huyền	18/08/93	723	D1	2NT	5.00	5.00	3.00	14.00	8370		
79	Nguyễn Thị	Dương	06/12/94	53609	D1	1 06	5.50	3.25	2.75	14.00	9628		
80	Phạm Thị	Phương	30/11/94	78810	D1	1	5.25	4.25	3.00	14.00	9690		
81	Lê Doãn	Huy	12/12/94	75207	D1	2	5.50	2.00	5.25	13.50	600		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
82	Lê Thị Ngọc	Hoá	01/05/94	79136	D1	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	1473		
83	Nguyễn Thị	Ly	04/07/94	73982	D1	1	5.50	3.50	3.00	13.50	1593		
84	Nguyễn Đình Phương	Vũ	15/10/93	79695	D1	2	4.25	4.50	4.25	13.50	1853		
85	Hồ Thị Hương	Giang	21/06/94	72490	D1	2	6.00	3.75	3.25	13.50	1868		
86	Hồ Thị	Ty	02/12/94	79723	D1	2NT	5.25	4.50	2.50	13.50	2259		
87	Hoàng Thị Thuý	Nhi	04/01/93	79486	D1	2NT	6.25	4.75	1.50	13.50	2708		
88	Trần Thị Giang	Nga	02/08/94	75310	D1	2NT	4.25	2.50	5.75	13.50	2746		
89	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	13/08/94	78851	D1	2NT	4.75	4.50	3.00	13.50	2892		
90	Đinh Thị	Ly	15/11/94	9337	D1	2 01	6.00	2.75	2.00	13.50	2919		
91	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	09/02/94	75268	D1	2NT	5.00	2.25	5.00	13.50	3257		
92	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	16/10/94	79213	D1	1	4.75	4.50	2.50	13.50	9732		
93	Đoàn Thị Hà	Duyên	17/01/93	75616	D1	1	5.75	1.50	4.50	13.50	9893		
94	Hồ Thị	Thu	08/06/94	72666	D1	1	6.00	3.50	2.25	13.50	13050		

Tổng cộng số đơn hợp lệ là: 5191.